

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HOC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HOC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

HỒ THỊ HỒNG NHUNG

TỈNH ỦY BẮC NINH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

HỒ THỊ HỒNG NHUNG

TỈNH ỦY BẮC NINH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HIỆN NAY

Ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
Mã số: 9310202

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS. NGUYỄN VĂN GIANG

TS. VŨ THỊ THU QUYÊN

HÀ NỘI - 2026

XÁC NHẬN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CHỈNH SỬA

**Luận án đã được chỉnh sửa theo khuyến nghị của Hội đồng chấm luận
án tiến sĩ cấp Học viện.**

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS, TS. Trần Thị Hương

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận án này là công trình nghiên cứu của tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS, TS. Nguyễn Văn Giang, TS. Vũ Thị Thu Uyên. Các kết quả và số liệu được nêu trong Luận án là trung thực. Những kết luận của Luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Hồ Thị Hồng Nhung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	7
1.1. Những công trình nghiên cứu ở ngoài nước	7
1.2. Những công trình nghiên cứu ở trong nước.....	16
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án tập trung giải quyết.....	27
Chương 2: TỈNH ỦY BẮC NINH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ HIỆN NAY - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	31
2.1. Tỉnh Bắc Ninh, Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh hiện nay	31
2.2. Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh hiện nay - Khái niệm, nội dung, phương thức, vai trò ..	58
Chương 3: TỈNH ỦY BẮC NINH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM	78
3.1. Thực trạng Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ 2015 đến 2025	78
3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm	129
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY BẮC NINH ĐỐI VỚI ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ TRONG THỜI GIAN TỚI.....	142
4.1. Dự báo các yếu tố tác động và phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.....	142
4.2. Các giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời gian tới.....	152
KẾT LUẬN	177
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ	179
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	180
PHỤ LỤC	189

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

Bảng 3.1: Tốc độ tăng GRDP và GTSX công nghiệp các giai đoạn	120
Biểu đồ 3.1: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về mức độ phù hợp về phương hướng, nhiệm vụ của Tỉnh uỷ xác định về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn.	81
Biểu đồ 3.2: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh uỷ đã ban hành các chủ trương, nghị quyết về CNH, HĐH phù hợp với thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh.....	81
Biểu đồ 3.3: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc; chính quyền tỉnh, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.	84
Biểu đồ 3.4: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo xây dựng kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.....	86
Biểu đồ 3.5: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh uỷ đã chú trọng lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH.	87
Biểu đồ 3.6: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước; xây dựng, triển khai các dự án, chương trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.....	91
Biểu đồ 3.7: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh uỷ đã có những chủ trương, chính sách hiệu quả để thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao.	92
Biểu đồ 3.8: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo việc phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.	94
Biểu đồ 3.9: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh uỷ đã lãnh đạo việc phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên trong việc tham gia, đóng góp vào quá trình CNH, HĐH.	95

Biểu đồ 3.10: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.....	97
Biểu đồ 3.11: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Hoạt động kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy đối với việc triển khai CNH, HĐH được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả.....	97
Biểu đồ 3.12: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về mức độ đạt được trong phương thức Tỉnh ủy lãnh đạo bằng các nghị quyết, chương trình, chủ trương về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.....	100
Biểu đồ 3.13: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh ủy đã có những định hướng chiến lược rõ ràng, có tầm nhìn xa để thúc đẩy CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.	101
Biểu đồ 3.14: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về biết mức độ hiểu biết về chủ trương, nghị quyết, chính sách của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH.....	103
Biểu đồ 3.15: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động.	105
Biểu đồ 3.16: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh ủy đã lãnh đạo việc phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên trong việc tham gia, đóng góp vào quá trình CNH, HĐH.....	105
Biểu đồ 3.17: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc Tỉnh ủy lãnh đạo công tác tổ chức nhằm xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, chuyên nghiệp, thực sự của dân, do dân, vì dân đáp ứng yêu cầu thực tiễn đẩy mạnh CNH, HĐH	107
Biểu đồ 3.18: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc Tỉnh ủy lãnh đạo coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo thực hiện thắng lợi chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH.....	108
Biểu đồ 3.19: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc Tỉnh ủy thường xuyên lãnh đạo chọn và bố trí đúng các chức danh cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của HĐND, UBND các cấp ..	109

Biểu đồ 3.20: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác tổ chức, cán bộ.	109
Biểu đồ 3.21: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc các tổ chức đảng trong các cơ quan trực tiếp giáo dục, rèn luyện, quản lý, kiểm tra giám sát đảng viên của mình về phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, làm nòng cốt trong triển khai thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy.	112
Biểu đồ 3.22. Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh bằng công tác kiểm tra, giám sát.	115
Biểu đồ 3.23: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về nội dung hoạt động kiểm tra, giám sát của Tỉnh uỷ đối với việc triển khai CNH, HĐH được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả.....	115
Biểu đồ 3.24: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị	123
Biểu đồ 3.25: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về nội dung Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo việc phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh	124

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNH, HĐH	:	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNXH	:	Chủ nghĩa xã hội
FDI	:	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
MTTQ	:	Mặt trận Tổ quốc
UBND	:	Ủy ban nhân dân
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hoá (HĐH) là vấn đề có tính quy luật khách quan của quá trình chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, là phương thức tất yếu để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất và nâng tầm trình độ văn minh của xã hội. Chính vì vậy, bất kỳ một quốc gia, địa phương nào muốn phát triển đều phải tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tại Việt Nam, nhận thức sâu sắc vai trò của CNH, HĐH đối với sự phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định CNH, HĐH và đẩy mạnh CNH, HĐH là nhiệm vụ trung tâm, là chủ trương lớn, quan trọng hàng đầu của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhìn lại chặng đường 40 năm đổi mới, chính nhờ kiên trì và nhất quán đẩy mạnh tiến trình CNH, HĐH dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta đã đạt được những thành tựu mang tính lịch sử, đưa Việt Nam gia nhập nhóm quốc gia đang phát triển có thu nhập trung bình.

Bên cạnh đó, tư duy lý luận và nhận thức về CNH, HĐH và đẩy mạnh CNH, HĐH ở nước ta ngày càng rõ hơn, hoàn thiện hơn. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay trước sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tư duy lý luận về nội hàm “đẩy mạnh CNH, HĐH” đã có bước phát triển đột phá mang tính bước ngoặt. Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII (tháng 11/2022) về “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” xác định: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo; là nhiệm vụ trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [10]. Định hướng chiến lược đó tiếp tục được Đại hội XIV của Đảng khẳng định và làm sâu sắc hơn, cụ thể hóa phương thức đẩy mạnh trong kỷ nguyên mới là: “...đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính [24].

Nằm ở vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng thuộc Vùng Thủ đô, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng, Bắc Ninh là một mô hình phát triển điển hình, phản ánh sự bứt phá ngoạn mục từ một tỉnh thuần nông trở thành một trong những tỉnh công nghiệp hiện đại đi đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng. Thực tiễn sinh động đó không phải là kết quả tự phát, mà trước hết là thành quả của quá trình vận dụng sáng tạo đường lối của Trung ương về đẩy mạnh CNH, HĐH vào điều kiện đặc thù của địa phương dưới sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Tỉnh ủy Bắc Ninh. Trong những năm qua, vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Tỉnh ủy được thể hiện rõ nét qua việc cụ thể hóa trúng và đúng các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn. Không dừng lại ở việc ban hành chủ trương, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả các nghị quyết vào đời sống, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm đẩy mạnh CNH, HĐH đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững cho toàn tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sự lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH của Tỉnh ủy Bắc Ninh cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập như: Một số chủ trương về phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH chưa được cụ thể hóa rõ chỉ tiêu và lộ trình thực hiện; việc lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc, chính quyền tỉnh, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh đôi khi chưa thật sâu sát, tập trung; việc lãnh đạo thu hút đầu tư, xây dựng và triển khai dự án, chương trình CNH, HĐH vẫn còn những hạn chế nhất định về hiệu quả và chất lượng; hiệu quả công tác sơ kết, tổng kết về CNH, HĐH chưa cao; có nghị quyết, chương trình của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH còn hạn chế về mức độ cụ thể hóa, dẫn đến tổ chức thực hiện còn lúng túng; công tác cán bộ có khi còn chưa đồng bộ với mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH của Tỉnh ủy đôi khi chưa thường xuyên, hiệu quả. Nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên sâu để tìm giải pháp khả thi phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, yếu kém nêu trên, tăng cường sự lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH của Tỉnh ủy Bắc Ninh là vấn đề rất cấp thiết.

Mặt khác, hiện nay việc lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cũng đang đứng trước nhiều vấn đề mới, phức tạp rất cần tăng cường

sự lãnh đạo của Tỉnh ủy. Đó là sau khi hợp nhất, Tỉnh Bắc Ninh có thêm nhiều lợi thế tiềm năng, cả về hành chính, kinh tế và văn hóa - xã hội, cả dư địa về không gian phát triển. Đồng thời, cũng có nhiều khó khăn, thách thức lớn đan xen, đòi hỏi các cấp, các ngành cần nỗ lực, đồng sức, đồng lòng vượt qua để tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị mà Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ nhất nhiệm kỳ 2025-2030 đề ra: “Phấn đấu xây dựng Bắc Ninh là thành phố có nền công nghiệp hiện đại, công nghệ cao; một trong những trung tâm thương mại - dịch vụ, giáo dục, đào tạo nhân lực, chăm sóc sức khỏe, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đáp ứng yêu cầu của thành phố trực thuộc Trung ương; là động lực phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng Thủ đô và của cả nước” [82]. Do đó, càng đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu đề tài: ***“Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh hiện nay”*** có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh, luận án đề xuất phương hướng và các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh nhằm tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan các công trình khoa học tiêu biểu liên quan đến đề tài;

Làm rõ những vấn đề lý luận về Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh hiện nay;

Đánh giá đúng thực trạng Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh từ năm 2015 đến nay, chỉ ra nguyên nhân, rút ra các kinh nghiệm Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH;

Đề xuất phương hướng và các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh đến năm 2035.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với CNH, HĐH về kinh tế.

Về không gian: Luận án nghiên cứu, khảo sát trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Về thời gian: Luận án nghiên cứu, khảo sát sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh thực hiện CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh từ năm 2015 đến nay, đề xuất các phương hướng và giải pháp có giá trị đến năm 2035. Sở dĩ tác giả chọn nghiên cứu, khảo sát từ năm 2015 bởi vì đây là năm bắt đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020 - Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 24/9/2015 [84];

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về CNH, HĐH; về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền đối với sự nghiệp xây dựng xã hội XHCN.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của luận án là thực tiễn đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và thực trạng Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh từ năm 2015 đến nay.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

- *Về phương pháp luận:* Luận án được nghiên cứu bằng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Phương pháp nghiên cứu cụ thể:* Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học liên ngành và chuyên ngành như:

+ Phương pháp lịch sử và phương pháp logic: Đây là hai phương pháp được sử dụng nghiên cứu, xem xét, đánh giá quá trình vận động, phát triển về nhận thức và tổ chức hoạt động thực tiễn gắn với từng giai đoạn, bối cảnh, điều kiện lịch sử, từ đó rút ra bản chất, quy luật và những vấn đề đặt ra trong việc lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH của Tỉnh ủy Bắc Ninh hiện nay.

+ Phương pháp phân tích và phương pháp tổng hợp: Đây là phương pháp được nghiên cứu sinh sử dụng để phân tích, tổng hợp, nghiên cứu đối với các tư liệu, số liệu, các công trình khoa học, các báo cáo tổng kết, đánh giá có liên quan đến Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh hiện nay.

+ Phương pháp điều tra xã hội học: Phương pháp này được nghiên cứu sinh sử dụng nhằm khảo sát, đánh giá thực trạng nội dung và phương thức Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh và đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Bắc Ninh tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh đến năm 2035. Để phục vụ cho đề tài, tác giả tiến hành xây dựng 02 bảng phiếu khảo sát với tổng số 678 phiếu, trong đó: loại phiếu thứ nhất là 216 phiếu, đối tượng khảo sát là cán bộ lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các tổ chức chính trị xã hội của tỉnh Bắc Ninh cũ. Loại phiếu thứ hai là 462 phiếu, đối tượng khảo sát là đảng viên, nhân dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cũ. Dữ liệu được thu thập bởi công cụ khảo sát trực tuyến Google forms và được phân tích qua công cụ bảng tính Excel.

+ Phương pháp thống kê và phương pháp so sánh: Nghiên cứu sinh sử dụng để hệ thống hóa tư liệu, số liệu, đánh giá mức độ biến động của số lượng qua từng năm sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; từ đó đánh giá, nhận xét thực trạng Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Phương pháp tổng kết thực tiễn: Đây là phương pháp mà nghiên cứu sinh sử dụng nghiên cứu, tổng kết, đánh giá thực trạng Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo CNH, HĐH thông qua các báo cáo tổng kết, tư liệu, tài liệu do nghiên cứu sinh thu thập từ đó rút ra những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn để đề xuất giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Bắc Ninh tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

+ Phương pháp chuyên gia: là phương pháp được nghiên cứu sinh sử dụng để tiến hành tham vấn đối với chuyên gia trong thiết kế, xây dựng bảng hỏi và xử lý phiếu điều tra xã hội học phục vụ khảo sát, nghiên cứu luận án.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Từ khái niệm Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và thực tiễn, luận án xác lập một nội dung Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá mang tính đặc thù của tỉnh Bắc

Ninh hiện nay: *Lãnh đạo phát huy các lợi thế, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước; xây dựng, triển khai các dự án, chương trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.*

Trên cơ sở đánh giá thực trạng Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, luận án rút ra hai kinh nghiệm sâu sắc: *Thứ nhất*, trong quá trình lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Tỉnh ủy bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, đồng bộ, nhưng có trọng tâm, trọng điểm; có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt; *thứ hai*, tập trung trí tuệ lãnh đạo thu hút, lựa chọn các nhà đầu tư phát triển ngành công nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, năng suất lao động cao, tiết kiệm năng lượng, ít tác hại đến môi trường.

Luận án đề xuất hai giải pháp đột phá để tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa: *Một là*, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo cải thiện môi trường đầu tư, lựa chọn thu hút các nhà đầu tư phát triển các ngành sản xuất có công nghệ mới, công nghệ cao, phát thải thấp, tiết kiệm năng lượng. *Hai là*, xây dựng quy chế lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, phong cách lãnh đạo tập trung, quyết liệt giải quyết các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về nội dung, phương thức Đảng lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH nói chung, Đảng lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH về kinh tế trong bối cảnh mới nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho Tỉnh ủy Bắc Ninh và các Tỉnh ủy trong lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Luận án có thể làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu khoa học, học tập về công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.

7. Kết cấu của luận án

Luận án gồm phần mở đầu, nội dung với 4 chương, 9 tiết; kết luận, danh mục các công trình khoa học của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài luận án; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Những công trình nghiên cứu ở ngoài nước

1.1.1 Những công trình nghiên cứu của tác giả nước ngoài về công nghiệp hoá, hiện đại hoá

David S. Landes (2003), *Prometheus được giải phóng: Thay đổi công nghệ và phát triển công nghiệp tại Tây Âu từ năm 1750 đến nay* [22]. Với 8 chương chính, cuốn sách này không chỉ là một biên niên sử mà còn là một trong những công trình kinh điển và có ảnh hưởng sâu rộng nhất về lịch sử kinh tế và Cách mạng công nghiệp. Tác giả đã lập luận rằng thay đổi công nghệ là động lực then chốt thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và tăng trưởng kinh tế bền vững. Tác giả cũng giải thích lý do vì sao các nước Tây Âu (bắt đầu từ Anh) là nơi đầu tiên công nghiệp hóa.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, vận dụng, kế thừa ở hai luận điểm chính: (1) CNH là một phần của quá trình hiện đại hóa toàn diện, nghĩa là HDH công nghệ phải đi đôi với HDH tư duy và thể chế. (2) đặt thay đổi công nghệ vào vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế.

Akira Hayami (2015), *Cuộc Cách mạng Chăm chỉ của Nhật Bản: Những chuyển đổi kinh tế và xã hội trong thời kỳ đầu hiện đại* [1]. Đây là một công trình đặc sắc cung cấp một góc nhìn thay thế cho mô hình Cách mạng công nghiệp của phương Tây. Với kết cấu gồm phần dẫn nhập và 7 chương chính, cuốn sách đã phân tích quá trình chuyển đổi kinh tế, xã hội ở Nhật Bản từ thời tiền công nghiệp đến công nghiệp hóa. Tác giả đưa ra khái niệm “Cách mạng chăm chỉ” để đối trọng với “Cách mạng công nghiệp” của phương Tây. Ông lập luận rằng trong thời kỳ Edo (1603-1868), thay vì thay thế con người bằng máy móc (thâm dụng vốn), Nhật Bản đã đi theo con đường tối ưu hóa sức lao động của con người (thâm dụng lao động) để tăng năng suất. Từ đó, tác giả đi đến khẳng định “Cách mạng Chăm chỉ” chính là giai đoạn chuẩn bị quan trọng, tạo ra một lối đi phát triển khác biệt của Nhật Bản so với các nước Tây Âu trước khi Nhật Bản chính thức bước vào cuộc Cách mạng Công nghiệp.

Nội dung mà luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là luận điểm không chỉ có một con đường CNH, HDH duy nhất là dựa trên vốn và tài nguyên. CNH, HDH có thể dựa trên vốn nhân lực và sự tối ưu hóa tổ chức xã hội.

Sajad Bahrami Moghadam (2020), *Quá trình công nghiệp hóa của Singapore: Thích ứng từ Trung tâm, Vươn lên từ Vùng ngoại vi* [74]. Thông qua bài viết, tác giả đã tập trung phân tích quá trình chuyển đổi kỳ diệu của Singapore từ một quốc gia không tài nguyên thiên nhiên, thị trường nội địa nhỏ bé và vừa bị tách ra khỏi liên bang Malaysia trở thành một nền kinh tế công nghiệp phát triển. Tác giả đã chỉ ra bốn giai đoạn CNH và các biện pháp để phát triển CNH, HĐH ở Singapore là khẳng định vai trò của Nhà nước kiến tạo, sử dụng chiến lược thu hút các công ty đa quốc gia hàng đầu thế giới để giúp rút ngắn thời gian tiếp cận công nghệ hiện đại. Đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục và đào tạo kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn công nghiệp hóa.

Nội dung mà luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng trong bài viết trên là luận điểm một quốc gia thiếu tài nguyên vẫn có thể CNH, HĐH thành công nếu có chiến lược mở cửa đúng đắn và quản trị nhà nước hiệu quả.

Mariana Mazzucato (2021), *Kinh tế Sự mệnh: Bản hướng dẫn thay đổi Chủ nghĩa Tư bản* [51] Thông qua cuốn sách tác giả đề cập đến các nội dung như CNH không chỉ là xây nhà máy, CNH hiện đại phải là quá trình Nhà nước đầu tư vào các giai đoạn rủi ro nhất của nghiên cứu và phát triển. Một quốc gia không thể CNH thành công nếu chỉ đứng ở công đoạn lắp ráp. Còn HĐH không đơn thuần là mua sắm máy móc mới, mà là thay đổi năng lực quản trị quốc gia, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo và dẫn dắt. Ngoài ra, tác giả cũng đề cập đến vai trò của khoa học công nghệ là công cụ để thúc đẩy mô hình tăng trưởng.

Nội dung mà luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là luận điểm: khoa học công nghệ là động lực để tăng trưởng kinh tế và vai trò dẫn dắt của nhà nước trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hashiguchi Katsutoshi (2022), *Công nghiệp hoá và sáp nhập doanh nghiệp ở Nhật Bản hiện đại* [37]. Đây là nghiên cứu chuyên sâu của tác giả về vai trò của mua bán và sáp nhập doanh nghiệp trong quá trình phát triển các ngành công nghiệp chủ đạo ở Nhật Bản. Tác giả lý giải rằng sự phát triển vượt bậc của công nghiệp Nhật Bản không chỉ đến từ cải tiến kỹ thuật đơn thuần, mà còn nhờ quá trình tập trung hóa tư bản thông qua sáp nhập doanh nghiệp. Việc hợp nhất các thực thể kinh tế nhỏ lẻ thành các tập đoàn lớn là "đòn bẩy" tất yếu để thực hiện CNH và HĐH một cách thần tốc.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là cung cấp góc nhìn thực tế về việc tập trung hóa nguồn lực để tạo sức bật cho công nghiệp hóa.

Zāng Fēngyǔ (2023), *Nền tảng văn minh của hiện đại hóa theo kiểu Trung Quốc và ý nghĩa lịch sử thế giới của nó* [104]. Tác giả phân tích HĐH kiểu Trung Quốc không chỉ như một tiến trình kinh tế - kỹ thuật, mà còn là một thực thể văn minh mới. Tác giả đặt HĐH trong sự giao thoa giữa chủ nghĩa Mác và tinh hoa văn hóa truyền thống Trung Hoa. Đây là mô hình HĐH dựa trên thực tiễn của một quốc gia dân số siêu lớn, đề cao sự tự chủ và bác bỏ việc sao chép hoàn toàn mô hình đa đảng hay tự do kinh tế cực đoan của phương Tây. Hướng tới sự cân bằng giữa công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và giữ gìn đạo đức truyền thống. Bài viết là lời khẳng định về một con đường HĐH đặc thù, nơi văn hóa dân tộc đóng vai trò là bộ lọc và nền tảng để tiếp nhận các giá trị công nghiệp hiện đại.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là mỗi nền văn minh có thể tự kiến tạo lộ trình HĐH riêng dựa trên bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế.

Chitsavanh Thepyothin (2023), *Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay* [18]. Luận án đã phân tích thực trạng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là quan điểm nguồn nhân lực là động lực cốt lõi của CNH, HĐH, sự tương thích giữa cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, HĐH giáo dục và đào tạo nghề là một phần của quá trình HĐH.

Daron Acemoglu & Simon Johnson (2023), *Quyền lực và Tiến bộ: Cuộc đấu tranh nghìn năm giữa Công nghệ và Thịnh vượng* [21]. Thông qua việc tiếp cận và phân tích các luận điểm: Sự lựa chọn công nghệ là sự lựa chọn chính trị, công nghệ hỗ trợ con người, tự động hóa thay thế, phân tích về Cách mạng Công nghiệp 4.0 và AI; tác giả đã cung cấp một khuôn khổ lý thuyết để giải thích tại sao cùng một công nghệ 4.0 nhưng có thể dẫn đến hiện đại hóa bao trùm ở quốc gia này, nhưng lại dẫn đến bất bình đẳng và kiểm soát ở quốc gia khác. Tác giả nhấn

mạnh rằng hiện đại hóa không phải là một đích đến kỹ thuật, mà là một quá trình đấu tranh quyền lực giữa các nhóm lợi ích xã hội.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là luận điểm CNH, HĐH không chỉ là tự động hóa mà phải là cải thiện năng lực lao động.

Saim Karabulut (2024), *Chính sách công nghiệp và tăng trưởng xanh trong một nền kinh tế đảo nhỏ: Trường hợp của Singapore* [73]. Trong bài viết, tác giả lập luận rằng đối với một nền kinh tế đảo nhỏ, thiếu tài nguyên và dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu như Singapore, Chính sách công nghiệp không còn chỉ là công cụ để tăng trưởng GDP, mà phải là động lực cốt lõi để thực hiện tăng trưởng xanh. Singapore đang định nghĩa lại lợi thế cạnh tranh của mình thông qua việc trở thành một "*Trung tâm tài chính và công nghệ xanh*" toàn cầu. Từ thực tiễn ở Singapo, bài báo đóng vai trò quan trọng trong việc làm rõ cách một nền kinh tế thị trường mở có thể sử dụng các công cụ can thiệp của nhà nước để định hướng nền kinh tế theo mục tiêu bền vững toàn cầu.

Nội dung mà luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là cách tiếp cận về CNH từ “nâu” sang “xanh”, nghĩa là CNH, HĐH không chỉ là sử dụng nhiều tài nguyên, mà còn dựa trên công nghệ và đổi mới, hiện đại hóa về thể chế và chính sách kinh tế.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu của tác giả Việt Nam về công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ngoài

Trần Xuân Hiệp, Nguyễn Tuấn Bình (2020), *Quá trình công nghiệp hóa ở Nhật Bản dưới thời Minh Trị (1868 - 1912) và một số gợi mở cho công cuộc đổi mới của Việt Nam hiện nay* [43]. Bài viết đã phân tích trong tiến trình lịch sử Nhật Bản có ba cuộc cải cách với ý nghĩa mang tính thời đại, đó là cải cách Taika (645), cải cách Minh Trị (1868) và cuộc cải cách sau năm 1945. Trong đó, cuộc cải cách Minh Trị, CNH đóng vai trò quan trọng giúp Nhật Bản thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, trở thành một cường quốc kinh tế phát triển nhất châu Á thời bấy giờ. Nhìn lại thời kỳ Minh Trị duy tân (1868 - 1912), chúng ta thấy tầm ảnh hưởng của cuộc cải cách này không còn giới hạn trong phạm vi lãnh thổ Nhật Bản mà đã vươn ra phạm vi khu vực. Từ những bài học thành công của quá trình công nghiệp hóa Nhật Bản trong thời kỳ Minh Trị duy tân, với nhiều nét tương đồng về địa lý, văn hóa, lịch sử, truyền thống dân tộc, Việt Nam có thể học tập, chọn lựa những kinh nghiệm hữu ích để áp dụng vào thực tiễn công cuộc CNH của Việt Nam hiện nay.

Nguyễn Mạnh Hùng (2021), *Kinh nghiệm phát triển kinh tế số ở một số quốc gia và giá trị tham khảo đối với Việt Nam* [47]. Trong bài viết, tác giả đã nêu bật được kinh nghiệm của các quốc gia Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Thái Lan, Malaysia về phát triển kinh tế số để hiện đại hóa nền kinh tế. Mỗi một quốc gia nêu trên xuất phát từ đặc thù về điều kiện kinh tế - xã hội, ưu thế của mình mà đề ra các chiến lược, cách thức, biện pháp và mô hình khác nhau để chuyển đổi, phát triển kinh tế số. Bằng những cách thức khác nhau nhưng cho đến nay qua nội dung trong bài viết có thể khẳng định các quốc gia này đều thành công trong phát triển kinh tế số để hiện đại hoá nền kinh tế. Tác giả cũng đưa ra 05 giá trị tham khảo về phát triển kinh tế số cho Việt Nam là: (1) Các quốc gia đều xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, chính sách nhằm tạo khung khổ cho phát triển kinh tế số. (2) Các nước đều xác định những ngành, lĩnh vực đột phá để phát triển kinh tế số căn cứ vào thế mạnh và đặc điểm của từng nước. (3) Các quốc gia đều quan tâm giải quyết những mặt trái phát sinh trong phát triển kinh tế số, xác định rõ những ngành, nghề sẽ bị “khai tử”, những ngành nghề mới xuất hiện. (4) Một số nước xây dựng các kế hoạch, hướng dẫn cụ thể về chuyển đổi số cho doanh nghiệp. (5) Các quốc gia đều chú trọng phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế số, trong đó tập trung phát triển, thu hút các chuyên gia về công nghệ số, các doanh nhân số.

Hà Minh Hiệp, Trịnh Lan Hương (2021), *50 năm thúc đẩy năng suất của Singapore* [42]. Cuốn sách đánh giá một số điểm chính sự phát triển năng suất diễn ra trong 50 năm qua và quan trọng hơn là những tiềm năng cho sự phát triển của hoạt động này. Cuốn sách này cung cấp những thông tin cần thiết để hiểu rõ về hoạt động năng suất trong quá trình CNH, HĐH của Singapore và những hướng đi hoạch định trong tương lai. Cuốn sách cũng là tài liệu cho các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp, giảng viên, chuyên gia tư vấn và sinh viên nghiên cứu; có thể vận dụng vào giảng dạy, nghiên cứu hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong quá trình thực hiện CNH, HĐH.

Phạm Đi (2021), *Quá trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Trung Quốc một số kinh nghiệm đối với Việt Nam* [33]. Bài viết đã tập trung phân tích, làm rõ ở Trung Quốc, nông nghiệp được xác định là “mạch sống”, là

nền tảng cơ bản của kinh tế quốc dân và trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia này. Do đó, hiện đại hóa nền nông nghiệp và giải quyết vấn đề “tam nông” là nhiệm vụ trọng yếu mang tầm quốc gia của Trung Quốc. Từ chủ trương đó, bài viết đã đề cập đến thực trạng phát triển nông nghiệp công nghệ cao của Trung Quốc; xu thế và giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao của Trung Quốc. Từ đó đưa ra một số gợi ý đối với Việt Nam trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong thời kỳ tới.

Đinh Trung Sơn (2022), *Chiến lược công nghiệp quốc gia 2030 của Đức và những gợi ý cho phát triển công nghiệp ở Việt Nam* [70]. Bài viết đã giới thiệu nước Đức là một trong những nền kinh tế hàng đầu về công nghiệp trên thế giới. Đầu năm 2019, Bộ Kinh tế Đức giới thiệu Chiến lược công nghiệp quốc gia 2030 dựa trên 3 trụ cột chính đó là: (1) Thúc đẩy môi trường chính sách cho hoạt động công nghiệp ở Đức; (2) Tăng cường công nghệ mới; (3) Duy trì quyền tự chủ về công nghệ. Bài viết đã phân tích nội dung các trụ cột trong Chiến lược ở nước Đức, trên cơ sở đó đề xuất một số gợi ý cho phát triển công nghiệp ở Việt Nam.

Ngô Tuấn Nghĩa (2022), *Thế chế phát triển công nghiệp quốc gia độc lập, tự chủ theo hướng rút ngắn - Kinh nghiệm của Nhật Bản, Hàn Quốc và gợi ý cho Việt Nam* [63]. Bài viết tập trung làm rõ thế chế chính sách công nghiệp của Nhật Bản và Hàn Quốc, thông qua đó làm nổi bật vai trò của nhà nước trong tương quan với thị trường đặt trong bối cảnh phát triển công nghiệp rút ngắn. Từ đó rút ra một số kinh nghiệm mang tính hàm ý đối với Việt Nam về xây dựng thế chế cho phát triển công nghiệp nhanh và bền vững.

Đỗ Thị Đông (2023), *Kinh nghiệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng đổi mới sáng tạo của Nhật Bản và một số gợi ý đối với Việt Nam* [34]. Bài viết tìm hiểu về quá trình CNH, HĐH trên nền tảng đổi mới sáng tạo ở Nhật Bản và đưa ra một số gợi ý đối với Việt Nam trong quá trình CNH trong bối cảnh mới.

Trong các bài viết trên, các tác giả đã đề cập đến một số nội dung liên quan đến CNH, HĐH mà luận án có thể tham khảo, kế thừa và vận dụng. Đó là vai trò quyết định của nhà nước và chiến lược quốc gia ảnh hưởng đến sự thành công của CNH, HĐH. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là nền tảng cốt lõi của CNH, HĐH. Thúc đẩy năng suất lao động, đào tạo nguồn nhân lực chất

lượng cao, CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, đầu tư hạ tầng đồng bộ là những nội dung quan trọng của phát triển CNH, HĐH. Xây dựng nền công nghiệp tự chủ để đảm bảo tính độc lập về kinh tế, tránh phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn lực bên ngoài.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề lãnh đạo công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Arkebe Oqubay (2015), *Sản xuất tại Phi châu: Chính sách công nghiệp ở Ethiopia* [2]. Với vai trò vừa là nhà nghiên cứu, vừa là chính trị gia, tác giả đã phân tích cách Chính phủ Ethiopia dẫn dắt quá trình CNH thông qua các chính sách công chủ động. Nội dung cuốn sách tập trung vào các khía cạnh lãnh đạo công trong CNH như: lãnh đạo chuyển đổi các ngành công nghiệp mũi nhọn; vai trò của các cơ quan nhà nước trong việc giám sát, kiểm tra và hỗ trợ doanh nghiệp để đảm bảo mục tiêu hiện đại hóa.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là vai trò lãnh đạo, định hướng chính sách công nghiệp của chính phủ kiến tạo trong đẩy mạnh CNH, HĐH.

Jeremy Green và Jesse Salah Ovadia (2020), *Phát triển do Nhà nước lãnh đạo và chuyển đổi xanh* [53]. Đây là cuốn sách tập hợp các bài tiểu luận từ nhiều học giả khác nhau nhằm giải quyết một trong những thách thức lớn nhất của thế kỷ 21: làm thế nào để các quốc gia đang phát triển đạt được CNH mà vẫn đảm bảo tính bền vững môi trường và khí hậu. Để làm rõ luận điểm trên, thông qua việc nghiên cứu điển hình từ nhiều khu vực (ví dụ: Trung Quốc, Nam Phi, Brazil) - các quốc gia đang thử nghiệm các hình thức lãnh đạo Nhà nước mới để đáp ứng nhu cầu về khí hậu, trước hết các tác giả đã lập luận rằng việc đạt được chuyển đổi xanh - chuyển đổi sang một nền kinh tế không carbon, ít tài nguyên và bền vững hơn - đòi hỏi sự can thiệp và lãnh đạo của Nhà nước thậm chí mạnh mẽ hơn so với CNH truyền thống. Đồng thời, các tác giả tập trung vào các cơ chế lãnh đạo cụ thể mà Nhà nước cần áp dụng để điều phối quá trình chuyển đổi này.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng ở luận điểm lãnh đạo của Nhà nước, của Chính phủ vẫn là động lực chính của CNH.

Chu Shenhong (2020), *Logic của tư nhân hóa dài hạn: Các doanh nghiệp Nhà nước Trung Quốc* [19]. Đây là cuốn sách giải mã chiến lược của

Chính phủ Trung Quốc trong việc duy trì và nâng cao năng lực của các doanh nghiệp nhà nước như một công cụ lãnh đạo cốt lõi cho quá trình hiện đại hóa. Thay vì tư nhân hóa hoàn toàn theo mô hình phương Tây, tác giả chỉ ra rằng Trung Quốc thực hiện một lộ trình “tư nhân hóa có kiểm soát” và tái cấu trúc chiến lược để biến các tập đoàn nhà nước thành những thực thể thâm dụng vốn và công nghệ hàng đầu. Các doanh nghiệp này đóng vai trò dẫn dắt trong việc thực hiện các mục tiêu chính trị-kinh tế lớn, từ việc làm chủ hạ tầng 5G đến việc bảo đảm an ninh năng lượng và dẫn dắt các chuỗi cung ứng công nghiệp nội địa trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng ở luận điểm trong quá trình CNH, HĐH, chính phủ đóng vai trò quan trọng thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp Nhà nước, song song với phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

Atsushi Watabe, Kenji Kushida, Shujiro Urata (2021), *Quản trị số và Xã hội 5.0 của Nhật Bản: Kinh tế chính trị của đổi mới công nghệ* [3]. Công trình này cung cấp một tầm nhìn chiến lược của Chính phủ Nhật Bản nhằm tạo ra một xã hội “siêu thông minh”. Các tác giả tập trung vào khái niệm “Quản trị số”, nơi Chính phủ Nhật Bản đóng vai trò điều phối giữa các khu vực công và tư để tích hợp AI, Robot và Big Data vào mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Bản chất của mô hình này là hiện đại hóa không chỉ để tăng trưởng kinh tế thuần túy, mà còn để tạo ra một xã hội siêu thông minh, nơi công nghệ được sử dụng để giải quyết vấn đề già hóa và tối ưu hóa nguồn lực, khẳng định vị thế của Nhật Bản như một quốc gia tiên phong về đạo đức và tiêu chuẩn công nghệ trong Cách mạng Công nghiệp 4.0.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng ở luận điểm chuyển đổi số là nội dung quan trọng của CNH, HĐH; trong đó nhà nước (Chính phủ) đóng vai trò “người thiết lập luật chơi” để thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Henry Yeung (2022), *Chủ nghĩa tư bản nhà nước, sự thích ứng thể chế và quan hệ chính phủ - doanh nghiệp tại Singapore* [41] Tác giả phân tích sâu sắc về cách Singapore duy trì vị thế dẫn đầu trong chuỗi giá trị toàn cầu thông qua sự thích ứng linh hoạt của các thể chế nhà nước. Công trình chỉ ra rằng bản chất lãnh đạo công nghiệp hóa của Singapore nằm ở khả năng điều phối của các công ty liên kết chính phủ và các cơ quan như Ban Phát triển Kinh tế. Sự thành

công của Singapore không đến từ việc nhà nước rút lui, mà từ khả năng thích nghi thể chế của chính phủ trước những biến động của toàn cầu hóa.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng ở luận điểm nhà nước không phải là lực cản của thị trường, ngược lại sự lãnh đạo của nhà nước là nhân tố tạo nên thành công của quá trình CNH, HĐH.

Wu Chao (2022), *Đường lối hiện đại hóa theo kiểu Trung Quốc: Cuộc khám phá trăm năm* [99]. Bài viết là một công trình lý luận chính trị - lịch sử, tập trung phân tích nguồn gốc lịch sử, bản chất, và các đặc điểm độc đáo của HĐH kiểu Trung Quốc. Cụ thể, tác giả đã chỉ ra đường lối HĐH theo kiểu Trung Quốc không phải là một mô hình ngẫu nhiên hay sao chép mà là kết quả tất yếu của một “Cuộc khám phá trăm năm” (tính từ khi thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc) và là sự kết tinh của sự thống nhất giữa lý luận Mác-xít, thực tiễn cách mạng, và lịch sử dân tộc của Trung Quốc. Đảng Cộng sản Trung Quốc đóng vai trò là lực lượng lãnh đạo cốt lõi trong việc xác định các mục tiêu chiến lược, huy động toàn bộ tài nguyên quốc gia, và duy trì sự ổn định chính trị cần thiết cho các dự án phát triển dài hạn. Chính vì vậy, mô hình này khác biệt với phương Tây ở chỗ lãnh đạo chính trị và ý thức hệ là trung tâm, đảm bảo hiện đại hóa không đi chệch khỏi mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, tránh các vấn đề như bất bình đẳng xã hội nghiêm trọng và sự suy giảm chủ quyền kinh tế.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là khẳng định sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản quyết định sự thành công của HĐH kinh tế - xã hội.

Ha-Joon Chang và Antonio Andreoni (2022), *Nhà nước phát triển trong kỷ nguyên tư bản kỹ thuật số* [37]. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng 4.0 phát triển nhanh chóng ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở các quốc gia thì cuốn sách này là một trong những nghiên cứu quan trọng nhất gần đây, cập nhật lý thuyết Nhà nước phát triển để đối phó với những thay đổi do số hóa và Cách mạng Công nghiệp 4.0 mang lại. Các tác giả đã lập luận, phân tích và cho rằng sự trỗi dậy của Chủ nghĩa tư bản kỹ thuật số (được định nghĩa bởi dữ liệu là tài sản, sự thống trị của các nền tảng công nghệ lớn và tự động hóa) không làm cho Nhà nước trở nên lỗi thời, mà trái lại, nó làm tăng sự cần thiết của sự lãnh đạo Nhà nước có chiến lược. Các tác giả cũng chỉ ra các lĩnh vực cụ thể

đòi hỏi sự lãnh đạo của Nhà nước phát triển mới là: Chính sách công nghiệp kỹ thuật số, quản trị dữ liệu, chuyển đổi cơ cấu. Như vậy, thông qua nội dung cuốn sách cho chúng ta thấy Nhà nước phát triển vẫn là mô hình lãnh đạo cần thiết. Tuy nhiên, để thành công trong kỷ nguyên tư bản kỹ thuật số, Nhà nước phải nâng cao năng lực kỹ thuật của mình và định nghĩa lại các công cụ chính sách để quản lý các tài sản vô như dữ liệu và thuật toán, đồng thời giải quyết các vấn đề mới về sự phân cực kinh tế và sự thống trị của nền tảng toàn cầu.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là nhà nước cần thay đổi để có thể lãnh đạo CNH, HĐH trong bối cảnh hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp 4.0.

Moon Hyung-pyo (2023), *Hiện đại hóa kinh tế Hàn Quốc: Vai trò của Nhà nước và Thị trường* [39]. Cuốn sách cung cấp cái nhìn toàn diện về sự thích nghi của mô hình “Nhà nước phát triển” Hàn Quốc trước những thách thức của thế kỷ XXI như già hóa dân số và sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo. Các tác giả lập luận rằng lãnh đạo hiện đại hóa hiện nay đòi hỏi một sự cân bằng mới giữa sự điều tiết của Nhà nước và tính năng động của thị trường tự do. Mô hình tăng trưởng mới của Hàn Quốc được mô tả là sự chuyển hướng sang một nền kinh tế số bao trùm, nơi Nhà nước đóng vai trò kiến tạo hạ tầng pháp lý cho dữ liệu và thúc đẩy các ngành công nghiệp xanh, đồng thời cải cách các thiết chế chính trị để thích ứng với sự thay đổi của cấu trúc xã hội hiện đại.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là thành công của quá trình hiện đại hóa nền kinh tế chính là phát huy mối quan hệ giữa Chính phủ với các tập đoàn tư nhân khổng lồ.

1.2. Những công trình nghiên cứu ở trong nước

1.2.1. Những công trình nghiên cứu về công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Bộ Khoa học và Công nghệ (2012), *Khoa học và công nghệ phục vụ CNH, HĐH và phát triển bền vững* [14]. Cuốn sách đề cập đến tình hình phát triển khoa học và công nghệ cũng như những xu hướng phát triển khoa học và công nghệ của thế giới và một số nước, nền kinh tế, về tình hình phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam trong giai đoạn từ khi có Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) về khoa học và công nghệ cũng như một số thông tin về Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam đến 2020 và một số

nội dung chủ yếu của một số chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện từ nay đến năm 2020. Cuốn sách là tài liệu giúp cho các nhà hoạch định chính sách, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật có thêm thông tin về khoa học và công nghệ phục vụ CNH, HĐH và phát triển bền vững đất nước.

Vũ Thị Phương Mai (2013), *Nguồn nhân lực chất lượng cao trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay* [59]. Trong luận án tác giả phân tích mối quan hệ biện chứng giữa nguồn nhân lực chất lượng cao với sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH ở Việt Nam. Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao và những vấn đề đặt ra trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam. Đề xuất những quan điểm cơ bản và những giải pháp chủ yếu góp phần phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay.

Nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng ở hai luận điểm: (1) bộ phận nòng cốt của nguồn nhân lực chất lượng cao là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ; đội ngũ công nhân lành nghề; đội ngũ chuyên gia quản trị doanh nghiệp và những doanh nhân giỏi. (2) nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố hàng đầu để hoàn thành thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH.

Trần Thanh Giang (2013), *Vấn đề lợi ích kinh tế của nông dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay* [36]. Nội dung nghiên cứu của luận án đi từ việc làm rõ cơ sở lý luận đến phân tích thực trạng lợi ích kinh tế của nông dân dưới tác động của quá trình CNH, HĐH. Qua việc nhận diện những thời cơ và thách thức, luận văn kiến nghị các nhóm giải pháp mang tính chiến lược nhằm tối ưu hóa lợi ích kinh tế cho nông dân, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Nguyễn Hồng Sơn, Trần Quang Tuyền (2014), *Nâng cao mức sống dân cư trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam: Thành tựu và những thách thức đặt ra* [72]. Trong bài viết các tác giả đã phân tích và đánh giá những thành công và hạn chế của việc nâng cao mức sống dân cư trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH ở Việt Nam từ năm 2001 tới 2010. Trên cơ sở đánh giá những thách thức trên, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao mức sống cho dân cư trong thời gian tới.

Nguyễn Xuân Dương (2015), *Thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh*, [35]. Trong luận án, tác giả đã tập trung phân tích thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Bắc Ninh. Bằng việc đánh giá sâu sắc các cơ chế, chính sách ưu đãi của tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn 2010-2015, nghiên cứu đã chỉ ra những kết quả đạt được cũng như các “điểm nghẽn” về quỹ đất, nguồn nhân lực và môi trường đầu tư. Từ đó, tác giả đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư, thúc đẩy sự liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân, góp phần đảm bảo lợi ích kinh tế cho người sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh của nông sản Bắc Ninh trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nguyễn Tùng Lâm (2016), *Quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn* [55]. Bài viết đã đề cập đến quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong sự nghiệp CNH, HĐH, rút ra những vấn đề cơ bản cần nắm vững trong quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở nước ta hiện nay.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng từ bốn công trình của Trần Thanh Giang, Nguyễn Hồng Sơn, Trần Quang Tuyền, Nguyễn Xuân Dương và Nguyễn Tùng Lâm là: CNH, HĐH nông thôn là nội dung quan trọng của CNH, HĐH ở địa phương, đòi hỏi phải có những chính sách để ưu tiên CNH, HĐH nông thôn.

Phạm Thuyên (2019), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư* [90]. Trong cuốn sách, tác giả đã khái quát về các cuộc cách mạng công nghiệp và quá trình CNH, HĐH nền kinh tế; thực trạng CNH, HĐH ở Việt Nam thời gian qua, so sánh với các nước trên thế giới; đưa ra quan điểm, mô hình và mục tiêu CNH, HĐH nền kinh tế trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam. Từ thực tiễn nghiên cứu của mình, tác giả đã đề xuất một số giải pháp đáng được quan tâm như điều chỉnh mô hình CNH, HĐH, xác định một số ngành kinh tế mũi nhọn, xác định nền kinh tế tuần hoàn, khơi dậy lòng tự hào dân tộc... nhằm đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng: Vận dụng mô hình CNH, HĐH kiểu mới (CNH 4.0); xác định và phát triển các “Ngành kinh tế mũi nhọn”; tư duy về “Kinh tế tuần hoàn”.

Hoàng Thị Thuý, Nguyễn Thị Thu Hằng (2021), *Phát triển công nghiệp trong tiến trình đổi mới và hội nhập của đất nước* [79]. Trong bài viết này, các tác giả đánh giá kết quả nổi bật trong phát triển công nghiệp ở Việt Nam; chỉ ra những khó khăn, thách thức và đề xuất, kiến nghị 04 nội dung để nâng cao được vai trò, vị trí của công nghiệp trong mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu và phát triển bền vững.

Trần Kim Chung (2022), *Phát triển công nghiệp quốc gia của Việt Nam hiện nay* [17]. Bài viết đã phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về phát triển nền công nghiệp quốc gia hiện nay; thực trạng về chủ trương, đường lối phát triển nền công nghiệp quốc gia của Việt Nam hiện nay; thực trạng phát triển nền công nghiệp quốc gia của Việt Nam hiện nay; các hạn chế, rào cản, rút thắt, điểm nghẽn cần tháo gỡ và bối cảnh, định hướng, mục tiêu và giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển công nghiệp quốc gia với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Từ sự phân tích các nội dung trên, tác giả đi đến khẳng định phát triển nền công nghiệp quốc gia của Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả, tuy nhiên vẫn có nhiều hạn chế còn tồn tại cùng những cơ hội, thách thức. Do đó việc kiên định các giải pháp về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập quốc tế sâu rộng, triệt để và vận dụng thành công cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là những đòi hỏi quan trọng.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng từ hai công trình của Hoàng Thị Thuý, Nguyễn Thị Thu Hằng và Trần Kim Chung là: khẳng định công nghiệp là nền tảng để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Hà Thái Sơn (2022), *Tư tưởng của V.I.Lênin về công nghiệp hóa trong Chính sách kinh tế mới* [71]. Bài viết của tác giả đã làm rõ tư tưởng của V.I. Lênin về công nghiệp hóa trong Chính sách kinh tế mới (NEP), nhấn mạnh vai trò của đại công nghiệp, điện khí hóa và khoa học - kỹ thuật đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tác giả phân tích tư tưởng nổi tiếng của Lênin: “Chủ nghĩa cộng sản = Chính quyền Xô viết + điện khí hóa toàn quốc”.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là những quan điểm về vai trò của công nghiệp hóa, khoa học - kỹ thuật, phát triển nhiều

thành phần kinh tế và sự lãnh đạo của Đảng có thể được kế thừa, vận dụng trong luận án.

Bùi Ngọc Quỳnh, Phạm Quốc Quân (2023), *Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư* [68]. Bài viết đã khẳng định cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đòi hỏi nhận thức về CNH, HĐH ở nước ta cần được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện và phát triển. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII của Đảng.

Trần Thị Vân Hoa (2023), *Một số vấn đề về xây dựng đội ngũ tri thức phục vụ CNH, HĐH đất nước trong thời gian tới* [44]. Trong bài viết, tác giả đã phân tích trong bối cảnh toàn cầu hoá và phát triển nhanh chóng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí thức ngày càng trở thành một nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trên con đường thực hiện khát vọng phát triển của mình. Tuy nhiên, để phát triển đội ngũ tri thức Việt Nam đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH đất nước thời gian tới, cần tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp.

Nguyễn Thị Miên, Đới Gia Thiên Linh (2023), *Nâng cao năng lực nội sinh về khoa học, công nghệ nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH* [60]. Bài viết đã khẳng định sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta đến nay đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa quan trọng, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của khoa học, công nghệ. Trong bài viết, tác giả đã phân tích vai trò, thực trạng phát triển khoa học, công nghệ ở nước ta. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực nội sinh về khoa học, công nghệ nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước hướng tới mục tiêu năm 2030 Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng từ các công trình của các tác giả Bùi Ngọc Quỳnh, Phạm Quốc Quân, Trần Thị Vân Hoa và Nguyễn Thị Miên, Đới Gia Thiên Linh là: CNH, HĐH gắn liền với Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (4.0); khoa học, công nghệ trở thành năng lực nội sinh cốt lõi để hiện thực hóa mục tiêu CNH, HĐH và đội ngũ trí thức là nguồn lực đặc biệt đẩy mạnh CNH, HĐH.

Trần Thị Vân Hoa, Đỗ Thị Đông (Đồng chủ biên) (2025), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo*[45]. Công trình đã phân tích sâu sắc thực trạng CNH, HĐH tại Việt Nam giai đoạn 1990 - 2024, từ đó định hình lộ trình cho giai đoạn mới. Công trình nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong việc tạo ra các “vườn ươm” công nghệ và sự kết nối giữa đại học - doanh nghiệp - nhà nước.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng là những giải pháp để các địa phương tái cấu trúc mô hình tăng trưởng, chuyển đổi CNH, HĐH từ dựa trên lao động giá rẻ và tài nguyên thô sang sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), bán dẫn và kinh tế số.

1.2.2. Những công trình nghiên cứu về Đảng và cấp ủy cấp tỉnh lãnh đạo công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Nguyễn Văn Huyền (2011), *Đảng Cộng sản Việt Nam - nội dung và phương thức cầm quyền* [52]. Trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả đã hệ thống hóa một cách sâu sắc và toàn diện những vấn đề lý luận cốt lõi về Đảng cầm quyền trong bối cảnh đổi mới tại Việt Nam. Tác phẩm tập trung làm rõ bản chất, nội dung và các nguyên tắc vận hành của Đảng với tư cách là lực lượng lãnh đạo duy nhất đối với Nhà nước và xã hội. Tác giả đã phân tích thấu đáo các nội dung cầm quyền trọng yếu, từ việc hoạch định đường lối, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến công tác cán bộ và kiểm tra, giám sát quyền lực. Đặc biệt, cuốn sách dành sự quan tâm lớn đến việc đổi mới phương thức cầm quyền nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, tránh tình trạng bao biện làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo. Bằng việc kết hợp chặt chẽ giữa lý luận Mác - Lênin với thực tiễn lịch sử, tác giả không chỉ chỉ ra những ưu điểm, hạn chế trong năng lực cầm quyền của Đảng mà còn đề xuất hệ thống các giải pháp đột phá nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, đảm bảo Đảng luôn là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng: vận dụng lý luận về “nội dung cầm quyền” để phân tích cách Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh ban hành các Nghị quyết chuyên đề về phát triển công nghiệp và thu hút FDI. Tham khảo phương thức “Đảng lãnh đạo bằng pháp luật” để đánh giá hiệu quả của chính quyền tỉnh Bắc Ninh trong việc tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng.

Vận dụng lý thuyết về “mối quan hệ Đảng - Nhân dân” để nghiên cứu cách chính quyền Bắc Ninh vận động nông dân bàn giao mặt bằng cho các khu công nghiệp một cách hiệu quả.

Nguyễn Thị Tố Uyên (2012), *Các Tỉnh uỷ vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn giai đoạn hiện nay* [92]. Trong công trình nghiên cứu này, tác giả đã đi sâu phân tích và làm rõ vai trò lãnh đạo của các Tỉnh uỷ vùng đồng bằng sông Hồng đối với quá trình đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Tác phẩm đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về sự lãnh đạo của Đảng bộ cấp tỉnh đối với sự phát triển kinh tế nông thôn, đồng thời đánh giá khách quan thực trạng lãnh đạo của các địa phương trong vùng qua những thành tựu và hạn chế cụ thể. Tác giả nhấn mạnh rằng, việc đẩy nhanh CNH, HĐH tại khu vực này không chỉ đơn thuần là phát triển công nghiệp mà còn là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hiện đại hóa hạ tầng và nâng cao trình độ dân trí tại các vùng nông thôn. Từ đó, công trình đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, đổi mới phương thức quản lý và hoàn thiện cơ chế chính sách của các Tỉnh uỷ, giúp tháo gỡ những "nút thắt" trong quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế tại một trong những vùng kinh tế năng động nhất cả nước.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng: vận dụng các đánh giá về đặc điểm kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng để làm nổi bật vị thế và tiềm năng riêng biệt của Bắc Ninh. Tham khảo cách tác giả phân tích các Nghị quyết, Chỉ thị của Tỉnh uỷ các tỉnh lân cận (như Vĩnh Phúc, Hải Dương) để so sánh và làm rõ nét độc đáo trong tư duy lãnh đạo của Tỉnh uỷ Bắc Ninh. Kế thừa các tiêu chí về HĐH nông thôn để đánh giá mức độ thành công của Bắc Ninh trong việc xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu gắn với phát triển công nghiệp.

Nguyễn Minh Tuấn (2012), *Tiếp tục đổi mới đồng bộ công tác cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa* [88]. Tác giả đã đi sâu phân tích và khẳng định vai trò quyết định của công tác cán bộ đối với sự thành bại của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Tác giả tập trung làm rõ tính tất yếu của việc phải đổi mới một cách đồng bộ các khâu trong quy trình cán bộ - từ tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch đến đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển - nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ tâm và tầm trong bối cảnh mới. Điểm nổi bật của tác

phẩm là việc nhận diện những rào cản, bất cập trong cơ chế quản lý cán bộ hiện hành, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp mang tính chiến lược về đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực thực thi công vụ. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng, cán bộ không chỉ là nguồn lực mà còn là động lực hạt nhân để vận hành hiệu quả bộ máy chính trị, thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng hiện đại.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng: vận dụng lý luận về đổi mới cán bộ để phân tích cách Bắc Ninh xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách về kinh tế đối ngoại và quản lý đầu tư FDI. Kế thừa các đề xuất về đào tạo cán bộ để kiến nghị giải pháp nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường tại các khu vực đang chuyển đổi mạnh từ nông nghiệp sang công nghiệp. Tham khảo các tiêu chí đánh giá cán bộ để phân tích thực trạng năng lực điều hành của chính quyền các cấp tại Bắc Ninh trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh từ CNH như đền bù giải tỏa hay an sinh xã hội.

Tỉnh ủy Bắc Ninh và Hội đồng lý luận Trung ương (2017), *Bắc Ninh đẩy mạnh phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng công nghiệp công nghệ cao, hiệu quả, thân thiện*” [85]. Nguyễn Xuân Thanh, Đỗ Nguyên Hải (2018), *Đánh giá thực trạng và định hướng sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện phát triển công nghiệp hoá và đô thị hoá ở tỉnh Bắc Ninh* [75]. Lưu Thị Hương (2018), *Một số giải pháp xây dựng nông thôn mới ở Bắc Ninh hiện nay* [50]. Các công trình này đã phác thảo một bức tranh đa chiều về sự phát triển của Bắc Ninh trong giai đoạn bứt phá trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, tập trung vào ba trụ cột chính: (1) Định hướng CNH, HĐH theo hướng công nghệ cao và bền vững. Kỷ yếu hội thảo của *Tỉnh ủy Bắc Ninh và Hội đồng lý luận Trung ương (2017)* là công trình có quy mô lớn nhất, xác định tầm nhìn chiến lược cho tỉnh. Nội dung cốt lõi tập trung vào: dịch chuyển từ CNH truyền thống sang công nghiệp công nghệ cao, hiệu quả và thân thiện với môi trường; nhấn mạnh việc phát triển công nghiệp hỗ trợ và kinh tế tri thức để giảm sự phụ thuộc vào các tập đoàn lớn, đồng thời xử lý triệt để ô nhiễm tại các cụm công nghiệp và làng nghề; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong việc khơi thông nguồn lực và quảng bá hình ảnh Bắc Ninh ra thế giới. (2) Nghiên cứu của *Nguyễn Xuân Thanh và Đỗ Nguyên Hải (2018)* tập trung vào mâu thuẫn trực tiếp nhất trong quá trình CNH tại Bắc Ninh là đánh giá thực trạng

diện tích đất canh tác bị sụt giảm mạnh do áp lực từ các khu công nghiệp và tốc độ đô thị hóa nhanh (hướng tới mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương). Xác định hướng sử dụng đất nông nghiệp còn lại sao cho hiệu quả, phù hợp với quy hoạch đô thị, từ đó đặt ra tiền đề cho việc đảm bảo lợi ích kinh tế cho nông dân khi không còn tư liệu sản xuất truyền thống. (3) Công trình của *Lưu Thị Hương (2018)* tập trung vào diện mạo nông thôn Bắc Ninh trong quá trình chuyển đổi.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng: CNH ở Bắc Ninh không còn là CNH kiểu cũ mà là CNH công nghệ cao. Do đó, lợi ích kinh tế của nông dân cần được xem xét thông qua việc tham gia vào chuỗi cung ứng dịch vụ công nghiệp hoặc trở thành lao động kỹ thuật, chứ không chỉ là đền bù đất đai. Kế thừa số liệu về việc thu hẹp đất nông nghiệp từ bài viết của *Nguyễn Xuân Thanh* để làm luận cứ cho sự cấp thiết của việc bảo vệ lợi ích kinh tế cho người nông dân mất đất. Tham khảo mô hình xây dựng nông thôn mới của *Lưu Thị Hương* để đề xuất các sinh kế bền vững (như kinh doanh dịch vụ, cho thuê nhà trọ, phát triển nghề phụ) nhằm đảm bảo thu nhập cho nông dân bối cảnh mới.

Khổng Văn Thắng (2020), *Quá trình đô thị hóa và xu hướng chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997 - 2019* [76]. Vũ Thị Yến (2019), *Phát triển kinh tế tư nhân ở tỉnh Bắc Ninh (2006-2017)- Chủ trương và một số kết quả* [103]. Nguyễn Thanh Bình (2019), *Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Bắc Ninh* [11]. Trần Thị Thanh Xuân (2020), *Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp xanh ở tỉnh Bắc Ninh* [102]. Đây là các công trình nghiên cứu về kinh tế tư nhân, vốn FDI và đô thị hóa tại Bắc Ninh giai đoạn 2019-2020. Các bài viết này tập trung làm rõ ba động lực then chốt đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH tại Bắc Ninh. Trong đó, nghiên cứu của *Vũ Thị Yến* tập trung vào khu vực kinh tế nội lực của tỉnh. Tác giả khẳng định kinh tế tư nhân tại Bắc Ninh không chỉ đóng góp về mặt tài chính mà còn là thành phần quan trọng đảm bảo sự ổn định kinh tế - xã hội. Công trình làm rõ sự nhất quán trong chủ trương của Đảng bộ tỉnh từ năm 2006 đến 2017 trong việc khơi thông nguồn lực tư nhân, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm về việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp địa phương. Công trình nghiên cứu của *Nguyễn Thanh Bình* đi sâu vào khu vực kinh tế ngoại lực - yếu

tổ mang tính quyết định đưa Bắc Ninh từ một tỉnh thuần nông trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại. Tác giả chỉ ra thực trạng thu hút FDI tại Bắc Ninh là một điểm sáng của cả nước, đóng vai trò chủ đạo trong việc đổi mới mô hình tăng trưởng. Việc thu hút FDI không chỉ mang lại vốn mà còn là công cụ để thực hiện chiến lược phát triển bền vững, tạo tiền đề để tỉnh chuyển mình mạnh mẽ sang giai đoạn hiện đại hóa. Công trình của *Khổng Văn Thắng* mang tính tổng kết cao về hệ quả của quá trình CNH, HĐH trong hơn 20 năm (1997-2019). Tác giả làm nổi bật các nội dung: đô thị hóa là quá trình tất yếu, song hành cùng CNH, dẫn đến sự chuyển đổi sâu sắc từ xã hội nông thôn sang xã hội công nghiệp. Phân tích sự chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất và di cư dân số như một hệ quả tất yếu. Khẳng định mô hình của Bắc Ninh là điển hình thành công trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp tại Việt Nam. Nghiên cứu của *Trần Thị Thanh Xuân* đã cung cấp khung lý luận và thực tiễn về dịch vụ nông nghiệp xanh. Đây là mảnh ghép quan trọng giúp Bắc Ninh không chỉ phát triển công nghiệp mà còn duy trì được nền nông nghiệp bền vững, tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh quỹ đất bị thu hẹp.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng: Lợi ích kinh tế của nông dân Bắc Ninh không chỉ đến từ nông nghiệp mà còn từ sự phát triển của kinh tế tư nhân (các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh cá thể phục vụ công nghiệp). Kế thừa phân tích của *Nguyễn Thanh Bình* để đánh giá xem sự hiện diện của các tập đoàn lớn mang lại lợi ích gì trực tiếp cho nông dân (việc làm, thu nhập) và những thách thức nào (giá cả sinh hoạt, cạnh tranh lao động). Sử dụng khung lý thuyết của *Khổng Văn Thắng* để luận giải rằng: Khi xã hội chuyển từ nông thôn sang công nghiệp, lợi ích kinh tế của nông dân phải được chuyển đổi theo hướng phi nông nghiệp (dịch vụ, cho thuê, làm công nhân) để phù hợp với quy luật đô thị hóa tất yếu. Vận dụng nội dung “Dịch vụ nông nghiệp xanh” của *Trần Thị Thanh Xuân* để đề xuất giải pháp cho nông dân Bắc Ninh: chuyển từ sản xuất truyền thống sang cung cấp các dịch vụ nông nghiệp kỹ thuật cao, thân thiện môi trường.

Nguyễn Văn Linh (2018), *Đảng bộ tỉnh Bình Dương lãnh đạo phát triển công nghiệp từ năm 1997 đến năm 2015* [60]. Bùi Văn Nghiêm (2018), *Các tỉnh uỷ đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn hiện nay* [57]. Nguyễn Thị Vân Anh (2019), *Đảng bộ tỉnh*

Thái Nguyên lãnh đạo phát triển kinh tế công nghiệp từ năm 1997 đến năm 2015 [4]. Phạm Văn Rạnh (2019), Tỉnh Long An quyết tâm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị để phát triển bền vững [69]. Đỗ Trọng Hưng (2021), Tỉnh Thanh Hoá phát huy những tiềm năng, giá trị khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh để sớm trở thành một cực tăng trưởng mới ở phía Bắc Tổ quốc [49]. Bùi Minh Châu (2021), Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng then chốt, tạo động lực đưa tỉnh Phú Thọ tăng trưởng nhanh và bền vững [15]. Nguyễn Tiên Hải (2023), Tỉnh Cà Mau huy động, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển nhanh và bền vững [40]. Nguyễn Hồng Lĩnh (2023), Tỉnh Đồng Nai tiếp tục chuyển đổi mô hình tăng trưởng để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững [58]. Trần Tiến Dũng (2023), Tỉnh Lai Châu nâng cao hiệu quả cải cách hành chính gắn với mức độ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp [23]. Nguyễn Anh Tuấn (2025), Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lãnh đạo thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: thành tựu và kinh nghiệm [87].

Các công trình trên tập trung giải quyết các vấn đề then chốt trong quá trình CNH, HĐH tại các địa phương trên cả nước, được phân chia theo 3 nhóm chủ đề chính. Một là, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong phát triển công nghiệp và cơ cấu lại kinh tế. Các nghiên cứu tại Bình Dương (Nguyễn Văn Linh), Thái Nguyên (Nguyễn Thị Vân Anh) và Đồng Nai (Nguyễn Hồng Lĩnh) đã đúc kết các bài học về việc vận dụng sáng tạo chủ trương của Trung ương vào đặc thù địa phương. Điểm chung là sự chuyển dịch từ phát triển chiều rộng sang chiều sâu, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên công nghệ cao và bảo vệ môi trường để đảm bảo tăng trưởng bền vững. Nghiên cứu tại Đồng bằng sông Cửu Long (Bùi Văn Nghiêm) nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy trong việc thích ứng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp phù hợp với bối cảnh mới. Hai là, đổi mới hệ thống chính trị và cải cách hành chính. Công trình nghiên cứu tại Long An (Phạm Văn Rạnh) chỉ rõ việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy là động lực quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH. Nghiên cứu tại Lai Châu (Trần Tiến Dũng) khẳng định cải cách hành chính phải gắn liền với sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp, coi đây là nhân tố then chốt để thu hút đầu tư và thúc đẩy

kinh tế. *Ba là*, huy động nguồn lực và xây dựng kết cấu hạ tầng. Bài viết về Phú Thọ (Bùi Minh Châu) làm rõ chiến lược dồn sức huy động nguồn lực đầu tư vào hạ tầng then chốt để tạo bước đột phá cho tỉnh nghèo. Các nghiên cứu tại Thanh Hóa (Đỗ Trọng Hưng) và Cà Mau (Nguyễn Tiến Hải) tập trung vào việc nhận diện giá trị khác biệt và lợi thế cạnh tranh để biến thách thức thành cơ hội, sớm đưa địa phương trở thành các cực tăng trưởng mới. Nghiên cứu tại Bắc Giang (Nguyễn Anh Tuấn, 2025) cung cấp những bài học mới nhất về chiến lược thu hút vốn nước ngoài, tạo ra những thành tựu đột phá trong giai đoạn hiện nay.

Những nội dung luận án có thể tham khảo, kế thừa, vận dụng: kế thừa các bài học về tinh gọn bộ máy và cải cách hành chính từ *Phạm Văn Rạnh* và *Trần Tiến Dũng* để đề xuất hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho người nông dân. Sử dụng các tư duy về “cực tăng trưởng” (Thanh Hóa) và “chuyển đổi mô hình tăng trưởng” (Đồng Nai) để khẳng định rằng: Bắc Ninh muốn phát triển bền vững thì lợi ích kinh tế của nông dân phải được đặt trong tổng thể lợi ích của quá trình chuyển đổi số và kinh tế xanh.

1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án tập trung giải quyết

1.3.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

Một là, các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã nghiên cứu, làm rõ ở nhiều góc độ khác nhau các vấn đề lý luận về CNH, HĐH; đẩy mạnh CNH, HĐH và sự lãnh đạo của Đảng đối với CNH, HĐH, đẩy mạnh CNH, HĐH. Cụ thể:

Về khái niệm CNH, HĐH: phần lớn các công trình khoa học tập trung làm rõ các nội dung về CNH, HĐH như: nguồn gốc ra đời của CNH, HĐH (CNH ra đời đầu tiên trên thế giới ở Tây Âu, cụ thể tại nước Anh); bản chất của CNH, HĐH: là sự thay đổi sức người bằng máy móc, là áp dụng rộng rãi khoa học và công nghệ vào sản xuất. Các công trình cũng phân tích CNH, HĐH không chỉ là thay đổi về kinh tế của đất nước mà là sự thay đổi toàn diện diện mạo xã hội. Một số công trình đề cập đến CNH, HĐH gắn với cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, chỉ ra CNH, HĐH không chỉ là sử dụng nhiều tài

nguyên, lao động chân tay, mà còn dựa trên khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, hiện đại hóa về thể chế và chính sách kinh tế. Bên cạnh đó, các công trình còn tiếp cận vấn đề CNH, HĐH là hiện tượng xuyên quốc gia và mang tính khu vực sâu sắc. Vì vậy, phát triển CNH, HĐH ở địa phương cần quan tâm đến phát triển vùng kinh tế và cụm liên kết ngành.

Về đẩy mạnh CNH, HĐH: các công trình đã đề cập ở trên tập trung làm rõ các yếu tố liên quan để đẩy mạnh CNH, HĐH ở một quốc gia hay địa phương là: tối ưu hóa sức lao động để tăng năng suất lao động; nhập khẩu công nghệ tiên tiến; phát triển công nghiệp là nền tảng để xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đội ngũ trí thức là nguồn lực đặc biệt; xác định khoa học, công nghệ, và đổi mới sáng tạo là nguồn lực quan trọng để đẩy mạnh CNH, HĐH; tái cấu trúc mô hình tăng trưởng, chuyển đổi CNH, HĐH từ dựa trên lao động giá rẻ và tài nguyên thô sang sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), bán dẫn và kinh tế số; phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, kinh tế tuần hoàn; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Về sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về CNH, HĐH, đẩy mạnh CNH, HĐH: Các công trình nghiên cứu của tác giả nước ngoài liên quan đến vấn đề lãnh đạo CNH, HĐH thì chủ yếu nghiên cứu về hoạt động quản lý của nhà nước, vai trò của nhà nước đối với CNH, HĐH; không đề cập đến các vấn đề lý luận của Đảng, của cấp ủy các cấp lãnh đạo CNH, HĐH.

Các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước đã nghiên cứu, đề cập đến các vấn đề sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về đường lối đổi mới kinh tế đất nước nói chung, phát triển CNH, HĐH nói riêng. Vai trò của quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế từ “nâu” sang “xanh”. Bên cạnh đó, có nhà khoa học bàn về nội dung và phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy hoặc Đảng bộ tỉnh lãnh đạo thực hiện các nội dung liên quan đến thực hiện CNH, HĐH là: phát triển công nghiệp, khu công nghiệp, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Có nhà khoa học đề cập đến khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn lực; hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; đảm bảo an sinh xã hội tạo động lực để địa phương phát triển nhanh, bền vững. Ngoài ra, cũng có nhà khoa học đề cập đến nội dung lãnh đạo cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy để địa phương phát triển bền vững, góp phần thực hiện

CNH, HĐH. Một số công trình nghiên cứu hiện có đã xây dựng khung lý luận khá vững chắc về Đảng cầm quyền, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng bộ cấp tỉnh đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Hai là, nhiều công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã nghiên cứu, đánh giá thực trạng CNH, HĐH ở các nước trên thế giới và ở Việt Nam, như: các công trình đã nêu đều chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế ở các nội dung có liên quan đến đẩy mạnh CNH, HĐH nói chung và lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH ở một số địa phương nói riêng như: phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao; phát triển kinh tế số; quản lý nhà nước đối với công nghiệp. Ngoài ra có công trình đề cập đến thực trạng quá trình CNH, HĐH ở các quốc gia tiêu biểu; những thành công trong cải cách kinh tế,... Một số công trình đã khảo sát đánh giá thực trạng sự lãnh đạo của đảng cầm quyền, Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH, hoặc các Tỉnh uỷ, Thành uỷ lãnh đạo thực hiện CNH, HĐH; lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH; lãnh đạo khai thác các tiềm năng, nguồn lực và hoàn thiện cơ chế, chính sách; vấn đề an sinh xã hội trong thực hiện CNH, HĐH ở địa phương...

Ba là, nhiều công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã đưa ra các đề xuất, kiến nghị về phương hướng, giải pháp để đẩy mạnh CNH, HĐH và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với đẩy mạnh CNH, HĐH như: giải pháp về công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng tăng cường sự lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lãnh đạo phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế tư nhân. Giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy phục vụ người dân, doanh nghiệp thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Giải pháp về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; giải pháp về công tác quy hoạch; giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giải pháp về nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; giải pháp về khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng và giá trị khác biệt của địa phương để phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế; giải pháp về tăng cường kiểm tra, giám sát.

Những kết quả nghiên cứu và lý luận và thực tiễn của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài nêu trên có giá trị tham khảo rất quý cho nghiên cứu đề tài luận án.

1.3.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Trên cơ sở khảo cứu các công trình khoa học liên quan, có thể khẳng định rằng, cho đến nay chưa có công trình khoa học nào đi sâu nghiên cứu sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh hiện nay dưới góc độ ngành Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước. Từ khoảng trống đó, luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn sau:

Thứ nhất, phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH, trong đó tập trung làm rõ các khái niệm liên quan như: CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh; đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh; Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh hiện nay. Đồng thời, phân tích, làm rõ nội dung, biện pháp và vai trò của đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh. Đặc biệt, phân tích, làm rõ nội dung, phương thức, vai trò của Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh hiện nay. Nội dung này xác định là nội dung trọng trọng xây dựng khung lý luận về Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh hiện nay.

Thứ hai, tiến hành khảo sát, phân tích số liệu để đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế trên hai phương diện: nội dung và phương thức Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh từ 2015 đến 2025. Từ thực trạng, xác định các nguyên nhân của kết quả đạt được, hạn chế của Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh từ 2015 đến 2025. Luận án rút ra các bài học kinh nghiệm Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trong thời gian qua.

Thứ ba, dự báo các nhân tố thuận lợi, khó khăn tác động đến sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh CNH, HĐH trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, xác định phương hướng, đề xuất các giải pháp tăng cường lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn trong thời gian tới. Luận án tập trung nghiên cứu đề xuất các giải pháp vừa có tính hệ thống, khả thi, vừa có giải pháp đột phá để tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Chương 2

TỈNH ỦY BẮC NINH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ HIỆN NAY - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. Tỉnh Bắc Ninh, Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh hiện nay

2.1.1. Tỉnh Bắc Ninh, Đảng bộ tỉnh và Tỉnh ủy hiện nay

2.1.1.1. Khái quát về tỉnh Bắc Ninh mới

Tên gọi tỉnh Bắc Ninh chính thức có tên trên bản đồ theo đơn vị hành chính là một tỉnh của nước Việt Nam từ năm 1831. Trải qua thăng trầm của lịch sử, nhiều lần đổi tên, chia, tách nhập tỉnh. Ngày 01/7/2025 đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh mới được thành lập, trên cơ sở sáp nhập tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang. Sau khi hợp nhất, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 4.718,60 km², dân số 3.619.433 người, với 99 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 33 phường và 66 xã [67].

Về vị trí địa lý

Trước khi hợp nhất, tỉnh Bắc Ninh cũ thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng, nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; trong khi tỉnh Bắc Giang thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, giữ vị trí quan trọng trên các hành lang kinh tế Hà Nội - Lạng Sơn - Nam Ninh (Trung Quốc) và kết nối với khu vực kinh tế trọng điểm miền Bắc. Hiện nay, tỉnh Bắc Ninh mới nằm trong Vùng Thủ đô và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có ranh giới tiếp giáp với các địa phương có vai trò động lực phát triển của miền Bắc, trong đó phía Tây giáp Thủ đô Hà Nội, phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Bắc giáp các tỉnh Lạng Sơn và Thái Nguyên, phía Nam giáp thành phố Hải Phòng và tỉnh Hưng Yên [67].

Như vậy, sau khi hợp nhất, tỉnh Bắc Ninh đã xác lập một chỉnh thể kinh tế - xã hội thống nhất, tối ưu hóa sự cộng hưởng giữa năng lực công nghiệp hóa mạnh mẽ của Bắc Ninh và dư địa phát triển dồi dào của khu vực trung du, miền núi Bắc Giang. Trên nền tảng đó, không gian phát triển mới của tỉnh được tái thiết theo hướng đa cực và liên thông, chuyển đổi từ mô hình đơn lẻ sang hệ sinh thái bền vững. Hơn nữa, với vị thế mới, Bắc Ninh không chỉ đóng vai trò là động lực tăng trưởng hạt nhân của Vùng Thủ đô mà còn trở thành trung tâm điều tiết chiến lược. Tỉnh Bắc Ninh đóng vai trò là cửa ngõ kết nối, thực hiện

chức năng hội tụ nguồn lực và lan tỏa động lực phát triển dọc theo các trục hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây, tạo sự gắn kết hữu cơ giữa vùng duyên hải, đồng bằng và khu vực miền núi phía Bắc.

Về cơ sở hạ tầng

Không chỉ có vị trí địa lý thuận lợi, Bắc Ninh còn là tỉnh có nhiều tiềm năng về cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội. Trước hết là hạ tầng về giao thông. Sau khi sáp nhập, tỉnh Bắc Ninh có hệ thống giao thông đa dạng và đồng bộ, bao gồm đường bộ, đường sắt, đường sông, và đường hàng không kết nối với các tỉnh thành trong khu vực và cả nước. Trong đó có các tuyến đường giao thông lớn quan trọng chạy qua nối liền tỉnh với các trung tâm kinh tế, thương mại và văn hoá của miền Bắc. Quốc lộ 1A, 1B nối Hà Nội - Bắc Ninh - Lạng Sơn; đường cao tốc Quốc lộ 18 nối sân bay Quốc tế Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long; Quốc lộ 38 nối Bắc Ninh - Hải Phòng; trục đường sắt xuyên Việt đi Lạng Sơn và Trung Quốc; cảng cạn, cảng sông Cầu, sông Đuống. Bên cạnh hệ thống giao thông đa dạng, đồng bộ; có mạng lưới sông ngòi dày đặc, trong đó có 6 con sông lớn là sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam, sông Thái Bình chảy ra biển Đông. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội và giao lưu với bên ngoài [923].

Bên cạnh đó, tỉnh Bắc Ninh có hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ, đa dạng và có tính hỗ trợ cao, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển nhanh và bền vững. Trong đó tiêu biểu là hạ tầng công nghiệp và hạ tầng thương mại - dịch vụ. Trước khi hợp nhất, tỉnh Bắc Giang có 16 khu công nghiệp (KCN) và 55 cụm công nghiệp (CCN) đã được thành lập. Tỉnh Bắc Ninh cũ có 16 KCN tập trung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và 39 CCN có trong quy hoạch [20]. Như vậy, hiện nay, tỉnh Bắc Ninh có 32 khu công nghiệp tập trung đã được phê duyệt, 94 cụm công nghiệp được thành lập và hoạt động. Mạng lưới khu công nghiệp và cụm công nghiệp có quy mô lớn, phân bố tương đối hợp lý giữa khu vực đồng bằng và trung du, miền núi. Sự kết hợp này góp phần mở rộng không gian công nghiệp, nâng cao năng lực thu hút đầu tư và tạo việc làm cho hàng trăm nghìn lao động. Trong khi đó, về hạ tầng thương mại - dịch vụ thì trước đây, tỉnh Bắc Giang đã tập trung quy hoạch và đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng dịch vụ theo hướng đồng bộ, hiện đại, phát huy lợi thế về vị trí trung chuyển hàng hoá; đưa vào khai thác cảng

đường sắt liên vận Kép, triển khai quy hoạch, các bước quy trình đầu tư phát triển khu dịch vụ tổng hợp logistic, ICD, sân golf... Tập trung đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại; chú trọng tìm kiếm thị trường xuất khẩu các nông sản chủ lực của tỉnh. Còn hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ của tỉnh Bắc Ninh cũ được đẩy mạnh đầu tư; hạ tầng logistics phát triển; đa dạng hóa các kênh phân phối gắn kết giữa thành thị với nông thôn, giữa Bắc Ninh với các địa phương trong cả nước và phục vụ xuất khẩu. Hoạt động thương mại điện tử phát triển mạnh với chỉ số thương mại điện tử của tỉnh luôn nằm trong top 10 cả nước [20]. Do vậy, sau khi sáp nhập, hạ tầng thương mại - dịch vụ của tỉnh mới phát huy đồng thời lợi thế trung chuyển hàng hóa của Bắc Giang với hệ thống logistics, cảng đường sắt liên vận và các dịch vụ hỗ trợ, cùng với nền thương mại - dịch vụ phát triển năng động, hiện đại của Bắc Ninh cũ. Qua đó, hình thành hệ thống thương mại - dịch vụ có khả năng kết nối liên vùng, phục vụ hiệu quả sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu.

Về kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bắc Ninh tiếp tục duy trì vai trò là cực tăng trưởng trọng điểm tại khu vực phía Bắc với tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân ước đạt 8,98%/năm, thuộc nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước. Đến cuối năm 2025, quy mô kinh tế của tỉnh dự kiến đạt 522 nghìn tỷ đồng, xếp thứ 5 toàn quốc và thứ 3 trong khu vực Đồng bằng sông Hồng. Các chỉ số về thu nhập cũng ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể: GRDP bình quân đầu người ước đạt 5.810 USD (vượt mức trung bình quốc gia); thu nhập bình quân đầu người đạt 69,2 triệu đồng/năm, tương ứng mức tăng 1,3 lần so với đầu kỳ [89].

Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, với tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng chiếm trên 71% vào năm 2025. Đặc biệt, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và điện tử đã bước đầu hình thành hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn - phân khúc chiến lược trong nền kinh tế số. Việc ban hành các chính sách hỗ trợ đào tạo nhân lực chuyên sâu trong lĩnh vực này phản ánh chiến lược chủ động thích ứng với chuỗi giá trị toàn cầu [8989].

Cũng trong nhiệm kỳ, tỉnh Bắc Ninh đã thu hút 1.700 dự án mới và hơn 1.200 dự án điều chỉnh vốn, với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt trên 25 tỷ USD.

Kết quả này khẳng định năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và sức hấp dẫn của Bắc Ninh đối với các tập đoàn công nghiệp đa quốc gia [89].

Sự phát triển của khu vực công nghiệp đã tạo động lực lan tỏa sang các ngành kinh tế khác: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt 761,6 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 16,5%/năm. Chỉ số thương mại điện tử duy trì vị thế trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu. Khai thác hiệu quả giá trị di sản văn hóa phi vật thể (Dân ca Quan họ), tỉnh đã thu hút gần 18 triệu lượt khách, đạt doanh thu trên 14 nghìn tỷ đồng. Nông nghiệp của tỉnh chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị và công nghệ cao, với giá trị sản xuất ứng dụng công nghệ chiếm hơn 30%. Chương trình mục tiêu quốc gia về Nông thôn mới đạt kết quả khả quan với 51/66 xã đạt chuẩn và nhiều sản phẩm OCOP được chứng nhận [89].

Lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt được nhiều kết quả thực chất, góp phần củng cố nguồn lực nội sinh cho phát triển bền vững. Giáo dục và đào tạo của tỉnh duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn và đại trà trong nhóm dẫn đầu cả nước. Việc thu hút các cơ sở giáo dục đại học uy tín đặt trụ sở tại địa phương góp phần hình thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,56%; hoàn thành các chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát. Các giá trị văn hóa truyền thống và di sản lịch sử được bảo tồn tích cực, đóng vai trò là nền tảng tinh thần song hành cùng quá trình phát triển kinh tế [89].

Như vậy, những đặc điểm về tự nhiên, cơ sở hạ tầng, thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội như đã đề cập ở trên đã tạo nên một Bắc Ninh - hội tụ tinh hoa để phát triển CNH, HĐH.

2.1.1.2. Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh

Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh được thành lập vào đầu tháng 7 năm 1929 trên cơ sở tiền thân là chi bộ cộng sản đầu tiên ở hai tỉnh Bắc Ninh - Bắc Giang. Đến ngày 4/8/1929, Đảng bộ Đông Dương Cộng sản Bắc Ninh - Bắc Giang chính thức được thành lập; sau hội nghị hợp nhất ở Hương Cảng vào tháng 2/1930, tổ chức đổi tên thành Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Bắc Ninh - Bắc Giang. Toàn Đảng bộ khi đó có 4 chi bộ, đứng đầu Ban Tỉnh ủy là đồng chí Bí thư Phạm Văn Chất cùng 4 đồng chí Ủy viên: Hồ Ngọc Lâm, Nguyễn Hữu Căn, Nguyễn Xuân Hồng và Trần Nhu.

Từ khi thành lập cho đến nay, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đã trải qua ba lần chia tách, sáp nhập với Đảng bộ tỉnh Bắc Giang. Cụ thể, giai đoạn 1962 - 1996, hai đơn

vị sáp nhập thành Đảng bộ tỉnh Hà Bắc. Từ năm 1997 đến ngày 30/6/2025, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh được tái lập sau khi tách Đảng bộ tỉnh Hà Bắc.

Trước khi sáp nhập thành Đảng bộ mới, hệ thống lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh cũ được kiện toàn với cơ cấu chặt chẽ, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 42 đồng chí; Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 13 đồng chí. Thường trực Tỉnh ủy gồm 03 đồng chí: 01 Bí thư Tỉnh ủy (Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh); 01 Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (Chủ tịch HĐND tỉnh) và 01 Phó Bí thư Tỉnh ủy (Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch UBND tỉnh) [67].

Về quy mô, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh cũ có 12 đảng bộ trực thuộc (gồm 4 huyện, 2 thị xã, 2 thành phố và các Đảng bộ: Công an, Quân sự, các cơ quan Đảng, UBND tỉnh). Tổng số có 557 tổ chức cơ sở đảng với 62.706 đảng viên [93].

Thực hiện Quyết định số 310-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị [13], từ ngày 01/7/2025, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh mới chính thức được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai Đảng bộ tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh. Sự kiện này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển, mở ra một thời kỳ mới với nhiều cơ hội và thách thức.

Sau khi hợp nhất, quy mô và bộ máy lãnh đạo được điều chỉnh như sau:

Về tổ chức: Có 103 tổ chức đảng trực thuộc với trên 156 nghìn đảng viên (bao gồm Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh; Đảng bộ UBND tỉnh; Đảng bộ Công an tỉnh; Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và 99 đảng bộ cấp xã) [28].

Về nhân sự: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 84 đồng chí; Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 24 đồng chí. Các chức danh Bí thư và Phó Bí thư Tỉnh ủy được thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và hướng dẫn của Trung ương [101].

Như vậy, cho đến nay, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đã có lịch sử 96 năm (1929-2025) hình thành, xây dựng và phát triển. Trong 96 năm qua, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh luôn quán triệt, vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương CNH, HĐH của Trung ương phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tiễn của địa phương, lãnh đạo các tầng lớp nhân dân đoàn kết, phấn đấu bền bỉ, kiên cường, lập nên nhiều thành tựu to lớn, đồng thời tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, có ý nghĩa thực tiễn rất sâu sắc.

2.1.1.3. *Tỉnh ủy Bắc Ninh*

* *Khái niệm*

Theo Khoản 2, Điều 9, Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI quy định: “Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy)” [29].

Như vậy, *Tỉnh ủy Bắc Ninh* (gọi tắt của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh) là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh giữa hai kỳ đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, do đại hội bầu ra hoặc do Bộ Chính trị chỉ định.

* *Chức năng của Tỉnh ủy Bắc Ninh*

Theo Điều 1, Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương: “Cấp ủy cấp tỉnh có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện ở cấp tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp tỉnh và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương; lãnh đạo đảng bộ thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh; đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với địa phương” [13].

Từ đó cho thấy, Tỉnh ủy Bắc Ninh có hai chức năng: *Một là, chức năng lãnh đạo*, tức là Tỉnh ủy lãnh đạo các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên của Đảng bộ tỉnh; lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, xã hội; lãnh đạo các lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh. Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đảm bảo cho hoạt động của các tổ chức và các lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn phát triển theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy; góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách ấy, mà trước hết là thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh và các nghị quyết của tỉnh ủy. *Hai là, chức năng đề xuất, kiến nghị* với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với tỉnh.

** Nhiệm vụ, quyền hạn*

Theo Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và Quy chế làm việc số 01-QC/TU, ngày 01/7/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh, nhiệm kỳ 2020-2025 [13], Tỉnh ủy Bắc Ninh có một số nhiệm vụ như sau:

Lãnh đạo cụ thể hoá các chủ trương, biện pháp triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, các chủ trương, nghị quyết của Trung ương. Quyết định chương trình làm việc và chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm của Tỉnh ủy; quy chế làm việc của Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Căn cứ nội dung, tính chất của từng lĩnh vực, Tỉnh ủy ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nghị quyết của cấp ủy cấp tỉnh.

Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, học tập lý luận chính trị, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận; bảo vệ nền tảng của Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Quyết định chủ trương, giải pháp về xây dựng, quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế thuộc thẩm quyền. Lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ trong hệ thống chính trị. Căn cứ định hướng của Trung ương, xác định phương hướng chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp tại địa phương; chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập đại hội đảng bộ cấp tỉnh, hội nghị giữa nhiệm kỳ (nếu có).

Thực hiện tự phê bình và phê bình, chất vấn và lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định.

Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện: nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, công tác nội chính, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Lãnh đạo chính quyền địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Định hướng đối với những vấn đề đặc biệt quan trọng do Hội đồng nhân tỉnh quyết định. Xác định nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch dài hạn và trung hạn, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất của địa phương. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương và chính sách hậu phương quân đội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, tài sản của cấp ủy và đảng bộ theo thẩm quyền. Xem xét, cho ý kiến về những công việc ban thường vụ đã giải quyết giữa hai kỳ hội nghị cấp ủy cấp tỉnh; quyết định những vấn đề quan trọng khác do ban thường vụ trình.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

** Cơ cấu tổ chức*

Tính đến năm 2025, Tỉnh ủy Bắc Ninh gồm có: Bí thư Tỉnh ủy, các Phó Bí thư Tỉnh ủy (*Phó Bí thư thường trực, Phó Bí thư kiêm chủ tịch HĐND tỉnh; Phó Bí thư kiêm chủ tịch UBND tỉnh và Phó bí thư kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc là: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Đảng ủy các Cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh và Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ.

** Mối quan hệ công tác*

Theo Quy định 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy trực thuộc Trung ương; Tỉnh ủy Bắc Ninh có mối quan hệ công tác như sau:

Thứ nhất, với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Tỉnh ủy chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện; thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về những vấn đề quan trọng.

Thứ hai, với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng: Phối hợp công tác, sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ.

Thứ ba, với các cấp ủy trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức khác trực thuộc Trung ương: Phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng và phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, với Đảng ủy quân khu, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng: Phối hợp trong công tác quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang và bảo vệ biên giới.

Thứ năm, với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy: Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động.

Thứ sáu, với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc: Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng; giải quyết các vấn đề phát sinh.

2.1.2. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Bắc Ninh - Khái niệm, nội dung, đặc điểm, vai trò

2.1.2.1. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Bắc Ninh

** Khái niệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá*

+ Khái niệm công nghiệp hóa

Để hiểu công nghiệp hóa là gì, trước tiên cần hiểu thế nào là công nghiệp. Hiểu một cách đơn giản, công nghiệp là quá trình sử dụng máy móc, công nghệ và sức lao động để biến đổi nguyên liệu thô thành các sản phẩm có giá trị sử dụng cao hơn. Trong nền kinh tế quốc dân, công nghiệp là một bộ phận của sản xuất vật chất, bao gồm các hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên, chế biến các sản phẩm nông nghiệp và sản xuất các công cụ sản xuất hoặc hàng hóa tiêu dùng.

Về khái niệm *Công nghiệp hóa*, cho đến nay, có nhiều quan niệm khác nhau về CNH do cách tiếp cận, bối cảnh, thời gian nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu khác nhau.

Quan điểm khá phổ biến cho rằng: CNH là đưa đặc tính công nghiệp cho một hoạt động, thực chất là trang bị các nhà máy, các ngành công nghiệp cho một vùng, một nước [90]. Quan niệm này đã đồng nhất CNH với phát triển công nghiệp. Nếu quan niệm như vậy chưa toàn diện vì CNH được hình thành trên cơ sở cách mạng công nghiệp ở các nước Tây Âu và Mỹ, còn sự chuyển biến các hoạt động kinh tế - xã hội khác chỉ là hệ quả của phát triển công nghiệp chứ không phải là đối tượng trực tiếp của công nghiệp hóa.

Các nhà nghiên cứu ở Liên Xô trước đây cho rằng: Công nghiệp hóa là quá trình xây dựng nền đại công nghiệp cơ khí có khả năng cải tạo cả nông nghiệp. Đó là quá trình phát triển với ngành trung tâm là cơ khí chế tạo máy [866]. Với quan điểm này cũng chưa phù hợp để Liên Xô phát triển toàn diện, mạnh mẽ nền kinh tế nhưng nó đã trở thành quan niệm phổ biến, chi phối đường lối CNH ở các nước XHCN khác.

Có quan niệm cho rằng: CNH là quá trình phát triển kinh tế, trong quá trình này một bộ phận ngày càng tăng các nguồn của cải quốc dân được động viên để phát triển cơ cấu kinh tế nhiều ngành trong nước với kỹ thuật hiện đại. Đặc điểm cơ cấu này là có ngành chế biến luôn bảo đảm cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với nhịp độ cao, đạt tới sự tiến bộ kinh tế - xã hội [64]. Quan niệm này cho thấy, hoạt động CNH sẽ bao trùm lên toàn bộ nền kinh tế - xã hội của một quốc gia, không chỉ đạt tiến bộ về kinh tế, kỹ thuật mà còn cả những tiến bộ xã hội khác.

Từ các quan điểm nêu trên, luận án cho rằng: *Công nghiệp hóa là quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế nông nghiệp (hay tiền công nghiệp) lên kinh tế công nghiệp, từ xã hội nông nghiệp lên xã hội công nghiệp, từ nền văn minh nông nghiệp lên văn minh công nghiệp.*

Như vậy, nội hàm của công nghiệp hóa không chỉ là sự phát triển của ngành công nghiệp mà còn là quá trình chuyển đổi toàn diện về kinh tế, xã hội, cơ cấu lao động, trình độ khoa học-công nghệ và phương thức tổ chức đời sống xã hội theo hướng hiện đại, nhằm tạo ra nền tảng vật chất-kỹ thuật cho sự phát triển bền vững của đất nước.

+ *Khái niệm hiện đại hóa*

Cũng như khái niệm CNH, hiện nay có nhiều quan điểm khác nhau về hiện đại hóa.

Theo Từ điển Tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, 1996 do Hoàng Phê chủ biên: hiện đại có nghĩa là thuộc về thời đại ngày nay, nó đối lập với những cái thuộc về thói quen nhiều đời đã qua, lạc hậu [66]. Theo quan điểm này, HĐH là quá trình biến đổi từ những cái cũ, lạc hậu, trình độ thấp sang trình độ tiên tiến, hiện đại; hiện đại hóa chỉ có tính so sánh về thời gian trước sau, còn thời gian khởi đầu và thời gian kết thúc lại xác định tùy theo ngữ cảnh cụ thể.

Dưới góc độ kinh tế quan niệm: Hiện đại hóa là quá trình chuyển dịch căn bản từ kinh tế truyền thống, lạc hậu sang nền kinh tế hiện đại, được bắt đầu

từ thế kỷ XVII-XVIII kéo dài đến ngày nay và còn chưa kết thúc. Hiện đại hóa về kinh tế là sự thay đổi về tính chất, đồng thời có tính xác định về thời gian (có thời gian khởi đầu và sẽ có thời gian kết thúc của từng giai đoạn hiện đại hóa) [91].

Hiện đại hóa về kinh tế vừa có sự thay đổi về tính chất, vừa có tính xác định về thời gian. Giai đoạn đầu của HĐH được xác định trùng với thời kỳ diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (còn gọi là thời kỳ công nghiệp hóa). Trong giai đoạn này, công nghiệp hóa là nội dung cốt lõi của hiện đại hóa.

Từ các quan điểm nêu trên, luận án cho rằng: *Hiện đại hóa là việc ứng dụng, trang bị những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quá trình sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội; từ việc sử dụng sức lao động thủ công sang sử dụng sức lao động ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, mới nhất.*

Như vậy, nội hàm của hiện đại hóa là quá trình ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học-công nghệ tiên tiến vào mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế-xã hội nhằm chuyển đổi phương thức sản xuất, quản lý và lao động theo hướng hiện đại, qua đó nâng cao năng suất lao động, hiệu quả phát triển và chất lượng cuộc sống.

+ Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh

Từ sự phân tích ở trên về các quan niệm CNH, HĐH có thể khẳng định giữa CNH, HĐH có mối quan hệ gắn bó. Nếu CNH là quá trình trang bị công nghệ và thiết bị để cơ khí hóa nền kinh tế quốc dân, chuyển lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc trên quy mô toàn bộ nền kinh tế thì HĐH là quá trình thường xuyên cập nhật và nâng cấp lên công nghệ hiện đại nhất, mới nhất trong quá trình CNH. Như vậy, HĐH là quá trình liên tục thay đổi công nghệ cũ bằng công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại hơn. Về bản chất, HĐH là cái đích vươn tới của CNH, nó không cố định hay duy nhất với mỗi khu vực, mỗi quốc gia, mỗi ngành nghề mà luôn thay đổi theo sự phát triển với trình độ ngày càng cao của khoa học và công nghệ và trình độ văn minh nhân loại.

Quan điểm của Đảng ta về CNH, HĐH cũng là một quá trình phát triển về nhận thức tư duy từ sau năm 1986 đến nay. Trải qua mỗi kỳ đại hội, quan niệm, nhận thức về nội dung CNH, HĐH ở nước ta ngày càng rõ ràng hơn, cụ thể hơn. Trong đó phải kể đến quan điểm của Đảng về CNH, HĐH tại Hội nghị Trung

ương 7, khóa VII đó là: “CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao” [9]. Quan niệm này phản ánh một bước phát triển tư duy lý luận của Đảng về CNH, HĐH thể hiện trên các khía cạnh sau:

Một là, phạm vi CNH, HĐH không chỉ là sự thay đổi nhỏ lẻ, mà là sự chuyển đổi sâu rộng, ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của nền kinh tế và xã hội. Nó đòi hỏi sự thay đổi từ tư duy, cách làm, đến cơ cấu tổ chức và thể chế.

Hai là, cốt lõi của CNH, HĐH là phát triển lực lượng sản xuất để dần đạt đến trình độ tương đối hiện đại. Phần lớn lao động thủ công, giản đơn, dựa vào sức người là chủ yếu sang lao động có kỹ năng, được trang bị công nghệ hiện đại. Sử dụng máy móc, thiết bị, phần mềm, và các giải pháp công nghệ để tự động hóa, số hóa các quy trình sản xuất và quản lý. Đồng thời áp dụng các phương pháp quản lý chất lượng, quản lý chuỗi cung ứng, quản lý dự án,... để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Ba là, nền tảng của CNH, HĐH là dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ; nhằm tạo ra năng suất lao động cao, giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, giúp cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Đến Nghị quyết số 29-NQ/TW (Nghị quyết 29- NQ/TW), ngày 17/11/2022, Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định: “CNH, HĐH đất nước là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; là nhiệm vụ trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [10].

Như vậy, Nghị quyết 29-NQ/TW vừa có sự kế thừa, vừa có sự phát triển nội hàm khái niệm CNH, HĐH mà Đảng đưa ra tại Hội nghị Trung ương 7, khóa VII. Về nội hàm CNH, HĐH Nghị quyết 29-NQ/TW đã mở rộng phạm vi CNH, HĐH không chỉ dựa vào phát triển công nghiệp mà còn dựa vào dịch vụ và đặc biệt bổ sung yếu tố đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phù hợp với xu

thế CMCN 4.0 và kinh tế tri thức. Nghị quyết 29-NQ/TW còn xác định mục tiêu CNH, HĐH không chỉ là nước công nghiệp mà là nước phát triển, có thu nhập cao và hướng tới phát triển bền vững. Nghị quyết 29-NQ/TW đặt CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu và tập trung vào công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, thể hiện sự chuyển đổi từ chiều rộng sang chiều sâu.

Từ sự phân tích các quan niệm khác nhau và quan điểm của Đảng ta về CNH, HĐH, luận án cho rằng: *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, hướng tới mục tiêu trở thành thành phố công nghiệp hiện đại, thông minh, giàu bản sắc, đóng góp vai trò cực tăng trưởng quan trọng trong Vùng đồng bằng sông Hồng.*

Khái niệm CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh cho thấy:

Về phạm vi CNH, HĐH ở Bắc Ninh là sự thay đổi toàn diện về kinh tế và xã hội. Đó là sự thay đổi về quy mô kinh tế, dịch chuyển cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, tăng năng suất lao động. Đồng thời các lĩnh vực của đời sống xã hội (quản lý nhà nước, văn hóa, an sinh xã hội, nguồn nhân lực, đô thị...) cũng trở lên hiện đại hơn, văn minh hơn. Sự thay đổi này được thể hiện ở việc thay đổi từ tư duy đến tổ chức thực hiện, cách thức quản lý, vận hành. Như vậy, về bản chất CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh là sự chuyển đổi căn bản và toàn diện nền kinh tế và xã hội.

Về động lực của CNH, HĐH ở Bắc Ninh là phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tăng năng suất lao động, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh.

Mục tiêu của CNH, HĐH ở Bắc Ninh là tạo ra năng suất lao động xã hội cao, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, đưa tỉnh Bắc Ninh trở thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ hiện đại nhưng giàu bản sắc văn hóa Kinh Bắc của Vùng đồng bằng sông Hồng, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

** Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh*

Thứ nhất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và công nghiệp theo hướng hiện đại, gia tăng hàm lượng công nghệ và năng suất tổng hợp

Đây là nội dung cốt lõi của quá trình CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh. Trước hết, đó là sự chuyển dịch trong cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ theo hướng hiện đại, đồng thời giảm thiểu tỷ trọng khu vực nông nghiệp. Mục tiêu là thiết lập một cấu trúc kinh tế phản ánh một nền kinh tế công nghiệp phát triển, trong đó khu vực dịch vụ được hiện đại hóa để trở thành ngành hỗ trợ đắc lực cho sản xuất công nghiệp, đặc biệt là dịch vụ logistics, tài chính và thương mại điện tử. Hai là, sự chuyển dịch tập trung vào nâng cao chất lượng nội tại của ngành công nghiệp mà trọng tâm là chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo chiều sâu, thay thế các ngành sử dụng lao động và tài nguyên bằng các ngành có hàm lượng công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn. Tỉnh ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như điện tử, bán dẫn, và công nghệ thông tin.

Thứ hai, phát triển hạ tầng và đô thị hiện đại, thông qua việc đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông kết nối vùng và xây dựng đô thị thông minh, lấy chuyển đổi số làm phương tiện để nâng cao hiệu quả quản lý hành chính và cung cấp dịch vụ công.

Đây là nội dung mang tính nền tảng trong tiến trình CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh, nhằm tạo ra môi trường vật chất và quản trị tương xứng với vị thế của một trung tâm công nghiệp công nghệ cao. Quá trình này được triển khai đồng bộ trên hai nội dung chính là HĐH hạ tầng kỹ thuật và xây dựng đô thị thông minh. Việc đầu tư được ưu tiên cho các dự án hạ tầng kỹ thuật chiến lược, đặc biệt là hệ thống giao thông kết nối vùng, nhằm tối ưu hóa lưu thông hàng hóa, nguyên vật liệu và nhân lực, giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh. Song song với phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại, quá trình CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh còn xây dựng mô hình đô thị thông minh, thực hiện chính quyền số và các nền tảng dịch vụ công trực tuyến, trọng tâm lấy công nghệ số làm phương tiện chủ đạo để nâng cao hiệu quả quản lý hành chính và chất lượng dịch vụ công, nhằm nâng cao chất lượng sống vật chất và tinh thần của người dân, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế phải gắn liền với tiến bộ xã hội và đô thị hóa bền vững.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới căn bản giáo dục nghề nghiệp, tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để cung ứng đội ngũ kỹ sư và công nhân kỹ thuật có khả năng làm chủ công nghệ mới.

Đây là ba trụ cột chiến lược của CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh, là ưu tiên chiến lược của tỉnh để hướng tới nền sản xuất công nghệ cao, sáng tạo và bền vững. Thực hiện nội dung này nhằm chuyển đổi lực lượng lao động từ mô hình thâm dụng lao động phổ thông sang mô hình kinh tế tri thức và công nghệ cao. Muốn vậy, phải đổi mới căn bản giáo dục nghề nghiệp như: đổi mới chương trình đào tạo nghề nghiệp theo hướng hiện đại hóa và quốc tế hóa, tập trung vào các lĩnh vực kỹ thuật chuyên sâu như cơ khí chính xác, điện tử, tự động hóa, công nghệ thông tin và quản trị sản xuất thông minh. Đầu tư nâng cấp trang thiết bị thực hành tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề đạt tiêu chuẩn công nghệ tiên tiến. Đào tạo lại và thu hút đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn từ môi trường sản xuất công nghiệp. Đồng thời tăng cường mối liên kết giữa Nhà nước - cơ sở đào tạo - doanh nghiệp để giải quyết khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn. Qua đó, giúp tỉnh Bắc Ninh thúc đẩy năng suất lao động, duy trì vị thế cạnh tranh và thu hút đầu tư trong dài hạn.

Thứ tư, đảm bảo phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái, trong đó yêu cầu kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm công nghiệp, xử lý triệt để chất thải và khuyến khích các dự án đầu tư xanh, nhằm cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn tài nguyên.

Đây là một yêu cầu mang tính nguyên tắc và chiến lược trong quá trình CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh, nhằm giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo tồn tài nguyên, bảo vệ chất lượng sống của người dân. Trong đó, trọng tâm thực hiện ba nội dung cơ bản là: kiểm soát và xử lý ô nhiễm công nghiệp; khuyến khích và ưu tiên đầu tư xanh; cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn tài nguyên. Nghĩa là, trong quá trình thực hiện CNH, HĐH, tỉnh Bắc Ninh cần tập trung vào việc kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm công nghiệp, xử lý triệt để chất thải, đặc biệt là chất thải công nghiệp và làng nghề, đồng thời khuyến khích, ưu tiên các dự án đầu tư xanh, thân thiện với môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Song song với đó, là khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do phát triển công nghiệp và đô thị hóa nhanh trong thời gian qua gây ra.

Thứ năm, cải cách hành chính và đảm bảo an sinh xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa toàn diện, bền vững tại tỉnh Bắc Ninh

Đây là nội dung tất yếu của CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh; là quá trình đổi

mới toàn diện phương thức quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Nội dung này nhằm tạo lập một nền hành chính hiện đại, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả không chỉ tạo môi trường đầu tư minh bạch, thông thoáng, thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, mà còn giúp chính quyền chủ động quản lý, điều tiết các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển công nghiệp và đô thị hóa. Đồng thời, việc thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội góp phần bảo đảm tăng trưởng bao trùm, ổn định xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho CNH, HĐH phát triển bền vững và khẳng định vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy.

Thứ sáu, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, hướng tới sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

Đây là nội dung không thể thiếu, nhằm đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa các khu vực kinh tế trong quá trình CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh. Cần tập trung chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là thay đổi phương thức sản xuất truyền thống, nhỏ lẻ sang mô hình sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn. Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh theo mô hình chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ, đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, thực hiện các biện pháp hiện đại hóa nông nghiệp để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm như đầu tư vào việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất, kiểm soát môi trường, theo dõi dịch bệnh, và tối ưu hóa lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Việc này giúp giảm thiểu chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả và đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

** Đặc điểm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh*

Một là, đặc điểm nổi bật nhất trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Bắc Ninh là sự phát triển mạnh các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, đặc biệt là sản xuất điện tử, linh kiện bán dẫn và công nghệ thông tin.

Đây là sự lựa chọn chiến lược thay vì phát triển công nghiệp đa ngành dàn trải. Sự tập trung này đã biến Bắc Ninh thành "cứ điểm" sản xuất công nghiệp điện tử lớn nhất cả nước, với tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp từ

khu vực này chiếm hơn 80% tổng giá trị công nghiệp toàn tỉnh. Sự thống trị này đã tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) ấn tượng và nguồn thu ngân sách lớn. Tuy nhiên, nó cũng tạo ra rủi ro về tính ổn định vĩ mô khi nền kinh tế phụ thuộc quá lớn vào chu kỳ sản xuất và nhu cầu thị trường toàn cầu của một số tập đoàn lớn.

Hai là, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Bắc Ninh mang đậm dấu ấn của mô hình tăng trưởng hướng ngoại, trong đó thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng vai trò chủ đạo trong việc thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài không chỉ cung cấp nguồn vốn đầu tư khổng lồ mà còn là kênh chuyển giao công nghệ tiên tiến, quy trình quản lý hiện đại và khả năng kết nối trực tiếp vào chuỗi giá trị sản phẩm toàn cầu. Các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã trở thành động lực chính tạo ra việc làm, kim ngạch xuất nhập khẩu và nguồn thu ngân sách. Mặc dù mô hình này tạo ra sự bứt phá nhanh chóng về kinh tế, nó đặt ra thách thức lớn về tính bền vững nội sinh. Yêu cầu đặt ra trong giai đoạn hiện đại hóa là phải tăng cường tính lan tỏa của đầu tư trực tiếp nước ngoài. Điều này bao gồm việc nâng cao năng lực của các doanh nghiệp trong nước để tham gia sâu vào công nghiệp hỗ trợ, giảm sự chênh lệch về năng suất và trình độ công nghệ giữa khối đầu tư trực tiếp nước ngoài và khối doanh nghiệp nội địa, qua đó tăng cường khả năng tự chủ và khả năng chống chịu của nền kinh tế tỉnh.

Ba là, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh gắn liền với quá trình triển khai mô hình đô thị thông minh.

Hay nói cách khác đặc điểm CNH, HĐH của Bắc Ninh là đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa và sự chuyển đổi từ CNH chiều rộng sang CNH chiều sâu. Đây là sự ứng dụng đồng bộ công nghệ số (AI, IoT, Big Data) vào tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, dịch vụ công và đời sống đô thị, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng cuộc sống. Việc xây dựng đô thị thông minh là nội dung đặc trưng cho giai đoạn hiện đại hóa sau khi đã hoàn thành các bước cơ bản của công nghiệp hóa. Nó phản ánh sự chuyển đổi từ chính quyền quản lý sang chính quyền kiến tạo và phục vụ bằng công cụ số hóa. Mục tiêu là tạo ra một môi trường sống tiện nghi, an toàn, thân thiện với môi trường, và minh bạch trong hành chính, qua đó nâng cao chỉ số hạnh phúc và thu hút nguồn

nhân lực chất lượng cao, đồng thời hướng tới xây dựng Bắc Ninh là thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc.

** Vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh*

Thứ nhất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đóng vai trò quyết định phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là động lực cốt lõi thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ, nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, CNH, HĐH còn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng, từng bước đưa Bắc Ninh từ một tỉnh thuần nông trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại. Bên cạnh đó, CNH, HĐH còn là động lực nội sinh giúp bảo tồn và lan tỏa bản sắc văn hóa Kinh Bắc độc đáo trong thời đại mới. Từ đó tạo ra nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc để Bắc Ninh sớm đạt các tiêu chí của thành phố trực thuộc Trung ương, nâng tầm vị thế của Bắc Ninh trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Vùng đồng bằng sông Hồng.

Thứ hai, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh góp phần quan trọng vào thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Thành công của CNH, HĐH tại Bắc Ninh đóng vai trò là cực tăng trưởng trọng điểm trong Vùng kinh tế phía Bắc, tạo ra xung lực mạnh mẽ dẫn dắt các chỉ số vĩ mô của quốc gia. Điều này được thể hiện qua các con số như: năm 2025, tăng trưởng GRDP của tỉnh ước đạt 10,27%, đứng thứ 5 toàn quốc và là một trong số ít các địa phương duy trì mức tăng trưởng hai con số; là địa phương đứng thứ 2 cả nước về kim ngạch xuất nhập khẩu với con số kỷ lục ước đạt 182 tỷ USD, đóng góp trực tiếp vào sự ổn định của cán cân thương mại và dự trữ ngoại hối quốc gia; thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 5,5 tỷ USD (xếp thứ 3 toàn quốc), chỉ sau TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội; thu ngân sách ước đạt 72,5 nghìn tỷ đồng (vượt 27,6% dự toán), đóng góp đáng kể vào ngân sách Trung ương [96].

Đặc biệt, thành công của CNH, HĐH ở Bắc Ninh là thực tiễn tiêu biểu cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Bởi vì đến năm 2025, trong khi mục tiêu tỷ trọng công nghiệp - xây dựng của cả nước hướng tới khoảng 40% theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, thì khu vực này ở Bắc Ninh đã đạt tới 71,3% GRDP [96], phản ánh trình độ công nghiệp hóa vượt trội và vai trò hạt nhân dẫn dắt CNH, HĐH của vùng. Bắc Ninh đã sớm hoàn thành mục tiêu trở

thành tỉnh công nghiệp và thực hiện thành công chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, góp phần nâng tầm chuỗi giá trị quốc gia.

Đồng thời, với vị thế là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút FDI, Bắc Ninh trở thành cửa ngõ tiếp nhận công nghệ và dòng vốn toàn cầu, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ tới các tỉnh trong Vùng Thủ đô và chuỗi cung ứng quốc tế. Việc thu hút thành công các tập đoàn công nghệ lớn như Samsung, Amkor không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, mà còn cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn có giá trị cho cả nước trong đổi mới sáng tạo, thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập sâu rộng.

Thứ ba, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo ra nguồn lực vật chất và kỹ thuật lớn để đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, hướng tới phát triển bền vững của tỉnh.

Trước hết, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhân tố tác động dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu lao động, từ khu vực nông nghiệp năng suất thấp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ năng suất cao. Điều này không chỉ giảm tỷ lệ thất nghiệp mà còn giúp tăng mức thu nhập thực tế của người lao động. Sự xuất hiện của đội ngũ kỹ sư, quản lý và công nhân kỹ thuật chất lượng cao là minh chứng cho sự thay đổi về mặt xã hội.

Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn tạo nền tảng vật chất cho phát triển hạ tầng, đô thị, phúc lợi xã hội và quản trị hiện đại. Nguồn thu ngân sách ổn định và lớn từ công nghiệp là nguồn lực tài chính chủ yếu để tỉnh thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Điều này bao gồm đầu tư vào hệ thống giáo dục, y tế chất lượng cao, các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động bị ảnh hưởng bởi công nghệ, và các chính sách hỗ trợ người nghèo, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau. Ngoài ra, quá trình CNH, HĐH gắn liền với việc phát triển đô thị thông minh và cải thiện hạ tầng xã hội, giao thông, giúp nâng cao chất lượng môi trường sống và mức sống, củng cố niềm tin và sự hài lòng của người dân đối với sự phát triển của tỉnh.

2.1.2.2. *Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Bắc Ninh*

** Khái niệm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh*

Đẩy mạnh là tăng cường, thúc đẩy hoặc làm cho một hoạt động, công việc hay

quá trình nào đó phát triển mạnh mẽ hơn, nhanh chóng hơn. Cụm từ này thường được dùng để chỉ việc làm tăng tốc hoặc nâng cao hiệu quả của một hoạt động.

Theo Từ điển Tiếng Việt của nhà xuất bản Thanh Hoá định nghĩa: *đẩy mạnh là thúc đẩy cho phát triển nhanh lên.*

Từ sự luận giải về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh đã nêu ở trên, luận án cho rằng: *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh là tổng thể các biện pháp của các chủ thể để thúc đẩy nhanh, mạnh hơn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm đưa tỉnh Bắc Ninh sớm trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại của vùng đồng bằng sông Hồng, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.*

Chủ thể, lực lượng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh cũng là các chủ thể thực hiện CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh.

** Nội dung đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Bắc Ninh*

Từ nội dung CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh cho thấy nội dung đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh như sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và công nghiệp theo hướng hiện đại, gia tăng hàm lượng công nghệ và năng suất tổng hợp

Để thúc đẩy quá trình CNH, HĐH theo chiều sâu và nâng cao chất lượng tăng trưởng, Bắc Ninh tập trung thực hiện hai biện pháp chiến lược. Một là, tỉnh quyết liệt đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách hợp lý, theo đó, tỷ trọng của khu vực công nghiệp và dịch vụ hiện đại tăng lên, đồng thời giảm dần tỷ trọng của khu vực nông nghiệp. Mục tiêu là tạo ra nền kinh tế có năng suất và giá trị gia tăng cao hơn. Hai là, Bắc Ninh chú trọng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo chiều sâu, tập trung vào việc gia tăng hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng trong sản phẩm. Điều này được cụ thể hóa bằng việc ưu tiên thu hút và phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như điện tử, bán dẫn và công nghệ thông tin. Đây là bước đi then chốt nhằm biến Bắc Ninh thành một trung tâm công nghiệp công nghệ cao, củng cố vị thế vững chắc trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển hạ tầng và đô thị hiện đại, thông qua việc đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông kết nối vùng và xây dựng đô thị thông minh, lấy chuyển đổi số làm phương tiện để nâng cao hiệu quả quản lý hành chính và cung cấp dịch vụ công.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng và đô thị hiện đại giúp giảm chi phí vận chuyển và thời gian lưu thông hàng hóa, đặc biệt là các sản phẩm công nghệ cao có giá trị lớn và vòng đời ngắn. Qua đó tăng tính cạnh tranh của hàng hóa sản xuất tại Bắc Ninh, giúp thu hút các tập đoàn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn yêu cầu chuỗi cung ứng linh hoạt. Ngoài ra, nếu có hệ thống kết nối tốt (với Hà Nội, cảng biển Hải Phòng, sân bay Nội Bài) giúp mở rộng không gian kinh tế của tỉnh, biến Bắc Ninh thành một cửa ngõ trung chuyển quan trọng trong Vùng Kinh tế trọng điểm phía Bắc. Đảm bảo nguyên liệu đầu vào và đầu ra cho các Khu công nghiệp tập trung, đặc biệt là khu công nghiệp công nghệ cao.

Để đẩy mạnh phát triển hạ tầng và đô thị, tỉnh Bắc Ninh cần đẩy nhanh tiến độ các dự án giao thông huyết mạch kết nối Bắc Ninh với các trung tâm kinh tế lớn nhằm giảm chi phí logistics. Đồng thời phải triển khai toàn diện chính quyền số, trọng tâm là lấy công nghệ số làm đòn bẩy để cải cách hành chính, đặc biệt trong các dịch vụ liên quan đến đầu tư, đất đai và giấy phép xây dựng. Xây dựng kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4, đảm bảo tính minh bạch và tốc độ xử lý. Xây dựng hệ thống cáp quang, 5G và các trung tâm dữ liệu đủ năng lực để vận hành toàn bộ hệ thống đô thị thông minh và đáp ứng nhu cầu sản xuất công nghiệp 4.0.

Thứ ba, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới căn bản giáo dục nghề nghiệp, tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để cung ứng đội ngũ kỹ sư và công nhân kỹ thuật có khả năng làm chủ công nghệ mới.

Nội dung này nhằm đáp ứng nhu cầu cung ứng nhân lực cao đáp ứng được yêu cầu về hàm lượng công nghệ và kỹ thuật. Vì vậy, các Trường đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh cần đẩy mạnh việc đổi mới căn bản giáo dục nghề nghiệp; kịp thời đổi mới chương trình đào tạo nghề nghiệp theo hướng hiện đại hóa và quốc tế hóa, tập trung vào các lĩnh vực kỹ thuật chuyên sâu như cơ khí chính xác, điện tử, tự động hóa, công nghệ thông tin và quản trị sản xuất thông minh. Đẩy mạnh đầu tư nâng cấp trang thiết bị thực hành tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề đạt tiêu chuẩn công nghệ tiên tiến. Đẩy mạnh việc đào tạo lại và thu hút đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn từ môi trường sản xuất công nghiệp. Đồng thời tăng cường mối liên kết giữa Nhà nước - cơ sở đào tạo - doanh nghiệp để giải quyết khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn.

Thứ tư, đẩy mạnh phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái, trong đó yêu cầu kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm công nghiệp, xử lý triệt để chất thải và khuyến khích các dự án đầu tư xanh, nhằm cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn tài nguyên.

Đẩy mạnh phát triển vững và bảo vệ môi trường sinh thái là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cũng xác định bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Khi thực hiện đẩy mạnh phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái sẽ đạt được sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường. Điều này nhằm khắc phục những hệ quả tiêu cực của giai đoạn phát triển công nghiệp thâm dụng tài nguyên trước đây.

Đối với tỉnh Bắc Ninh, rất cần thiết phải đẩy mạnh phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực hiện nội dung này sẽ giúp Bắc Ninh khắc phục được tình trạng ô nhiễm môi trường, xử lý sự cố môi trường do CNH, HĐH gây ra và đáp ứng yêu cầu hội nhập, tiêu chuẩn quốc tế, yêu cầu của các nhà đầu tư lớn khi đầu tư tại Bắc Ninh. Vì vậy, tỉnh Bắc Ninh cần thực hiện nội dung đẩy mạnh phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái, trong đó yêu cầu kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm công nghiệp, xử lý triệt để chất thải và khuyến khích các dự án đầu tư xanh, nhằm cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn tài nguyên.

Thứ năm, đẩy mạnh cải cách hành chính và đảm bảo an sinh xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa toàn diện, bền vững tại tỉnh Bắc Ninh

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền kiến tạo nhằm tạo môi trường đầu tư minh bạch có vai trò đặc biệt quan trọng trong thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, tỉnh Bắc Ninh cần đẩy mạnh cải cách các yếu tố của nền hành chính như thể chế hành chính, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả. Từ đó, tạo môi trường đầu tư minh bạch, thông thoáng, thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đồng thời, giúp chính quyền chủ động quản lý, điều tiết các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển công nghiệp và đô thị hóa.

Song song đó, tỉnh Bắc Ninh cần quan tâm đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, tạo nền tảng xã hội ổn định, nguồn lao động khỏe mạnh, có trình độ và kỹ năng phù hợp với yêu cầu sản xuất hiện đại.

Thứ sáu, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, hướng tới sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

Đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển CNH, HĐH của tỉnh Bắc Ninh. Điều này giúp nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp; thúc đẩy chuyển dịch lao động; hình thành nền nông nghiệp hiện đại gắn với chuỗi giá trị, góp phần ổn định xã hội và tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế bền vững.

Vì vậy, tỉnh Bắc Ninh cần đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh theo mô hình chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ, đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và đẩy mạnh thực hiện các biện pháp hiện đại hóa nông nghiệp để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

** Biện pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Bắc Ninh*

Thứ nhất, đổi mới tư duy phát triển và hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đổi mới tư duy phát triển và hoàn thiện thể chế là yêu cầu mang tính đột phá để thúc đẩy CNH, HĐH trong giai đoạn mới. Nó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Bắc Ninh đang chuyển dịch mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu. Vì vậy, tỉnh cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò của CNH, HĐH gắn với kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tri thức; đồng thời quán triệt tư duy phát triển dựa trên đổi mới sáng tạo thay cho cách tiếp cận truyền thống dựa vào đầu tư và lao động giá rẻ. Điều này đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng khoa học, hiện đại, kịp thời và hiệu quả hơn.

Đối với Bắc Ninh, nhiệm vụ này cần được cụ thể hóa bằng việc rà soát, cập nhật quy hoạch tỉnh theo hướng tích hợp, đồng bộ và hiện đại, phù hợp với phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số và công nghệ cao trong bối cảnh Cách

mạng công nghiệp 4.0. Trên cơ sở đó, tỉnh cần hoàn thiện hệ thống thể chế phát triển với các cơ chế, chính sách đột phá nhằm thu hút đầu tư công nghệ cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp nền tảng. Hệ thống thể chế đồng bộ và hiệu quả sẽ tạo lập môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định, giảm chi phí cho doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh.

Thứ hai, phát triển mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn bộ nền kinh tế

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chủ yếu của phát triển. Đối với tỉnh Bắc Ninh đây là nhiệm vụ mang tính chiến lược. Do vậy, tỉnh cần đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, các nền tảng công nghệ phục vụ doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Đặc biệt, cần thúc đẩy hình thành các trung tâm nghiên cứu, vườn ươm công nghệ, khu công nghệ cao, nơi doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học có thể hợp tác phát triển sản phẩm mới.

Ngoài ra, Bắc Ninh cần hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, công nghệ vật liệu mới và mô hình quản trị thông minh nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất và giảm chi phí, đặc biệt trong các ngành điện tử, vi mạch và công nghiệp hỗ trợ để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, tỉnh Bắc Ninh phải thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và dịch vụ công, qua đó hình thành chính quyền số, kinh tế số và mô hình phát triển dựa trên tri thức, đổi mới sáng tạo và công nghệ hiện đại.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực công nghệ cao gắn với nhu cầu thị trường

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, tỉnh Bắc Ninh cần xây dựng chiến lược dài hạn về đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng phát triển công nghệ. Trong đó, ưu tiên đào tạo các lĩnh vực như tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin, quản trị sản xuất hiện đại và kỹ thuật điện, điện tử.

Bên cạnh đào tạo chính quy, tỉnh Bắc Ninh cần mở rộng đào tạo nghề theo mô hình hợp tác giữa nhà trường - doanh nghiệp - cơ quan quản lý nhà nước. Ngoài ra, Bắc Ninh cần có cơ chế thu hút chuyên gia, nhà khoa học và

lao động kỹ năng cao, đồng thời xây dựng môi trường làm việc minh bạch, cạnh tranh và thuận lợi cho đội ngũ lao động sáng tạo.

Thứ tư, phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn và mở rộng công nghiệp hỗ trợ theo hướng hiện đại

Việc phát triển công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn là nội dung trọng tâm của CNH, HĐH theo Nghị quyết số 29, hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Với vị thế là trung tâm sản xuất điện tử lớn của cả nước, Bắc Ninh xác định phát triển công nghiệp nền tảng và mũi nhọn là trọng tâm của tiến trình CNH, HĐH. Để hiện thực hóa mục tiêu này, tỉnh Bắc Ninh cần ban hành các cơ chế đặc thù về thuế, đất đai và hạ tầng để thu hút các tập đoàn đa quốc gia, thiết lập trung tâm nghiên cứu và phát triển, tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế số.

Đặc biệt, phát triển công nghiệp hỗ trợ là nhiệm vụ ưu tiên nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu và tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước. Bắc Ninh cần xây dựng chương trình tổng thể thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ gắn kết chặt chẽ với khối doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trọng tâm là đầu tư vào các lĩnh vực chế tạo linh kiện cơ khí chính xác, vật liệu mới, và công nghiệp phụ trợ điện tử, nhằm đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe của các chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thứ năm, phát triển hạ tầng và thực hiện phát triển công nghiệp theo hướng xanh, tuần hoàn và bảo đảm bền vững môi trường

Nhận thức rõ kết cấu hạ tầng có vai trò nền tảng, giữ vị trí hết sức quan trọng, phục vụ trực tiếp và gián tiếp cho các hoạt động sản xuất, hoạt động tiêu dùng thúc đẩy quá trình CNH, HĐH, tỉnh Bắc Ninh đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhất là hạ tầng giao thông. Để đảm bảo hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, yêu cầu đặt ra phải đẩy mạnh cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông, kết nối các khu công nghiệp với các tuyến quốc lộ, đường sắt và sân bay quốc tế. Điều này giúp tăng tính cạnh tranh và thu hút các nhà đầu tư khi đến với Bắc Ninh. Đồng thời tỉnh Bắc Ninh xác định xây dựng và nâng cấp hạ tầng trong các khu công nghiệp, đảm bảo các khu công nghiệp có mạng lưới viễn thông, điện năng và Internet ổn định để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

Để kinh tế phát triển bền vững, thực hiện CNH, HĐH phải gắn với bảo vệ môi trường, phát triển xanh và kinh tế tuần hoàn. Theo đó, Bắc Ninh cần hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường; tăng cường giám sát tự động nguồn thải; yêu cầu doanh nghiệp đầu tư công nghệ xử lý hiện đại và xử lý nghiêm các vi phạm, đồng thời thúc đẩy phát triển khu công nghiệp sinh thái, công nghiệp tuần hoàn, mở rộng sử dụng năng lượng tái tạo và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát môi trường.

Thứ sáu, đẩy mạnh thu hút đầu tư có chọn lọc gắn với phát huy vai trò động lực của các doanh nghiệp tư nhân

Bước vào kỷ nguyên mới, tỉnh Bắc Ninh đang đối diện với ngưỡng giới hạn về dư địa đất đai và tài nguyên, việc chuyển dịch chiến lược sang thu hút đầu tư có chọn lọc không còn là lựa chọn mà là yêu cầu tất yếu để duy trì đà tăng trưởng bền vững. Tỉnh chú trọng ưu tiên các dự án công nghệ mũi nhọn thuộc các ngành công nghiệp hàm lượng tri thức cao như bán dẫn, vi mạch và năng lượng tái tạo, nhằm tạo ra sự bứt phá về giá trị gia tăng và xác lập vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, thay vì tập trung vào tăng trưởng quy mô theo chiều rộng. Đặc biệt, với biện pháp này sẽ định hình lại mối quan hệ giữa khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài và nội lực địa phương.

Hơn nữa, tỉnh Bắc Ninh kiên quyết thực hiện các biện pháp đột phá nhằm kiến tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch, lấy việc nuôi dưỡng và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân có tiềm lực mạnh làm trọng tâm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thay cho hỗ trợ dàn trải, tỉnh tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia sâu vào các phân khúc giá trị gia tăng của chuỗi cung ứng toàn cầu. Vì vậy, việc phát huy động lực khu vực kinh tế tư nhân trở thành giải pháp then chốt để tăng cường tính tự chủ, tự cường của nền kinh tế, chuyển hóa ngoại lực thành động lực nội sinh và hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Bắc Ninh thành trung tâm công nghiệp công nghệ cao, hiện đại và văn minh.

** Vai trò đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Bắc Ninh*

Một là, thúc đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững sớm đưa tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 và đến năm 2045 là thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc

Thông qua việc đẩy mạnh CNH, HĐH tạo ra bốn sự thay đổi cơ bản về mặt kinh tế và xã hội ở tỉnh Bắc Ninh. Trước hết, đẩy mạnh CNH, HĐH tạo ra các cực tăng trưởng mới thông qua việc hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, từ đó thu hút vốn FDI, công nghệ và quy trình quản trị tiên tiến của các doanh nghiệp lớn. Qua đó, tăng nguồn thu ngân sách cho tỉnh. Thứ hai, đẩy mạnh CNH, HĐH làm chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động ở tỉnh Bắc Ninh. Đây là vai trò quan trọng, thay thế lao động thủ công bằng máy móc và công nghệ tiên tiến. Thứ ba, đẩy mạnh CNH, HĐH thúc đẩy việc phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ để phục vụ cho CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh. Điều này giúp tỉnh Bắc Ninh hình thành hệ thống hạ tầng giao thông kết nối đồng bộ từ khu công nghiệp đến sân bay, cảng biển, giúp lưu thông hàng hóa hơn, giảm chi phí logistic cho các doanh nghiệp. Đồng thời, còn thúc đẩy việc triển khai chính quyền điện tử, chuyển đổi số, giảm thủ tục hành chính. Thứ tư, đẩy mạnh CNH, HĐH kéo theo các ngành kinh tế khác phát triển như dịch vụ đi kèm và thúc đẩy quá trình đô thị hóa nhanh chóng.

Như vậy, đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh sẽ dẫn đến tăng trưởng kinh tế nhanh, thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, nâng cao mức sống của người dân và kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh, góp phần đưa tỉnh Bắc Ninh sớm đạt các tiêu chí để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Hai là, đẩy nhanh tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đời sống nhân dân

Thông qua đẩy mạnh CNH, HĐH đã hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thu hút hàng trăm doanh nghiệp, tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới trong các nhà máy cho chính người dân của tỉnh Bắc Ninh và lao động ở các tỉnh khác. Mặt khác, sự xuất hiện của các khu công nghiệp nhà máy kéo theo nhu cầu lớn về dịch vụ phụ trợ như ăn uống, nhà trọ, bảo vệ và vận tải. Điều này tạo ra nhiều việc làm gián tiếp, góp phần nâng cao thu nhập của người lao động.

Bên cạnh đó, quá trình hiện đại hoá sản xuất đòi hỏi người lao động phải nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức công nghệ, tác phong công nghiệp. Do đó, thúc đẩy giáo dục nghề nghiệp phát triển và nâng cao chất lượng để nâng cao trình độ tay nghề và năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực địa phương.

Ngoài ra, mục tiêu cuối cùng của đẩy mạnh CNH, HĐH là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Khi thu nhập tăng, người dân có điều kiện cải thiện mức sống, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nhà ở và văn hoá. Đồng thời, việc phát triển đô thị, hạ tầng và dịch vụ công cộng giúp nâng cao chất lượng môi trường sống, tạo điều kiện thúc đẩy tiến trình đô thị hoá theo hướng văn minh, hiện đại. Như vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn đóng góp tích cực vào phát triển xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Ba là, tăng cường mạnh mẽ tiềm lực công nghệ, hiện đại hoá hạ tầng và thúc đẩy chuyển đổi số

Thông qua đẩy mạnh CNH, HĐH, tỉnh Bắc Ninh tăng cường mạnh mẽ tiềm lực công nghệ. Thông qua việc thu hút các dự án FDI công nghệ cao, tỉnh Bắc Ninh sẽ tiếp nhận các quy trình sản xuất tiên tiến, từ đó học hỏi và tiến tới tự chủ công nghệ trong nước. Đồng thời, quá trình HĐH đòi hỏi các doanh nghiệp phải đầu tư vào phòng thí nghiệm, trung tâm kiểm định để cải tiến sản phẩm. Điều này hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Ngoài ra, quá trình CNH, HĐH đòi hỏi tỉnh Bắc Ninh phải ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tạo tiền đề cho công nghiệp phát triển. Bên cạnh việc hoàn thiện mạng lưới hạ tầng giao thông và logistics, tỉnh Bắc Ninh cần chú trọng xây dựng hạ tầng năng lượng, tạo nguồn điện ổn định và sạch hơn cho sản xuất. Đồng thời, phát triển các hạ tầng khu công nghiệp sinh thái, có hệ thống xử lý chất thải hiện đại và khu nhà ở tiện ích cho công nhân.

Hơn nữa CNH, HĐH còn thúc đẩy quá trình chuyển đổi số ở tỉnh Bắc Ninh đồng bộ trên cả ba trụ cột: chính quyền, kinh tế và xã hội. Đây chính là lực đẩy chiến lược giúp Bắc Ninh thích ứng linh hoạt và phát triển bền vững trong kỷ nguyên kinh tế số.

2.2. Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh hiện nay

2.2.1. Khái niệm Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh

** Khái niệm lãnh đạo*

Hiện nay có khá nhiều cách hiểu và tiếp cận khác nhau về thuật ngữ lãnh đạo. Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ giải thích: “lãnh đạo là đề ra chủ

trường đường lối và tổ chức động viên thực hiện” [98]. Theo cách giải thích về khái niệm “lãnh đạo” nói trên thì lãnh đạo là một quá trình gồm hai khâu chính: Một là, xác định mục tiêu, quan điểm, chủ trương, biện pháp, nghĩa là xác định các nội dung, nhiệm vụ, yêu cầu và mục tiêu của việc cần làm trong một thời kỳ hay một giai đoạn cụ thể; xác định các nguyên tắc, biện pháp tiến hành để định hướng đối tượng lãnh đạo hành động theo quan điểm, đường lối đã xác định. Hai là, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối đã xác định. Đây là khâu có tính quyết định hiệu lực và hiệu quả của sự lãnh đạo nhằm thực hiện mục tiêu đề ra.

Trong cuốn sách “Sửa đổi lối làm việc” viết năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành hẳn một chương để bàn về cách lãnh đạo. Theo Người, lãnh đạo đúng là một quá trình công tác gồm các khâu gắn bó chặt chẽ với nhau, người viết: “*Lãnh đạo đúng nghĩa là: 1. Quyết định mọi vấn đề một cách đúng...; 2. Tổ chức thực hiện cho đúng...; Tổ chức kiểm soát...*” [61]. Với tư là Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội, sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền được phân biệt rõ với hoạt động quản lý của Nhà nước, đối tượng lãnh đạo của Đảng.

Từ những luận giải ở trên có thể hiểu nội hàm khái niệm lãnh đạo trên các mặt: *thứ nhất*, lãnh đạo trước hết là đề ra đường lối để dẫn dắt hoạt động, là xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cần phải làm; là định ra quan điểm, nguyên tắc và các phương sách hành động để đạt mục tiêu. Như vậy, đặc trưng, bản chất, sứ mệnh của hoạt động lãnh đạo là vạch đường, chỉ lối, dẫn dắt, qua đó mà điều khiển, chi phối con người, tổ chức theo mục tiêu xác định.

Thứ hai, lãnh đạo là quá trình tổ chức thực hiện đường lối đã xác định. Đó là quá trình tổ chức, dẫn dắt, động viên, hướng mọi nỗ lực của đối tượng lãnh đạo vào việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã xác định. Thực tế cho thấy, lãnh đạo không chỉ là vạch đường, chỉ lối mà còn phải tổ chức thực hiện các định hướng đó với rất nhiều biện pháp, nhiều quá trình.

Thứ ba, lãnh đạo là kiểm tra, giám sát. Trong cấu trúc của hoạt động lãnh đạo không thể thiếu kiểm tra. Yếu tố này bảo đảm cho hoạt động lãnh đạo thực hiện đúng vai trò, chức năng định hướng chỉ đường, kịp thời phát hiện những sai lệch để điều chỉnh hệ thống lãnh đạo và có được mối liên hệ ngược để bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương lãnh đạo. Tuy nhiên, để vai trò phát huy được tác dụng phải có cơ chế tổ chức và hoạt động kiểm tra đúng.

Như vậy có thể thấy, *lãnh đạo* là quá trình hoạt động trong đó chủ thể

lãnh đạo định ra mục tiêu, quan điểm, đường lối, chủ trương, hành động hướng tới lợi ích nào đó và thuyết phục, nêu gương, hướng dẫn đối tượng lãnh đạo phát huy tiềm năng, ý chí, nghị lực sáng tạo nhằm thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, mục tiêu chung do chủ thể lãnh đạo xác định.

** Khái niệm Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh*

Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh thực chất là một hệ thống các hoạt động của Tỉnh ủy tác động có định hướng, có mục đích vào hệ thống chính trị, toàn xã hội, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp để đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh. Trước hết là đề ra quan điểm, chủ trương về lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH; Tỉnh ủy Bắc Ninh tiếp tục đóng vai trò là người lãnh đạo tổ chức, điều hành việc triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối đó. Nếu xét về bản chất, lãnh đạo là quá trình Tỉnh ủy tiến hành các hoạt động về chính trị, tư tưởng, tổ chức để tác động, định hướng cho các tổ chức, lực lượng có trách nhiệm tiến hành đẩy mạnh CNH, HĐH. Nếu xét theo nội dung, nhiệm vụ lãnh đạo thì đó là quá trình xác định và thực hiện nội dung, phương thức Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH.

Từ sự phân tích ở trên, cho thấy: *Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá ở tỉnh Bắc Ninh là toàn bộ các hoạt động của Tỉnh ủy trong việc đề ra nghị quyết, chủ trương về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh hơn, ở trình độ cao hơn, hiệu quả và bền vững hơn.*

Khái niệm Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh cho thấy:

Chủ thể lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh là Tỉnh ủy Bắc Ninh, trong đó trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, giúp việc trực tiếp cho Tỉnh ủy về lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh là Văn phòng Tỉnh ủy. Các các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp khác của Tỉnh ủy cùng tham gia tham mưu cho Tỉnh ủy về công tác tổ chức, cán bộ, tuyên truyền, dân vận, kiểm tra, giám sát và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho công tác lãnh đạo

đẩy mạnh CNH, HĐH. Bên cạnh đó, Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc tỉnh cũng đóng vai trò tham mưu quan trọng cho Tỉnh uỷ trong lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH. Sự hoạt động đồng bộ của hệ thống này bảo đảm sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH toàn tỉnh.

Đối tượng Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH là toàn bộ hệ thống chính trị tỉnh, bao gồm: các cấp uỷ đảng trực thuộc, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị kinh tế, sự nghiệp, lực lượng vũ trang tỉnh, cùng đội ngũ cán bộ, đảng viên có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bên cạnh đó, đối tượng lãnh đạo còn bao gồm cộng đồng doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh, nhân dân trong tỉnh, những chủ thể có vai trò trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình phát triển công nghiệp, dịch vụ và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Thông qua sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, các đối tượng này được định hướng hành động, điều phối nguồn lực và tạo sự thống nhất trong thực thi nhiệm vụ.

Mục tiêu lãnh đạo của Tỉnh uỷ Bắc Ninh là đảm bảo cho đường lối, chủ trương của Đảng; Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh và nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ về đẩy mạnh CNH, HĐH được thực hiện thắng lợi ở tỉnh Bắc Ninh, xây dựng tỉnh trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ cao, phát triển nhanh và bền vững, hướng tới xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030, với nền kinh tế dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2.2.2. Nội dung Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Một là, lãnh đạo đề ra phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

Đây là nội dung thể hiện vai trò, trách nhiệm chính trị của Tỉnh uỷ trong việc định hướng, chỉ đạo sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thông qua việc lãnh đạo xác định phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh, Tỉnh uỷ bảo đảm việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, đúng Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, phù hợp với đặc điểm, tình hình của tỉnh.

Trên cơ sở đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh CNH, HĐH; Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và đặc điểm, tình hình của tỉnh, Tỉnh ủy Bắc Ninh cần ban hành các nghị quyết, chương trình hành động để cụ thể hóa các chủ trương, mục tiêu về CNH, HĐH của Trung ương thành các chủ trương, mục tiêu CNH, HĐH của tỉnh phù hợp với điều kiện, đặc thù của tỉnh. Trong đó, Tỉnh ủy lãnh đạo định hướng đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh là ưu tiên công nghiệp công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn; giảm nhanh sử dụng lao động thủ công, tài nguyên thô. Lãnh đạo đổi mới cơ cấu và chất lượng tăng trưởng: chuyển từ gia công, lắp ráp sang tham gia sâu chuỗi giá trị toàn cầu; từ tăng trưởng theo số lượng sang tăng trưởng theo năng suất; từ mở rộng khu công nghiệp sang phát triển hệ sinh thái công nghiệp; chuyển đổi xanh, số trong đẩy mạnh CNH, HĐH. Lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ khuyến khích ứng dụng khoa học, công nghệ sang coi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực trung tâm.

Hai là, lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc, chính quyền tỉnh, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

Các tổ chức đảng trực thuộc chính là cầu nối trực tiếp để đưa chủ trương của tỉnh uỷ vào thực tiễn. Tỉnh uỷ lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc phát huy vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo đảm bảo mọi hoạt động phát triển kinh tế - xã hội gắn với định hướng CNH, HĐH của tỉnh. Vì vậy, Tỉnh uỷ lãnh đạo các chi, đảng bộ trực thuộc quán triệt và tổ chức thực hiện chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh; nâng cao trách nhiệm của cấp uỷ các cấp, của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên về những vấn đề chủ yếu liên quan đến thực hiện các nội dung đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Chính quyền tỉnh là cơ quan trực tiếp cụ thể hóa và thực hiện các nội dung, biện pháp CNH, HĐH. Tỉnh uỷ lãnh đạo chính quyền bảo đảm các chương trình, kế hoạch, chính sách quản lý nhà nước phục vụ đúng định hướng đẩy mạnh CNH, HĐH của Đảng, Nhà nước. Tỉnh uỷ lãnh đạo Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy CNH, HĐH, bao gồm các chính sách: thu hút và ưu đãi đầu tư vào các ngành công nghiệp công nghệ cao; chính sách về đất đai, quy hoạch để tạo quỹ đất sạch cho phát triển công nghiệp và đô thị; chính sách

phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp. Đồng thời, Tỉnh ủy phải lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt việc cải cách hành chính phục vụ mục tiêu CNH, HĐH như: cắt giảm thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ đầu tư, đất đai, xây dựng; lãnh đạo việc thực hiện công tác xúc tiến đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hướng vào các ngành công nghiệp mà Nghị quyết Tỉnh ủy đã ưu tiên.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là trụ cột của đại đoàn kết toàn dân tộc. Tỉnh ủy lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế, xã hội và quần chúng nhân dân nhằm phát huy vai trò tập hợp, vận động nhân dân, tạo sự đồng thuận và sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội thực hiện CNH, HĐH. Đặc biệt Tỉnh ủy lãnh đạo Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể để tổ chức phản biện, góp ý xây dựng chính sách, đặc biệt là chính sách về bồi thường, tái định cư, và chính sách lao động, đảm bảo công bằng xã hội. Đồng thời, Tỉnh ủy chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn Thanh niên, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân) tổ chức các hoạt động đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, chuyển đổi nghề cho người lao động, giúp họ thích ứng với công nghiệp hiện đại.

Như vậy, Tỉnh ủy lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc, chính quyền tỉnh, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh, đảm bảo toàn bộ hệ thống chính trị không đứng ngoài cuộc hoặc làm việc theo kiểu hình thức. Mọi tổ chức đều phải có trách nhiệm và hành động hướng tới mục tiêu CNH, HĐH.

Ba là, lãnh đạo xây dựng kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

Quá trình CNH, HĐH đòi hỏi bộ máy quản lý phải tinh gọn, hiệu quả, cán bộ phải có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn và năng lực điều hành cao để thực hiện tốt các chương trình phát triển, nhất là trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Do đó, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Để thực hiện tốt nội dung lãnh đạo này, Tỉnh ủy nhất thiết phải lãnh đạo xây dựng kiện toàn bộ máy các cấp thực sự vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả

làm tốt chức năng quản lý nhà nước, xây dựng quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung đẩy mạnh CNH, HĐH. Lãnh đạo xây dựng kiện toàn bộ máy bao gồm: xây dựng và kiện toàn củng cố các cơ quan chính quyền các cấp; lãnh đạo chính quyền thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH; ban hành chính sách, kế hoạch, quy hoạch chiến lược của chính quyền để tổ chức thực hiện. Có thể coi đây là nội dung lãnh đạo có ý nghĩa quyết định trong tổ chức thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy cũng lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực, có số lượng và cơ cấu hợp lý; xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH. Về cán bộ, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ cho cả hệ thống chính trị, thành phần kinh tế nhà nước và đơn vị sự nghiệp công trên địa bàn tỉnh nhưng trước hết và chủ yếu là cán bộ lãnh đạo, quản lý của đảng bộ, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội. Về nhân lực, để có nguồn nhân lực tại chỗ chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH Tỉnh ủy phải lãnh đạo phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo trước hết là đào tạo nghề cho các tầng lớp dân cư nông thôn. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy đề ra các chủ trương thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao; đào tạo các chuyên gia, kỹ sư, nhà quản lý công nghiệp hiện đại.

Bốn là, lãnh đạo phát huy các lợi thế, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước; xây dựng, triển khai các dự án, chương trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.

Để thực hiện mục tiêu Bắc Ninh sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030, là một cực tăng trưởng của Vùng Thủ đô, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, việc đẩy mạnh CNH, HĐH là con đường ngắn nhất để Bắc Ninh sớm đạt được các tiêu chí về hạ tầng, kinh tế và cơ cấu lao động của một đô thị loại I. Trong khi đó, tỉnh Bắc Ninh có rất nhiều các tiềm năng, lợi thế mà các tỉnh khác trong khu vực đồng bằng sông Hồng không có được. Trước hết, đó là vị trí địa chính trị “vàng” của tỉnh. Nếu như so với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Hồng như Phú Thọ, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh,... thì Bắc Ninh có vị trí chiến lược quan trọng. Là cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội, vừa là điểm kết nối quan trọng của vùng trung du, miền núi phía Bắc với tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, lại nằm trên hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải

Phòng - Quảng Ninh. Đồng thời khoảng cách từ các khu công nghiệp lớn của Bắc Ninh đến sân bay Nội Bài hay cảng Hải Phòng đều ở mức “lý tưởng” (dưới 1 giờ di chuyển). Điều này biến Bắc Ninh thành trạm trung chuyển logistics thực thụ của cả vùng. Đây có thể được coi là lợi thế mũi nhọn, lợi thế đặc thù của tỉnh Bắc Ninh để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính vì vậy, việc lãnh đạo phát huy các lợi thế, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước; xây dựng, triển khai các dự án, chương trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh là biến lợi thế tĩnh thành lợi thế động, tạo động lực để tỉnh Bắc Ninh bức phá, mở rộng không gian phát triển, tạo tiền đề hết sức thuận lợi để đủ điều kiện trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Để phát huy các lợi thế, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước; xây dựng, triển khai các dự án, chương trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh, yêu cầu đối với Tỉnh ủy trong lãnh đạo là trước hết, cần phân tích, nghiên cứu kỹ lưỡng các điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý chiến lược, để thấy được những lợi thế mới về địa kinh tế, địa chính trị của tỉnh; đặc biệt là sau khi hợp hai tỉnh Bắc Giang - Bắc Ninh đã tạo ra cho tỉnh Bắc Ninh những dư địa phát triển mới. Đồng thời, cần khẩn trương rà soát, điều chỉnh đồng bộ quy hoạch của tỉnh, bảo đảm tính thống nhất, phù hợp, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, đồng bộ với quy hoạch vùng và quốc gia, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược. Việc điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm tới không chỉ nhìn Bắc Ninh trong ranh giới địa lý mà đặt nó trong chuỗi cung ứng toàn cầu, giúp nhà đầu tư thấy được lợi thế về logistics vượt trội. Ngoài ra, Tỉnh ủy Bắc Ninh cần lãnh đạo cải cách thể chế, xây dựng “Chính quyền phục vụ”, cải thiện môi trường đầu tư, tập trung lãnh đạo phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư và phát triển kinh tế. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, việc chuyển đổi số và kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là xu hướng trong phát triển kinh tế, vì vậy, Tỉnh ủy cần lãnh đạo để “đi trước một bước” về cơ chế, chính sách để đẩy mạnh CNH, HĐH theo xu hướng và quan điểm, đường lối của Đảng.

Năm là, lãnh đạo việc phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy giữ vai trò lãnh đạo toàn diện nên có trách nhiệm chỉ đạo phối hợp, huy động các lực lượng và nguồn lực nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong phát triển. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ lớn, đòi hỏi sự tham gia đồng bộ của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp, người dân và các tổ chức xã hội. Việc huy động hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài tỉnh giúp khai thác tốt tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu, tạo việc làm và nâng cao đời sống nhân dân, góp phần phát triển địa phương bền vững.

Tỉnh ủy lãnh đạo việc phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị và xã hội để hoạt động CNH, HĐH diễn ra đồng bộ, không bị chông chéo hoặc mâu thuẫn. Giữa các Sở, Ban, ngành của tỉnh, Tỉnh ủy lãnh đạo thiết lập cơ chế “một cửa”, quy chế phối hợp giữa các sở, ngành tránh tình trạng cục bộ, đùn đẩy trách nhiệm, nhằm đảm bảo tính thông suốt trong quy trình đầu tư, cấp phép, và giải phóng mặt bằng, tăng tốc độ triển khai dự án CNH, HĐH. Giữa cơ quan Đảng, Chính quyền, và Đoàn thể, Tỉnh ủy lãnh đạo tạo sự thống nhất ý chí và hành động giữa ba trụ cột: Đảng ra Nghị quyết, Chính quyền tổ chức thực hiện, và Đoàn thể vận động nhân dân tham gia và giám sát. Từ đó, tạo ra sự đồng thuận xã hội cao nhất, đặc biệt quan trọng trong các dự án CNH, HĐH cần thu hồi đất hoặc liên quan đến chuyển đổi nghề nghiệp. Giữa Tỉnh và Trung ương, địa phương khác, Tỉnh ủy chủ động đề xuất cơ chế đặc thù với Trung ương, đồng thời ký kết các chương trình liên kết vùng với các tỉnh lân cận để mở rộng không gian phát triển, tận dụng được lợi thế của các vùng kinh tế lớn, thu hút các nguồn vốn, công nghệ mà tỉnh không tự có. Giữa Nhà nước và các doanh nghiệp, Tỉnh ủy lãnh đạo việc tạo ra cơ chế đối thoại, tham vấn ý kiến giữa chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp (trong nước và FDI) để kịp thời tháo gỡ khó khăn, đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi để kích thích khu vực kinh tế tư nhân đầu tư vào công nghiệp chế tạo, đổi mới công nghệ, là động lực trực tiếp của CNH, HĐH.

Tỉnh ủy lãnh đạo việc khai thác tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế - xã hội phục vụ CNH, HĐH. Đó là lãnh đạo để huy động nguồn lực tài chính trong đó tập trung lãnh đạo vào các nội dung ưu tiên phân bổ ngân sách cho các dự án hạ tầng then chốt (giao thông, điện, nước) và các khu công nghiệp, đóng vai trò đầu tàu thu hút vốn tư nhân; lãnh đạo việc ban hành các

chính sách ưu đãi, xúc tiến đầu tư mạnh mẽ, đảm bảo tỷ lệ vốn đầu tư ngoài ngân sách chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn đầu tư xã hội, là nguồn lực chính cho CNH, HĐH; lãnh đạo việc chủ động tìm kiếm, đề xuất sử dụng hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi để thực hiện các dự án công nghệ, môi trường. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn lãnh đạo để huy động nguồn lực về đất đai, đảm bảo quỹ đất sạch dồi dào, hợp lý, và có tính cạnh tranh cao để phát triển công nghiệp và đô thị; lãnh đạo huy động nguồn lực về con người.

Sáu là, lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

Thông qua công tác sơ kết, tổng kết về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh giúp cho Tỉnh ủy xác định rõ những điểm mạnh, thành công cần phát huy, đồng thời chỉ ra những điểm yếu, hạn chế, khó khăn, thách thức còn tồn tại trong quá trình CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh. Đồng thời thông qua công tác sơ kết, tổng kết giúp Tỉnh ủy rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn, làm cơ sở để điều chỉnh, bổ sung các chủ trương, chính sách, kế hoạch, giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH hiệu quả hơn. Chính vì vậy, Tỉnh ủy lãnh đạo để công tác sơ kết, tổng kết phải đạt được các mục đích sau: đánh giá một cách toàn diện mức độ hoàn thành các mục tiêu CNH, HĐH đã đề ra trong Nghị quyết; chỉ ra những thành công, mô hình hay, cách làm sáng tạo để kịp thời nhân rộng; đồng thời chỉ rõ những tồn tại, yếu kém, các điểm nghẽn để khắc phục; lãnh đạo phân tích sâu sắc các nguyên nhân (chủ quan, khách quan) của thành công và thất bại. Đặc biệt là đánh giá trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp.

Không chỉ lãnh đạo về mục tiêu của công tác sơ kết, tổng kết mà Tỉnh ủy còn lãnh đạo quy trình thực hiện công tác đánh giá một cách khoa học, nghiêm túc như: Chỉ đạo rõ ràng cơ quan nào chủ trì; phạm vi sơ kết là toàn diện hay chỉ tập trung vào một số lĩnh vực trọng điểm; lãnh đạo việc thu thập số liệu, đánh giá phải trung thực, khách quan, dựa trên các tiêu chí và chỉ số định lượng rõ ràng. Khuyến khích sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp khoa học, tránh đánh giá cảm tính. Chỉ đạo tổ chức các hội nghị, tọa đàm lấy ý kiến rộng rãi từ các chuyên gia, nhà khoa học, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để công tác tổng kết mang tính dân chủ và thực tiễn cao.

Tỉnh ủy căn cứ vào kết quả sơ kết, tổng kết để ban hành Chỉ thị, Kết luận, hoặc Nghị quyết mới để điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu và giải pháp cho giai đoạn tiếp theo. Sử dụng kết quả đánh giá là một tiêu chí quan trọng để đánh giá, khen thưởng hoặc xử lý kỷ luật cán bộ, đặc biệt là người đứng đầu các đơn vị trực tiếp chịu trách nhiệm triển khai CNH, HĐH. Đồng thời chỉ đạo UBND tỉnh rà soát, sửa đổi các cơ chế, chính sách đã ban hành mà thực tiễn tổng kết cho thấy không còn phù hợp hoặc gây vướng mắc, tạo động lực mới cho CNH, HĐH. Tổng kết các mô hình thành công, thất bại để báo cáo lên Trung ương, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh bạn.

2.2.3. Phương thức Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Phương thức Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH là tổng thể những hình thức, phương pháp mà Tỉnh ủy sử dụng tác động lên các đối tượng lãnh đạo nhằm chỉ đạo, định hướng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ CNH, HĐH. Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá bằng các phương thức lãnh đạo cụ thể sau:

Thứ nhất, Tỉnh ủy lãnh đạo bằng nghị quyết, chương trình, chủ trương về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

Đây là phương thức lãnh đạo mang tính chính trị và định hướng cao nhất của Đảng đối với đẩy mạnh CNH, HĐH. Phương thức lãnh đạo này thể hiện vai trò của Tỉnh ủy là cơ quan đề ra đường lối, chiến lược cho sự phát triển của tỉnh. Sự lãnh đạo bằng nghị quyết, chương trình, chủ trương giúp đảm bảo tính thống nhất, khoa học, và lâu dài của tiến trình CNH, HĐH.

Trước hết, Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo bằng nghị quyết về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh. Bởi vì, nghị quyết của Tỉnh ủy (hoặc của Đại hội Đảng bộ tỉnh) là hình thức văn bản quan trọng nhất, mang tính định hướng dài hạn. Thông qua nghị quyết, Tỉnh ủy xác định rõ mục tiêu chiến lược về CNH, HĐH trong cả nhiệm kỳ hoặc dài hơn; đưa ra các quan điểm chỉ đạo xuyên suốt; thể hiện sự tập trung lãnh đạo vào các lĩnh vực đột phá. Chính vì vậy, nghị quyết tạo ra cơ sở pháp lý chính trị vững chắc nhất để chính quyền (UBND, HĐND) và các cơ quan khác trong tỉnh cụ thể hóa thành nghị quyết, chương trình, kế hoạch, văn bản pháp quy, đảm bảo hành động đi đúng đường lối của Đảng.

Chương trình hành động được Tỉnh ủy ban hành để cụ thể hóa các mục tiêu đã đề ra trong nghị quyết. Thông qua chương trình hành động, Tỉnh ủy lãnh đạo chi tiết hóa mục tiêu lớn thành các nhiệm vụ, đề án cụ thể, có thời gian, lộ trình, và nguồn lực phân bổ rõ ràng. Đây được coi là bộ khung kế hoạch cho CNH, HĐH. Tỉnh ủy lãnh đạo việc phân công rõ ràng trách nhiệm chủ trì và phối hợp của từng Sở, Ban, Ngành, và cấp ủy trực thuộc.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy lãnh đạo bằng chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn. So với nghị quyết, chủ trương là hình thức chỉ đạo có tính chất linh hoạt hơn, thường được sử dụng để giải quyết các vấn đề mới phát sinh hoặc để điều chỉnh trong quá trình thực hiện dưới dạng các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đây là cách lãnh đạo cho phép phản ứng nhanh với những thay đổi đột ngột của kinh tế thị trường, công nghệ; cho phép thí điểm các mô hình, cách làm mới trong CNH, HĐH; kịp thời điều chỉnh các vấn đề vướng mắc trong thực tiễn mà nghị quyết, chương trình chưa lường hết được.

Thứ hai, Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động

Trong quá trình lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn, Tỉnh ủy Bắc Ninh luôn coi trọng phương thức lãnh đạo thông qua công tác tuyên truyền, thuyết phục và vận động. Phương thức này thể hiện tính chất dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát trong sự nghiệp CNH, HĐH. Thông qua phương thức này, Tỉnh ủy sử dụng sức mạnh tuyên truyền để biến đường lối của Đảng thành ý chí và hành động tự giác của nhân dân; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân. Công tác tuyên truyền giúp làm rõ mục tiêu, ý nghĩa và tầm quan trọng của CNH, HĐH, qua đó khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý chí phấn đấu và khát vọng phát triển bền vững.

Việc tuyên truyền, vận động còn góp phần huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng xã hội, bao gồm trí tuệ, nguồn lực tài chính, công nghệ và sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và nhân dân vào các chương trình phát triển. Đồng thời, đây cũng là công cụ hiệu quả để đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc, bảo vệ vững chắc quan điểm, chủ trương của Đảng, giữ vững sự ổn định chính trị và trật tự xã hội, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Phương thức lãnh đạo này còn thể hiện sự sâu sát, gần dân của Đảng, phát huy vai trò “dân là gốc” trong công cuộc phát triển. Do đó, việc tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác tuyên truyền, thuyết phục và vận động là yêu cầu cấp thiết, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và tạo động lực mạnh mẽ để thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

Phương thức lãnh đạo này đòi hỏi công tác tuyên truyền phải được tổ chức rộng khắp, phù hợp với đặc điểm từng nhóm đối tượng, đảm bảo nội dung chính xác, dễ hiểu và thiết thực. Việc thuyết phục cần dựa trên cơ sở lý luận vững chắc và bằng chứng thực tiễn, nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm. Công tác vận động phải hiệu quả, huy động tối đa các nguồn lực xã hội phục vụ phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời, công tác này cần được thực hiện liên tục, thường xuyên, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành và địa phương. Cuối cùng, việc kiểm tra, đánh giá định kỳ là cần thiết để kịp thời điều chỉnh, nâng cao hiệu quả lãnh đạo.

Thứ ba, Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác tổ chức, cán bộ

Trong phương thức lãnh đạo của Đảng nói chung và của Tỉnh ủy Bắc Ninh nói riêng, công tác tổ chức và cán bộ được xác định là một trong những công cụ lãnh đạo quan trọng nhất đối với quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh. Điều này xuất phát trước hết xuất phát từ vai trò của cán bộ, công tác cán bộ và từ đặc điểm của CNH, HĐH - một quá trình mang tính tổng hợp, đòi hỏi sự tham gia của nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều chủ thể và đòi hỏi năng lực điều hành, quản trị và phối hợp rất cao. Để dẫn dắt được quá trình này, yếu tố con người giữ vai trò quyết định. Tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả cùng đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất phù hợp là điều kiện tiên quyết bảo đảm việc hoạch định, triển khai và giám sát các chủ trương về CNH, HĐH diễn ra đúng hướng và đạt kết quả.

Mặt khác, đẩy mạnh CNH, HĐH trong bối cảnh mới của Bắc Ninh đòi hỏi sự đổi mới mạnh mẽ về tư duy phát triển, khả năng tiếp cận khoa học, công nghệ, quản trị kinh tế số, quản lý đô thị thông minh và điều phối các nguồn lực lớn. Những yêu cầu này chỉ có thể được hiện thực hóa khi Tỉnh ủy xây dựng được đội ngũ cán bộ có tầm nhìn chiến lược, năng lực chuyên môn cao và kỹ năng lãnh đạo phù hợp với thời kỳ kinh tế tri thức. Vì vậy, công tác cán bộ không chỉ là

phương thức lãnh đạo truyền thống mà còn là nền tảng cốt lõi giúp nâng cao chất lượng bộ máy quản trị, từ đó góp phần đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh.

Ngoài ra, công tác tổ chức và cán bộ bảo đảm tính thống nhất, thông suốt và sức mạnh điều hành của hệ thống chính trị khi triển khai CNH, HĐH. Thông qua sắp xếp tổ chức, phân công nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát và đánh giá cán bộ, Tỉnh ủy có thể bảo đảm rằng các chủ trương lớn được triển khai nhất quán từ tỉnh đến cơ sở; đồng thời kịp thời khắc phục những hạn chế về năng lực, trách nhiệm hoặc biểu hiện trì trệ trong bộ máy. Đây là yếu tố then chốt để các chương trình phát triển công nghiệp, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển hạ tầng và cải cách hành chính được triển khai với tốc độ cao và chất lượng tốt - phù hợp với định hướng xây dựng Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại.

Để thực hiện tốt phương thức lãnh đạo bằng công tác tổ chức và cán bộ trong đẩy mạnh CNH, HĐH, trước hết, Tỉnh ủy Bắc Ninh cần lãnh đạo chuyển đổi từ bố trí cán bộ đủ tiêu chuẩn sang tuyển chọn cán bộ có tư duy công nghiệp, kinh tế số nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có tư duy đổi mới, có khả năng thích ứng với sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ, kinh tế số, công nghiệp công nghệ cao và các mô hình quản trị hiện đại. Quá trình đánh giá cán bộ phải dựa vào sản phẩm cụ thể, kết quả công tác và mức độ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tránh biểu hiện hình thức, nể nang hoặc cào bằng. Đồng thời, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng cơ chế thu hút nhân tài, chuyên gia giỏi trong và ngoài tỉnh, kể cả nguồn lực Việt Nam ở nước ngoài, tạo môi trường làm việc năng động, minh bạch, chuyên nghiệp để đội ngũ cán bộ phát huy tốt năng lực. Song song với đó là cơ chế sàng lọc cán bộ không đáp ứng yêu cầu, bảo đảm đội ngũ lãnh đạo các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ CNH, HĐH.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hợp lý và hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc và chính quyền các cấp trong triển khai chủ trương CNH, HĐH. Việc phân công, phân cấp phải rõ ràng, minh bạch, coi trọng trách nhiệm của người đứng đầu; đồng thời đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, giám sát, nhằm nâng cao tính minh bạch và tính phản ứng nhanh của bộ máy.

Thứ tư, Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên

Đây là một phương thức lãnh đạo cơ bản của Tỉnh ủy để đẩy mạnh CNH, HĐH. Bởi vì trên thực tế, tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên là lực lượng trực tiếp truyền tải, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương của Tỉnh ủy về công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mọi nhiệm vụ về phát triển công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ hay phát triển kết cấu hạ tầng đều phải được cụ thể hóa thành kế hoạch, chương trình hành động tại từng cơ quan, địa phương, doanh nghiệp. Các tổ chức đảng giữ vai trò hạt nhân chính trị, bảo đảm định hướng phát triển đúng đắn, thống nhất và thông suốt từ tỉnh đến cơ sở. Đội ngũ đảng viên là lực lượng nòng cốt trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng tham gia, do đó họ là cầu nối quyết định giữa ý chí lãnh đạo và hành động thực tiễn.

Mặt khác, CNH, HĐH quá trình phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ của nhiều ngành, nhiều cấp; do đó chỉ có thông qua tổ chức đảng và đảng viên mới bảo đảm được sự thống nhất, kỷ luật và sức mạnh hệ thống trong quá trình triển khai. Nghĩa là, CNH, HĐH liên quan đến đổi mới mô hình tăng trưởng, quản lý tài nguyên, quy hoạch phát triển đô thị - công nghiệp, phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi số, cải cách hành chính... Đây đều là những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh xung đột lợi ích hoặc vướng mắc về cơ chế. Tổ chức đảng với kỷ cương, nguyên tắc tập trung dân chủ và công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ giúp duy trì sự thống nhất trong lãnh đạo, phòng ngừa sai phạm và bảo đảm các quyết sách được thực thi đồng bộ.

Ngoài ra, đội ngũ đảng viên đóng vai trò nêu gương, dẫn dắt và tạo sự đồng thuận xã hội, là điều kiện có tính quyết định để thực hiện thành công CNH, HĐH. Bởi vì, CNH, HĐH tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế, việc làm, đời sống dân cư và không gian phát triển. Để quá trình này diễn ra thuận lợi, cần có sự đồng thuận, ủng hộ và tham gia của người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội. Đảng viên với vai trò tiên phong, gương mẫu sẽ trực tiếp lan tỏa tinh thần đổi mới, làm cho chủ trương CNH, HĐH được nhân dân tin tưởng và tham gia tích cực. Họ đồng thời là người phát hiện, phản ánh kịp thời các khó khăn, bất cập từ thực tiễn, giúp Tỉnh ủy điều chỉnh chủ trương, chính sách phù hợp, qua đó nâng cao hiệu lực lãnh đạo và tính khả thi của các giải pháp phát triển.

Do đó, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên thuộc đảng bộ tỉnh; coi trọng lãnh đạo phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên về thực hiện và chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, nghị quyết, chỉ thị của tỉnh, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chấp hành pháp luật, nhất là về đẩy mạnh CNH, HĐH; gương mẫu về đạo đức, lối sống, về thái độ với nhân dân, về phong cách, lề lối làm việc.

Thứ năm, Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác kiểm tra, giám sát

Đây là một trong những phương thức lãnh đạo không thể thiếu để Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH đạt hiệu quả. Bởi vì, lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không lãnh đạo. Hơn nữa, CNH, HĐH là quá trình phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực nên cần kiểm tra, giám sát để bảo đảm chủ trương của Tỉnh ủy được thực thi đúng hướng và đồng bộ. Nghĩa là, CNH, HĐH không chỉ là sự phát triển công nghiệp đơn thuần mà là cuộc chuyển đổi toàn diện về mô hình tăng trưởng, ứng dụng công nghệ cao, quản trị đô thị, quản lý tài nguyên, cải cách hành chính và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Những nhiệm vụ này trải rộng trên nhiều cấp, nhiều ngành, dễ xảy ra tình trạng chông chéo, buông lỏng hoặc thực hiện không thống nhất. Vì vậy, công tác kiểm tra, giám sát là công cụ quan trọng để Tỉnh ủy nắm chắc tình hình, đánh giá đúng mức độ thực hiện nghị quyết, phát hiện kịp thời những tồn tại, hạn chế, qua đó bảo đảm các chủ trương về CNH, HĐH được triển khai nghiêm túc, hiệu quả và thống nhất từ tỉnh đến cơ sở.

Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, giúp Tỉnh ủy kịp thời phát hiện, phòng ngừa và xử lý các nguy cơ sai phạm, tiêu cực trong quá trình phát triển công nghiệp, quản lý đầu tư và sử dụng nguồn lực. Bởi vì, đẩy mạnh CNH, HĐH thường đi kèm với huy động nguồn lực lớn, đầu tư công, phát triển hạ tầng, thu hút doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài, giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án và quản lý môi trường. Đây là những lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm, lợi ích nhóm hoặc lạm dụng quyền lực. Thông qua kiểm tra, giám sát thường xuyên và chuyên đề, Tỉnh ủy Bắc Ninh có thể chủ động phòng ngừa vi phạm, xử lý kịp thời những biểu hiện tiêu cực và bảo đảm mọi chủ trương, chính sách đều được triển khai minh bạch, đúng pháp luật. Điều này không chỉ bảo vệ uy tín của Đảng

bộ tỉnh mà còn tạo môi trường đầu tư an toàn, công bằng cho doanh nghiệp - một điều kiện tiên quyết của quá trình CNH, HĐH.

Đồng thời, thông qua công tác kiểm tra, giám sát giúp Tỉnh ủy phát hiện những nhân tố mới trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH, tạo động lực thúc đẩy cán bộ, đảng viên và hệ thống chính trị nâng cao trách nhiệm, đổi mới phương thức làm việc và cải thiện chất lượng điều hành. Khi các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ và đảng viên biết rằng việc thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghiệp, hạ tầng, chuyển đổi số hay cải thiện môi trường đầu tư sẽ được theo dõi, đánh giá khách quan, họ sẽ có ý thức cao hơn trong thực thi công vụ. Điều này góp phần khắc phục tình trạng trì trệ, hình thức, né tránh trách nhiệm hoặc thiếu chủ động trong chỉ đạo, điều hành. Đồng thời, kết quả kiểm tra, giám sát cũng giúp Tỉnh ủy đánh giá chính xác năng lực cán bộ, phục vụ công tác quy hoạch, bổ nhiệm, khen thưởng hoặc xử lý vi phạm. Đây là cơ chế quan trọng tạo ra động lực đổi mới, nâng cao hiệu lực lãnh đạo và hiệu quả quản trị địa phương trong tiến trình CNH, HĐH.

Cuối cùng, thông qua công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH giúp Tỉnh ủy điều chỉnh, hoàn thiện chính sách phát triển công nghiệp, dịch vụ phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Bởi vì, trong quá trình CNH, HĐH, thực tiễn luôn biến động nhanh: nhu cầu lao động, công nghệ, hạ tầng, quản lý môi trường, xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài, chuyển đổi số... Vì vậy, các chủ trương ban đầu dù đúng cũng có thể trở nên lạc hậu nếu không được rà soát và cập nhật liên tục. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát giúp Tỉnh ủy thu thập thông tin thực tế, đánh giá mức độ phù hợp của chính sách và kịp thời điều chỉnh để bảo đảm bám sát yêu cầu phát triển mới của tỉnh. Nhờ đó, chiến lược CNH, HĐH của Bắc Ninh vừa có tính định hướng lâu dài, vừa linh hoạt và hiệu quả trong thực thi.

2.2.4. Vai trò Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Thứ nhất, sự lãnh đạo đúng đắn của Tỉnh uỷ Bắc Ninh trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương là nhân tố hàng đầu bảo đảm cho tỉnh Bắc Ninh thực hiện đúng quan điểm, chủ trương của Đảng về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Với vai trò là cơ quan lãnh đạo ở địa phương, Tỉnh ủy Bắc Ninh là cơ quan định hướng tầm nhìn, chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận và chương trình hành động về CNH, HĐH. Việc ban hành các văn bản này không chỉ là sự cụ thể hóa đường lối của Trung ương mà còn phải phản ánh đúng tiềm năng, lợi thế so sánh và những thách thức đặc thù của địa phương. Tính chất khoa học và tính khả thi của các nghị quyết là điều kiện tiên quyết để định hình lộ trình phát triển, xác định các mục tiêu cụ thể về cơ cấu kinh tế, tốc độ tăng trưởng và các chỉ tiêu xã hội gắn liền với quá trình công nghiệp hóa.

Như vậy, có thể khẳng định sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh giữ vai trò trung tâm trong việc xác lập định hướng chiến lược và hoàn thiện hệ thống chính sách nhằm dẫn dắt quá trình CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đóng vai trò quyết định trong việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, con người, công nghệ và các nguồn lực khác để thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh

Trong tiến trình CNH, HĐH, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy có vai trò quyết định trong việc huy động, phân bổ và bảo đảm hiệu quả sử dụng các nguồn lực phát triển, từ tài chính, đất đai, nhân lực đến khoa học công nghệ và hợp tác đối tác. Thông qua việc ban hành các chủ trương, chính sách của tỉnh về thu hút đầu tư; khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài; huy động các nguồn lực tài chính để phát triển cơ sở hạ tầng; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đã tạo ra hành lang pháp lý và môi trường đầu tư thông thoáng cho đẩy mạnh CNH, HĐH. Đồng thời, giúp tỉnh Bắc Ninh huy động được tổng các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực từ các cơ quan, đơn vị trong xã hội trên địa bàn tỉnh. Từ đó, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy có ý nghĩa quan trọng đến hiệu quả tổ chức triển khai, điều phối liên ngành và bảo đảm phát triển bền vững của đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Bên cạnh hoạch định chiến lược và phân bổ nguồn lực, Tỉnh ủy còn thực thi vai trò lãnh đạo tổ chức triển khai, điều phối liên ngành và bảo đảm phát triển bền vững trong suốt tiến trình CNH, HĐH. Thông qua việc thành lập các ban

chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, thiết lập cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương, Tỉnh uỷ kết nối và thống nhất thực thi chính sách, hạn chế tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc thiếu nhất quán trong triển khai.

Đồng thời, Tỉnh uỷ giữ vai trò thúc đẩy động lực phát triển mới thông qua việc ban hành các cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy khởi nghiệp và cải thiện chất lượng môi trường đầu tư. Qua đó làm gia tăng năng lực cạnh tranh của địa phương, tạo không gian phát triển năng động và thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo đến đầu tư và sản xuất.

Bên cạnh đó, Tỉnh uỷ chú trọng lồng ghép mục tiêu phát triển bền vững vào toàn bộ tiến trình CNH, HĐH. Điều này thể hiện qua việc yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn môi trường, thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án lớn, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và sử dụng năng lượng sạch. Tỉnh uỷ cũng lãnh đạo việc bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống và tái đào tạo lao động bị ảnh hưởng bởi sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từ đó duy trì sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội.

Tiểu kết chương 2

Như vậy, trong chương này đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về tỉnh Bắc Ninh, Đảng bộ tỉnh, Tỉnh uỷ; về CNH, HĐH và đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh; nội dung và phương thức Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh. Về mặt lý luận, CNH, HĐH là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, gắn với vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng. Về mặt thực tiễn, Tỉnh uỷ Bắc Ninh đã vận dụng linh hoạt, cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng về CNH, HĐH, đẩy mạnh CNH, HĐH vào điều kiện thực tiễn của tỉnh. Qua đó đã xác định được các nội dung và phương thức lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH của Tỉnh uỷ Bắc Ninh trong giai đoạn hiện nay.

Tỉnh uỷ Bắc Ninh tập trung lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh qua 6 nội dung cốt lõi: (1) Tỉnh uỷ lãnh đạo phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH. (2) Lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc, chính quyền tỉnh, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh CNH, HĐH. (3) Lãnh đạo xây dựng kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH. (4) Lãnh đạo thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước; xây dựng, triển khai các dự án, chương trình đẩy mạnh CNH, HĐH. (5) Lãnh đạo việc phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh CNH, HĐH. (6) Lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, Tỉnh uỷ Bắc Ninh cũng thực hiện đồng bộ nhiều phương thức lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn như: bằng các nghị quyết, chương trình, chủ trương về đẩy mạnh CNH, HĐH; bằng công tác tuyên truyền, vận động; bằng công tác tổ chức bộ máy và cán bộ; thông qua tổ chức đảng và đảng viên; bằng công tác kiểm tra, giám sát. Những phương thức này thể hiện rõ vai trò chỉ đạo sâu sát, toàn diện và hiệu quả của Tỉnh uỷ trong việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững địa phương. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu thực tiễn và bối cảnh phát triển mới.

Chương 3

TỈNH ỦY BẮC NINH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. Thực trạng Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ 2015 đến 2025

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Ưu điểm trong thực hiện nội dung Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Một là, Tỉnh ủy đã coi trọng và kịp thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

** Giai đoạn trước khi sáp nhập tỉnh (2015-30/6/2025)*

Ngay từ khi tái lập vào năm 1997, trên cơ sở nhận định tiềm năng và lợi thế so sánh của tỉnh, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã bám sát và tuân thủ nghiêm túc sự chỉ đạo, chủ trương và các giải pháp điều hành phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương; đồng thời đã cụ thể hóa và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện của từng thời kỳ khác nhau với quyết tâm Bắc Ninh phải đi nhanh hơn, đi trước một bước so với lộ trình phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước. Các chủ trương và giải pháp của tỉnh đã tập trung vào thực hiện có hiệu quả 3 đột phá chiến lược, đó là: Tập trung đầu tư từng bước hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực và cải cách thủ tục hành chính.

Bước sang giai đoạn 2015-30/6/2025, trên cơ sở kế thừa những kết quả đạt được về phát triển kinh tế - xã hội ở các giai đoạn trước, đồng thời cụ thể hóa quan điểm của Đảng về đẩy mạnh CNH, HĐH theo tinh thần của Đại hội lần thứ XII và XIII của Đảng, Tỉnh ủy Bắc Ninh tiếp tục xác định đẩy mạnh CNH, HĐH là nhiệm vụ trung tâm, xuyên suốt, gắn với mục tiêu xây dựng Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, sức cạnh tranh cao và phát triển bền vững. Quan điểm này được thể hiện nhất quán trong các nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh, các nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động và kế hoạch triển khai của Tỉnh ủy. Cụ thể trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020 xác định: “Tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh CNH, HĐH; thực hiện phát triển bền vững; tạo bước đột phá thúc đẩy phát triển

dịch vụ, ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; chú trọng phát triển nông nghiệp chất lượng cao, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển đô thị...xây dựng nền tảng để phấn đấu đưa tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào những năm 20 của Thế kỷ 21 theo hướng văn minh, hiện đại” [25].

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định hướng đến năm 2030, phấn đấu xây dựng Bắc Ninh “Là thành phố có nền công nghiệp hiện đại, công nghệ cao; một trong những trung tâm thương mại - dịch vụ, giáo dục, đào tạo nhân lực, chăm sóc sức khỏe, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đáp ứng yêu cầu của thành phố trực thuộc Trung ương; là động lực phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng Thủ đô và cả nước. Đến năm 2045: Bắc Ninh là thành phố công nghiệp công nghệ cao, thông minh” [26].

Để thực hiện mục tiêu trên, Tỉnh ủy Bắc Ninh cũng xác định nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh là: Phát huy lợi thế cạnh tranh, tái cơ cấu kinh tế, tạo động lực mới trong phát triển kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững. Phát triển các ngành công nghiệp theo hướng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ. Phát triển ngành nông nghiệp theo hướng công nghệ cao. Tập trung đầu tư hạ tầng, phát triển đô thị, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ, tỉnh Bắc Ninh đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong phát triển KT-XH, đóng góp quan trọng vào những kết quả chung của cả nước. Trong đó, đáng chú ý là, kinh tế luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao ở mức hai con số qua các giai đoạn khác nhau; các loại hình kinh tế phát triển nhanh về quy mô và đóng góp lớn cho kinh tế của tỉnh, đặc biệt là đã thu hút được nhiều tập đoàn kinh tế lớn, công nghệ hiện đại, sản phẩm có sức cạnh tranh cao, như: CANON, SAMSUNG, PEPSICO, NOKIA,...Nhờ vậy, quy mô nền kinh tế tăng nhanh và đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm công nghiệp điện tử của cả nước [xem Phụ lục 1]

Giai đoạn sau sáp nhập thành tỉnh Bắc Ninh mới (từ 1/7/2025 đến nay)

Kế thừa thành tựu đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang ở các giai đoạn trước, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã khẳng định tầm nhìn chiến lược với mục

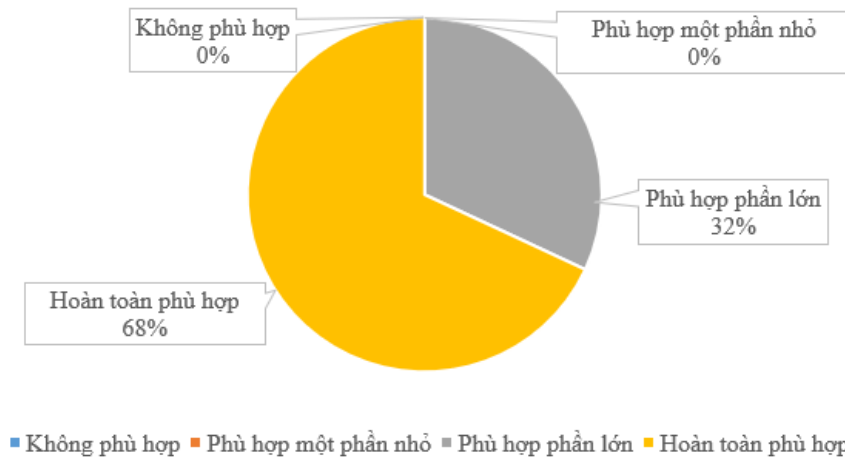
tiêu: “Đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 và đến năm 2045 là thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 11-12%/năm. GRDP bình quân đầu người đạt 8.700 - 9.200 USD. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt 10%/năm. Thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 đạt 375.700 tỷ đồng [7].

Đặc biệt, Tỉnh ủy Bắc Ninh cũng xác định: Ưu tiên hình thành và phát triển các ngành công nghiệp mới, đưa Bắc Ninh trở thành một trung tâm sản xuất chất bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ, trí tuệ nhân tạo của miền Bắc. Thúc đẩy chuỗi liên kết, sản xuất, phát triển công nghiệp nội địa; đẩy mạnh chuyển đổi số-chuyển đổi xanh trong công nghiệp hướng tới phát triển bền vững với quan điểm “1 không, 2 ít, 3 cao” (không ô nhiễm, sử dụng ít đất, ít lao động, công nghệ cao, suất vốn cao, hiệu quả kinh tế cao) và “4 sẵn sàng” (mặt bằng, nhân lực, cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư) để hướng tới mô hình “Hệ sinh thái công nghiệp” bền vững có sự liên kết, tham gia của doanh nghiệp trong nước; phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp. Thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển và chuyển giao công nghệ; phát triển các công nghệ chiến lược, công nghệ lõi phù hợp với định hướng quy hoạch tỉnh (AI, Big Data...), đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo của khu vực miền Bắc [7].

Như vậy, sau khi sáp nhập tỉnh Bắc Ninh mới, Tỉnh ủy đã xác định các phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh phù hợp với bối cảnh mới, không gian mới, phát huy được các tiềm năng, thế mạnh và kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trước đây. Hay nói cách khác, việc lãnh đạo xác định phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh của Tỉnh ủy Bắc Ninh có tính thực tiễn.

Theo kết quả điều tra khảo sát đối với 216 người là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tỉnh về mức độ phù hợp phương hướng, nhiệm vụ của Tỉnh ủy xác định về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn có tới 100% ý kiến cho rằng hoàn toàn phù hợp và phù hợp phần lớn.

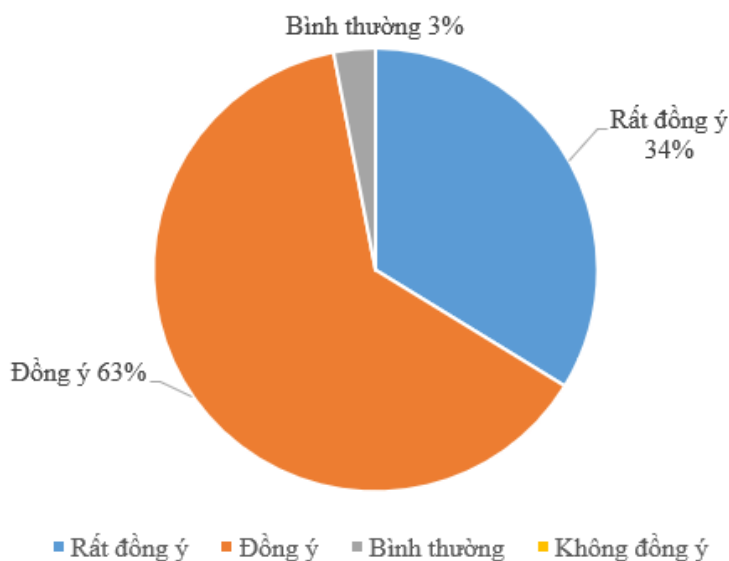
Biểu đồ 3.1: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về mức độ phù hợp về phương hướng, nhiệm vụ của Tỉnh ủy xác định về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Kết quả điều tra khảo sát đối với 462 đảng viên và nhân dân trong tỉnh, khi được hỏi ý kiến về Tỉnh ủy đã ban hành các chủ trương, nghị quyết về CNH, HĐH phù hợp với thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh có tới 97% ý kiến cho rằng rất đồng ý và đồng ý với đánh giá này.

Biểu đồ 3.2: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh ủy đã ban hành các chủ trương, nghị quyết về CNH, HĐH phù hợp với thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Hai là, Tỉnh ủy thường xuyên lãnh đạo hệ thống chính trị ở tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

** Giai đoạn trước khi sáp nhập tỉnh (2015-30/6/2025)*

Trong giai đoạn từ 2015 đến 30/6/2025, Tỉnh ủy Bắc Ninh luôn giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo đối với các tổ chức đảng trực thuộc trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết về đẩy mạnh CNH, HĐH. Tỉnh ủy đã lãnh đạo các cấp ủy trực thuộc phát huy vai trò chủ động trong việc xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện CNH, HĐH gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, từng địa phương. Công tác phân công, phân cấp được chú trọng, góp phần nâng cao tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức đảng cơ sở trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hiện đại hóa các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy Bắc Ninh cũng đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai nghị quyết về CNH, HĐH, qua đó kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc, hình thức.

Không chỉ chú trọng lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc, Tỉnh ủy Bắc Ninh còn thường xuyên lãnh đạo chính quyền tỉnh trong tổ chức thực hiện CNH, HĐH. Coi đây là một nội dung trọng tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với quá trình CNH, HĐH. Tỉnh ủy đã lãnh đạo Hội đồng nhân dân (HĐND) thể chế hóa kịp thời các nghị quyết của Đảng thành các Nghị quyết cụ thể, trong đó phải kể đến các Nghị quyết của HĐND tỉnh về các lĩnh vực phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đầu tư công cho các công trình trọng điểm và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội [Xem Phụ lục 9]. Đồng thời, Tỉnh ủy cũng lãnh đạo Ủy ban nhân dân (UBND) ban hành các Quyết định, chỉ thị về đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, công nghiệp phụ trợ, đầu tư công, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh [Xem Phụ lục 10].

Nhận thức rõ vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc huy động sức mạnh của toàn xã hội, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã chú trọng lãnh đạo các tổ chức này tham gia tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh CNH, HĐH. Trong các Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025 đều có nội dung cụ thể về phát huy vai trò của các tổ chức này. Tỉnh

ủy thường xuyên ban hành chỉ thị, kết luận về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Mặt trận, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân và các tổ chức khác trong tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các văn bản này không chỉ nêu rõ quan điểm, định hướng mà còn cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp, phân công trách nhiệm cho từng tổ chức. Tỉnh ủy đã lãnh đạo phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc triển khai các chương trình, dự án phát triển công nghiệp, xây dựng hạ tầng, bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời, các tổ chức này tham gia tích cực vào việc vận động nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách, tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình CNH, HĐH.

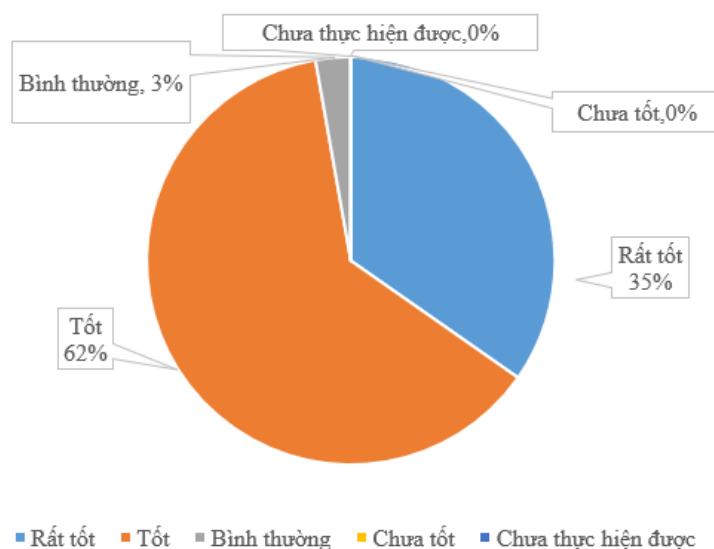
** Giai đoạn sau sáp nhập thành tỉnh Bắc Ninh mới (từ 1/7/2025 đến nay)*

Nhằm phát huy vai trò lãnh đạo trực tiếp và toàn diện, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã tập trung quán triệt, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết về đẩy CNH, HĐH đến các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Quá trình triển khai được thực hiện đồng bộ, đảm bảo sát hợp với chức năng, nhiệm vụ đặc thù của từng cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, trong bối cảnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời thực hiện sự lãnh đạo của Tỉnh ủy triển khai hiệu quả 09 nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị (Nghị quyết 57, 59, 66, 68, 70, 71, 72, 79, 80), tạo nền tảng, tạo động lực mạnh mẽ để tiến lên trong kỷ nguyên mới; HĐND tỉnh Bắc Ninh đã kịp thời ban hành một số Nghị quyết chuyên đề triển khai 04 nghị quyết quan trọng của Bộ chính trị, tiêu biểu như: Nghị quyết số 58/2025/NQ-HĐND, ngày 12/11/2025, Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 10/12/2025, Thành lập Đoàn giám sát việc triển khai và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh. Nghị quyết số 113/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025, Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo nhân lực phục vụ công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2025-2030. Bên cạnh đó, UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện

Nghị quyết số 57-NQ/TW, gồm: Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST, CDS quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 20/8/2025 Truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST, CDS quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Theo kết quả điều tra khảo sát đối với 216 người là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tỉnh về mức độ đạt được trong thực hiện nội dung lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc; chính quyền tỉnh, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh có tới 97% ý kiến đánh giá tốt và rất tốt.

Biểu đồ 3.3: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc; chính quyền tỉnh, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Ba là, Tỉnh ủy luôn quan tâm lãnh đạo xây dựng kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

** Giai đoạn trước khi sáp nhập tỉnh (2015-30/6/2025)*

Nhận thức rõ vai trò của đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực đối với quá trình phát triển CNH, HĐH ở địa phương, trong những năm qua Tỉnh ủy Bắc Ninh luôn quan tâm chỉ đạo xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ và nguồn nhân lực nói chung đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy Bắc Ninh từ sớm đã quan tâm, chỉ đạo ban hành nhiều nghị quyết để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH, tiêu biểu như Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 9/11/2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực và giải quyết việc làm giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2015; Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 30/10/2009 hội nghị lần thứ mười bảy Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XVII về đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 14/4/2011: Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm giai đoạn 2011-2015.

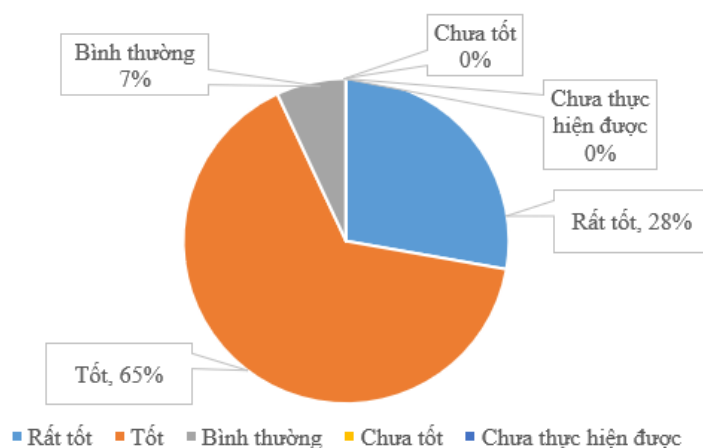
** Giai đoạn sau sáp nhập thành tỉnh Bắc Ninh mới (từ 1/7/2025 đến nay)*

Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai xây dựng đề án sắp xếp, tinh gọn bộ máy; tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng đề án mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo hướng tinh gọn tổ chức, bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Tỉnh ủy Bắc Ninh đã tích cực phối hợp với Tỉnh ủy Bắc Giang triển khai Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh và Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện. Kết quả, sau sắp xếp cấp xã và sáp nhập tỉnh, toàn tỉnh Bắc Ninh còn 99 đơn vị hành chính cấp xã (giảm 214 đơn vị so với thời điểm trước); cấp tỉnh còn 15 sở và tương đương (giảm 15 sở, ngành so với trước thời điểm hợp nhất) với 113 phòng và tương đương (giảm 123 phòng); 11 chi cục và tương đương (giảm 2 chi cục); 184 đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở (trong đó có 61 đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, 40 đơn vị sự nghiệp y tế, 83 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo)[77].

Cùng với việc kiện toàn bộ máy và đội ngũ cán bộ, Tỉnh ủy đã lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện tỉnh có cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ đa dạng, nhiều khu công nghiệp tập trung và yêu cầu cao về lao động kỹ thuật, công nghệ. Công tác đào tạo nghề, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao từng bước được điều chỉnh theo nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và định hướng phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp công nghệ cao.

Theo kết quả điều tra khảo sát đối với 216 người là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tỉnh về mức độ đạt được trong thực hiện nội dung Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh có tới 93,1% ý kiến đánh giá tốt và rất tốt (65,3% ý kiến đánh giá tốt; 27,8% ý kiến đánh giá rất tốt); chỉ có 6,9% ý kiến đánh giá là bình thường.

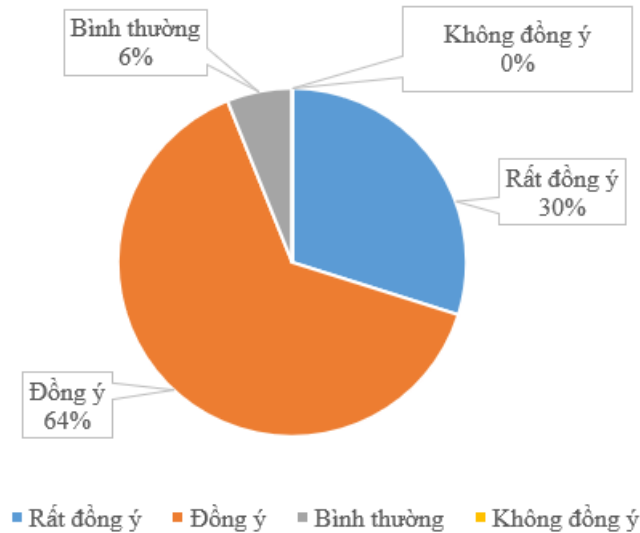
Biểu đồ 3.4: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo xây dựng kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Còn theo kết quả điều tra khảo sát đối với 462 cán bộ, đảng viên trong tỉnh đánh giá nội dung Tỉnh ủy đã chú trọng lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH có 30% ý kiến đánh giá rất đồng ý, 64% ý kiến đánh giá đồng ý với ý kiến trên.

Biểu đồ 3.5: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh ủy đã chú trọng lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Bốn là, Tỉnh ủy đã chú trọng lãnh đạo phát huy các lợi thế, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước; xây dựng, triển khai các dự án, chương trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.

** Giai đoạn trước khi sáp nhập tỉnh (2015-30/6/2025)*

Ngay từ khi tái lập tỉnh vào năm 1997, Tỉnh ủy Bắc Ninh sớm nhận thức được tiềm năng, lợi thế đột phá của địa phương, từ đó đã chủ động biến các lợi thế “tĩnh” thành thế mạnh, đặc trưng của tỉnh. Tỉnh ủy đã lãnh đạo việc chủ động quy hoạch các Khu công nghiệp (KCN) tập trung, chuyên biệt (như KCN hỗ trợ, KCN sinh thái). Đây là cách “dọn tổ đón đại bang” hay nói một cách khác là chủ động xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ một cách bài bản để thu hút đầu tư. Cụ thể, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã sớm ban hành hai Nghị quyết chuyên đề về phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung (Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 04/5/2001 và Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 29/5/2006). Song song với công tác lãnh đạo phát triển công nghiệp, khu công nghiệp, Tỉnh ủy Bắc Ninh cũng sớm quan tâm lãnh đạo thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh. Ngày 05/5/2001, Tỉnh ủy Bắc Ninh ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về đẩy mạnh thực hiện Luật Doanh nghiệp nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, thu hút vốn đầu tư vào các khu

công nghiệp, cụm công nghiệp, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần thực hiện CNH, HĐH. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy cũng đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến 30/6/2025, Tỉnh ủy Bắc Ninh tiếp tục xác định thu hút đầu tư trong nước và ngoài nước là động lực then chốt để đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh. Quan điểm này được thể hiện xuyên suốt trong các nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết chuyên đề và chương trình hành động về thu hút đầu tư, tạo môi trường cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuận lợi; tăng cường đối thoại, kiểm tra, nắm tình hình, giải quyết kịp thời những kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp.

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định “Tiếp tục thu hút và nâng cao chất lượng dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước, thu hút các dự án có công nghệ cao, tăng hàm lượng khoa học, suất đầu tư lớn, giảm định mức về sử dụng đất, tài nguyên, năng lượng, lao động, hiệu quả cao, thân thiện với môi trường, nâng cao tỷ trọng giá trị nội địa hóa trong sản phẩm. Quan tâm và tạo các điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn tạo động lực cho phát triển kinh tế” [26].

Đồng thời, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện trong việc định hướng thu hút đầu tư gắn với mục tiêu CNH, HĐH bền vững. Thông qua việc chỉ đạo quyết liệt cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Tỉnh ủy đã tạo lập một môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định, trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư chiến lược. Đặc biệt, chủ trương ưu tiên các dự án FDI quy mô lớn, công nghệ cao và thân thiện với môi trường đã tạo bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động và khẳng định vị thế của Bắc Ninh trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Việc lãnh đạo phát huy các tiềm năng, lợi thế, quy hoạch và xây dựng các KCN tập trung; cụm công nghiệp làng nghề, đa nghề là một giải pháp quan trọng đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH tỉnh Bắc Ninh; tạo ra bước ngoặt mang tính đột phá. Vì thế, Bắc Ninh đã trở thành điểm đến hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài.

Nhờ vậy, đến năm 2021 số cơ sở sản xuất công nghiệp của Bắc Ninh đã gấp 5 lần năm 1997, với hơn 400 nghìn lao động đang làm việc, gấp 8 lần năm 1997, trong đó 80% các cơ sở sản xuất nằm trong các KCN tập trung và các cụm công nghiệp. Đặc biệt, từ 2010 công nghiệp Bắc Ninh đã thay đổi nhanh chóng khi nhà máy sản xuất điện tử đầu tiên của Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam (SEV) đi vào hoạt động, sau 3 năm sản xuất và mở rộng đầu tư, đã giúp công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đặt dấu mốc gần 700 nghìn tỷ giá trị sản xuất vào năm 2013 và đến năm 2017 cán mốc 1.000 nghìn đồng khi có thêm nhà máy của Tổ hợp Samsung Bắc Ninh (thuộc Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam-SDV) được đầu tư thêm vốn và hoạt động với công suất tối đa; từ năm 2018, Bắc Ninh đã vươn lên vị trí số 1 về quy mô sản xuất công nghiệp trong cả nước, đồng thời trở thành trung tâm sản xuất công nghiệp điện tử lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á. Đến năm 2021, quy mô công nghiệp (giá hiện hành) của tỉnh Bắc Ninh đạt 1.505 nghìn tỷ đồng, gấp 2.330 lần năm 1997.

Vì thế, công nghiệp luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế trên địa bàn, là “đầu tàu” tăng trưởng của kinh tế ở địa phương. Từ năm 2001, tỷ trọng trong GRDP của ngành công nghiệp đã vượt qua khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trở thành ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất (năm 2021 đã là 71,4%). Năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh) trên địa bàn Bắc Ninh đạt 1.285 nghìn tỷ đồng, gấp 1.032 lần năm 1997, xếp thứ nhất cả nước.

Đến nay, ngành công nghiệp không chỉ phát triển ở bề rộng và bề sâu, bảo tồn và nhân rộng ngành nghề truyền thống mà còn phát triển thêm nhiều ngành công nghiệp mới, sản phẩm mới. Trong đó, đáng chú ý là ngành công nghiệp điện tử, đã có 3 tập đoàn là Samsung (vốn đầu tư gần 10 tỷ USD); Microsoft (800 triệu USD) và Canon (130 triệu USD) đầu tư vào Bắc Ninh. Đây là những tập đoàn nổi tiếng thế giới về lĩnh vực công nghiệp điện tử và đã làm thay đổi và tạo nên đột phá của ngành công nghiệp tỉnh Bắc Ninh [5].

** Giai đoạn sau sáp nhập thành tỉnh Bắc Ninh mới (từ 1/7/2025 đến nay)*

Sau khi sáp nhập thành tỉnh Bắc Ninh mới, Tỉnh ủy Bắc Ninh vẫn xác định, việc lãnh đạo phát huy các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước; xây dựng triển khai các dự án, chương trình đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhưng phù hợp với bối cảnh mới. Trong giai đoạn 2026-2030, Tỉnh

ủy Bắc Ninh xác định việc lãnh đạo phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung không chỉ theo chiều rộng mà phải phát triển theo chiều sâu. Bên cạnh việc đẩy nhanh tiến độ thành lập, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp kết nối thuận lợi với các cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh, cửa khẩu phía Bắc và khu vực Tây Bắc; gắn kết khu công nghiệp với khu đô thị, dịch vụ có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Tỉnh ủy cũng đã lãnh đạo, chỉ đạo cần “Tập trung nghiên cứu phát triển một số mô hình khu, cụm công nghiệp đặc thù như: Khu công nghệ cao dành cho doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số; Khu chế biến nông sản công nghệ cao, chuyên sâu và sản xuất máy móc ứng dụng trong nông nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng...”[7].

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy Bắc Ninh còn lãnh đạo đổi mới và nâng cao chất lượng các hoạt động thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, minh bạch, thông thoáng và hấp dẫn. Các hoạt động xúc tiến đầu tư, đón bắt kịp thời làn sóng dịch chuyển đầu tư FDI, mở ra hướng đi mới trong phát triển ngành công nghiệp bán dẫn tại địa phương, tham gia hệ sinh thái bán dẫn ở Việt Nam. Là địa phương đầu tiên trong cả nước xây dựng chính sách hỗ trợ về giảng dạy và đào tạo nhân lực chất lượng cao, nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn, phục vụ nền công nghiệp số giai đoạn 2024-2030. Triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ hỗ trợ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tập thể, tư nhân, hợp tác xã, hộ kinh doanh phát triển bền vững.

Trong nhiệm kỳ, toàn tỉnh đã thu hút 1.731 dự án, điều chỉnh tăng vốn 1.207 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký (cấp mới, điều chỉnh tăng thêm và góp vốn, mua cổ phần) trên 25,1 tỷ USD; thu hút 733 dự án, điều chỉnh tăng vốn 413 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký sau điều chỉnh đạt trên 676 nghìn tỷ đồng; thành lập mới 28.590 doanh nghiệp với vốn đăng ký trên 367 nghìn tỷ đồng (bình quân đạt 23,7 tỷ đồng/doanh nghiệp. Lũy kế đến nay toàn tỉnh, đã thu hút được trên 3.300 dự án FDI còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký là 45,9 tỷ USD; thu hút được 3.339 dự án đầu tư trong nước còn hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 960 nghìn tỷ đồng và có trên 33.500 doanh nghiệp đang hoạt động, với tổng vốn đăng ký 730 nghìn tỷ đồng [7].

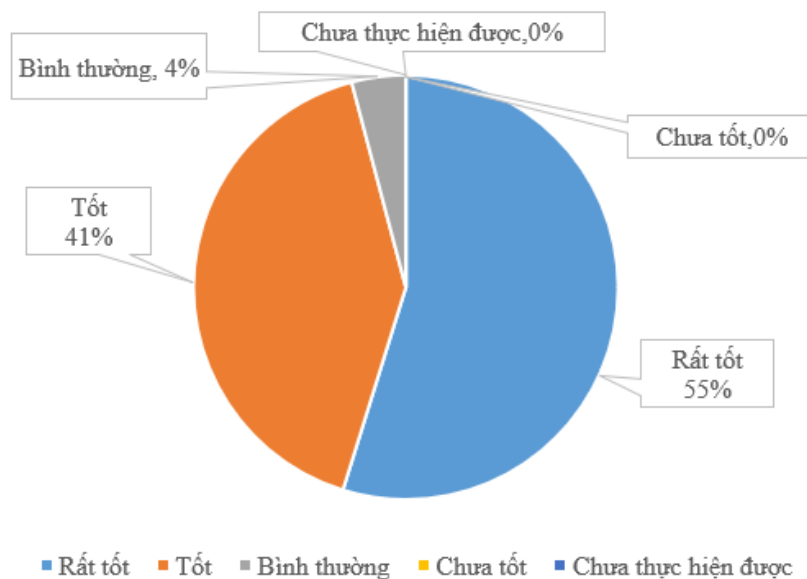
Môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh ngày càng thông thoáng, hấp dẫn hơn; tiến độ chấp thuận đầu tư và triển khai các dự án nhanh hơn; chất lượng dự

án đầu tư vào địa bàn tỉnh tốt hơn, hầu hết các dự án được chấp thuận đầu tư vào địa bàn đã triển khai đầu tư theo đúng lộ trình và tiến hành sản xuất, kinh doanh theo đúng kế hoạch đã đặt ra.

Cùng với việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tỉnh Bắc Ninh đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ hỗ trợ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tập thể, tư nhân, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đặc biệt là việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển mạnh mẽ về số lượng cũng như chất lượng hoạt động. Từ năm 2021 đến nay, việc có thêm 28.590 doanh nghiệp thành lập mới với quy mô vốn đăng ký bình quân đạt 23,7 tỷ đồng/doanh nghiệp đã tạo nên một hệ thống doanh nghiệp hùng hậu và bền vững [7].

Hiệu quả của các chủ trương thu hút đầu tư và phát triển kinh tế được minh chứng qua dữ liệu khảo sát. Theo kết quả điều tra khảo sát đối với 216 người là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tỉnh về mức độ đạt được trong thực hiện nội dung Tỉnh ủy lãnh đạo thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước; xây dựng, triển khai các dự án, chương trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh có tới 96% ý kiến đánh giá tốt và rất tốt.

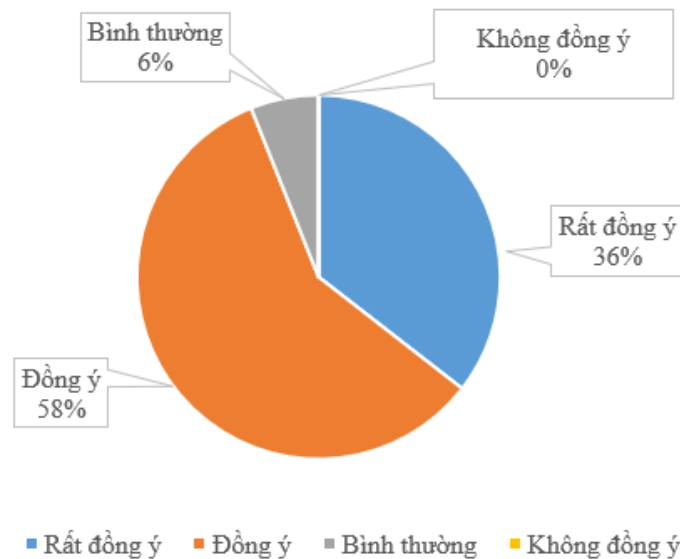
Biểu đồ 3.6: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước; xây dựng, triển khai các dự án, chương trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Kết quả điều tra khảo sát đối với 462 cán bộ, đảng viên trong tỉnh đánh giá nội dung Tỉnh ủy đã có những chủ trương, chính sách hiệu quả để thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao có 36% ý kiến đánh giá rất đồng ý, 58% ý kiến đánh giá đồng ý với ý kiến trên.

Biểu đồ 3.7: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh ủy đã có những chủ trương, chính sách hiệu quả để thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Năm là, Tỉnh ủy lãnh đạo phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh đã có nhiều tiến bộ

** Giai đoạn trước khi sáp nhập tỉnh (2015-30/6/2025)*

Xác định huy động nguồn lực là nhân tố then chốt, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã chú trọng thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các thành tố trong hệ thống chính trị và các khu vực kinh tế. Việc gắn kết hài hòa giữa vai trò của Đảng, Nhà nước với sức mạnh của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, cũng như khai thác hiệu quả sự tương tác giữa khu vực công - tư và nguồn lực nội - ngoại sinh, đã tạo nên sức mạnh tổng hợp cho tiến trình CNH, HĐH. Đây được xem là điều kiện tiên quyết để tỉnh chuyển hóa các tiềm lực xã hội thành động lực phát triển nhanh, bền vững, đáp ứng yêu cầu bối cảnh mới.

Công tác lãnh đạo phối hợp và huy động nguồn lực cho tiến trình CNH, HĐH tại Bắc Ninh đã đạt được những thành tựu mang tính bước ngoặt, hình thành nên mô hình tăng trưởng dựa trên hiệu quả quản trị và sức hút đầu tư. Ưu

điểm cốt lõi nằm ở cơ chế điều hành thống nhất, nơi cấp ủy và chính quyền đóng vai trò kiến tạo, xây dựng chiến lược đồng bộ giúp tối ưu hóa các nguồn lực từ quỹ đất, vốn đầu tư công đến nhân lực chất lượng cao, hạn chế tối đa sự chồng chéo và lãng phí.

Sự hiệp lực trong hệ thống chính trị đã trực tiếp cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện huy động mạnh mẽ dòng vốn FDI từ các tập đoàn công nghệ toàn cầu. Điều này không chỉ xác lập vị thế thủ phủ công nghiệp điện tử cho Bắc Ninh mà còn thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ và hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật - xã hội. Kết quả là tốc độ tăng trưởng GRDP duy trì ở mức cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch quyết liệt sang công nghiệp - dịch vụ hiện đại. Thành quả này không chỉ dừng lại ở các chỉ số kinh tế mà còn lan tỏa sâu rộng, tạo ra hệ thống việc làm giá trị cao và nâng cao toàn diện chất lượng sống cho nhân dân địa phương.

** Giai đoạn sau sáp nhập thành tỉnh Bắc Ninh mới (từ 1/7/2025 đến nay)*

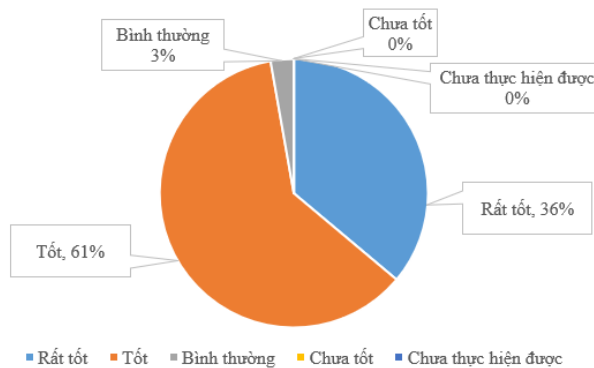
Hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang sáp nhập thành một, đã tạo ra cơ hội phát triển quy mô chưa từng có, đó là mở rộng không gian kinh tế và xã hội của tỉnh mới. Đồng thời tỉnh Bắc Ninh trở thành nơi kết nối liên vùng, được dự kiến quy hoạch là một trong bốn cực tăng trưởng của Vùng đồng bằng sông Hồng với nhiều lợi thế địa kinh tế, địa chính trị, có đầy đủ cơ sở để phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng văn minh, hiện đại. Điều này tạo ra một lực hấp dẫn đầu tư cực lớn, không chỉ nhờ vào cơ sở hạ tầng công nghiệp hiện đại sẵn có mà còn nhờ vào quỹ đất dồi dào và nguồn nhân lực đa dạng. Việc lãnh đạo phối hợp, huy động các nguồn lực đẩy mạnh công CNH HĐH trên địa bàn cũng phải đáp ứng yêu cầu mới. Cho nên lãnh đạo tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện một chiến lược phân bổ không gian phát triển hợp lý: tập trung vào công nghiệp công nghệ cao và đô thị thông minh ở khu vực Bắc Ninh cũ, đồng thời phát triển logistics, công nghiệp phụ trợ, và nông nghiệp công nghệ cao ở khu vực Bắc Giang cũ. Sự phối hợp chiến lược này đảm bảo sự cân bằng, đa ngành và bền vững cho sự phát triển tổng thể, giúp tỉnh nhanh chóng hoàn thành mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngoài ra, việc lãnh đạo thực hiện chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp và giảm thiểu các đầu mối hành chính không chỉ giúp tinh gọn bộ máy, mà còn giảm đáng kể các thủ tục hành chính, loại bỏ sự chồng

chéo, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành. Điều này trực tiếp hỗ trợ cho CNH, HĐH bằng cách tạo ra một môi trường đầu tư minh bạch, tốc độ cao, thu hút các dự án đòi hỏi sự cam kết và tốc độ triển khai nhanh. Về huy động các nguồn lực, Tỉnh ủy Bắc Ninh mới đã thể hiện khả năng tổng hợp và phân bổ vốn đầu tư công một cách hiệu quả hơn, tập trung vào các dự án hạ tầng mang tính chiến lược liên vùng như hoàn thiện Vành đai 4 Vùng Thủ đô. Sự phối hợp này đảm bảo rằng các nguồn lực được dồn vào những "mũi nhọn" phát triển, biến Bắc Ninh mới thành trục trung chuyển công nghiệp - dịch vụ chiến lược của Vùng Thủ đô và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

Theo kết quả điều tra khảo sát đối với 216 người là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tỉnh về mức độ đạt được trong thực hiện nội dung Tỉnh ủy lãnh đạo việc phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh có tới 97% ý kiến đánh giá tốt và rất tốt (36% ý kiến đánh giá tốt, 61% ý kiến đánh giá rất tốt); chỉ có 3% ý kiến đánh giá là bình thường.

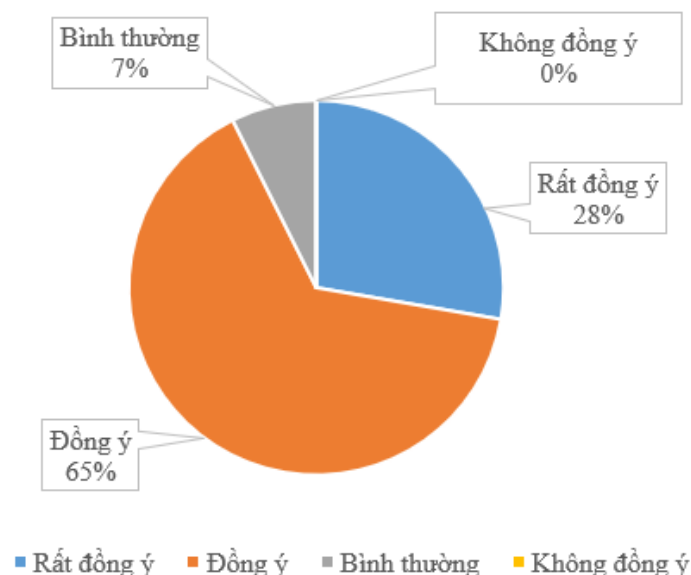
Biểu đồ 3.8: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo việc phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Còn theo kết quả điều tra khảo sát đối với 462 cán bộ, đảng viên trong tỉnh đánh giá nội dung Tỉnh ủy đã lãnh đạo việc phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên trong việc tham gia, đóng góp vào quá trình CNH, HĐH có 28% ý kiến đánh giá rất đồng ý, 65% ý kiến đánh giá đồng ý với ý kiến trên.

Biểu đồ 3.9: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh ủy đã lãnh đạo việc phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên trong việc tham gia, đóng góp vào quá trình CNH, HĐH.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Sáu là, Tỉnh ủy thường xuyên lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

** Giai đoạn trước khi sáp nhập tỉnh (2015-30/6/2025)*

Từ năm 2015 - đến 30/6/2025, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã thiết lập một cơ chế lãnh đạo mang tính hệ thống và khoa học đối với tiến trình CNH, HĐH, lấy việc sơ kết và tổng kết làm công cụ điều hành then chốt.

Tỉnh ủy đã thường xuyên và kịp thời lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết về đẩy mạnh CNH, HĐH, bao gồm sơ kết định kỳ hằng năm, sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và tổng kết chuyên đề theo giai đoạn 5 năm, hoặc theo yêu cầu của cấp trên đối với các nghị quyết phát triển công nghiệp trọng điểm. Sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy sau mỗi đợt tổng kết đảm bảo rằng các thành quả đạt được, cũng như những hạn chế tồn tại, đều được thể chế hóa ngay lập tức thành các quyết sách mới hoặc các điều chỉnh chính sách. Điều này giúp tỉnh Bắc Ninh duy trì được tốc độ phản ứng nhanh với các biến động của thị trường, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, đặc biệt là trong các lĩnh vực phức tạp như giải phóng mặt bằng và cải cách thủ tục hành chính, qua đó giữ vững niềm tin và sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư lớn.

Ngoài ra, nội dung sơ kết, tổng kết của Tỉnh ủy không chỉ dừng lại ở báo cáo thành tích mà luôn hướng tới tính thực chất và sự minh bạch. Các đánh giá được xây dựng dựa trên sự phân tích sâu sắc các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cụ thể (như tốc độ tăng GRDP, tỷ trọng công nghiệp công nghệ cao, hiệu suất thu hút FDI), lấy kết quả đầu ra làm thước đo chính xác nhất cho hiệu quả lãnh đạo. Đặc biệt, Tỉnh ủy đã thường xuyên chỉ đạo lấy ý kiến phản ánh rộng rãi từ cộng đồng doanh nghiệp (khối FDI và doanh nghiệp trong nước) và các chuyên gia, đảm bảo rằng các đánh giá và giải pháp được đưa ra là đa chiều, sát với thực tiễn sản xuất. Từ đó, thông qua công tác sơ kết, tổng kết, Tỉnh ủy có khả năng nhận diện chính xác các điểm nghẽn và ban hành các nghị quyết chuyên đề mang tính đột phá để giải quyết các tồn tại đó, như các nghị quyết về chuyển đổi số hoặc phát triển kinh tế ban đêm, qua đó liên tục làm mới động lực CNH, HĐH của tỉnh.

** Giai đoạn sau sáp nhập thành tỉnh Bắc Ninh mới (từ 1/7/2025 đến nay)*

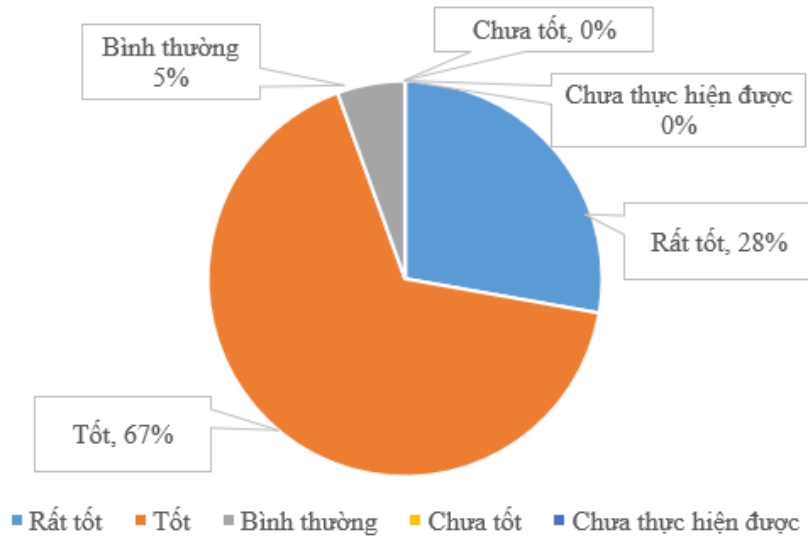
Từ khi tỉnh Bắc Ninh mới được thành lập và đi vào vận hành, Tỉnh ủy đã quan tâm đến công tác sơ kết, tổng kết về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và sơ kết, tổng kết về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh nói riêng. Việc rà soát, đánh giá, ban hành Đề án sát nhập tỉnh cũng thể hiện Tỉnh ủy đã đánh giá một cách toàn diện, khách quan, tổng hợp và phân tích toàn bộ nguồn lực (đất đai, nhân lực, vốn) từ hai khu vực cũ. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy có cơ sở lãnh đạo phân bổ và tối ưu hóa nguồn lực một cách hiệu quả hơn, tập trung giải quyết các bài toán lớn như liên kết hạ tầng giao thông và phát triển các khu công nghiệp vệ tinh.

Trong tiến trình đó, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I (nhiệm kỳ 2020-2025) được xem là dấu mốc tổng kết toàn diện nhất trên mọi mặt: từ kinh tế - xã hội đến xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đại hội không chỉ chuẩn hóa các thành quả đạt được sau sáp nhập mà còn xác lập sự thống nhất cao độ về quan điểm, mục tiêu và giải pháp chiến lược cho nhiệm kỳ 2025-2030. Những định hướng trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đã tạo lập nền tảng vững chắc để tỉnh bước vào giai đoạn phát triển bứt phá, khẳng định tính đúng đắn của lộ trình hợp nhất.

Hiệu quả của công tác sơ kết, tổng kết và giám sát được khẳng định rõ nét qua dữ liệu khảo sát thực tế: về công tác sơ kết, tổng kết: 95% cán bộ lãnh đạo,

quản lý đánh giá đạt mức tốt và rất tốt (trong đó 28% đánh giá rất tốt), cho thấy sự đồng thuận cao đối với phương thức quản trị dựa trên thực tiễn.

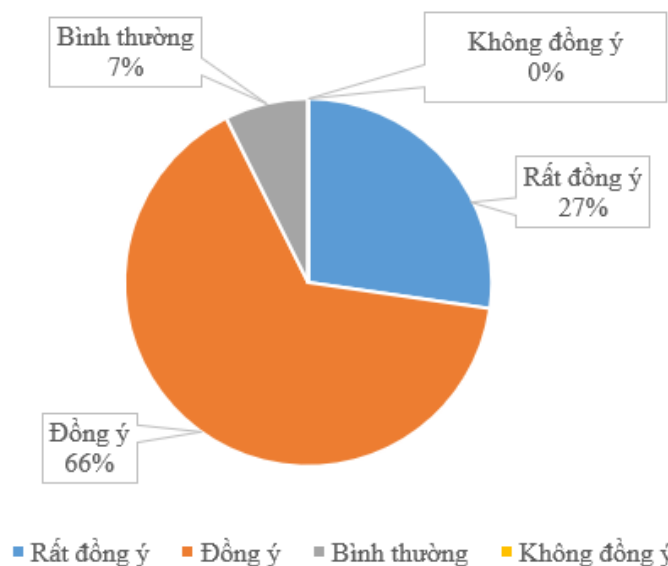
Biểu đồ 3.10: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Về công tác kiểm tra, giám sát: 93% cán bộ, đảng viên khẳng định hoạt động này được thực hiện thường xuyên và hiệu quả (với 27% rất đồng ý), đảm bảo quá trình triển khai CNH, HĐH luôn đi đúng quỹ đạo chiến lược.

Biểu đồ 3.11: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Hoạt động kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy đối với việc triển khai CNH, HĐH được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

3.1.1.2. Ưu điểm trong thực hiện phương thức Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Thứ nhất, Tỉnh ủy đã chủ động, linh hoạt lãnh đạo bằng các nghị quyết, chương trình, chủ trương về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

** Giai đoạn trước khi sáp nhập tỉnh (2015-30/6/2025)*

Từ năm 2015 đến ngày 30/6/2025, Tỉnh ủy Bắc Ninh ghi dấu ấn đậm nét về vai trò định hướng thông qua hệ thống văn bản lãnh đạo toàn diện và xuyên suốt. Thông qua việc ban hành đồng bộ các Nghị quyết chuyên đề, Chương trình hành động và Chỉ thị sát với thực tiễn, Tỉnh ủy không chỉ cụ thể hóa linh hoạt các chủ trương của Trung ương mà còn kiến tạo những bước đi đột phá cho tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH tại địa phương. Trong đó tiêu biểu là các văn bản như: Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020, số 01-NQ/TU ngày 24/9/2015; Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 11/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ tỉnh Bắc Ninh theo hướng văn minh, hiện đại đến năm 2025; Nghị quyết số 14/NQ-TU ngày 25/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 16/NQ-TU ngày 04/01/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bảo đảm một số chính sách an sinh xã hội cơ bản và nhu cầu dịch vụ xã hội thiết yếu đối với người lao động trong các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 8/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 55-NQ/TU ngày 29/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình tổng thể cải cách hành chính tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2030; Đặc biệt, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 75-CTr/TU ngày 06/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo yêu cầu của Nghị quyết số 29-NQ/TW và phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Mặt khác, về nội dung các Nghị quyết, Chương trình, Chủ trương của Tỉnh ủy khá toàn diện và ngày càng đi vào chiều sâu; không chỉ dừng ở việc xác định mục tiêu phát triển công nghiệp, đặc biệt là tập trung vào công nghiệp trọng điểm của tỉnh như: công nghiệp điện tử, bán dẫn, cơ khí chế tạo, chế biến thực phẩm, công nghiệp công nghệ cao; mà còn đề cập đầy đủ các nội dung then chốt như: phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hướng tới trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, công nghệ cao và nghiên cứu, thiết kế trong khu vực Đông Nam Á; phát triển nền nông nghiệp theo hướng sinh thái, hữu cơ, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến; thu hút đầu tư; cải cách hành chính; phát triển doanh nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh xã hội. Điều này thể hiện tầm nhìn tổng thể và tư duy phát triển bền vững trong lãnh đạo CNH, HĐH của tỉnh ủy, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Bắc Ninh.

** Giai đoạn sau sáp nhập thành tỉnh Bắc Ninh mới (từ 1/7/2025 đến nay)*

Sau khi sáp nhập, Tỉnh ủy Bắc Ninh đứng trước yêu cầu cấp thiết về việc duy trì tính kế thừa, ổn định, đồng thời thống nhất tư duy hành động trên không gian phát triển mới. Quy mô địa bàn mở rộng và tính chất liên kết vùng phức tạp đặt ra đòi hỏi cao về năng lực hoạch định chính sách của Tỉnh ủy. Việc ban hành các nghị quyết, chủ trương phải đảm bảo tầm nhìn tổng thể, tính đồng bộ và khả thi để khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện trong bối cảnh mới.

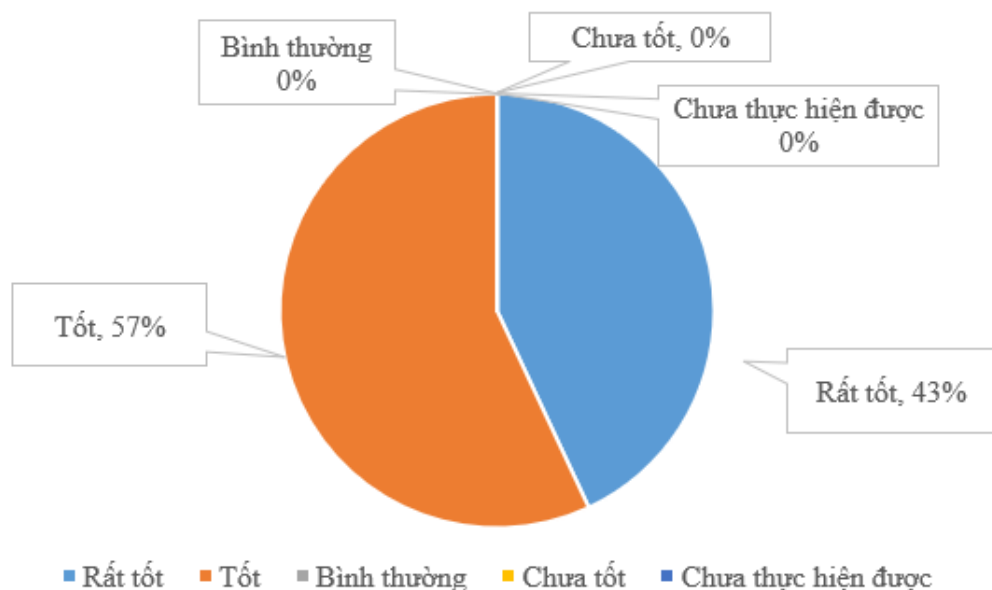
Tỉnh ủy đã kịp thời cụ thể hóa các chỉ thị của Trung ương thành hệ thống văn bản quy phạm sát hợp với thực tiễn địa phương. Tiêu biểu là các kế hoạch chiến lược về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (Kế hoạch 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia) và phát triển kinh tế tư nhân (Kế hoạch 11-KH/TU ngày 28/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân). Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 08/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ lãnh đạo năm 2026 đã xác lập lộ trình cụ thể, làm kim chỉ nam cho các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc biệt, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã ban hành Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 16/01/2026 của Tỉnh ủy Bắc Ninh thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” giai đoạn

2026-2030. Chương trình hành động đã đề ra những nhiệm vụ, giải pháp, đề án, chính sách, công trình, dự án quan trọng trong giai đoạn 2026 - 2030; gắn với tinh thần “6 rõ” trong triển khai thực hiện: Rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ nguồn lực, rõ kết quả nhằm đưa tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt “2 con số” trong giai đoạn 2026 - 2030, tạo nền tảng phát triển bền vững đến năm 2045.

Điểm sáng trong phương thức lãnh đạo giai đoạn này là sự chuyển dịch sang quản trị bài bản, khoa học. Việc ban hành Nghị quyết luôn đi đôi với phân định rõ trách nhiệm, nguồn lực và lộ trình thực hiện. Sự gắn kết chặt chẽ giữa khâu ban hành với kiểm tra, giám sát và sơ kết thực tiễn đã giúp Tỉnh ủy linh hoạt điều chỉnh chính sách, khai thác tối đa tiềm năng đặc thù sau sáp nhập.

Theo kết quả điều tra khảo sát đối với 216 người là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tỉnh về mức độ đạt được trong phương thức Tỉnh ủy lãnh đạo bằng các nghị quyết, chương trình, chủ trương về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh thì 100% người được hỏi đánh giá tốt và rất tốt.

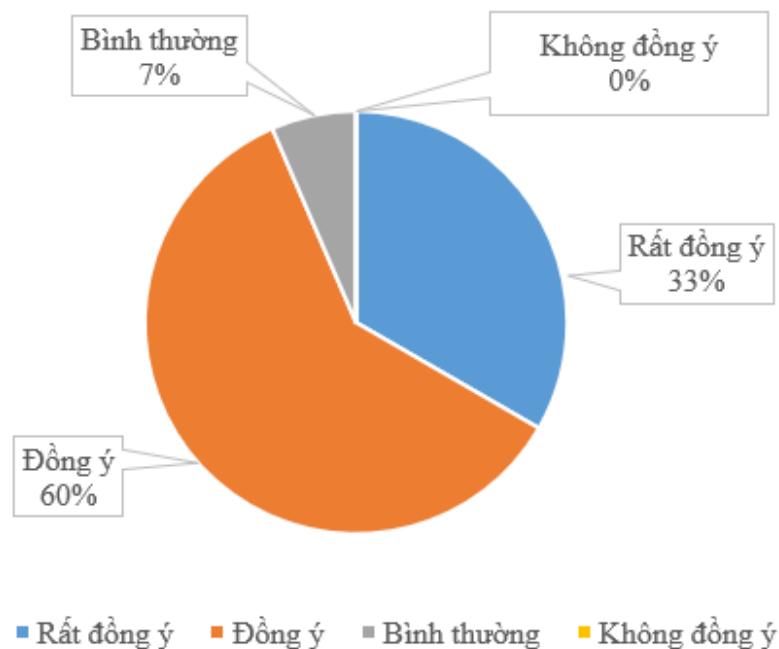
Biểu đồ 3.12: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về mức độ đạt được trong phương thức Tỉnh ủy lãnh đạo bằng các nghị quyết, chương trình, chủ trương về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Còn theo kết quả điều tra khảo sát đối với 462 cán bộ, đảng viên trong tỉnh đánh giá nội dung Tỉnh ủy đã có những định hướng chiến lược rõ ràng, có tầm nhìn xa để thúc đẩy CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh có 33% ý kiến đánh giá rất đồng ý, 60% ý kiến đánh giá đồng ý với ý kiến trên.

Biểu đồ 3.13: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh ủy đã có những định hướng chiến lược rõ ràng, có tầm nhìn xa để thúc đẩy CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Thứ hai, Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động thường xuyên và có hiệu quả

** Giai đoạn trước khi sáp tỉnh (2015-30/6/2025)*

Trong giai đoạn từ 2015 đến 30/6/2025, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã chú trọng ban hành Nghị quyết chuyên đề về công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động. Tiêu biểu là Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 10/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác Tuyên giáo trong tình hình mới; Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 25/7/20216 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước và chính quyền các cấp. Ngoài ra, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã đổi mới phương thức lãnh đạo từ phổ

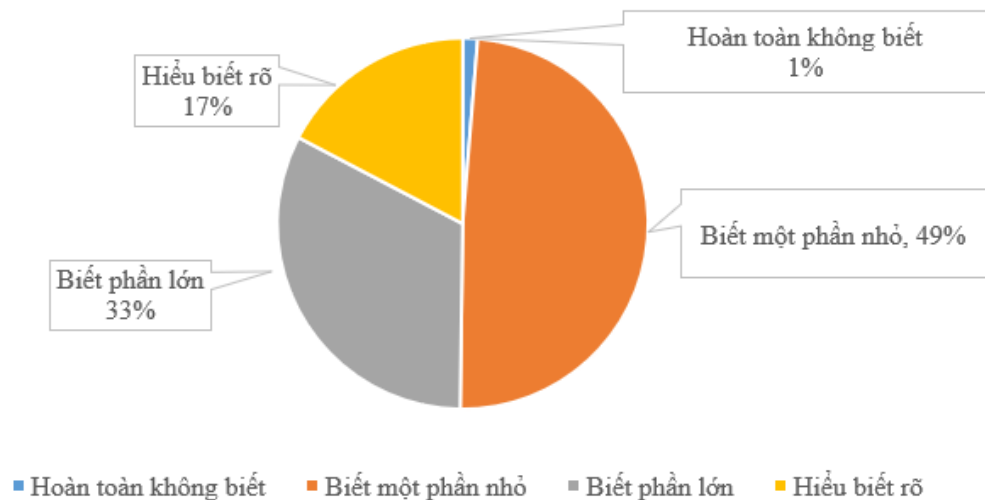
biến nghị quyết truyền thông sang truyền thông chủ động và đa phương tiện. Với nhận thức sâu sắc CNH, HĐH là sự nghiệp của toàn dân, Tỉnh ủy đã chỉ đạo hệ thống chính trị vận dụng tối đa các nền tảng số để định hướng dư luận và tạo sự lan tỏa chính sách. Trong nhiệm kỳ 2015-2020, “việc quán triệt, nghiên cứu, tuyên truyền, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương đảm bảo nghiêm túc, chất lượng, kịp thời và có nhiều đổi mới, thí điểm trang bị máy chiếu, màn hình phục vụ học trực tuyến cho 100% xã, phường, thị trấn và các thôn, khu phố; tỷ lệ đảng viên tham gia học tập nghị quyết đạt 96%, tăng 0,43% so với nhiệm kỳ trước, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân” [25]. Ngoài ra, phương thức lãnh đạo này không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt một chiều mà còn thông qua các diễn đàn số, cổng thông tin điện tử với hàng chục nghìn tin, bài chuyên sâu, giúp xây dựng niềm tin chiến lược và sự đồng thuận cao độ trong đội ngũ đảng viên và quần chúng nhân dân trước những yêu cầu mới của kỷ nguyên số.

** Giai đoạn sau sáp nhập thành tỉnh Bắc Ninh mới (từ 1/7/2025 đến nay)*

Tỉnh ủy Bắc Ninh xác định công tác tuyên truyền, vận động và thuyết phục hệ thống chính trị cùng tầng lớp nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo sự thống nhất cao độ trong thực hiện chiến lược CNH, HĐH. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025–2030 đã đánh giá toàn diện về những chuyển biến tích cực trong công tác dân vận theo hướng thực chất và hiệu quả: “Công tác dân vận của Đảng tiếp tục được lãnh đạo, chỉ đạo với nhiều cách làm mới, sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế. củng cố, phát triển, cụ thể hóa phương thức “dựa vào Nhân dân để làm công tác dân vận”; nhiều mô hình dân vận phát huy hiệu quả được ghi nhận, đánh giá cao, như “Tổ COVID cộng đồng, Tổ Dân vận cộng đồng”; việc nhân rộng các mô hình, điển hình “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực được đẩy mạnh. Chú trọng đối thoại, lắng nghe ý kiến, kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày càng thực chất. Các chính sách dân tộc, tôn giáo được quan tâm thực hiện nghiêm túc; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường” [7].

Công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động của Tỉnh ủy Bắc Ninh trong việc thúc đẩy CNH, HĐH được triển khai một cách bài bản, đa chiều. Thông qua công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động tạo sự đồng thuận xã hội và thu hút nguồn lực cho quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH; đặc biệt trong bối cảnh tỉnh tập trung vào công nghiệp công nghệ cao, bán dẫn và nông nghiệp công nghệ cao. Kết quả điều tra về mức độ hiểu biết của đảng viên và nhân dân trong tỉnh về chủ trương, nghị quyết, chính sách của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH cho thấy có 50% ý kiến đánh giá là hiểu biết rõ và phần lớn, trong đó 17% ý kiến đánh giá là hiểu biết rõ.

Biểu đồ 3.14: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về biết mức độ hiểu biết về chủ trương, nghị quyết, chính sách của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động của Tỉnh ủy Bắc Ninh được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: tổ chức các hội nghị, diễn đàn chuyên đề về các nội dung thuộc lĩnh vực trọng điểm như công nghiệp bán dẫn và nông nghiệp công nghệ cao.

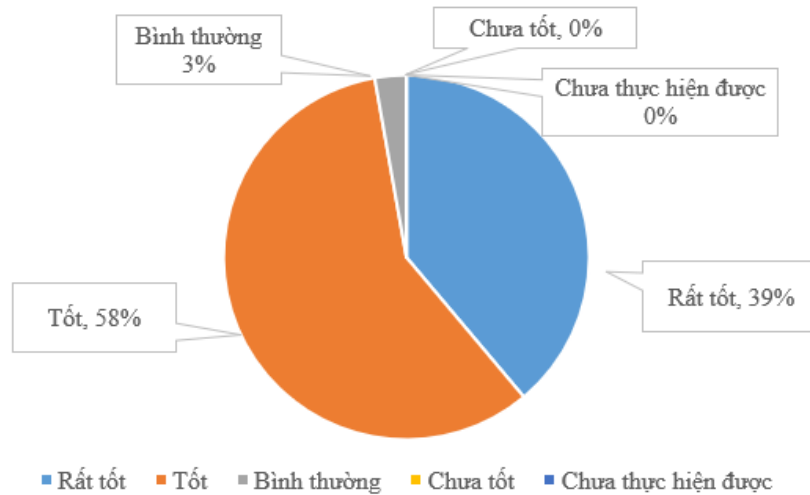
Đối với vùng nông thôn, miền núi của tỉnh Bắc Giang trước đây, công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động được kết hợp nhiều hình thức: thông qua hệ thống chính trị cơ sở, già làng, trưởng thôn, người có uy tín; qua sinh hoạt chi bộ, hội nghị nhân dân; qua báo chí và truyền thông địa phương. Các hình thức này giúp truyền tải sâu sắc ý nghĩa chính trị, kinh tế của CNH, HĐH đến các cấp lãnh đạo, doanh nghiệp và người dân. Tuyên truyền thông qua đội ngũ Báo cáo viên, Tuyên truyền viên để kịp thời thông tin các nghị

quyết, chỉ thị của tỉnh ủy liên quan đến quy hoạch, thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng. Tuyên truyền thông qua hoạt động đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp và người dân, đặc biệt là đối thoại về các vấn đề nóng như đền bù, giải phóng mặt bằng cho các dự án trọng điểm hoặc các vấn đề an sinh xã hội liên quan đến công nhân. Lồng ghép việc phổ biến chủ trương CNH, HĐH vào các phong trào thi đua yêu nước cụ thể của tỉnh, ví dụ như phong trào “*Dân vận khéo*” trong xây dựng hạ tầng, phát triển sản xuất, hoặc các cuộc vận động nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động. Tăng cường phát hiện, tuyên dương kịp thời các tập thể, cá nhân có sáng kiến, mô hình hay trong việc áp dụng công nghệ mới, thực hành tiết kiệm, hoặc đóng góp tích cực vào chuỗi cung ứng công nghiệp của tỉnh, tạo hiệu ứng lan tỏa “lấy cái tốt dẹp cái xấu”.

Đặc biệt, trong kỷ nguyên số, Tỉnh ủy Bắc Ninh còn tuyên truyền, thuyết phục, vận động thông qua việc sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông chính thống như Cổng Thông tin điện tử tỉnh, các Fanpage chính thức (Facebook, Zalo) để phổ biến nhanh chóng các chủ trương, chính sách CNH, HĐH, thu hút đầu tư và các gương điển hình. Chuyển đổi nội dung tuyên truyền khô khan thành các sản phẩm hấp dẫn, dễ tiếp cận như video clip ngắn (TikTok, YouTube), infographic, và các câu chuyện (storytelling) về sự thành công của doanh nghiệp tiêu biểu hoặc gương người tốt việc tốt trong quá trình phát triển kinh tế. Một số địa phương thuộc địa bàn tỉnh Bắc Giang trước kia còn thực hiện giới thiệu sản phẩm nông sản, bán hàng online, qua đó sản lượng nông sản tiêu thụ nhanh hơn, nhiều hơn, sản phẩm nông sản đặc thù của địa phương được quảng bá rộng rãi.

Theo kết quả điều tra khảo sát đối với 216 người là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tỉnh về mức độ đạt được trong phương thức Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động thì có đến 97% người được hỏi đánh giá tốt và rất tốt.

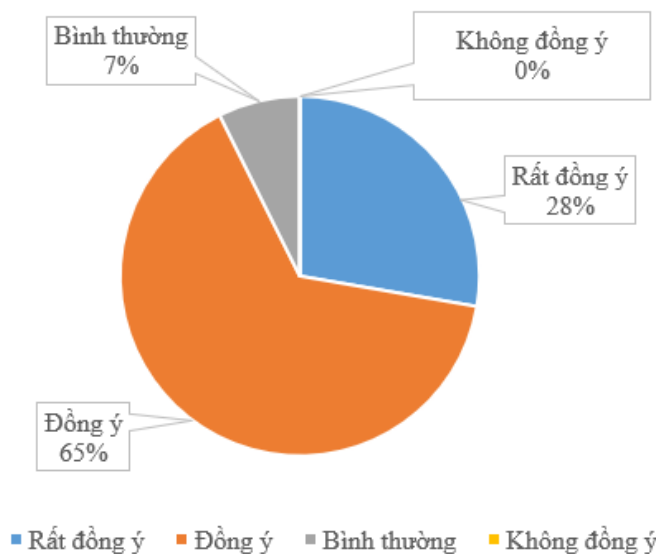
Biểu đồ 3.15: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Còn theo kết quả điều tra khảo sát đối với 462 đảng viên và nhân dân trong tỉnh đánh giá nội dung Tỉnh ủy đã lãnh đạo việc phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên trong việc tham gia, đóng góp vào quá trình CNH, HĐH có 27.7 % ý kiến đánh giá rất đồng ý, 64.9% ý kiến đánh giá đồng ý với ý kiến trên.

Biểu đồ 3.16: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về việc Tỉnh ủy đã lãnh đạo việc phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên trong việc tham gia, đóng góp vào quá trình CNH, HĐH



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Thứ ba, Tỉnh ủy đã chú trọng lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác tổ chức, cán bộ

** Giai đoạn trước khi sáp nhập tỉnh (2015-30/6/2025)*

Thành tựu nổi bật nhất trong phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh là đã xây dựng được một hệ thống chính trị vận hành thông suốt với đội ngũ cán bộ có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm và đồng hành cùng doanh nghiệp. Bằng việc thực hiện quyết liệt công tác quy hoạch, đào tạo và bổ nhiệm những nhân sự có trình độ chuyên môn cao vào các vị trí then chốt, tỉnh đã chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy phục vụ, tạo ra bước đột phá trong cải cách hành chính. Sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt nhân sự này không chỉ giúp cụ thể hóa các nghị quyết về CNH, HĐH thành những hành động thực tiễn hiệu quả mà còn tạo dựng được niềm tin vững chắc đối với các nhà đầu tư lớn, biến Bắc Ninh trở thành điểm đến hấp dẫn hàng đầu cho dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài công nghệ cao.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy cũng đã thành công trong việc thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá cán bộ dựa trên những chỉ số phát triển kinh tế - xã hội định lượng rõ ràng tại từng địa bàn công nghiệp trọng điểm. Phương thức điều động, luân chuyển cán bộ năng động về cơ sở đã giúp tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn về giải phóng mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật, tạo động lực mạnh mẽ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thần tốc từ nông nghiệp sang công nghiệp. Chính sự nhất quán giữa công tác tổ chức và mục tiêu phát triển đã giúp Bắc Ninh bứt phá ngoạn mục, khẳng định vị thế là một trong những thủ phủ công nghiệp hiện đại của cả nước, đồng thời tạo tiền đề vững chắc cho lộ trình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

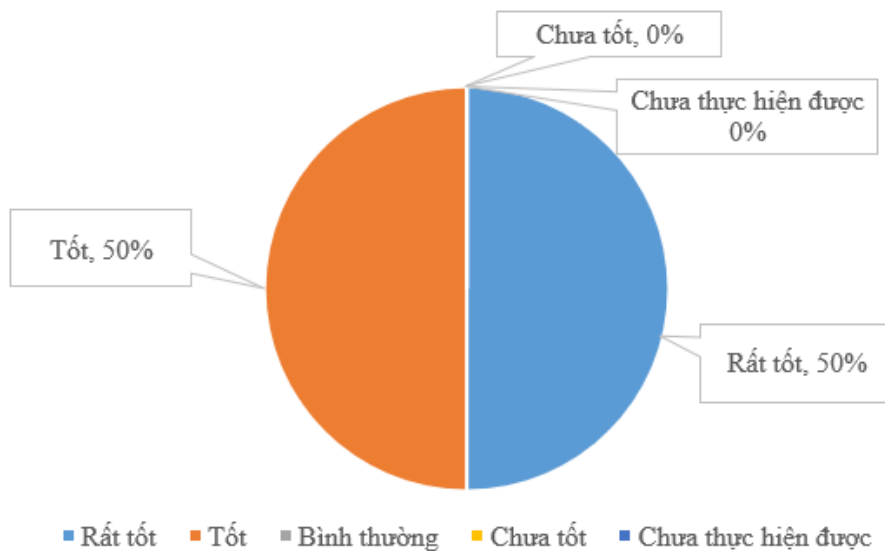
** Giai đoạn sau khi sáp nhập thành tỉnh Bắc Ninh mới (1/7/2025 đến nay)*

Với vị thế trung tâm công nghiệp công nghệ cao, Tỉnh ủy Bắc Ninh xác định đẩy mạnh CNH, HĐH gắn liền với kinh tế tri thức và chuyển đổi số. Trong đó, đổi mới phương thức lãnh đạo thông qua công tác tổ chức và cán bộ được coi là giải pháp then chốt, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Tỉnh ủy đã tập trung xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Việc thành lập các Ban Chỉ đạo về phát triển công nghiệp, chuyển đổi số và cải cách hành chính đã tạo sự thống nhất cao trong điều hành. Đồng thời, việc vận hành hệ thống chính quyền số và dịch vụ công trực tuyến

không chỉ hiện đại hóa môi trường công vụ mà còn nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Kết quả khảo sát đối với 216 người là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tỉnh cho thấy 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý đồng thuận cao với chủ trương này.

Biểu đồ 3.17: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc Tỉnh ủy lãnh đạo công tác tổ chức nhằm xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, chuyên nghiệp, thực sự của dân, do dân, vì dân đáp ứng yêu cầu thực tiễn đẩy mạnh CNH, HĐH

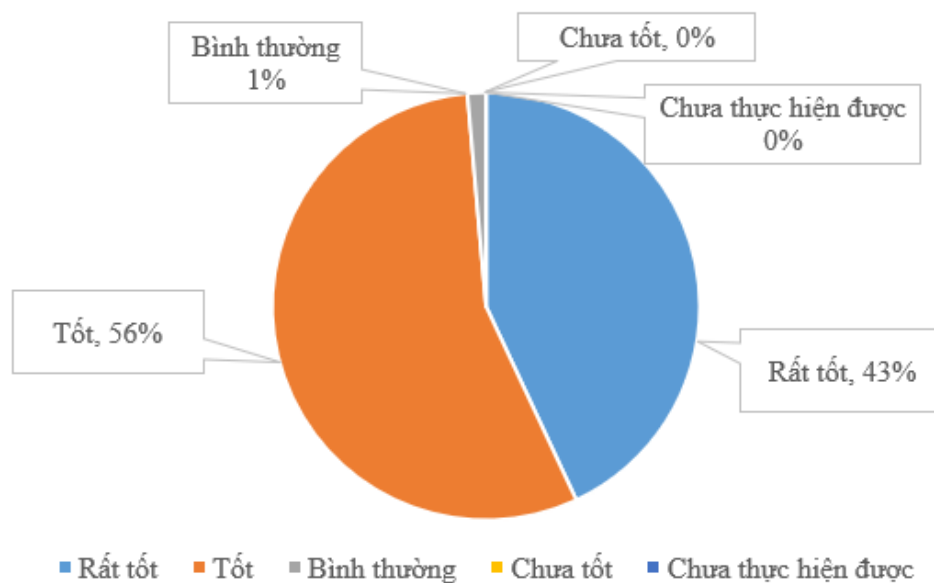


(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Tỉnh ủy cũng khẳng định CNH, HĐH phải đi đôi với hiện đại hóa đội ngũ cán bộ. Các khâu trong công tác cán bộ được đổi mới thực chất. Hoạt động quy hoạch và luân chuyển được thực hiện chặt chẽ, định kỳ, đảm bảo cơ cấu (trẻ, nữ) và nghiêm túc thực hiện chủ trương lãnh đạo chủ chốt không là người địa phương [7]. Hoạt động đánh giá và bổ nhiệm được chuyển dịch từ đánh giá định tính sang định lượng, lấy "sản phẩm cụ thể" và sáng kiến đổi mới làm thước đo. Việc lấy ý kiến đa chiều về đạo đức và tác phong công tác giúp ngăn chặn tiêu cực và những nhiễu. Cụ thể, trong công tác bổ nhiệm cán bộ, tỉnh yêu cầu cán bộ trước khi bổ nhiệm thực hiện đánh giá trong 3 năm gần nhất, cán bộ phải có thành tích thể hiện bằng kết quả, sản phẩm cụ thể (*do cá nhân được giao chủ trì, chịu trách nhiệm tham mưu chính, hoặc có ý tưởng, sáng kiến cải*

tiền, có phương pháp, cách làm mới sáng tạo, hiệu quả được cấp có thẩm quyền công nhận); đồng thời, tổ chức lấy ý kiến đối các sở, ngành liên quan và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp dưới về phẩm chất đạo đức, năng lực, tác phong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, về biểu hiện tiêu cực, những nhiễu, gây khó khăn cho cơ quan, đơn vị, địa phương... đối với cán bộ dự kiến bổ nhiệm [7]. Hoạt động đào tạo và bồi dưỡng được đặc biệt chú trọng nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập. Nội dung này nhận được sự nhất trí của 98,7% đối tượng khảo sát, khẳng định tính đúng đắn trong công tác đào tạo nguồn nhân lực của hệ thống chính trị.

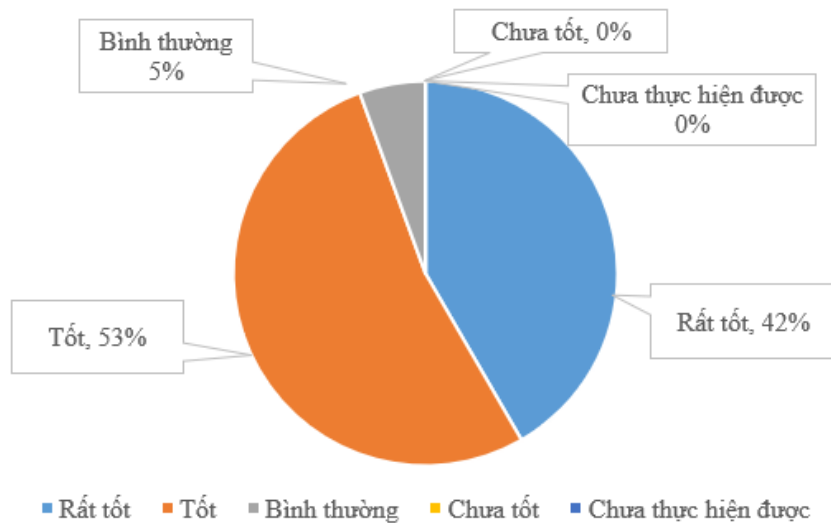
Biểu đồ 3.18: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc Tỉnh ủy lãnh đạo coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo thực hiện thắng lợi chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Công tác cán bộ tại Bắc Ninh được thực hiện nghiêm túc và công tâm, đảm bảo đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Việc lựa chọn, bố trí đúng các chức danh chủ chốt trong Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp nhận được sự đồng thuận rất cao, với 94,5% ý kiến đánh giá tích cực từ cán bộ quản lý.

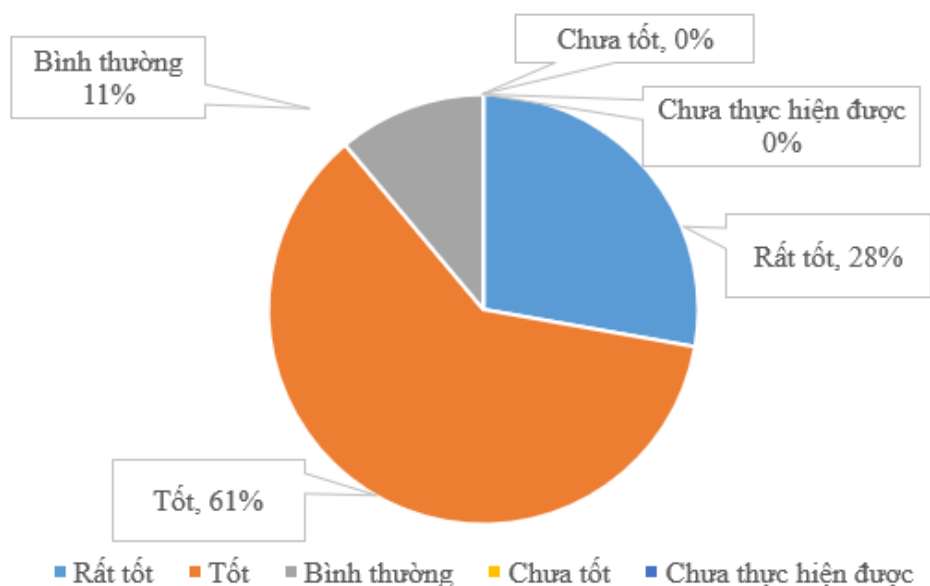
Biểu đồ 3.19: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc Tỉnh ủy thường xuyên lãnh đạo chọn và bố trí đúng các chức danh cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của HĐND, UBND các cấp



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Tổng thể phương thức lãnh đạo CNH, HĐH thông qua công tác tổ chức, cán bộ của Tỉnh ủy được ghi nhận đạt hiệu quả rõ rệt (89% ý kiến đánh giá tốt và rất tốt), khẳng định sự tương thích giữa công tác cán bộ với yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh.

Biểu đồ 3.20: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác tổ chức, cán bộ.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo thông qua công tác tổ chức và cán bộ đã tạo động lực trực tiếp thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh phát triển vượt trội. Giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân ước đạt 8,98%/năm, đưa tỉnh vào nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước. Đáng chú ý, chất lượng tăng trưởng được cải thiện rõ nét với năng suất lao động tăng bình quân 9,15%/năm. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng CNH, HĐH: tính đến năm 2025, tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng tăng lên 71,3%, trong khi nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm xuống còn 6,3% [7]. Song hành với những con số kinh tế, bộ máy lãnh đạo các cấp đã thể hiện sự đồng bộ, nhạy bén trong quản trị công nghệ cao. Đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ trẻ và cán bộ nữ, đã phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, khẳng định năng lực điều hành thực tiễn tại các dự án và khu công nghiệp trọng điểm.

Thứ tư, Tỉnh ủy luôn quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên

** Giai đoạn trước khi sáp nhập tỉnh (2015-30/6/2025)*

Nhận thức rõ vai trò hạt nhân chính trị của Đảng trong phát triển kinh tế, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã sớm xác lập và nhất quán thực hiện phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên. Từ năm 2012, tỉnh ủy đã ban hành nghị quyết chuyên đề về tiếp tục thực hiện Đề án của tỉnh ủy “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên ở Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2006-2010”. Đến năm 2013, tỉnh ủy tiếp tục ban hành nghị quyết chuyên đề về phát triển đảng viên và thành lập tổ chức đảng ở các loại hình doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, từ sớm, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã quan tâm đến phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên để đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh. Đến giai đoạn hiện nay, Tỉnh ủy Bắc Ninh tiếp tục quan tâm lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên. Tỉnh ủy đã triển khai Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 22/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới, công tác phát triển đảng viên, nhất là trong chi bộ nông thôn, người có đạo, phát triển đảng viên ngoài khu vực nhà nước có nhiều tiến bộ. Từ năm 2020

đến năm 2024, Đảng bộ tỉnh đã kết nạp mới 7.531 đảng viên, trong đó bao gồm chi bộ nông thôn, người có đạo, phát triển đảng viên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, học sinh, sinh viên, tân binh nhập ngũ [8, tr758]. Kết quả này khẳng định nỗ lực không ngừng của Tỉnh ủy trong việc xây dựng đội ngũ kế cận vừa hồng vừa chuyên, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với các thành phần kinh tế.

Đội ngũ đảng viên, đặc biệt là các đảng viên giữ cương vị lãnh đạo trong hệ thống chính trị, đóng vai trò then chốt trong việc cụ thể hóa mục tiêu CNH, HĐH thành kết quả thực tiễn. Sự tiên phong của lực lượng này đã bảo đảm cho các chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy về thu hút đầu tư, cải cách hành chính và phát triển hạ tầng chiến lược được triển khai đồng bộ, xuyên suốt. Song song với đó, đội ngũ đảng viên tại cơ sở đóng vai trò là cầu nối quan trọng giữa Đảng với nhân dân. Thông qua nền nếp sinh hoạt chi bộ và hoạt động cộng đồng, lực lượng này đã thực hiện chức năng tuyên truyền, tạo sự đồng thuận xã hội đối với các chủ trương then chốt nhưng tiềm ẩn nhiều khó khăn như giải phóng mặt bằng, chuyển đổi sinh kế và bảo vệ môi trường. Chính sự phối hợp nhịp nhàng giữa vai trò điều hành ở cấp cao và vai trò vận động ở cấp cơ sở đã tạo ra sức mạnh tổng hợp, đảm bảo tính khả thi và bền vững cho tiến trình CNH, HĐH của tỉnh.

** Giai đoạn sau khi hợp nhất thành tỉnh Bắc Ninh mới (1/7/2025 đến nay)*

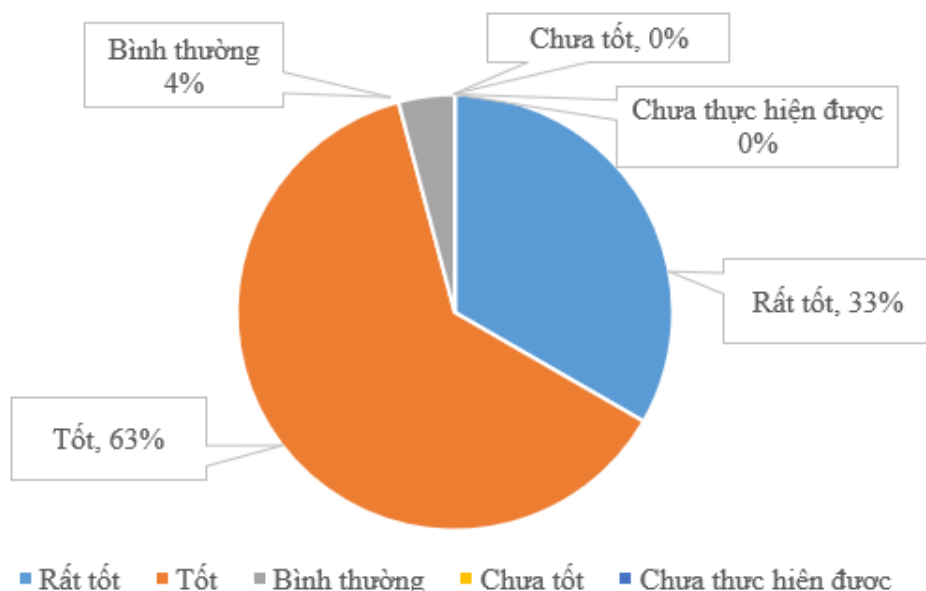
Sau hợp nhất, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh có 103 tổ chức đảng trực thuộc với trên 156 nghìn đảng viên. Nhìn chung các cấp ủy đảng, tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong toàn tỉnh không ngừng đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Công tác phát triển đảng viên gắn với đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ, nâng cao chất lượng, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên được chú trọng; quan tâm phát triển đảng viên trong khu vực doanh nghiệp, học sinh, sinh viên, tân binh nhập ngũ. Kết quả trong nhiệm kỳ 2020-2025, toàn tỉnh kết nạp được 19.230 đảng viên mới (Trong đó có: 1.487 công nhân, lao động; 1.006 học sinh; 251 sinh viên; 85 chủ doanh nghiệp tư nhân), nâng tổng số đảng viên trong Đảng bộ tỉnh lên 156.490 đồng chí. Thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp nâng tỉ lệ trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là đảng viên (*toàn tỉnh có 2.691/2.858 trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là đảng viên, đạt 94,2%*). Việc đánh giá xếp loại chất lượng tổ chức đảng

và đảng viên được thực hiện dân chủ, khách quan và đi vào thực chất hơn. Công tác quản lý, rà soát, sàng lọc đảng viên được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định [7].

Hệ thống tổ chức cơ sở đảng đã đóng vai trò quyết định trong việc cụ thể hóa các nghị quyết về CNH, HDH phù hợp với đặc thù của từng địa bàn, khu công nghiệp và doanh nghiệp. Sự vận hành hiệu quả của các tổ chức này đã góp phần đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm công nghiệp hàng đầu cả nước, tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Không chỉ dừng lại ở khâu quán triệt, tổ chức cơ sở đảng còn là môi trường rèn luyện, giám sát và phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên trong thực thi nhiệm vụ. Vai trò hạt nhân này được khẳng định qua kết quả điều tra với 96% ý kiến đồng ý và rất đồng ý (trong đó 33% rất đồng ý) về năng lực của các tổ chức đảng trong việc giáo dục, quản lý và thúc đẩy tính gương mẫu của đảng viên, tạo động lực nòng cốt để triển khai thắng lợi các nghị quyết của Tỉnh ủy.

Biểu đồ 3.21: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc các tổ chức đảng trong các cơ quan trực tiếp giáo dục, rèn luyện, quản lý, kiểm tra giám sát đảng viên của mình về phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, làm nòng cốt trong triển khai thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Thứ năm, Tỉnh ủy thường xuyên lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác kiểm tra, giám sát

** Giai đoạn trước khi sáp nhập tỉnh (2015-30/6/2025)*

Phương thức lãnh đạo bằng kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy Bắc Ninh đã thiết lập một cơ chế phản ứng chính sách kịp thời, bảo đảm tính thống nhất tuyệt đối giữa chủ trương chiến lược và thực tiễn triển khai đẩy mạnh CNH, HĐH. Do nội dung thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH gắn liền với thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng Sở, Ban, Ngành của tỉnh và chính quyền địa phương các cấp cho nên công tác kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy đối với nội dung thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, chương trình hành động của Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh được thực hiện lồng ghép trong công tác kiểm, giám sát của Tỉnh ủy đối với các tổ chức đảng và đảng viên trong Đảng bộ tỉnh.

Trong giai đoạn 2015-2020, Tỉnh ủy Bắc Ninh luôn coi trọng, triển khai đồng bộ, quan tâm, tích cực lãnh đạo triển khai, quán triệt các quy định của Điều lệ Đảng, nghị quyết, quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng. Đặc biệt, Tỉnh ủy đã ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, quy chế phối hợp giữa UBKT Tỉnh ủy với các tổ chức Đảng và cơ quan có liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Cấp ủy, Ủy ban kiểm tra các cấp chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ và hằng năm với phương châm giám sát phải mở rộng, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm quy trình, chất lượng, hiệu quả, tạo sự chuyển biến tích cực: Cấp ủy kiểm tra 2.354 tổ chức Đảng và 13.300 đảng viên; giám sát chuyên đề 2.115 tổ chức Đảng và 8.207 đảng viên theo Điều 30 Điều lệ Đảng. Cấp ủy, UBKT các cấp đã giải quyết xong đơn tố cáo đối với 12 tổ chức Đảng và 173 đảng viên; thi hành kỷ luật 33 tổ chức đảng và 1.643 đảng viên; giải quyết 27 đơn khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên; kiểm tra 73 tổ chức đảng và 265 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra 6.872 tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về thi hành kỷ luật trong đảng, về thu chi ngân sách, thu nộp, quản lý và sử dụng đảng phí; giám sát chuyên đề đối với 1.489 tổ chức đảng và 3.032 đảng viên. Trong quá trình thực hiện đã có sự điều chỉnh, tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực như: Công tác quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng, quản lý tài chính, ngân sách, công tác cán bộ, những nơi có vấn đề phức tạp, nổi cộm, vi phạm

nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, có nhiều đơn thư tố cáo, mất đoàn kết nội bộ [27].

Ngoài ra, công tác kiểm tra của Tỉnh ủy Bắc Ninh còn đóng vai trò là công cụ kiểm soát quyền lực và phòng ngừa rủi ro hữu hiệu, ngăn chặn tình trạng trì trệ hoặc chệch hướng trong lộ trình hiện đại hóa. Phương thức này không chỉ hạn chế sai phạm trong quản lý tài nguyên đất đai mà còn kích hoạt tinh thần chủ động, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ. Kết quả là tạo ra một hệ sinh thái quản trị minh bạch, ổn định - nhân tố cốt lõi giúp Bắc Ninh bảo vệ thành quả phát triển và duy trì lợi thế cạnh tranh công nghiệp bền vững.

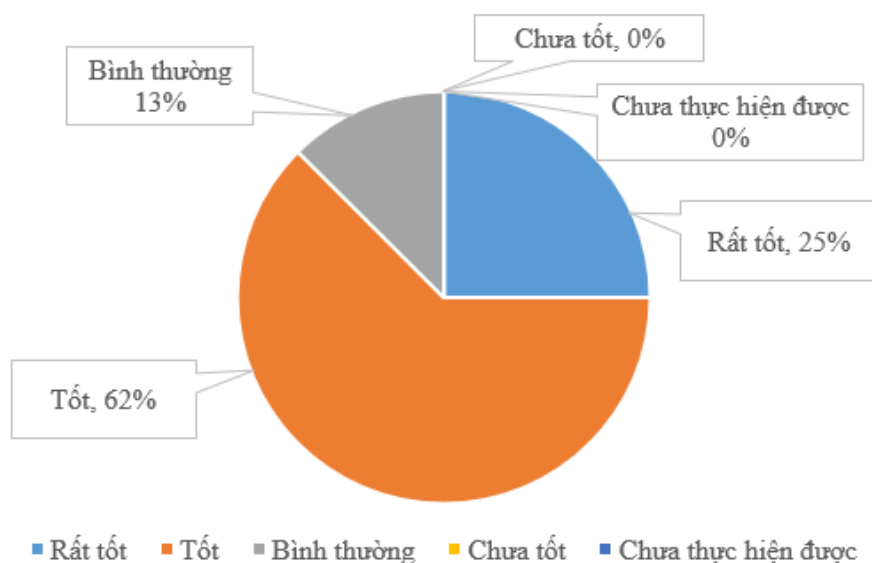
** Giai đoạn sau khi sáp nhập thành tỉnh Bắc Ninh mới (1/7/2025 đến nay)*

Kế thừa thành quả của các giai đoạn trước, ngay từ khi đi vào hoạt động (01/7/2025), Tỉnh ủy Bắc Ninh đã xác định kiểm tra, giám sát là công cụ trọng yếu để siết chặt kỷ cương, tạo môi trường minh bạch cho tiến trình CNH, HĐH. Tỉnh ủy đã ban hành hệ thống chỉ thị, quy định về tăng cường kỷ luật hành chính, yêu cầu cán bộ, đảng viên đổi mới tác phong, lề lối làm việc. Những giải pháp này không chỉ nâng cao chất lượng phục vụ công dân, doanh nghiệp mà còn là nhân tố then chốt để tối ưu hóa môi trường đầu tư công nghiệp.

Giai đoạn 2021-2025, công tác kiểm tra, giám sát được triển khai quyết liệt với những con số cụ thể: cấp ủy các cấp đã kiểm tra 5.946 lượt tổ chức đảng và 51.932 lượt đảng viên. Đặc biệt, việc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm được thực hiện định kỳ đối với 976 tổ chức đảng và 2.484 đảng viên, qua đó xử lý kỷ luật nghiêm minh các trường hợp vi phạm (49 tổ chức đảng và 547 đảng viên) [7]. Điều này thể hiện tinh thần không có vùng cấm và tính răn đe, phòng ngừa sai phạm từ sớm của Tỉnh ủy.

Hiệu quả của phương thức lãnh đạo này được chứng minh rõ nét qua kết quả khảo sát đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý địa phương. Theo kết quả điều tra khảo sát đối với 216 người là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tỉnh về mức độ đạt được trong phương thức Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác kiểm tra, giám sát thì ý kiến đánh giá tốt và rất tốt là 87%.

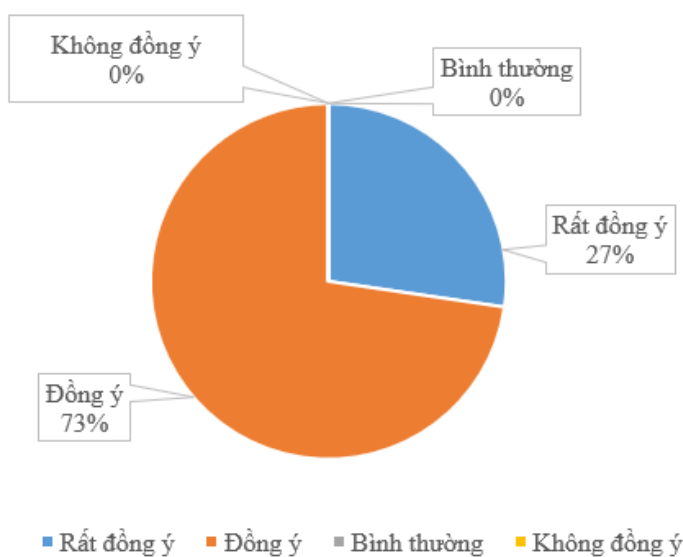
Biểu đồ 3.22. Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về việc lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh bằng công tác kiểm tra, giám sát.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Kết quả điều tra khảo sát đối với 216 người là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tỉnh về nội dung hoạt động kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy đối với việc triển khai CNH, HĐH được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả có 100% ý đồng ý với nội dung trên.

Biểu đồ 3.23: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về nội dung hoạt động kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy đối với việc triển khai CNH, HĐH được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

3.1.2. Hạn chế

3.1.2.1. Hạn chế trong thực hiện nội dung Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Thứ nhất, một số chủ trương về phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chưa cụ thể về hệ thống chỉ tiêu và lộ trình thực hiện

Một là, phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH do Tỉnh uỷ đề ra ở một số thời điểm còn mang tính khái quát, thiếu tính đột phá rõ nét. Các nghị quyết, chương trình hành động của Tỉnh uỷ nhìn chung bám sát quan điểm, định hướng của Trung ương, song việc cụ thể hóa thành những phương hướng, nhiệm vụ chưa làm nổi bật đầy đủ dấu ấn đặc thù địa phương. Thực tiễn ở tỉnh Bắc Ninh, mặc dù đã đạt trình độ công nghiệp hóa tương đối cao, nhưng việc đề ra phương hướng CNH, HĐH vẫn còn độ trễ trong điều chỉnh phương hướng CNH, HĐH sang giai đoạn phát triển mới, khi yêu cầu đã chuyển mạnh sang đổi mới sáng tạo, kinh tế số, công nghiệp xanh.

Hai là, việc xác định các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá trong lãnh đạo CNH, HĐH chưa thật sự sắc nét và ổn định. Có thời điểm, Tỉnh uỷ đề ra nhiều nhiệm vụ cùng lúc, nhưng chưa xác định rõ thứ tự ưu tiên, dẫn đến sự phân tán trong tổ chức thực hiện. Hạn chế này thể hiện ở việc Tỉnh uỷ chậm điều chỉnh phương hướng CNH, HĐH theo yêu cầu phát triển công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số và bảo vệ môi trường.

Ba là, việc gắn kết phương hướng, nhiệm vụ CNH, HĐH với điều kiện thực tiễn và nguồn lực sẵn có của địa phương đôi lúc còn thiếu sự chặt chẽ và tính khả thi. Trong thực tiễn cho thấy, trong một số nghị quyết, phương hướng do Tỉnh uỷ đề ra mang tính định hướng chung, nhưng chưa được cân nhắc đầy đủ trên cơ sở năng lực nguồn lực, trình độ phát triển và khả năng tổ chức thực hiện của hệ thống chính trị. Điều này dẫn đến tình trạng một số nhiệm vụ CNH, HĐH đề ra có tính khả thi chưa cao, gây khó khăn cho khâu tổ chức thực hiện ở cấp dưới. Chẳng hạn Tỉnh uỷ Bắc Ninh từng xác định xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương với các chỉ tiêu cao về chất lượng sống, hạ tầng xã hội hiện đại (y tế, giáo dục, nhà ở xã hội). Tuy nhiên, trong phân bổ nguồn lực và chỉ đạo thực hiện, sự tập trung vốn, đất đai và tốc độ giải quyết thủ tục lại ưu tiên áp đảo cho các dự án FDI và hạ tầng KCN. Các nhiệm vụ CNH, HĐH liên quan đến phát triển hạ tầng xã hội (ví dụ: xây dựng

nhà ở cho công nhân, phát triển mạng lưới trường học, bệnh viện chất lượng cao) lại chậm trễ hơn, không nhận được sự ưu tiên quyết liệt tương xứng. Điều này dẫn đến thực trạng là Bắc Ninh đã trở thành một tỉnh siêu công nghiệp nhưng hạ tầng xã hội bị quá tải và không đồng bộ, làm giảm chất lượng môi trường sống, gây khó khăn trong việc thu hút và giữ chân các chuyên gia, kỹ sư chất lượng cao.

Chính vì vậy, qua điều tra, khảo sát đối với 426 cán bộ, đảng viên trong tỉnh về những hạn chế nổi bật mà đồng chí hoặc ông bà thấy từ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh là gì, thì kết quả cho thấy 61,5% ý kiến cho rằng đó là vấn đề ô nhiễm môi trường; 10,4% ý kiến cho rằng đó là bất bình đẳng thu nhập; 25,5% ý kiến cho rằng đó là vấn đề chưa chú trọng phát triển bền vững; 2,6% ý kiến cho rằng đó là các vấn đề tệ nạn xã hội phát sinh, mất an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Thứ hai, việc lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc, chính quyền tỉnh, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh đôi khi chưa thật sâu sát, tập trung.

Mặc dù các tổ chức trong hệ thống chính trị đã có sự nỗ lực trong triển khai nhiệm vụ, song việc Tỉnh ủy lãnh đạo xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể và xây dựng cơ chế phối hợp định kỳ đôi khi chưa thật sâu sát, tập trung, nên các tổ chức đảng trực thuộc, chính quyền tỉnh, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá có nơi, có lúc vẫn còn hạn chế.

Trước hết, việc cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy về CNH, HĐH thành nội dung lãnh đạo đã đạt được những kết quả nhất định, song vẫn còn một số hạn chế. Cụ thể, các nghị quyết, chương trình hành động của Tỉnh ủy đã xác định đúng mục tiêu và phương hướng, tuy nhiên việc chuyển hóa thành yêu cầu lãnh đạo cụ thể đối với từng loại hình tổ chức (tổ chức đảng trực thuộc, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội) chưa thật rõ nét. Điều này dẫn đến sự chưa thống nhất về nhận thức và cách thức tổ chức thực hiện giữa các chủ thể, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả phối hợp chung.

Hai là, nội dung lãnh đạo của Tỉnh ủy chưa phân định rõ ràng và nhất quán vai trò, trách nhiệm cũng như phương thức tham gia của từng chủ thể trong việc triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển CNH,

HĐH. Cụ thể, trong một số nghị quyết, kết luận và chương trình hành động của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các yêu cầu đặt ra đối với tổ chức đảng trực thuộc, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội còn mang tính khái quát, chưa xác định rõ trọng tâm, trọng điểm và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể. Hạn chế này đã ảnh hưởng đến vai trò điều phối và dẫn dắt của Tỉnh ủy trong tổ chức thực hiện CNH, HĐH.

Ba là, mặc dù Tỉnh ủy đã quan tâm chỉ đạo đổi mới phương thức lãnh đạo, song việc cụ thể hóa yêu cầu đổi mới phương thức tổ chức thực hiện CNH, HĐH thông qua các chủ thể trong hệ thống chính trị chưa được thể hiện rõ ràng và có tính định hướng lâu dài. Đặc biệt, nội dung lãnh đạo của Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát quá trình triển khai CNH, HĐH chưa đầy đủ và thường xuyên. Việc thiếu những chỉ dẫn cụ thể về kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả đã làm cho quá trình điều chỉnh, hoàn thiện nội dung và phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy trong lĩnh vực này còn chậm.

Thứ ba, sự tương xứng giữa năng lực đội ngũ cán bộ với yêu cầu thực thi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh mới còn có những khoảng cách nhất định

Một là, trong những năm qua, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều nỗ lực chiến lược trong việc kiện toàn bộ máy và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của tiến trình CNH, HĐH và sự bứt phá của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hệ thống nguồn nhân lực của tỉnh vẫn bộc lộ những điểm chưa tương xứng. Sự thiếu hụt các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực công nghệ cao, cùng với năng lực quản trị hiện đại của một bộ phận cán bộ cơ sở chưa bắt kịp tốc độ chuyển đổi số, đã tạo ra những rào cản nhất định. Một số cán bộ yếu về trình độ, năng lực và phẩm chất; đặc biệt thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu phương pháp làm việc, quan liêu, tham nhũng, xa dân. Số đông các tỉnh uỷ viên trưởng thành từ thực tiễn trong công tác xây dựng Đảng, trong các hoạt động phong trào cho nên kiến thức về CNH, HĐH nói chung và đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh nói riêng chưa đáp ứng. Việc sử dụng, bố trí công việc một số trường hợp chưa thật sự phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo; việc đánh giá và quản lý cán bộ còn lúng túng. Bên cạnh đó, trình độ và năng lực thực thi của một bộ phận cán

bộ cấp cơ sở (đặc biệt trong khâu giải phóng mặt bằng, giải quyết thủ tục trực tiếp) chưa đáp ứng được yêu cầu về tính chuyên nghiệp và minh bạch, gây ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh và uy tín của tỉnh.

Hai là, lực lượng lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh chủ yếu là lao động nhập cư có trình độ chuyên môn thấp, trong khi nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường lao động. Sự phân bố nguồn nhân lực thiếu đồng bộ, dẫn đến tình trạng thừa lao động phổ thông nhưng thiếu lao động có trình độ kỹ thuật cao, đặc biệt trong các lĩnh vực điện tử, cơ khí, cũng như các vị trí kỹ sư, quản lý đạt tiêu chuẩn quốc tế. Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Mặc dù Tỉnh ủy đã ban hành nghị quyết về đào tạo nguồn nhân lực, song công tác chỉ đạo dự báo nhu cầu và đặt hàng đào tạo giữa các cơ sở giáo dục địa phương với doanh nghiệp, tập đoàn lớn chưa được triển khai sâu sát, thiếu sự liên kết chặt chẽ. Mặt khác, Tỉnh ủy đã có chủ trương thu hút nhân tài nhưng chưa xây dựng được cơ chế đãi ngộ và môi trường làm việc đủ cạnh tranh so với các thành phố lớn và tỉnh khác cho nên cán bộ quản lý có năng lực cao, chuyên gia giỏi từ bên ngoài chưa muốn gắn bó lâu dài với tỉnh, gây khó khăn cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ kế cận.

Thứ tư, việc lãnh đạo thu hút đầu tư, xây dựng và triển khai dự án, chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn còn những hạn chế nhất định về hiệu quả và chất lượng

Một là, cơ cấu đầu tư tại Bắc Ninh vẫn bộc lộ những điểm nghẽn về tính bền vững. Tại Bắc Ninh mặc dù dòng vốn FDI đã chuyển dịch mạnh mẽ sang lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là sản xuất linh kiện điện tử và bán dẫn (với sự hiện diện của các tập đoàn như Samsung, Foxconn, Amkor). Tuy nhiên, phần lớn các dự án này vẫn tập trung ở phân khúc gia công, lắp ráp hạ nguồn trong chuỗi giá trị toàn cầu, dẫn đến tình trạng thâm dụng lao động lớn và giá trị gia tăng nội địa chưa tương xứng với hàm lượng công nghệ của sản phẩm. Điển hình năm 2021, giá trị xuất khẩu hàng hóa của Bắc Ninh đạt 44,853 tỷ USD đạt tương đương với TP Hồ Chí Minh (44,902 tỷ USD) và chiếm 13,3% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Mặc dù, xuất khẩu khu vực FDI chiếm tỷ trọng tới 99% và giải quyết việc làm cho hơn 270 nghìn người lao động nhưng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế chưa nhiều do chủ yếu xuất khẩu các mặt

hàng gia công, lắp ráp với giá trị gia tăng thấp; nguyên liệu đầu vào cho sản xuất hàng xuất khẩu vẫn còn phụ thuộc khá nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập từ nước ngoài do ngành công nghiệp phụ trợ còn quá yếu. Tỷ lệ VA/GO của ngành công nghiệp chế biến chế tạo đã giảm khá nhanh, từ 20,7% năm 2007 xuống còn 11,3% vào năm 2021, chứng tỏ tỷ lệ nội địa hóa trong các sản phẩm còn ở mức thấp và tăng chậm quá các năm.

*Bảng 3.1: Tốc độ tăng GRDP và GTSX công nghiệp các giai đoạn
(Đơn vị: %)*

TT	Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2021
1	Tốc độ tăng GRDP (Giá SS)	15,8	15,6	12,1	17,2	6,9
2	Tốc độ tăng GTSX CN (Giá SS)	41,4	30,1	29,6	74,6	10,0
3	<u>Tỷ lệ</u> VA/GTSX ngành chế biến, chế tạo (Giá hiện hành)	20,7	19,6	16,7	12,1	11,3

Số liệu: Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, ngành dịch vụ chưa tạo được những yếu tố bứt phá, quy mô còn nhỏ lẻ, phân bổ không đều; còn thiếu các phương thức kinh doanh theo hướng văn minh, hiện đại như liên kết “chuỗi”; chưa xuất hiện nhiều loại hình như Trung tâm mua sắm, Đại siêu thị,...; sản phẩm du lịch chưa đa dạng, hiệu quả, chất lượng chưa cao, thiếu các dịch vụ vui chơi giải trí, hoạt động kinh tế đêm, mua sắm để lưu giữ du khách, tăng mức chi tiêu; còn thiếu các dự án thương mại - dịch vụ quy mô cấp vùng [7]. Trong khi đó, các mảng then chốt để tạo ra đột phá dài hạn như nghiên cứu và phát triển, công nghiệp văn hóa và dịch vụ hiện đại vẫn còn rất hạn chế. Việc khai thác các giá trị di sản (như đền Đô, chùa Bút Tháp, Tây Yên Tử) để phát triển du lịch văn hóa gắn liền với quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa chưa được cụ thể hóa thành các chiến lược xuyên suốt trong các nghị quyết chuyên đề. Đặc biệt, định hướng thu hút dự án FDI xanh và có sức lan tỏa công nghệ cao đến doanh nghiệp nội địa vẫn thiếu hệ thống tiêu chí định lượng và bộ công cụ sàng lọc hiệu quả.

Hai là, công tác thẩm định, lựa chọn dự án đầu tư ở một số thời điểm còn chú trọng về mặt số lượng, quy mô vốn hơn là chất lượng công nghệ, khả năng liên kết với doanh nghiệp trong nước và tác động lan tỏa. Một số dự án được cấp phép nhưng chậm triển khai hoặc không triển khai, dẫn đến tình trạng đất đai bỏ không, lãng phí nguồn lực. Nội dung lãnh đạo của Tỉnh ủy về kiểm tra, giám sát tiến độ và chất lượng triển khai các dự án đầu tư chưa được thể hiện thường xuyên và quyết liệt.

Ba là, áp lực về môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ngày càng gia tăng. Một số dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao vẫn được triển khai do thiếu sự chỉ đạo quyết liệt trong việc rà soát, đánh giá tác động môi trường. Việc lãnh đạo cân đối giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững chưa được cụ thể hóa thành các quy định bắt buộc trong thu hút và quản lý dự án đầu tư. Điều này dẫn đến tình trạng một số khu vực có nguy cơ suy thoái môi trường, ảnh hưởng đến chất lượng sống của người dân.

Bốn là, công tác lập quy hoạch và triển khai thực hiện một số công trình trọng điểm về kết cấu hạ tầng, đô thị chưa đạt tiến độ, còn có vi phạm về chất lượng công trình xây dựng; hạ tầng tại một số khu vực chưa theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội; thiết chế, hạ tầng khu đô thị mang tính chất quy mô cấp vùng còn thiếu. Tiến độ một số dự án đầu tư công còn chậm, nguồn lực nội sinh chưa mạnh. Việc triển khai các dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số ở các ngành, lĩnh vực còn chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện chưa được tiến hành thường xuyên, dẫn đến một số chương trình bị kéo dài hoặc không đạt mục tiêu đề ra.

Thứ năm, việc lãnh đạo phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh có mặt vẫn còn một số hạn chế.

Mặc dù Tỉnh ủy đã có nhiều nỗ lực lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương để huy động các nguồn lực đẩy mạnh CNH, HĐH, nhưng việc lãnh đạo phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế, tính đồng bộ trong cơ chế điều phối nguồn lực cho đẩy mạnh CNH, HĐH có mặt còn hạn chế

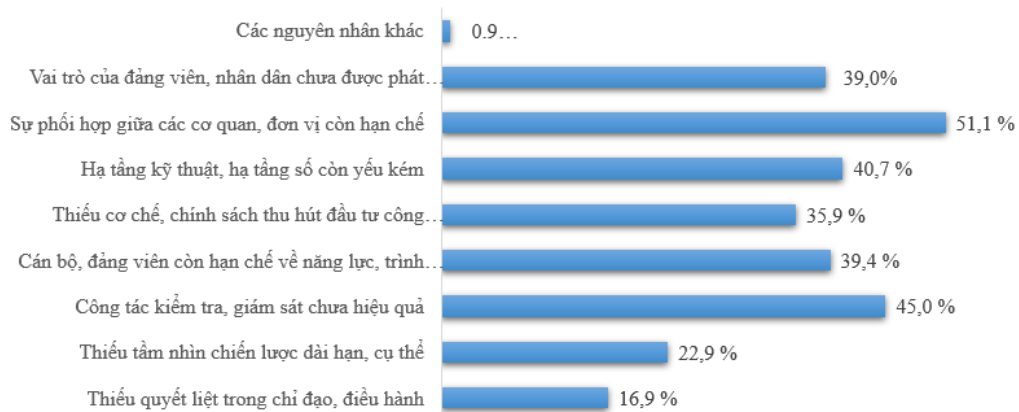
Trước hết, nội dung lãnh đạo của Tỉnh ủy về cơ chế phối hợp liên thông, chia sẻ thông tin, xử lý các vấn đề liên ngành trong quá trình huy động các nguồn lực cho CNH, HĐH chưa được làm rõ một cách đầy đủ và nhất quán. Việc phối hợp giữa các lực lượng trong nhiều trường hợp vẫn chủ yếu dựa trên sự chủ động của từng cơ quan, chưa được dẫn dắt bởi các nguyên tắc, quy trình và cơ chế điều phối thống nhất ở tầm lãnh đạo của tỉnh ủy.

Hai là, trong các nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động Tỉnh ủy đã lãnh đạo phân công rõ trách nhiệm huy động các nguồn lực (đầu tư, đất đai, hạ tầng, nhân lực...), song nội dung lãnh đạo về cách thức tích hợp, lồng ghép và tối ưu hóa các nguồn lực này cho CNH, HĐH chưa thật sự nổi bật. Nội dung lãnh đạo huy động các nguồn lực cho CNH, HĐH còn thiên về giao nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực, chưa thể hiện rõ yêu cầu tích hợp và lồng ghép các nguồn lực một cách tổng thể. Trong khi CNH, HĐH đòi hỏi sự huy động đồng bộ các nguồn lực về đầu tư, đất đai, hạ tầng, nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ, thì nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy ở một số giai đoạn chưa làm rõ cách thức kết nối các nguồn lực này theo chuỗi giá trị và theo mục tiêu phát triển công nghiệp bền vững.

Ba là, trong các nghị quyết của Tỉnh ủy, nội dung lãnh đạo về huy động và phối hợp các lực lượng xã hội, nhất là khu vực doanh nghiệp tư nhân, hiệp hội ngành nghề, các tổ chức xã hội trong thực hiện CNH, HĐH chưa được cụ thể hóa tương xứng. Việc phân công nhiệm vụ chủ yếu tập trung vào các cơ quan nhà nước, trong khi phương thức lãnh đạo để huy động các lực lượng xã hội tham gia sâu hơn vào CNH, HĐH (đối thoại, đồng hành, phản biện chính sách, liên kết chuỗi) chưa được thể hiện rõ trong nội dung lãnh đạo. Nội dung lãnh đạo của Tỉnh ủy về kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả phối hợp, huy động các nguồn lực cho CNH, HĐH chưa được chú trọng đúng mức. Mặc dù đã phân công nhiệm vụ khá rõ, song việc lãnh đạo xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả phối hợp, hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực chưa được thể hiện đầy đủ, dẫn đến việc điều chỉnh nội dung.

Những hạn chế nêu trên được thể hiện trong kết quả điều tra, khảo sát đối với 462 đảng viên và nhân dân trong tỉnh có đến 236 lượt ý kiến chiếm 51,11% đánh giá sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn hạn chế.

Biểu đồ 3.24: Ý kiến của đối tượng đảng viên và nhân dân về sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị

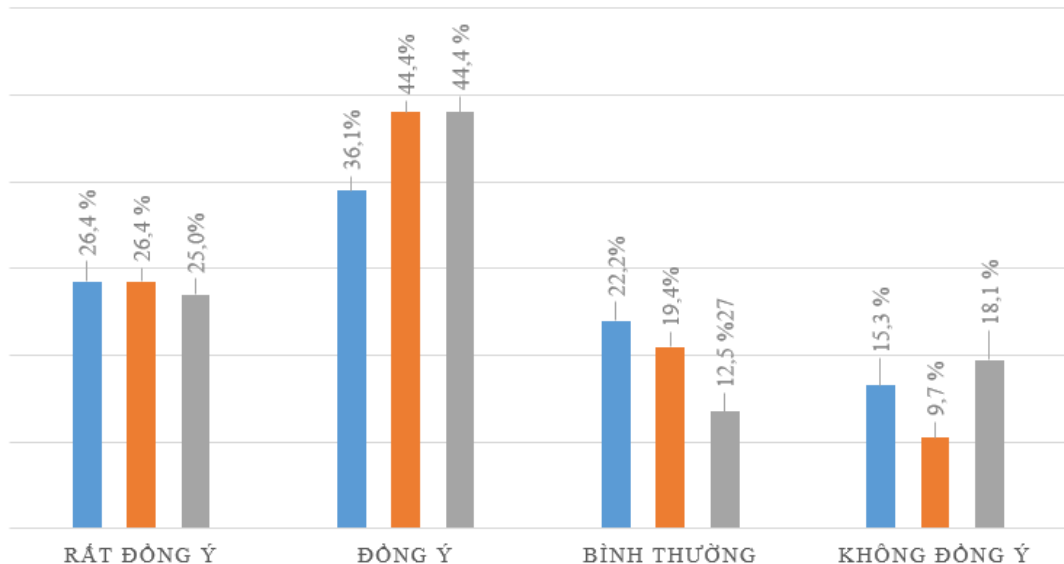


(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Kết quả điều tra, khảo sát với 216 cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tỉnh về nội dung Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo việc phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh cũng đánh giá: các cơ quan, tổ chức còn thiếu cơ chế phối hợp trong thực hiện các nội dung đẩy mạnh CNH, HĐH (62,5% rất đồng ý và đồng ý với nội dung này); các cơ quan, tổ chức còn gặp nhiều khó khăn trong thực hiện các nhiệm vụ có nhiều cơ quan, tổ chức cùng phối hợp thực hiện (70,8% rất đồng ý và đồng ý với nội dung này); chưa có cơ chế chịu trách nhiệm rõ ràng đối với từng tập thể, cá nhân trong thực hiện các nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH cần sự phối hợp (69,4% rất đồng ý và đồng ý với nội dung này).

Biểu đồ 3.25: Ý kiến của đối tượng cán bộ, lãnh đạo về nội dung Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo việc phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

- 1. Các cơ quan, tổ chức còn thiếu cơ chế phối hợp trong thực hiện các nội dung đẩy mạnh CNH, HĐH
- 2. Các cơ quan, tổ chức còn gặp nhiều khó khăn trong thực hiện các nhiệm vụ có nhiều cơ quan, tổ chức cùng phối hợp thực hiện
- 3. Chưa có cơ chế chịu trách nhiệm rõ ràng đối với từng tập thể, cá nhân trong thực hiện các nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH cần sự phối hợp.



(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh)

Thứ sáu, hiệu quả công tác sơ kết, tổng kết về công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa cao do nội dung chủ yếu tập trung báo cáo kết quả, chưa phân tích sâu nguyên nhân hạn chế, và việc vận dụng kết quả để điều chỉnh giải pháp lãnh đạo còn hạn chế.

Một là, mặc dù Tỉnh ủy Bắc Ninh đã thường xuyên lãnh đạo thực hiện sơ kết, tổng kết hàng năm, nhiệm kỳ và chuyên đề về thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH nhưng hiệu quả công tác sơ kết, tổng kết thiếu tính thực chất, mang nặng hình thức, chưa kịp thời rút ra được bài học kinh nghiệm cụ thể. Thiếu các công cụ, tiêu chí đánh giá định lượng để đo mức độ hoàn thành mục tiêu CNH, HĐH. Chưa có cơ chế phản hồi, điều chỉnh kịp thời chính sách dựa trên kết quả tổng kết. Tại một số đơn vị, công tác này đôi khi còn mang nặng tính báo cáo số liệu, thiếu sự phân tích sâu sắc về những nguyên nhân gốc rễ của tồn tại, hạn chế. Việc chậm trễ trong chuyển hóa các bài học kinh nghiệm sau tổng kết thành các giải pháp điều chỉnh quyết liệt đã khiến một số mục tiêu chiến lược chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng ban đầu.

Hai là, nội dung lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết ở một số thời điểm chưa thật sự đi sâu khái quát thành những luận điểm mang tính lý luận, thực tiễn về CNH, HĐH của tỉnh. Mặc dù thông qua công tác sơ kết, tổng kết, tỉnh đã phát hiện nhiều mô hình hay, cách làm hiệu quả, song việc tổng hợp, nâng tầm các kết quả này thành những nhận thức chung, có giá trị định hướng lâu dài cho lãnh đạo CNH, HĐH chưa thật sự nổi bật.

Ba là, việc lãnh đạo sử dụng kết quả sơ kết, tổng kết để điều chỉnh chiến lược, định hướng lớn về CNH, HĐH chưa thật sự rõ nét. Chủ yếu kết quả sơ kết, tổng kết được sử dụng để hoàn thiện các giải pháp cụ thể, trong khi việc chuyển hóa thành các điều chỉnh mang tính chiến lược, dài hạn trong lãnh đạo CNH, HĐH còn hạn chế. Điều này làm cho vai trò dẫn dắt chiến lược của công tác tổng kết chưa được phát huy đầy đủ. Mặc dù, trong các báo cáo phục vụ cho công tác sơ kết, tổng kết đã đề cập đến các mặt kinh tế, xã hội, môi trường trong phát triển CNH, HĐH, song chưa hình thành một hệ tiêu chí ổn định để đánh giá toàn diện mức độ CNH, HĐH qua các giai đoạn, khiến cho việc so sánh, kế thừa kết quả tổng kết giữa các năm, các giai đoạn chưa thật sự thuận lợi.

Bốn là, trong quá trình lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết, Tỉnh ủy chưa khai thác đầy đủ các góc nhìn đa chiều từ doanh nghiệp, người lao động và các chủ thể khác trong xã hội. Nội dung chỉ đạo mở rộng phản biện, đối thoại xã hội trong tổng kết CNH, HĐH chưa rõ nét, dẫn đến một số vấn đề thực tiễn chưa được phản ánh đầy đủ trong kết quả tổng kết. Đôi khi, các báo cáo sơ kết, tổng kết vẫn còn thiên về liệt kê thành tích, chưa thật sự sâu sắc và thẳng thắn trong việc tự phê bình về các điểm nghẽn. Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, mặc dù trong các báo cáo đã có sự cập nhật, nhưng một số nội dung tổng kết vẫn còn chưa mạnh mẽ trong việc dự báo các xu hướng công nghệ mới để từ đó đề ra định hướng phát triển công nghiệp đón đầu trong giai đoạn tới.

3.1.2.2. Hạn chế trong thực hiện phương thức Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa

Thứ nhất, có nghị quyết, chương trình, chủ trương của Tỉnh ủy về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn hạn chế về mức độ cụ thể hóa, dẫn đến tổ chức thực hiện còn lúng túng; chưa có nghị quyết chuyên đề về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Một là, trong những năm qua, nhiều nghị quyết, chương trình của Tỉnh ủy được ban hành với mục tiêu, định hướng đúng đắn, song nội dung còn mang tính khung, thiếu các tiêu chí cụ thể để tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả. Điều này đặc biệt thể hiện rõ trong các nghị quyết về phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể, trong giai đoạn đẩy mạnh phát triển khu công nghiệp, một số nghị quyết xác định mục tiêu “phát triển công nghiệp nhanh và bền vững”, “nâng cao chất lượng tăng trưởng”, song chưa lượng hóa rõ ràng các chỉ tiêu về hàm lượng công nghệ, tỷ lệ nội địa hóa, mức độ tham gia của doanh nghiệp trong nước. Hệ quả là trong quá trình triển khai, các cơ quan quản lý chủ yếu tập trung vào chỉ tiêu thu hút vốn đầu tư và tăng trưởng sản xuất, trong khi các mục tiêu dài hạn về phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao năng lực doanh nghiệp nội địa chưa đạt kết quả tương xứng.

Hai là, bên cạnh các nghị quyết của Trung ương về đẩy mạnh CNH, HĐH được Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo cụ thể hóa, phù hợp với tình hình của tỉnh. Vẫn còn một số nghị quyết của Trung ương được Tỉnh ủy cụ thể hóa máy móc, xơ cứng, thiếu nghiên cứu thực tiễn nên hiệu quả lãnh đạo thực hiện nghị quyết không cao. Một số nghị quyết đã được nghiên cứu sát tình hình thực tiễn và triển khai bài bản, nhưng các ngành, các cấp chưa xây dựng các đề án cụ thể, các chương trình hành động chung chung, dẫn đến thiếu nguồn lực để thực hiện, đặc biệt là nguồn nhân và nguồn vốn để tổ chức thực hiện, do đó nghị quyết không mang lại hiệu quả như mong muốn.

Ba là, Từ khi sáp nhập tỉnh cho đến nay, Tỉnh ủy Bắc Ninh mới ban hành các Kế hoạch thực hiện các Nghị quyết quan trọng của Bộ chính trị trong kỷ nguyên vươn mình mà chưa ban hành các Nghị quyết chuyên đề về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh mới; thiếu các Nghị quyết chuyên đề của tỉnh về kinh tế xanh, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn.

Thứ hai, hiệu quả tuyên truyền, thuyết phục, vận động về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy chưa cao do nội dung chưa sát thực tiễn, hình thức chưa đa dạng và chưa khai thác tốt các kênh thông tin hiện đại.

Một là, trong những năm qua, nội dung tuyên truyền ở một số thời điểm còn thiên về quán triệt nghị quyết, thiếu chuyển hóa thành thông điệp hành

động cụ thể. Việc phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng về CNH, HĐH chưa gắn chặt với việc làm rõ lợi ích cụ thể của người dân, trách nhiệm và vai trò cụ thể của từng chủ thể, nhất là đối với người dân ở khu vực nông thôn, miền núi. Do đó, mức độ chuyển biến từ nhận thức sang hành động còn chậm và không đồng đều giữa các địa bàn.

Hai là, mặc dù hình thức và kênh tuyên truyền ở Bắc Ninh khá phong phú, song hiệu quả tác động chưa thật sự đồng đều giữa các nhóm xã hội. Công tác tuyên truyền phát huy rõ hiệu quả đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, khu vực hành chính, sự nghiệp và một bộ phận doanh nghiệp trong nước; tuy nhiên, đối với công nhân trong các khu công nghiệp, lao động ngoại tỉnh và doanh nghiệp FDI, mức độ thâm thấu và chuyển hóa từ nhận thức sang hành động còn có khoảng cách nhất định. Ngoài ra, ở một số cấp cơ sở, nhất là nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa của tỉnh hình thức tuyên truyền vẫn chủ yếu thông qua hội nghị, văn bản, ít sử dụng các phương thức truyền thông trực quan, tương tác, phù hợp với từng nhóm đối tượng, làm giảm sức lan tỏa của chủ trương CNH, HĐH.

Ba là, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động sâu sắc, toàn diện đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chiều sâu của công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động ở tỉnh Bắc Ninh chưa theo kịp yêu cầu chuyển đổi mô hình CNH, HĐH. Nếu như trong giai đoạn đầu, công tác tuyên truyền tập trung hiệu quả vào việc tạo đồng thuận cho mục tiêu phát triển nhanh, mở rộng khu công nghiệp và thu hút đầu tư. Hiện nay, tỉnh chuyển sang giai đoạn nâng cao chất lượng CNH, HĐH, với yêu cầu phát triển bền vững, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp xanh và kinh tế số, thì nội dung tuyên truyền chưa được điều chỉnh kịp thời và đồng bộ, dẫn đến mức độ thâm thấu chưa thật sự sâu trong một bộ phận doanh nghiệp và người lao động.

Thứ ba, công tác cán bộ có khi còn chưa đồng bộ với mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Việc lãnh đạo cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương thành bộ tiêu chí định lượng về năng lực quản trị công nghiệp hiện đại, khoa học, công nghệ và chuyển đổi số còn chậm. Sự thiếu hụt các tiêu chuẩn rõ ràng này trực tiếp làm suy giảm tính chính xác và hiệu quả trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm, dẫn đến tình trạng đội ngũ cán bộ chưa sẵn sàng về mặt tư duy và kỹ năng

trước các yêu cầu mới. Công tác chỉ đạo, điều hành trong đào tạo và bồi dưỡng vẫn nặng về lý thuyết hành chính, chưa tập trung vào năng lực quản trị thực tiễn trong môi trường kinh tế số. Việc lãnh đạo, phát hiện và giao trọng trách cho cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực bứt phá chưa thực sự quyết liệt, tạo ra sự lệch pha giữa nguồn lực con người hiện có và mục tiêu phát triển nhanh của tỉnh. Tỉnh ủy chưa xây dựng được các cơ chế đột phá nhằm tạo lập môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao để thu hút nhân lực chất lượng cao. Phương thức lãnh đạo công tác đánh giá cán bộ vẫn còn thiếu các tiêu chí định lượng gắn với sản phẩm cụ thể của tiến trình CNH, HĐH, khiến các chính sách đãi ngộ chưa tạo được động lực mạnh mẽ để cán bộ dấn thân và sáng tạo.

Thứ tư, vai trò của tổ chức đảng và đảng viên trong lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa được phát huy đầy đủ

Một là, vai trò lãnh đạo trực tiếp của tổ chức đảng trong doanh nghiệp chưa thực sự nổi bật, chủ yếu mang tính hỗ trợ, định hướng chính trị tư tưởng. Đối với khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tỉnh ủy đã có chủ trương tăng cường xây dựng tổ chức đảng. Tuy nhiên, do đặc thù mô hình phát triển công nghiệp của tỉnh Bắc Ninh, số lượng tổ chức đảng trong doanh nghiệp còn hạn chế, vai trò lãnh đạo trực tiếp của tổ chức đảng trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa thật sự rõ nét. Trong thực tế, tổ chức đảng trong doanh nghiệp chủ yếu thực hiện vai trò định hướng chính trị tư tưởng, giáo dục, vận động đảng viên và người lao động chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, qua đó gián tiếp góp phần tạo môi trường ổn định cho CNH, HĐH.

Hai là, một số cán bộ, đảng viên còn hạn chế về năng lực, trình độ, thiếu chuyên môn về quản lý kinh tế thị trường, ngoại ngữ, công nghệ thông tin để làm việc trực tiếp với các nhà đầu tư và quản lý dự án công nghệ cao. Có cán bộ, đảng viên chưa chấp hành nghị quyết, văn bản Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH, thậm chí còn mắc sai phạm khi thực hiện nghị quyết, văn bản của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH. Thậm chí có cán bộ, đảng viên lợi dụng vị trí công tác để trục lợi cho bản thân và gia đình khi thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến đẩy mạnh CNH, HĐH.

Thứ năm, công tác kiểm tra, giám sát thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Tỉnh ủy có khi chưa thường xuyên, hiệu quả.

Mặc dù công tác kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy đã đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ hạ tầng các khu công nghiệp và duy trì vị thế dẫn đầu về thu hút FDI, song so với yêu cầu quản trị phát triển trong bối cảnh mới, công tác này vẫn còn những hạn chế nhất định.

Một là, hoạt động kiểm tra, giám sát hiện nay chủ yếu tập trung vào việc thực hiện các chỉ tiêu về quy mô vốn đăng ký, diện tích lấp đầy các khu công nghiệp và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, việc kiểm soát các chỉ tiêu định chất như hàm lượng giá trị gia tăng nội địa, tỷ lệ chuyển giao công nghệ cao và mức độ liên kết giữa khối FDI với doanh nghiệp địa phương chưa được đặt vào vị trí trọng tâm. Điều này dẫn đến tình trạng các nghị quyết về CNH, HĐH dù đạt mục tiêu về số lượng nhưng chưa tạo ra được đột phá về chất lượng trong chuỗi giá trị.

Hai là, tính chủ động và dự báo trong giám sát thực thi chính sách còn hạn chế. Công tác giám sát chủ yếu vẫn dựa trên báo cáo định kỳ của các cơ quan chuyên môn, chưa hình thành được cơ chế giám sát độc lập và phản biện chuyên sâu. Việc kiểm tra các dự án về kinh tế xanh, kinh tế số hay công nghiệp văn hóa vẫn mang tính dàn trải, chưa đi sâu vào đánh giá hiệu quả thực chất của các dự án sau khi đi vào vận hành, dẫn đến việc chậm phát hiện các bất cập trong mô hình tăng trưởng thâm dụng lao động.

Ba là, cơ chế hậu kiểm và phản hồi chính sách chưa đủ sắc bén. Kết quả sau kiểm tra, giám sát đôi khi mới chỉ dừng lại ở mức độ nhắc nhở, rút kinh nghiệm mà chưa được cụ thể hóa thành các chế tài đủ mạnh để điều chỉnh quyết liệt các sai lệch trong thu hút đầu tư. Sự thiếu hụt các bộ tiêu chí đánh giá khoa học về hiệu quả sử dụng đất và mức độ tác động môi trường của các dự án đầu tư đã tạo ra những khoảng trống trong việc sàng lọc và điều hướng dòng vốn theo đúng định hướng chiến lược của Tỉnh ủy.

3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm

3.2.1. Nguyên nhân của thực trạng

3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Thứ nhất, quan điểm, chủ trương, đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cơ sở, căn cứ đặc biệt quan trọng để Tỉnh ủy Bắc Ninh xây dựng, ban hành nghị quyết,

chỉ thị, kết luận đúng đắn, khả thi, tạo thuận lợi căn bản để tổ chức thực hiện thắng lợi.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là chủ trương lâu dài của Đảng, là con đường đúng đắn và tất yếu nhằm đưa nước ta thoát khỏi nghèo đói, hướng tới trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Đây là con đường phù hợp với thực tiễn và nguyện vọng của đại đa số nhân dân. Trải qua hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trên 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), hơn 10 năm triển khai thực hiện Cương lĩnh năm 2011 đến nay, Việt Nam đã thu được những thành tựu to lớn, hết sức quan trọng và có ý nghĩa lịch sử. Với mô hình kinh tế tổng quát là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đất nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo được những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu cụ thể từng giai đoạn.

Từ đường lối đúng đắn về CNH, HĐH đất nước, nhận thức sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng của công cuộc đổi mới, phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, thống nhất, vượt qua khó khăn, thách thức, Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân tỉnh Bắc Ninh nghiêm túc học tập, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng, cụ thể hóa thành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương quyết tâm đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cho đến nay, tỉnh Bắc Ninh đã triển khai nhiều nội dung quan trọng để đẩy mạnh CNH, HĐH thể hiện mục tiêu xuyên suốt phấn đấu đưa Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc trung ương trước năm 2030.

Thứ hai, sự thống nhất nhận thức và quyết tâm chính trị cao của Tỉnh ủy Bắc Ninh

Tỉnh ủy đã nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí của CNH, HĐH và nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH, đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển như vũ bão, do đó Tỉnh ủy rất quan tâm lãnh đạo lĩnh vực này. Tỉnh ủy Bắc Ninh xác định, để khai thác, phát huy những tiềm năng, lợi thế sẵn có của tỉnh, xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, tiến tới trở thành thành phố trực thuộc trung ương thì rất cần thiết phải đẩy

mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Chính vì vậy, Tỉnh ủy Bắc Ninh xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phù hợp với từng giai đoạn cụ thể; xác định các giải pháp mang tính đột phá, chiến lược để thực hiện CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh. Từ đó, Tỉnh ủy đã ban hành các chủ trương, nghị quyết đúng đắn, vừa cụ thể hóa chủ trương của Đảng, vừa phù hợp với điều kiện hiện có tỉnh. Các nghị quyết đó đã đi vào mọi đảng viên và các tầng lớp nhân dân, tạo nên thành tựu to lớn: tỉnh Bắc Ninh trở thành thủ phủ công nghiệp ở miền Bắc, đời sống của nhân dân được nâng lên, một số chính sách an sinh xã hội đi trước trung ương. Điều đó khẳng định sự đúng đắn của chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH toàn diện ở tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, các tỉnh ủy viên và phần lớn cán bộ trực tiếp làm công tác lãnh đạo và quản lý ở tỉnh nhận thức sâu sắc vai trò, trách nhiệm của mình đối với thắng lợi của việc tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH, tích cực học tập, nâng cao trình độ mọi, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Thứ ba, cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng, chính sách của Tỉnh ủy; tích cực vươn lên thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, tạo thuận lợi để tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đạt hiệu quả

Từ chủ trương, đường lối của Tỉnh ủy về CNH, HĐH, các cấp ủy, tổ chức đảng đã nhanh chóng cụ thể hóa các nghị quyết của tỉnh ủy về CNH, HĐH thành nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị mình. Cấp ủy trong các cơ quan chính quyền (HĐND, UBND, các Sở, Ban, Ngành) coi việc cụ thể hóa nghị quyết của Tỉnh ủy gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan là nhiệm vụ chính trị hàng đầu, góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã phát huy tối đa vai trò tuyên truyền, vận động và giám sát xã hội. Trong các công tác nhạy cảm như giải phóng mặt bằng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã trực tiếp tham gia vào việc đối thoại, thuyết phục nhân dân chấp hành chủ trương, đảm bảo sự đồng thuận xã hội. Điều này giúp Bắc Ninh duy trì được tính ổn định chính trị và xã hội - một điều kiện tiên quyết để các tập đoàn đa quốc gia an tâm đầu tư.

Thứ tư, sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị của tỉnh trong tham gia, xây dựng, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa được Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nhìn chung chặt chẽ, đạt hiệu quả, góp phần quan trọng vào kết quả lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh

Trong hệ thống chính trị ở tỉnh Bắc Ninh, Tỉnh ủy có vai trò là hạt nhân lãnh đạo trong việc tạo ra sức mạnh tổng hợp để đẩy mạnh CNH, HĐH. Sự phối hợp này không diễn ra tự phát mà được tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thông qua cơ chế phân công trách nhiệm rõ ràng. Cụ thể, sau khi ban hành nghị quyết, chỉ thị về CNH, HĐH, Tỉnh ủy sẽ ban hành các chương trình hành động chi tiết, phân công rõ vai trò và mục tiêu cho từng tổ chức. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nghị quyết chuyên đề, UBND tỉnh ban hành các đề án, cơ chế, chính sách nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho đẩy mạnh CNH, HĐH; các cơ quan Đảng thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát sự tuân thủ kỷ luật, kỷ cương và năng lực cán bộ.

Đặc biệt, sự phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đảm bảo tính chính trị và tính quần chúng của các quyết sách, giúp công tác tuyên truyền, vận động, đối thoại và giải quyết các khiếu nại xã hội diễn ra nhịp nhàng và kịp thời.

Chính tính đồng bộ và nhất quán trong toàn hệ thống này đã giúp tỉnh Bắc Ninh vượt qua những rào cản lớn về thủ tục hành chính và sự đồng thuận xã hội, tạo ra tốc độ triển khai vượt trội trong thu hút đầu tư và xây dựng hạ tầng, góp phần quan trọng vào thành công của tỉnh ủy trong lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH.

Thứ năm, tỉnh Bắc Ninh có nhiều điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, trình độ dân trí và truyền thống cách mạng, tạo nền tảng vững chắc cho công tác lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Tỉnh ủy Bắc Ninh đạt hiệu quả

Đây là điều kiện vô cùng thuận lợi cho Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH. Tỉnh Bắc Ninh nằm ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và là cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội, trên tuyến hành lang kinh tế lớn Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh cùng với hành lang xuyên Á quan trọng từ Nam Ninh (Trung Quốc) đến

Singapore. Đây là điều kiện thuận lợi để tỉnh sau khi hợp nhất vươn mình, đột phá phát triển. Địa hình của tỉnh Bắc Ninh tương đối bằng phẳng, có sự chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng, vùng trung du và vùng núi cao, là điều kiện tốt để mở rộng không gian quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội phù hợp từng ngành nghề, lĩnh vực, loại hình sản xuất cả công nghiệp và nông nghiệp. Bên cạnh đó, tỉnh có một nguồn nhân lực trẻ, năng động, có năng lực, là nguồn cung cấp lao động cho các khu, cụm công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Hơn nữa, tỉnh Bắc Ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển trở thành thành phố trực thuộc Trung ương tại Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024. Đây là cơ sở pháp lý rất quan trọng để tỉnh ủy lãnh đạo đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở, đặc biệt là những dự án trọng điểm, quan trọng như sân bay Gia Bình, đường Vành đai 4.

3.2.1.2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

Thứ nhất, những biến động phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và mặt trái của kinh tế thị trường đã tác động tiêu cực đến công tác lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Cụ thể là bối cảnh quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; các thế lực thù địch, phản động triệt để lợi dụng xu thế vượt trội về khoa học - công nghệ để gia tăng hoạt động tuyên truyền, chống phá. Kinh tế thế giới có nhiều biến động, các xung đột vũ trang, chiến tranh thương mại khiến tăng trưởng toàn cầu chậm lại, gây đứt gãy chuỗi cung ứng ở một số thời điểm; kinh tế trong nước còn khó khăn; thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch COVID-19, bão số 3 (Yagi) ảnh hưởng lớn, tác động sâu sắc đến sản xuất và đời sống.

Thứ hai, sự nhận thức và trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, sự tham gia chủ động, tích cực của mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa tập trung, quyết liệt; chưa xây dựng kế hoạch phân công cụ thể, đơn đốc, kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ chính trị đề ra

Một số cấp ủy, tổ chức đảng, đặc biệt là cấp ủy cơ sở chưa nhận thức sâu sắc và chưa thực sự quan tâm lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; chất lượng thực hiện chức trách, nhiệm vụ của một số đảng viên còn hạn chế ảnh hưởng đáng kể đến kết quả lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh. Vai trò giám sát, phản biện của mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thực sự được quan và lãnh đạo. Chưa phát huy hết vai trò tham

mur, đề xuất của các ban, ngành trong tham mưu nghị quyết. Chưa huy động sức mạnh tổng hợp của người dân và nguồn lực xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, sự bất cập về năng lực chuyên môn và quản trị hiện đại của một bộ phận cán bộ, nhất là cán bộ quản lý trước yêu cầu mới

Một bộ phận lãnh đạo cấp ủy vẫn duy trì tư duy quản lý cán bộ theo lối mòn hành chính, chưa thực sự xem năng lực quản trị số và kỹ năng công nghệ là tiêu chuẩn hàng đầu trong cấu trúc năng lực cán bộ thời kỳ mới. Điều này dẫn đến sự thiếu quyết liệt trong việc thay đổi các quy trình tổ chức cán bộ vốn đã ổn định nhưng đang dần lạc hậu.

Một bộ phận cán bộ quản lý của tỉnh chưa cập nhật kịp thời các hệ thống quy định pháp lý, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình quản trị dự án phức tạp trong lĩnh vực công nghệ cao và chuyển đổi số. Điều này tạo ra "khoảng cách năng lực" so với tốc độ phát triển của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. Một bộ phận cán bộ quản lý khác do chưa nắm vững các quy luật vận hành của nền kinh tế tri thức, việc đề xuất chính sách và thực thi nhiệm vụ còn mang tính lúng túng, thiếu tầm nhìn dài hạn. Sự đứt gãy giữa khâu hoạch định và thực thi đã làm giảm hiệu năng điều hành của bộ máy nhà nước. Việc chậm trễ trong giải quyết các bài toán về hạ tầng thông minh và dịch vụ công trực tuyến cho khối FDI không chỉ do quy trình thủ tục, mà còn do năng lực thực tế của cán bộ chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế.

Những nút thắt nội tại về cán bộ quản lý đã trở thành rào cản hệ thống, làm suy giảm lợi thế cạnh tranh và khiến tiến trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế của tỉnh chưa đạt được độ bứt phá tương xứng với tiềm năng và dư địa sẵn có.

Thứ tư, vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức xã hội và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Tỉnh ủy có lúc chưa được phát huy mạnh mẽ; sự hướng dẫn của cấp trên, việc tạo thuận lợi của các cơ quan Trung ương đối với tỉnh ủy về lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa thường xuyên

Sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao chưa thực sự hiệu quả, còn có hiện tượng “đùn đẩy trách nhiệm”; một số cán bộ có tâm lý lo ngại, sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám làm, né tránh trong việc chỉ đạo, giải quyết công việc có liên quan.

Do thời gian dành để sắp xếp, sáp nhập, tinh gọn bộ máy, ổn định tổ chức của các cơ quan, đơn vị trùng với thời điểm diễn ra đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn. Mặt khác, sau khi sáp nhập các xã, phường trên địa bàn của tỉnh có sự chênh lệch về trình độ tiếp cận công nghệ thông tin, trình độ của cán bộ, công chức và cơ sở vật chất giữa các phường đồng bằng với các xã miền núi, nên phần nào cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ phát triển của địa phương.

Thứ năm, do những bất cập về hành lang pháp lý và cơ chế vận hành trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Cơ chế chính sách trong thời gian vừa qua có nhiều thay đổi, biến động, đặc biệt năm 2024 nhiều luật mới có hiệu lực thi hành nhưng một số văn bản hướng dẫn chưa kịp thời ban hành ảnh hưởng lớn đến công tác triển khai thực thi nhiệm vụ cũng như gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc áp dụng. Việc phân cấp, phân quyền còn chưa triệt để, đồng bộ. Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 chậm được phê duyệt, điều chỉnh. Một số dự án trọng điểm gặp khó khăn, vướng mắc về thủ tục pháp lý. Các quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn nhiều bất cập.

Thứ sáu, do sự mất cân đối giữa ngoại lực và nội lực trong hệ sinh thái công nghiệp của địa phương

Năng lực nội tại và sức chống chịu của nền kinh tế còn chưa bền vững, cơ cấu đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng cao dễ gặp rủi ro từ “cú sốc” bên ngoài; thiếu cơ chế, chính sách, giải pháp đột phá huy động nguồn lực và tạo động lực mạnh mẽ để phát triển. Một số động lực tăng trưởng truyền thống gặp khó khăn, bộc lộ một số hạn chế do không gian phát triển tới hạn. Mối liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài còn yếu, thiếu cơ chế hiệu quả thúc đẩy chuyển giao công nghệ; số doanh nghiệp trong nước đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ còn hạn chế. Thị trường khoa học và công nghệ, tiềm lực của các tổ chức khoa học và công nghệ chậm phát triển, nguồn vốn ngân sách chi hỗ trợ còn thấp.

3.2.2. Kinh nghiệm

Một là, trong lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trên cơ sở quán triệt, nắm vững sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, Tỉnh ủy xây dựng sự thống nhất cao về nhận thức, quyết tâm, từ đó chủ động, sáng tạo đề ra chủ trương, quyết sách đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh cho thấy Tỉnh ủy thể hiện sự thống nhất cao về nhận thức và mục tiêu trong lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH; đều xác định CNH, HĐH là con đường tất yếu để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và tăng cường tiềm lực của địa phương. Tỉnh ủy đã nắm vững quan điểm đổi mới của Đảng, đưa Nghị quyết Đại hội XII và XIII của Đảng vào cuộc sống, trên cơ sở bám sát tình hình thực tế của tỉnh Bắc Ninh để vận dụng linh hoạt, sáng tạo và mạnh dạn đề ra các chủ trương, quyết sách phù hợp, hiệu quả; xác định đúng các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội ở từng giai đoạn. Điều đó được minh chứng rất rõ trong việc xác định các phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh. Chính vì vậy, tỉnh đã phát huy tối đa nội lực, khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh vật chất và những giá trị tinh thần; tranh thủ ngoại lực, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh.

Khi sáp nhập thành một tỉnh mới, trở thành tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, nằm trong Vùng Thủ đô, Bắc Ninh ở vị trí cửa ngõ Đông Bắc Thủ đô Hà Nội. Là vùng đất giàu truyền thống văn hiến và cách mạng, luôn năng động, sáng tạo, Tỉnh ủy Bắc Ninh tiếp tục quán triệt, cụ thể hóa quan điểm của Đảng về đẩy mạnh CNH, HĐH trong kỷ nguyên mới, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chính, kịp thời triển khai xây dựng các kế hoạch, chương trình hành động với nhiệm vụ trọng tâm xác định quy hoạch đi trước một bước, cùng với định vị những nhiệm vụ kinh tế, đẩy mạnh CNH, HĐH phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh. Bắc Ninh đã tập trung cho các chương trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, phát triển các khu công nghiệp, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.... là một trong các tỉnh tiên phong mở ra “tọa độ và không gian phát triển”; vận dụng sáng tạo các cơ chế của

nhà nước về các chính sách, tạo thuận lợi về hạ tầng và môi trường đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Hai là, trong quá trình lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Tỉnh ủy bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, đồng bộ, nhưng có trọng tâm, trọng điểm; có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt

Thực tiễn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh cho thấy trong quá trình lãnh đạo, một mặt Tỉnh ủy luôn quán triệt quan điểm của Đảng: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hóa - xã hội - nền tảng tinh thần của xã hội; mặt khác, căn cứ vào thực tiễn của địa phương, Tỉnh ủy đã sáng suốt lựa chọn những nhiệm vụ trọng tâm và những bước đột phá để giành thắng lợi quyết định. Trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ quan trọng như: đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp; phát triển đồng bộ các khu, cụm công nghiệp; phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ; thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; tạo cơ chế đột phá trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; chú trọng phát triển du lịch, dịch vụ; mở rộng hợp tác với các tỉnh, thành phố trong nước và hợp tác quốc tế; tập trung phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Chính vì vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh luôn duy trì ở mức cao; chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, bản sắc văn hóa Kinh Bắc được bảo tồn và phát huy; an sinh xã hội được quan tâm.

Ba là, tập trung trí tuệ lãnh đạo thu hút, lựa chọn các nhà đầu tư phát triển ngành công nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, năng suất lao động cao, tiết kiệm năng lượng, ít tác hại môi trường

Kinh nghiệm này được rút ra từ thực tiễn kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997 - 2025, từ một tỉnh thuần nông trở thành “thủ phủ” công nghiệp công nghệ cao. Trong những năm qua, điểm khác biệt mang tính đột phá của Bắc Ninh so với các địa phương trong khu vực về thu hút đầu tư không chỉ nằm ở ưu thế địa lý, mà ở tư duy quản trị hiện đại: “Sàng lọc thay vì trải thảm” và “Phục vụ thay vì quản lý”. Tỉnh ủy đã thể hiện bản lĩnh chính trị mạnh mẽ khi kiên định mục tiêu “2 ít, 3 cao, 4 sẵn sàng”, quyết liệt từ chối các dự án thâm dụng lao động, lạc hậu để dành dư địa cho các tập

đoàn đa quốc gia có thương hiệu toàn cầu như Samsung, Canon hay Amkor. Chính việc chọn lọc được những tập đoàn lớn đứng chân đã tạo ra hiệu ứng kéo theo hệ thống các nhà đầu tư vệ tinh, hình thành nên các cụm ngành công nghiệp hỗ trợ có tính liên kết cao và sức cạnh tranh vượt trội.

Đặc biệt, kinh nghiệm này cho thấy tỉnh Bắc Ninh đã khẳng định ưu thế riêng trong thu hút, lựa chọn đầu tư bằng mô hình “*Khu công nghiệp gắn với đô thị*”, nơi chính quyền không chỉ cung cấp mặt bằng sản xuất mà còn chủ động xây dựng một hệ sinh thái sống hoàn chỉnh với hạ tầng giao thông, viễn thông, y tế và nhà ở xã hội đồng bộ. Tỉnh ủy đã chỉ đạo bộ máy chính quyền chuyển hẳn từ tư duy “cấp phép - quản lý” sang “đồng hành - phục vụ”, lấy sự thành công của doanh nghiệp làm thước đo năng lực của hệ thống chính trị. Bằng cách đa phương hóa đối ngoại và chủ động hội nhập, Bắc Ninh đã thành công trong việc xây dựng một môi trường đầu tư “sạch, xanh và hiện đại”, tạo ra lợi thế cạnh tranh tuyệt đối và khẳng định điểm đến hấp dẫn bậc nhất cho dòng vốn công nghệ cao trong khu vực Đồng bằng sông Hồng.

Bốn là, Tỉnh ủy luôn chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Từ thực tiễn phát triển CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh cho thấy đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân; làm cho họ hiểu rõ chủ trương, chính sách đẩy mạnh CNH, HĐH của Đảng, cũng như của tỉnh có ý nghĩa to lớn, góp phần vào thành công của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH. Bài học này là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng “Lấy dân làm gốc” vào công tác lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy xác định Nhân dân là lực lượng chủ yếu trong sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH và sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH chỉ có thể thành công khi đoàn kết được sức mạnh toàn dân; nhận được sự chung sức, đồng lòng hợp tác chặt chẽ của mỗi người dân. Vì vậy, Tỉnh ủy luôn xác định nếu không vận động, tuyên truyền, thuyết phục nhân dân tham gia vào công cuộc này thì không có lực lượng nào có thể thay thế được. Vì thế, Tỉnh ủy Bắc Ninh luôn kiên trì làm công tác tư tưởng, dân vận để nhân dân hiểu chủ trương, chính sách đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn, đặc biệt trong các khâu thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, xây dựng các khu

công nghiệp, cụm công nghiệp để tạo sự thống nhất trong tư tưởng và hành động trong Nhân dân. Đồng thời, Tỉnh ủy luôn tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.

Năm là, trong lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Tỉnh ủy đặc biệt coi trọng công tác cán bộ, nhằm xây dựng đội ngũ các cấp có phẩm chất, năng lực và trách nhiệm cao, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị

Kinh nghiệm này được rút ra từ thực tế lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh trong quá trình lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh. Trong những năm qua, Tỉnh ủy Bắc Ninh luôn quán triệt sâu sắc quan điểm cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp CNH, HĐH, vì vậy, Tỉnh ủy luôn coi trọng công tác cán bộ, nhằm xây dựng đội ngũ các cấp có phẩm chất, năng lực và trách nhiệm cao, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị trong lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nội dung của kinh nghiệm này chỉ rõ: muốn đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh thành công thì vấn đề trước tiên phải chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất, năng lực và trách nhiệm cao, có uy tín trong Đảng và Nhân dân; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ; đổi mới phương pháp nhận xét, đánh giá cán bộ; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt coi trọng việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ trẻ, cán bộ có đức, có tài; đổi mới công tác bố trí, sử dụng cán bộ; nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, tâm huyết, hết lòng vì dân là nhân tố quyết định đối với sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sáu là, sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy đi đôi với nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền là cơ sở bảo đảm thắng lợi cho quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Đây là bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn lãnh đạo của Tỉnh ủy, quản lý, điều hành của HĐND và UBND tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang trong thời gian qua. Thực tiễn cho thấy, trong những năm qua, Tỉnh ủy hai tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo sâu sát của cấp ủy, chính quyền quán triệt, cụ thể hóa chủ trương, nghị

quyết của Tỉnh ủy thành chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, vì vậy hoạt động kinh tế - xã hội được triển khai đồng bộ, đạt hiệu quả cao, có tính bền vững.

Đồng thời, thực tiễn đã chứng minh, để bảo đảm thắng lợi cho quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh cần nâng cao hiệu lực quản lý và điều hành của các cấp chính quyền, đi đôi với tăng cường phân cấp, ủy quyền, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc giải quyết công việc tập trung, quyết liệt, sâu sát, cụ thể, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế; khuyến khích và phát huy tài năng, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức và người lao động rèn luyện, nâng cao trình độ chính trị và chuyên môn; tập trung cho phát triển giáo dục - đào tạo, văn hóa; nâng cao mọi mặt về năng lực, trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở khảo sát và phân tích số liệu, Chương 3 đã hệ thống hóa toàn diện thực trạng Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH giai đoạn 2015 - 2025. Tỉnh ủy Bắc Ninh đã thể hiện tư duy chiến lược nhạy bén và tầm nhìn dài hạn khi xác định CNH, HĐH là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt. Tỉnh ủy đã kịp thời thể chế hóa các chủ trương của Trung ương thành hệ thống Nghị quyết, Chương trình hành động sát thực tiễn, tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư FDI và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Năng lực lãnh đạo hệ thống chính trị được khẳng định qua việc phát huy vai trò kiến tạo của chính quyền, sự đồng thuận của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cùng với sự tinh gọn bộ máy sau sáp nhập đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình lãnh đạo vẫn còn những hạn chế như: Việc cụ thể hóa một số Nghị quyết đôi khi còn mang tính định hướng chung, chưa cân nhắc đầy đủ nguồn lực thực thi dẫn đến tính khả thi ở một số nhiệm vụ chưa cao. Công tác kiểm tra, giám sát dù được chú trọng nhưng có lúc chưa thực hiện thường xuyên ở các khâu triển khai cụ thể. Năng lực đội ngũ cán bộ, nhất là chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực công nghệ cao và kỹ năng quản trị hiện đại, còn khoảng cách so với yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0.

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh, luận án rút ra 05 bài học kinh nghiệm quý báu cho Tỉnh ủy Bắc Ninh tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trong thời gian tới. Những bài học này không chỉ có giá trị tổng kết cho Bắc Ninh mà còn là nguồn tham chiếu khoa học cho các địa phương khác, đồng thời tạo tiền đề để luận án đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả lãnh đạo CNH, HĐH trong giai đoạn tiếp theo.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY BẮC NINH ĐỐI VỚI ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Dự báo các yếu tố tác động và phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

4.1.1. Dự báo các yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

4.1.1.1. Thuận lợi

Thứ nhất, về bối cảnh thế giới

Thế giới đã và đang thay đổi nhanh chóng, đầy biến động với những xu hướng lớn ảnh hưởng trực tiếp và sẽ là những nhân tố quan trọng, quyết định đến con đường phát triển của Việt Nam trong giai đoạn sắp tới cũng như trong triển vọng 30 năm tới. Xu hướng toàn cầu có khả năng sẽ ảnh hưởng hoặc tái định hình quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Ninh nói riêng đến năm 2030 đó là các vấn đề.

Một là, dù có những thăng trầm, nhưng toàn cầu hóa kinh tế vẫn là xu hướng có ảnh hưởng tới toàn bộ nền kinh tế thế giới, trong đó, với độ mở cao của nền kinh tế, Việt Nam sẽ tiếp tục có những ảnh hưởng mạnh mẽ cả tích cực và tiêu cực. Các luồng đầu tư, thương mại, dịch vụ tài chính liên và xuyên quốc gia đã phá bỏ các rào cản địa giới quốc gia, dẫn đến quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư, hình thành các cộng đồng kinh tế khu vực.

Hai là, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự bùng nổ của các công nghệ đột phá như Internet vạn vật (IIoT), mạng 5G, công nghệ sinh học và Blockchain sẽ có những tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực, nhất là trong sản xuất công nghiệp và xu hướng HĐH. Những tiến bộ khoa học này, đang tạo ra những bước nhảy vọt về năng suất lao động của nhiều ngành kinh doanh truyền thống, và tạo ra các ngành dịch vụ mới có tiềm năng tăng trưởng cao, cũng như thay đổi cấu trúc, cải thiện sức khỏe con người và cách vận hành của xã hội. Các phát kiến khoa học công nghệ nói trên cũng có tác động tích cực tới môi trường và giảm thiểu chất thải tác động tiêu cực đến môi trường.

Ba là, sự dịch chuyển trọng điểm kinh tế về khu vực châu Á cùng xu hướng “Nam tiến” của dòng vốn FDI từ Bắc Á đang mở ra những vận hội lịch sử cho các quốc gia ASEAN. Việc xây dựng Cộng đồng ASEAN dựa trên ba trụ cột chiến lược (An ninh, Kinh tế, Văn hóa - Xã hội), đặc biệt là sự hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN không chỉ hứa hẹn đóng góp trực tiếp vào mức tăng trưởng thu nhập quốc dân của Việt Nam mà còn tạo ra một hệ sinh thái kinh tế năng động, liên kết chính phủ chặt chẽ và lấy người dân làm trung tâm. Tổng hòa các xu hướng này chính là “ngoại lực” quan trọng, đòi hỏi tỉnh Bắc Ninh phải có những điều chỉnh chiến lược kịp thời để tận dụng thời cơ và bứt phá mạnh mẽ trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Với bối cảnh thế giới và khu vực nêu trên, vừa mở ra những thời cơ lớn để tỉnh Bắc Ninh rút ngắn và bứt phá trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH; vừa đặt ra những thách thức ngày càng gay gắt về cạnh tranh, chất lượng tăng trưởng và tính bền vững. Điều đó đòi hỏi sự lãnh đạo của Tỉnh ủy phải không ngừng đổi mới tư duy chiến lược, nâng cao năng lực dự báo và tổ chức thực hiện, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu, đồng thời phát huy nội lực, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững và khẳng định vị thế của Bắc Ninh là một cực tăng trưởng công nghiệp quan trọng của vùng và cả nước.

Thứ hai, về bối cảnh trong nước

Một là, nền tảng vị thế quốc gia và sự đột phá về thể chế chính trị sẽ tạo điều kiện thúc đẩy phát triển mạnh mẽ. Sau gần 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên tầm cao mới, tạo tiền đề vững chắc để dân tộc vươn mình trong kỷ nguyên phát triển. Vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng không ngừng được đổi mới; công tác xây dựng chính đồn Đảng và đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực đạt nhiều kết quả quan trọng, củng cố niềm tin trong nhân dân. Đặc biệt, cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị cùng việc Bộ Chính trị khóa XIII ban hành “09 nghị quyết trụ cột” (Nghị quyết số 57, 59, 66, 68, 70, 71, 72, 79, 80) đã tạo nên đòn bẩy chiến lược. Những quyết sách này tập trung vào 04 nhóm vấn đề lớn: Đột phá về công nghệ và thể chế; kinh tế và hội nhập; văn hóa, giáo dục và y tế; an ninh và năng lượng nhằm hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng và 100 năm thành lập nước.

Hai là, các động lực thúc đẩy tăng trưởng đa chiều tiếp tục phát huy. Trong bối cảnh đó, sự nghiệp CNH, HĐH được thúc đẩy bởi năm yếu tố tăng trưởng then chốt: (1) Sự chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình “Chính phủ kiến tạo” với năng lực điều hành linh hoạt; (2) Quan điểm xuyên suốt về phát triển bền vững, ưu tiên tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn để đảm bảo chất lượng phát triển; (3) Lợi thế về địa chính trị ổn định, khả năng hội nhập sâu rộng và lực lượng lao động trẻ, năng động; (4) Tiến trình chuyển đổi số toàn diện lan tỏa từ doanh nghiệp đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội; (5) Sự hình thành của công nghiệp văn hóa như một ngành kinh tế mới đầy tiềm năng. Tổng hòa các yếu tố này không chỉ tạo ra nội lực mạnh mẽ mà còn giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Đây không chỉ là các động lực đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh mới, mà còn là quan điểm chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm. Tại Hội nghị Trung ương 10 (Khóa XIII), tháng 9 năm 2025, Tổng Bí thư đã chỉ đạo “*Đẩy mạnh công nghệ chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển*”. Như vậy, theo quan điểm của Tổng Bí thư, đẩy mạnh CNH, HĐH trong giai đoạn tới tập trung vào các nội dung: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực tăng trưởng chính và tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế để khơi thông nguồn lực.

Văn kiện đại hội Đảng XIV của Đảng cũng xác định: “Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tự chủ sản xuất trong nước với việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, xây dựng và hiện đại hoá nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chính, lấy hội nhập quốc tế làm phương thức để huy động mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá..” [24].

Như vậy, vị thế quốc gia cùng những đột phá về thể chế và động lực tăng trưởng nêu trên đã tạo ra dư địa và không gian phát triển mới cho tỉnh Bắc Ninh. Việc quán triệt 09 nghị quyết trụ cột giúp Tỉnh ủy Bắc Ninh hoàn thiện thể chế địa phương, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng dựa trên công nghệ cao với giá trị gia tăng lớn. Đây là cơ sở khoa học để Bắc Ninh nâng cao năng lực lãnh đạo, tận dụng tối đa các yếu tố về Chính

phủ kiến tạo và kinh tế số để giải quyết các thách thức về môi trường và hạ tầng xã hội. Với những nền tảng thuận lợi này, Bắc Ninh tiếp tục giữ vững vai trò là trung tâm công nghiệp động lực của vùng và cả nước, vững bước tiến tới mục tiêu CNH, HĐH theo hướng hiện đại, văn minh và bền vững.

Thứ ba, về bối cảnh tỉnh Bắc Ninh

Một là, việc sáp nhập địa giới hành chính giữa tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang sẽ mở ra không gian phát triển mới, mạnh mẽ hơn. Đây không chỉ đơn thuần là một sự thay đổi về mặt cơ học, mà là một chiến lược trọng yếu nhằm mở rộng không gian phát triển, tạo lập hệ sinh thái tối ưu để khai thác toàn diện các giá trị về vị trí địa kinh tế, tài nguyên thiên nhiên và chiều sâu văn hóa - lịch sử của vùng Kinh Bắc. Về mặt kinh tế, sự hợp nhất này cho phép quy hoạch các khu công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật ở quy mô vùng, xóa bỏ tình trạng sản xuất manh mún, tự phát và thiếu liên kết. Đây là điều kiện tiên quyết để hình thành nên những công xưởng sản xuất quy mô toàn cầu, đồng thời tạo sức hút mạnh mẽ đối với dòng vốn đầu tư chiến lược, góp phần tăng thu ngân sách và tối ưu hóa hiệu quả đầu tư công thông qua việc chia sẻ hạ tầng giao thông và đô thị.

Hai là, xét dưới góc độ địa chính trị và liên kết vùng, tỉnh Bắc Ninh sau khi sáp nhập sẽ củng cố vững chắc vai trò là cửa ngõ và trung tâm kinh tế - văn hóa phía Đông Bắc của vùng Thủ đô Hà Nội. Vị trí chiến lược này không chỉ có ý nghĩa đặc biệt đối với an ninh quốc phòng quốc gia mà còn tạo tiền đề để địa phương trở thành trung tâm tiếp vận (logistics), cung ứng và trung chuyển hàng hóa then chốt trên các hành lang kinh tế quốc tế như Côn Minh - Hải Phòng và Nam Ninh - Thành phố Hồ Chí Minh. Sự kết nối hạ tầng giao thông liên hoàn, đồng bộ sẽ là mạch máu thúc đẩy quá trình lưu thông tư bản và hàng hóa, đưa tỉnh tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Ba là, về mặt quản trị và an sinh xã hội, quá trình tái cấu trúc này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Việc giảm bớt áp lực chi thường xuyên giúp tích lũy nguồn lực tài chính để tái đầu tư vào các lĩnh vực hạ tầng xã hội thiết yếu. Hệ thống giáo dục và y tế khi được kiện toàn và đầu tư tập trung sẽ tạo ra bước nhảy vọt về chất lượng dịch vụ công, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội được thực thi một cách nhân văn và toàn diện. Tổng

hòa các yếu tố trên chính là động lực tự thân và thời cơ lịch sử để tỉnh Bắc Ninh vươn mình, khẳng định vị thế trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

Bốn là, việc tái cấu trúc và hợp nhất địa giới hành chính sẽ tạo tiền đề thúc đẩy mạnh mẽ hơn công cuộc cải cách thể chế và nâng cao hiệu năng của bộ máy hành chính nhà nước tại địa phương. Thông qua việc tinh gọn tổ chức và cơ cấu lại nguồn nhân lực, bộ máy quản lý mới không chỉ đảm bảo sự phù hợp về số lượng mà còn tạo ra bước đột phá về chất lượng đội ngũ công chức. Sự thay đổi này cho phép chính quyền địa phương thực hiện tối ưu hóa các chức năng quản lý nhà nước, từ đó nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ công và đáp ứng tốt hơn các nhu cầu thực tiễn của cộng đồng dân cư trong bối cảnh mới.

Đặc biệt, công tác kiện toàn Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh và củng cố bộ phận “một cửa” tại cấp cơ sở sau sáp nhập là cơ hội chiến lược để sàng lọc, tuyển chọn những cán bộ có trình độ chuyên môn cao và tinh thần trách nhiệm chính trị vững vàng. Quá trình này tạo ra cơ chế vận hành đồng bộ, giúp việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý hành chính được triển khai thống nhất từ cấp tỉnh đến cơ sở. Việc chuẩn hóa quy trình và đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến không chỉ giúp giảm thiểu chi phí giao dịch xã hội mà còn khẳng định bước chuyển mình mạnh mẽ hướng tới một mô hình chính quyền phục vụ, hiện đại và minh bạch, đáp ứng các tiêu chuẩn của kỷ nguyên quản trị số.

Như vậy, tầm vóc địa kinh tế và động lực phát triển của tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh địa giới hành chính mới, không chỉ tăng cường khả năng kết nối nội vùng mà còn thiết lập các chuỗi cung ứng, tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ quy mô lớn, giúp địa phương tham gia sâu hơn vào mạng lưới giá trị toàn cầu, từ đó thực hiện thắng lợi mục tiêu CNH, HĐH trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

4.1.1.2. Khó khăn

Thứ nhất, về bối cảnh thế giới

Một là, tình hình thế giới dự báo tiếp tục có những chuyển biến nhanh chóng, phức tạp và chưa có tiền lệ. Những bất ổn về chính trị, kinh tế trên thế giới; sự gia tăng xung đột vũ trang, cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các cường quốc và các trung tâm quyền lực đang xác lập lại trật tự kinh tế thế giới. Đặc biệt, xu hướng bảo hộ thương mại thông qua các chính sách thuế quan mới và sự điều chỉnh chiến lược của các nền kinh tế lớn (điển hình là Mỹ) sẽ tạo ra

những rào cản phi thuế quan khắt khe. Đối với một địa phương có độ mở kinh tế lớn như Bắc Ninh, những biến động này trực tiếp đe dọa đến tính ổn định của chuỗi cung ứng toàn cầu, làm thu hẹp thị trường xuất khẩu và gia tăng rủi ro trong thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) - vốn là động lực tăng trưởng cốt lõi của tỉnh.

Hai là, thách thức từ các vấn đề an ninh phi truyền thống.

Song song với các rủi ro chính trị, các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng trở nên trực diện và nghiêm trọng. Áp lực từ sự gia tăng dân số cơ học và quá trình đô thị hóa tự phát đang làm cạn kiệt tài nguyên, gây quá tải hạ tầng xã hội. Bên cạnh đó, các vấn đề an ninh xuyên quốc gia như tội phạm mạng, rủi ro tài chính hệ thống, khủng hoảng năng lượng và các dịch bệnh truyền nhiễm mới nổi vẫn diễn biến khó lường. Những yếu tố này không chỉ tác động đến sức khỏe cộng đồng mà còn làm phát sinh các chi phí biên trong sản xuất, gây áp lực lên hệ thống quản trị môi trường và an ninh trật tự tại các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh.

Những bối cảnh phức tạp nêu trên đã và đang đặt ra những thách thức trực tiếp đối với hiệu quả lãnh đạo quá trình CNH, HĐH tại Bắc Ninh. Cụ thể, làm giảm tốc độ phát triển công nghiệp và làm chậm quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại nếu không có các kịch bản ứng phó kịp thời. Đồng thời, đòi hỏi tư duy lãnh đạo phải chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình tăng trưởng dựa vào thâm dụng tài nguyên và lao động sang mô hình tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo và tự chủ công nghệ. Đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các cấp ủy Đảng và chính quyền tỉnh Bắc Ninh trong việc nâng cao năng lực dự báo chiến lược, quản trị rủi ro và xây dựng một nền kinh tế địa phương linh hoạt, có sức chống chịu cao trước các cú sốc bên ngoài.

Thứ hai, về tình hình trong nước

Trong nước, sau gần 40 năm đổi mới, bên cạnh những thuận lợi, đất nước đang đối mặt với những thách thức đa chiều kìm hãm sự phát triển nhanh và bền vững. Thách thức lớn nhất là việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chậm, dẫn đến hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, mâu thuẫn, kìm hãm sự phát huy nguồn lực và đổi mới sáng tạo; tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn chưa đạt tiềm năng, và mô hình tăng trưởng chuyển đổi chậm, chủ yếu chưa dựa vào khoa học - công nghệ và năng suất lao động. Về

mặt xã hội, tình trạng phân hóa giàu nghèo và bất bình đẳng có xu hướng gia tăng, cùng với những hạn chế trong an sinh xã hội, y tế, giáo dục, và môi trường văn hóa chưa thực sự lành mạnh. Bên cạnh đó, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao, và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí vẫn cần phải quyết liệt, kiên trì hơn để củng cố niềm tin trong nhân dân. Những thách thức chung của đất nước tạo thành một điểm nghẽn đối với quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh Bắc Ninh, buộc tỉnh phải sử dụng nguồn lực địa phương lớn hơn để bù đắp vào những thiếu hụt về thể chế, nhân lực và quản trị từ cấp Trung ương.

Thứ ba, về tình hình tỉnh Bắc Ninh

Một là, áp lực từ cục diện quốc tế và yêu cầu chuyển dịch mô hình tăng trưởng đặt ra những đòi hỏi mới đối với sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghĩa là sự cạnh tranh gay gắt giữa các nền kinh tế lớn và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng đã làm thay đổi cấu trúc dòng vốn đầu tư toàn cầu. Điều này tác động bất lợi đến định hướng duy trì và nâng cao chất lượng dòng vốn FDI là động lực cốt lõi trong tiến trình CNH, HĐH của tỉnh. Mặt khác, sự bùng nổ của mô hình kinh tế số và kinh tế xanh dưới tác động của Cách mạng Công nghiệp 4.0 đòi hỏi sự thay đổi căn bản về chất của lực lượng sản xuất. Thực tế này đặt Tỉnh ủy Bắc Ninh trước áp lực lớn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thiết lập các hành lang pháp lý, cơ chế đặc thù của tỉnh nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Nếu không kịp thời nâng tầm tư duy lý luận và năng lực thực tiễn để đón đầu xu hướng, các nền tảng công nghiệp hiện hữu của tỉnh sẽ đứng trước nguy cơ tụt hậu về mặt công nghệ, gián tiếp biến các thành quả tăng trưởng trước đây thành rào cản cho các mục tiêu phát triển dài hạn.

Hai là, điểm nghẽn về nguồn lực, hạ tầng và môi trường nội tại chưa dễ khắc phục. Bắc Ninh phải đối mặt với bài toán nan giải về nguồn lực khi quỹ đất còn lại không nhiều, đòi hỏi tư duy lãnh đạo phải chuyển dịch sang khai thác chiều sâu và nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Sự mất cân đối giữa khu vực FDI và kinh tế tư nhân trong nước tạo ra những rủi ro tiềm năng về ổn định kinh tế. Đồng thời, tốc độ dân số và lao động kỹ thuật cao chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển; hệ thống hạ tầng đô thị chưa đồng bộ với các cơ sở kinh tế, dẫn đến ô nhiễm môi trường và áp lực lên an sinh xã hội. Sự phát triển này cũng kéo theo các hệ lụy về phân hóa giàu - nghèo và sự xói mòn

các giá trị văn hóa truyền thống, đòi hỏi công tác quản trị phải hài hòa giữa kinh tế và nhân văn.

Ba là, áp lực từ công tác tổ chức bộ máy và sắp xếp đơn vị hành chính. Sau khi thực hiện sáp nhập tỉnh và sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Bắc Ninh mới sẽ nảy sinh những thách thức chưa từng có về mặt quản trị. Việc mở rộng quy mô diện tích và dân số (đặc biệt là khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số) khiến công tác quản lý nhà nước thời gian đầu gặp nhiều lúng túng. Số lượng cán bộ, công chức dồi dào đặt ra bài toán khó trong việc giải quyết chế độ, chính sách và bố trí vị trí việc làm. Sự xáo trộn về địa điểm công tác và tâm lý cán bộ có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thực thi công vụ. Sự dư thừa trụ sở làm việc gắn liền với việc phải khớp nối lại hệ thống quy hoạch và các nguồn lực đầu tư đã phê duyệt trước đó. Ngoài ra, việc bố trí người đứng đầu một số chức danh chủ chốt của tỉnh như Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy không phải người địa phương cũng đặt ra những thách thức không nhỏ, ảnh hưởng tới quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh.

Bốn là, sẽ còn những thách thức trong cải cách hành chính và dịch vụ công trực tuyến. Việc gia tăng đột biến khối lượng công việc liên quan đến chuyển đổi giấy tờ cho người dân và doanh nghiệp sau sáp nhập tạo áp lực khổng lồ lên hệ thống dịch vụ công. Trong điều kiện nhân sự có hạn, nếu ứng dụng công nghệ số không được triển khai đồng bộ, tình trạng quá tải và chậm trễ hồ sơ là khó tránh khỏi. Thách thức còn nằm ở năng lực tiếp cận công nghệ thông tin của một bộ phận người dân lớn tuổi, gây trở ngại cho mục tiêu xây dựng chính quyền số và kinh tế số mà tỉnh đang hướng tới.

Như vậy, những thách thức trên nếu không được định vị cụ thể và có giải pháp xử lý triệt để sẽ trực tiếp làm chậm tiến trình thực hiện CNH, HĐH của tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn tới đây, cản trở sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá những năm tới

Trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, định hướng chiến lược của Đảng ta tập trung vào việc thúc đẩy đồng bộ tiến trình CNH, HĐH gắn liền với tốc độ đô thị hóa bền vững. Trọng tâm của mô hình này là giải quyết hài hòa mối

quan hệ giữa năng lực tự chủ sản xuất nội địa và mức độ tham gia vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu. Mục tiêu cốt lõi là xây dựng nền công nghiệp quốc gia hiện đại, vững mạnh trên cơ sở xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực trung tâm; đồng thời sử dụng hội nhập quốc tế như một phương thức chủ đạo để tối ưu hóa việc huy động nguồn lực ngoại sinh. Song song với đó, quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn được chú trọng theo hướng bền vững và thực chất. Đặc biệt, chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện theo nguyên tắc sàng lọc khắt khe, ưu tiên các dự án công nghệ cao, có hàm lượng tri thức lớn và giảm thiểu tác động môi trường thông qua lộ trình phát thải thấp.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc các định hướng chiến lược của Trung ương, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã cụ thể hóa thành hệ thống quan điểm lãnh đạo mang tính đặc thù, phù hợp với vị thế của một trung tâm công nghiệp công nghệ cao hàng đầu cả nước. Về mục tiêu đến năm 2030, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đề ra mục tiêu xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 theo hướng văn minh, hiện đại, đóng vai trò là “cực tăng trưởng” của Vùng đồng bằng Sông Hồng, và đến năm 2045 Bắc Ninh là thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc. Quyết tâm chinh phục mục tiêu: Tăng trưởng kinh tế hai con số với mức tăng từ 11%-12%/năm; kim ngạch xuất, nhập khẩu khoảng 1.090 tỷ USD cho cả giai đoạn 2026-2030; thu ngân sách phân đầu đạt 375.700 tỷ đồng; chỉ số phát triển con người (HDI) mức 0,8 và tuổi thọ trung bình đạt 75,6 tuổi... [7].

Để thực hiện mục tiêu đó, thời gian tới, phải tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh trong đẩy mạnh CNH, HĐH theo phương hướng sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh trong cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đô thị hóa bền vững trong giai đoạn 2025-2030

Tỉnh ủy Bắc Ninh xác định trọng tâm lãnh đạo là đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, trọng tâm là phát triển công nghiệp điện tử, công nghệ cao, đóng vai trò hạt nhân thúc đẩy các khu vực kinh tế khác. Quan điểm lãnh đạo xuyên suốt là chuyển dịch mạnh mẽ từ phương thức phát triển phụ thuộc vào tài nguyên sang dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, Tỉnh ủy chỉ đạo gắn kết chặt chẽ tiến trình CNH,

HDH với quá trình đô thị hóa theo hướng bền vững, hướng tới các tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương. Định hướng chiến lược này nhằm tối ưu hóa mối liên kết giữa khu vực đầu tư nước ngoài (FDI) và kinh tế tư nhân, khẳng định vị thế của Bắc Ninh là cực tăng trưởng quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước, bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2025 - 2030.

Thứ hai, tập trung lãnh đạo hoàn thiện thể chế, đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy giai đoạn 2025-2035

Trong giai đoạn 2025 - 2035, Tỉnh ủy Bắc Ninh xác định lấy cải cách thể chế làm đột phá của đột phá; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang quản trị phát triển và kiến tạo, thể chế hóa kịp thời các quyết sách chiến lược của Trung ương về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trở thành động lực tăng trưởng mới của tỉnh. Phương thức lãnh đạo được đổi mới toàn diện thông qua việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy và các tổ chức đảng phù hợp với mô hình hoạt động sau hợp nhất, sáp nhập theo tinh thần Đại hội Đảng lần thứ XIV. Tỉnh ủy lãnh đạo chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc, nâng cao trách nhiệm giải trình; tăng cường sâu sát cơ sở để kịp thời khơi thông các điểm nghẽn, tháo gỡ khó khăn phát sinh. Đồng thời, tập trung ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các thành phần kinh tế, thúc đẩy vai trò động lực của kinh tế tư nhân gắn với nâng cao hiệu suất của kinh tế nhà nước.

Thứ ba, nâng cao năng lực lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với chiến lược chuyển đổi xanh, quản trị tài nguyên gắn với phát triển văn hóa, con người và bảo đảm an sinh xã hội

Trong giai đoạn mới, Tỉnh ủy Bắc Ninh kiên định quan điểm chỉ đạo không đánh đổi môi trường và tiến bộ xã hội lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần, hướng tới xây dựng hệ sinh thái phát triển bền vững, hài hòa và nhân văn. Trong đó tập trung lãnh đạo chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh”, kiểm soát chặt chẽ và xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường tại các đô thị, khu công nghiệp và làng nghề truyền thống, chủ động quy hoạch hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu. Song song với phát triển kinh tế, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng hệ giá trị văn hóa Kinh Bắc tiên tiến, đậm đà bản sắc,

tạo sức mạnh mềm trong hội nhập. Quyết sách về an sinh xã hội được cụ thể hóa bằng triết lý quản trị “3 an” (An ninh, An sinh, An toàn), thực hiện mục tiêu phát triển công bằng, nâng cao chỉ số phát triển con người, kiện toàn hệ thống y tế hiện đại và bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ tư, tăng cường xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, tinh gọn bộ máy gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Tỉnh ủy Bắc Ninh xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, quyết định sự thành công của tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nội dung trọng tâm là xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở thực sự tinh gọn, hiệu lực, hiệu năng, trong sạch, vững mạnh toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Tỉnh ủy tập trung siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu có tư duy đổi mới, đủ năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Cơ chế bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm được vận dụng đồng bộ nhằm khơi thông mọi nguồn lực nội sinh. Đồng thời, Tỉnh ủy xác định phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là giải pháp đột phá chiến lược để cung ứng nhân lực cho nền kinh tế số, tạo nền tảng vững chắc thực hiện thắng lợi các mục tiêu trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

4.2. Các giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời gian tới

4.2.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho các Tỉnh ủy viên, các cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các Tỉnh ủy viên, các cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh CNH, HĐH là giải pháp đầu tiên nhưng cũng là giải pháp quan trọng hàng đầu để nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng và xây dựng ý thức trách nhiệm của Tỉnh ủy viên, cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đẩy mạnh CNH, tạo ra sự thống nhất về tư tưởng và xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với đẩy mạnh CNH, HĐH

trên địa bàn tỉnh trong bối cảnh mới. Để đạt được điều này, cần thực hiện các biện pháp sau:

Thứ nhất, đổi mới việc quán triệt đường lối, các nghị quyết của Đảng, các nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH trong bối cảnh mới.

Tiếp tục quán triệt các quan điểm chủ trương của Đảng về đẩy mạnh CNH, HĐH trong giai đoạn mới. Tập trung vào việc tiếp tục quán triệt các chủ trương về đẩy mạnh CNH, HĐH, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, lấy hội nhập quốc tế làm phương thức để huy động mọi nguồn lực cho CNH, HĐH; đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển kinh tế tư nhân; thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài; đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới. Những chủ trương lớn của Đảng về đẩy mạnh CNH, HĐH giai đoạn hiện nay là cơ sở để tỉnh Bắc Ninh xác định các chủ trương, giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH sau khi sáp nhập tỉnh. Cụ thể là, tiếp tục quán triệt, tuyên truyền các nghị quyết của Đảng như: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết 57-NQ/TW); Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết 68-NQ/TW).

Đặc biệt, coi trọng quán triệt các kế hoạch của Tỉnh ủy Bắc Ninh thực hiện các Nghị quyết của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh như: Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Kế hoạch số 11-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Các công việc nêu trên cần được tiến hành trước hết trong Tỉnh ủy, các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, nhất là trong Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh.

Đổi mới việc quán triệt đường lối, nghị quyết, kế hoạch nêu trên cần tổ chức họp lý các lớp học tập, quán triệt nghị quyết cho từng loại đối tượng cán bộ, từng loại hình cơ quan. Cần phân công, bố trí các đồng chí lãnh đạo có trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý ở tỉnh làm báo cáo viên để truyền đạt nội dung dễ hiểu, dễ nhớ. Sử dụng nhiều hình thức để tuyên truyền, quán triệt nghị quyết của Đảng, Kế hoạch của tỉnh đạt hiệu quả.

Thứ hai, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các Tỉnh ủy viên, cấp ủy đảng các cấp và cán bộ, đảng viên những vấn đề trọng tâm về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới là thực hiện mục tiêu CNH, HĐH theo hướng hiện đại, bền vững, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn; vai trò then chốt của chuyển đổi số, khoa học - công nghệ trong nâng cao năng suất, hiệu quả quản trị và cạnh tranh; khắc phục điểm nghẽn về chất lượng tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo chiều sâu; tầm quan trọng của công nghiệp văn hóa và trách nhiệm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Quan họ, văn hóa kinh bắc trong quá trình phát triển, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển xã hội; khẳng định vị thế của tỉnh Bắc Ninh là “trung tâm công nghiệp động lực” của vùng Thủ đô và cả nước; thực hiện mô hình Chính phủ kiến tạo và trách nhiệm về cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Đồng thời tuyên truyền những thuận lợi, khó khăn, sự cần thiết phải đẩy mạnh CNH, HĐH và vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy, các cấp ủy đảng đối với đẩy mạnh CNH, HĐH ở địa phương.

Cần phê phán những nhận thức chưa đầy đủ và không đúng của một số cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các tổ chức, đoàn thể và một bộ phận nhân dân về vai trò của đẩy mạnh CNH, HĐH đối với sự phát triển của tỉnh; vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với thành công của đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh. Đó là nhân tố quan trọng hàng đầu sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh đúng đường lối, quan điểm của Đảng, đúng hướng vì sự phát triển toàn diện, bền vững của tỉnh và nâng cao đời sống nhân dân.

Thứ ba, lựa chọn hình thức, phương pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức về đẩy mạnh CNH, HĐH phù hợp với từng đối tượng cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Đối với cấp ủy viên các cấp, tuyên truyền chủ yếu thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, học tập nghị quyết và sinh hoạt cấp ủy. Ngoài ra, Tỉnh ủy

cần thường xuyên cung cấp các tài liệu nghiên cứu chuyên sâu về kinh tế số, công nghệ 4.0, mô hình đô thị thông minh cho cấp ủy viên các cấp. Định kỳ tổ chức các buổi hội thảo nhỏ để các đồng chí trình bày và phản biện các nội dung đã học được, thay vì chỉ nghe báo cáo một chiều.

Đối với cán bộ, đảng viên, ngoài việc học tập nghị quyết và sinh hoạt tổ chức đảng có thể phát tài liệu, các bản tin nội bộ để cán bộ, đảng viên tự nghiên cứu, học tập, trao đổi, thảo luận trong các cuộc sinh hoạt đảng. Đối với đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể chủ yếu thông qua các buổi sinh hoạt đoàn thể và các phong trào thi đua do đoàn thể phát động.

Ngoài ra, cần sử dụng nền tảng số hóa để các Tỉnh ủy viên, cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên có thể dễ dàng tiếp cận các tài liệu, hướng dẫn, và cập nhật kiến thức về CNH, HĐH mọi lúc, mọi nơi, phù hợp với yêu cầu của thời đại số.

Thứ tư, Tỉnh ủy, Đảng ủy cấp xã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan truyền thông đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH.

Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động đối với Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh để tuyên truyền, phổ biến kịp thời các chủ trương, nghị quyết của tỉnh về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn, đặc biệt là các chủ trương, nghị quyết của tỉnh nhằm cụ thể hóa quan điểm đẩy mạnh CNH, HĐH trong kỷ nguyên mới, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chính, lấy hội nhập quốc tế làm phương thức để huy động nguồn lực.

Ngoài ra, Tỉnh ủy cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động tuyên truyền về chủ trương, nghị quyết đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh bằng các panô, áp phích, băng rôn, biểu ngữ ở các trung tâm của tỉnh, phường, xã, các đường giao thông chính, các nơi công cộng, sinh hoạt cộng đồng trong các phường, xã của tỉnh.

Đặc biệt, Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quan tâm xây dựng đội ngũ báo cáo viên của tỉnh, giảng viên Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ thực sự là những lực lượng quan trọng thực hiện có hiệu quả phương thức tuyên truyền miệng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh CNH, HĐH nói chung và chủ trương, nghị quyết của tỉnh nói riêng. Cần có đề án, kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên

môn, nghiệp vụ; có chính sách đãi ngộ hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi về kinh phí đi đào tạo, bồi dưỡng, phương tiện tác nghiệp của đội ngũ báo cáo viên và giảng viên trường chính trị.

Tỉnh ủy cần quan tâm lãnh đạo nâng cao chất lượng trang web, cổng thông tin điện tử của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, đảm bảo đưa thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác về hoạt động mọi mặt của tỉnh, về thực hiện các nhiệm vụ để đẩy mạnh CNH, HĐH. Đồng thời, Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo tính định hướng chính trị và tính chiến đấu của trang web của tỉnh, chính quyền tỉnh để phê phán kịp thời những biểu hiện nhận thức và hành động không đúng, gây khó khăn và cản trở việc đẩy mạnh CNH, HĐH; lên án mạnh mẽ, công khai những cá nhân, tổ chức vi phạm đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo biên soạn tài liệu phổ biến rộng rãi chủ trương Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH; biên soạn, bổ sung các chuyên đề về đẩy mạnh CNH, HĐH vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ và các Trung tâm chính trị các xã, phường.

Ngoài ra, Tỉnh ủy nên xây dựng cơ chế để cấp dưới có quyền phản biện, góp ý hoặc cảnh báo sớm về tính khả thi, sự đồng bộ hoặc các điểm nghẽn thực tiễn của các nghị quyết đẩy mạnh CNH, HĐH. Biện pháp này sẽ giúp tỉnh ủy có được thông tin phản hồi xác thực, điều chỉnh chính sách kịp thời. Buộc cán bộ cơ sở phải có nhận thức sâu để có thể đóng góp ý kiến mang tính xây dựng, thay vì thụ động chờ đợi chỉ đạo.

4.2.2. Xây dựng quy chế lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, phong cách lãnh đạo tập trung, quyết liệt giải quyết các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Việc xây dựng quy chế lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và định hình phong cách lãnh đạo tập trung, quyết liệt không đơn thuần là sự thay đổi phương thức làm việc hành chính, mà là yêu cầu khách quan mang tính quy luật để giải quyết các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm của tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là giải pháp cốt lõi nhằm thể chế hóa quyền lực lãnh đạo, bảo đảm các chủ trương chiến lược của Đảng bộ tỉnh được thực thi nhất quán, liên tục và tối ưu hóa kiểm soát.

Đối với Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh, trong bối cảnh thực hiện các nhiệm vụ chiến lược sau sáp nhập địa giới hành chính, giải pháp này càng trở nên cấp bách. Do tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH mang tính dài hạn, nếu không có một hệ thống quy chế được thể chế hóa chặt chẽ, công tác lãnh đạo dễ rơi vào bẫy “tư duy nhiệm kỳ” hoặc phụ thuộc vào ý chí chủ quan của người đứng đầu, dẫn đến nguy cơ gián đoạn chính sách. Quy chế lãnh đạo hoàn thiện chính là công cụ pháp lý nội bộ định hình nguyên tắc hành động thống nhất, khắc phục triệt để tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” hay “mỗi nơi làm một kiểu”. Đồng thời, phong cách lãnh đạo tập trung, quyết liệt sẽ cắt giảm các tầng nấc trung gian, khơi thông các điểm nghẽn liên ngành phức tạp, tạo “niềm tin chiến lược” cho các nhà đầu tư lớn và tăng cường năng lực ứng phó của tỉnh trước các biến động kinh tế vĩ mô.

Để xây dựng quy chế lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, phong cách lãnh đạo tập trung, quyết liệt giải quyết các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH, Tỉnh ủy Bắc Ninh cần thực hiện các biện pháp sau:

Một là, Tỉnh ủy Bắc Ninh rà soát, chuẩn hóa Quy chế làm việc gắn với phân cấp, phân quyền khoa học.

Cụ thể hóa định hướng tại Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I (nhiệm kỳ 2025 - 2030) về việc “kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng; chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc” [6], Tỉnh ủy cần tiến hành tổng rà soát toàn diện hệ thống quy chế hiện hành. Trọng tâm là phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa tập thể cấp ủy và cá nhân người đứng đầu, thiết lập cơ chế điều hành theo phương châm “Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ lộ trình và rõ kết quả”. Đây là nền tảng pháp lý nội bộ để loại bỏ tình trạng đùn đẩy, né tránh hoặc chồng chéo thẩm quyền trong chỉ đạo các dự án trọng điểm, chiến lược của tỉnh.

Hai là, Tỉnh ủy thiết lập cơ chế giám sát thực thi bằng kỷ luật Đảng và chỉ số định lượng (KPI).

Cụ thể hóa tinh thần Đại hội XIV của Đảng về chuyển mạnh từ “nói” sang “làm”, chấm dứt lối làm việc quan liêu, hình thức, Tỉnh ủy cần kiểm soát thực thi nghị quyết về CNH, HĐH bằng hệ thống công cụ lượng hóa minh bạch. Áp dụng bộ chỉ số KPI gắn với trách nhiệm giải trình của người đứng đầu làm thước đo lỗi trong đánh giá, sàng lọc cán bộ. Chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra các cấp tăng cường giám sát chuyên đề vào các “điểm nghẽn” thủ tục hành chính,

đất đai, giải phóng mặt bằng. Kiên quyết, kịp thời điều chuyển, thay thế những cán bộ có tư duy “bàn lùi”, trì trệ, tạo dựng đội ngũ thực thi có “kỷ luật thép” đáp ứng yêu cầu của Cách mạng Công nghiệp 4.0.

Ba là, Tỉnh ủy đổi mới phong cách lãnh đạo theo phương châm “Trực tiếp - Trực diện - Trực trách” gắn với giá trị văn hóa Kinh Bắc.

Tỉnh ủy cần thực hiện bước chuyển chiến lược từ “lãnh đạo hội trường” sang “lãnh đạo hiện trường”. Vai trò của người đứng đầu cấp ủy phải được khẳng định qua 3 khía cạnh: *Trực tiếp* nắm bắt bản chất tình hình tại thực địa các khu, cụm công nghiệp; *Trực diện* đối thoại, tiếp xúc để tháo gỡ xung đột lợi ích của doanh nghiệp và nhân dân; *Trực tiếp* chịu trách nhiệm cuối cùng trước Đảng bộ về hiệu quả các công trình trọng điểm. Phong cách quyết liệt, trọng hành động này cần được hòa quyện với sự tinh tế, liêm chính và trọng chữ “Tín” của nét văn hóa Kinh Bắc, tạo thành “sức mạnh mềm” lan tỏa thành đạo đức công vụ của toàn bộ hệ thống chính trị.

Bốn là, Tỉnh ủy xây dựng mô hình vận hành cơ chế “3 Quyết” gắn với bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo.

Để giải quyết các xung đột thể chế trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH, Tỉnh ủy Bắc Ninh cần vận hành linh hoạt cơ chế “3 Quyết”: *Quyết tâm chính trị cao nhất* trong thực hiện chỉ tiêu được xác định trong Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; *Quyết liệt điều hành* thông qua các Tổ công tác đặc biệt có thẩm quyền vượt trội để giải phóng nguồn lực; *Quyết đoán xử lý* các bất cập cơ chế khi thực tiễn yêu cầu. Cơ chế này phải được đặt trong hành lang bảo vệ vững chắc theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung. Sự quyết đoán của Tỉnh ủy chính là thông điệp thể chế mạnh mẽ nhất gửi đến các tập đoàn đa quốc gia về một môi trường đầu tư an toàn, nhất quán và sẵn sàng đồng hành cùng doanh nghiệp.

4.2.3. Tập trung lãnh đạo cải thiện môi trường đầu tư, lựa chọn thu hút các nhà đầu tư phát triển các ngành sản xuất có công nghệ cao, phát thải thấp, tiết kiệm năng lượng; xử lý kịp thời các điểm nghẽn, đẩy mạnh thực hiện các dự án kinh tế - xã hội trọng điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh

Một là, Tỉnh ủy Bắc Ninh tập trung lãnh đạo cải thiện môi trường đầu tư, lựa chọn thu hút các nhà đầu tư phát triển các ngành sản xuất có công nghệ cao, phát thải thấp, tiết kiệm năng lượng.

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã thành công trong thu hút đầu tư theo hướng “2 ít, 3 cao, 4 sẵn sàng” nhằm chuyển chiến lược từ thu hút đầu tư theo chiều rộng sang chiều sâu. Tuy nhiên, trong những năm tiếp theo đến năm 2035, Tỉnh ủy Bắc Ninh xác định cần thu hút đầu tư “xanh”, công nghiệp công nghệ cao (pin năng lượng, chất bán dẫn, chip...), công nghiệp hỗ trợ (sản xuất phụ tùng ô tô...) gắn với phương pháp quản lý, quản trị tiên tiến; công nghệ đầu cuối 5G, 6G; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch; các tổ hợp thương mại dịch vụ cao cấp (trung tâm thương mại, vui chơi giải trí, dịch vụ về đào tạo, y tế quốc tế...); các dự án đầu tư hạ tầng, phát triển đô thị, sinh thái, thương mại dịch vụ....Ngoài ra, tỉnh Bắc Ninh cũng xác định sẽ phát triển các lĩnh vực công nghệ cao và công nghiệp xanh, nhằm tạo ra trung tâm điện tử hàng đầu Việt Nam, thúc đẩy các dự án lớn, đóng vai trò động lực cho tăng trưởng kinh tế. Bắc Ninh định hướng phát triển các ngành công nghiệp chủ lực như sản xuất thiết bị bán dẫn, công nghệ thông tin, dược phẩm và năng lượng tái tạo để nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Như vậy, Tỉnh ủy Bắc Ninh thực hiện lãnh đạo cải thiện môi trường đầu tư, lựa chọn thu hút các nhà đầu tư phát triển các ngành sản xuất có công nghệ cao, phát thải thấp, tiết kiệm năng lượng, vừa phát huy được kinh nghiệm, thành quả của Bắc Ninh về thu hút đầu tư trong những năm qua, vừa bám sát quan điểm của Đại hội Đảng lần thứ XIV là “thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài; tập trung chủ yếu cho phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, phát thải thấp”¹[24] Mặt khác, trong bối cảnh các thị trường lớn (G7, EU) áp đặt các tiêu chuẩn khắt khe về phát thải và năng lượng, việc Bắc Ninh tiên phong thu hút đầu tư “xanh” là giải pháp để bảo vệ niềm tin chiến lược của các tập đoàn đa quốc gia. Đây là công cụ để tỉnh giữ chân các doanh nghiệp đa quốc gia hiện có và đón đầu dòng vốn FDI thế hệ mới. Đồng thời, giải pháp lãnh đạo lựa chọn nhà đầu tư có công nghệ hiện đại, ít tác hại môi trường chính là sự cụ thể hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước là phát triển kinh tế nhưng không đánh đổi môi trường, phát triển kinh tế phải gắn với giữ gìn môi trường; xây dựng đô thị hiện đại nhưng phải giữ gìn được lá phổi xanh cho nhân dân.

Ngoài ra, để Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương đòi hỏi tỉnh phải có một cấu trúc kinh tế tương xứng với đô thị loại đặc biệt. Một

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, t1, tr.96

thành phố hiện đại, văn minh không thể tồn tại dựa trên các ngành công nghiệp lạc hậu, thâm dụng lao động và gây ô nhiễm. Vì vậy, việc tập trung lãnh đạo phát triển các ngành sản xuất công nghệ cao chính là đòn bẩy để thay đổi diện mạo đô thị theo hướng thông minh và xanh hóa. Giải pháp này giúp Bắc Ninh hội tụ đủ các tiêu chí về hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực và môi trường sống, khẳng định vị thế là một cực tăng trưởng năng động, giàu bản sắc và hiện đại bậc nhất trong khu vực Đồng bằng sông Hồng.

Để Tỉnh ủy Bắc Ninh tập trung lãnh đạo cải thiện môi trường đầu tư, lựa chọn thu hút các nhà đầu tư phát triển các ngành sản xuất có công nghệ cao, phát thải thấp, tiết kiệm năng lượng có hiệu quả, trước hết Tỉnh ủy cần lãnh đạo việc ban hành một hệ thống quy định pháp lý nội bộ để thay đổi cách tiếp cận dòng vốn. Cụ thể, Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo cơ quan, địa phương liên quan phối hợp với các chuyên gia kinh tế, môi trường xây dựng “Bản đồ thu hút đầu tư chiến lược”. Trong đó, phân vùng rõ ràng: khu vực nào ưu tiên bán dẫn, khu vực nào ưu tiên công nghệ xanh. Kiên quyết từ chối các dự án không đáp ứng đủ 3 tiêu chuẩn: Công nghệ hiện đại - Phát thải thấp - Giá trị gia tăng cao.

Hai là, Tỉnh ủy quy hoạch và phát triển “Khu công nghiệp sinh thái”. Nghĩa là, Tỉnh ủy cần lãnh đạo chuyển đổi các KCN hiện hữu và xây mới các KCN theo tiêu chuẩn tuần hoàn (tái sử dụng nước thải, năng lượng áp mái, kinh tế tuần hoàn tại chỗ). Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp lắp đặt điện mặt trời áp mái và sử dụng công nghệ tiết kiệm nước. Tỉnh ủy giám sát việc triển khai hạ tầng xã hội (nhà ở công nhân, tiện ích xanh) ngay trong quy hoạch KCN để đảm bảo sự gắn bó của nhân lực chất lượng cao.

Ba là, Tỉnh ủy lãnh đạo thiết lập cơ chế giám sát sau đầu tư và cam kết xanh. Thực hiện biện pháp này sẽ tránh tình trạng nhà đầu tư cam kết công nghệ cao khi xin dự án nhưng đưa công nghệ cũ vào sản xuất. Muốn vậy, Tỉnh ủy phải lãnh đạo ban hành Quy chế hậu kiểm về môi trường và công nghệ định kỳ; chỉ đạo các cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thực hiện giám sát dựa trên dữ liệu, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy địa phương nếu để xảy ra sai phạm môi trường hoặc sử dụng đất sai mục đích tại các dự án đã thu hút.

Hai là, Tỉnh ủy xử lý kịp thời các điểm nghẽn, đẩy mạnh thực hiện các dự án kinh tế - xã hội trọng điểm về CNH, HĐH của tỉnh

Các dự án kinh tế - xã hội lớn, trọng điểm như hạ tầng giao thông, khu công nghiệp công nghệ cao, cảng biển, sân bay, trung tâm logistics luôn đóng vai trò là hạt nhân tăng trưởng của tỉnh trên các lĩnh vực. Mặt khác, xử lý kịp thời các điểm nghẽn trong quá trình thực hiện CNH, HĐH giúp khơi thông nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đảm bảo an sinh xã hội và ổn định chính trị trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, Tỉnh ủy cần tập trung lãnh đạo đẩy mạnh thực hiện các dự án kinh tế - xã hội lớn, trọng điểm của tỉnh và xử lý kịp thời các điểm nghẽn trong quá trình thực hiện CNH, HĐH. Đây không chỉ là nhiệm vụ chính trị mà còn là yêu cầu tất yếu để phát triển bền vững.

Đối với tỉnh Bắc Ninh sau khi sáp nhập, những công trình trọng điểm có tính chất “xoay chuyển tình thế, thay đổi trạng thái” đã, đang và sắp được triển khai thực hiện như: Đường Vành đai 4, cầu Như Nguyệt, cầu Hà Bắc 1, Hà Bắc 2, cầu Đồng Việt, Dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, cùng hàng loạt tuyến giao thông kết nối liên vùng...[89]. Những công trình trọng điểm này sau khi hoàn thành sẽ mở ra không gian phát triển mới, định vị hình ảnh Bắc Ninh trên bản đồ Việt Nam và thế giới. Trong khi đó, trên địa bàn tỉnh hiện nay vẫn còn rất nhiều dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, khó khăn vướng mắc về giải phóng mặt bằng được coi là các điểm nghẽn trong thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH. Vì vậy, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo đẩy mạnh thực hiện các dự án kinh tế - xã hội lớn, trọng điểm của tỉnh và xử lý kịp thời các điểm nghẽn trong quá trình thực hiện CNH, HĐH là rất cần thiết và phù hợp.

Để thực hiện giải pháp xử lý kịp thời các điểm nghẽn trong quá trình thực hiện CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, cần thực hiện một số biện pháp sau:

Thứ nhất, Tỉnh ủy lãnh đạo Đảng ủy UBND chỉ đạo thực hiện một số nội dung nhằm đẩy mạnh thực hiện các dự án kinh tế - xã hội lớn, trọng điểm. Cụ thể: lãnh đạo tập trung cao nhất đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm có ý nghĩa quan trọng của tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình là: Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và các tuyến đường kết nối, Đường Vành đai 4, Đường Vành đai 5, Đường tỉnh 293, cầu Kênh Vàng,

cầu Vân Hà ... Đầu tư xử lý cơ bản dứt điểm các điểm ngập úng, ùn tắc tại các khu vực trọng điểm, trung tâm hành chính của tỉnh, các khu công nghiệp lớn.

Đồng thời, lãnh đạo tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung các dự án có tính kết nối liên vùng, các dự án khoa học công nghệ, chuyển đổi số, y tế, văn hóa, giáo dục, chỉnh trang đô thị, an sinh xã hội và dự án tạo động lực thu hút đầu tư, phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy lãnh đạo Đảng ủy UBND chỉ đạo khẩn trương giao vốn và khởi công các công trình đầu tư công sớm ngay từ đầu năm 2026 để tạo động lực cho tăng trưởng. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên trong năm, phấn đấu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao gắn với bảo đảm chất lượng công trình, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí. Kịp thời rà soát, điều chuyển vốn đã bố trí cho các dự án chậm triển khai sang các dự án có khả năng giải ngân cao, vượt tiến độ; phấn đấu hoàn thành việc thanh toán các dự án đầu tư công cấp tỉnh quản lý đã quyết toán.

Tỉnh ủy cần tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh nhằm xây dựng nền hành chính hiệu quả, năng động, nâng cao thứ hạng các chỉ số đánh giá cấp tỉnh (PAR Index, PCI, SIPAS, PAPI); thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giao dịch; đặc biệt tiếp tục thực hiện cơ chế phân luồng, rút ngắn thời gian xử lý đối với các hồ sơ thủ tục công theo mô hình “Luồng xanh 24 giờ và Luồng xanh 60%”; kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, minh bạch, hấp dẫn, tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án quy mô lớn, công nghệ cao, dự án khởi nghiệp tiềm năng phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, Tỉnh ủy lãnh đạo Đảng ủy các Cơ quan Đảng tỉnh chỉ đạo hoàn thiện về cơ chế, chính sách, công tác cán bộ và tạo sự đồng thuận xã hội để đẩy mạnh thực hiện các dự án kinh tế - xã hội lớn, trọng điểm của tỉnh và xử lý kịp thời các điểm nghẽn trong quá trình thực hiện CNH, HĐH. Cụ thể:

Tỉnh ủy lãnh đạo HĐND tỉnh khẩn trương rà soát, sớm ban hành các Nghị quyết về khung giá đền bù, chính sách hỗ trợ tái định cư, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp mũi nhọn. Lãnh đạo HĐND tăng

cường giám sát chuyên đề về các dự án chậm tiến độ, xác định rõ nguyên nhân là do cơ chế hay do con người để kiến nghị xử lý.

Tỉnh ủy lãnh đạo Ban Tổ chức tham mưu công tác cán bộ theo hướng kiên quyết thay thế, điều chuyển những cán bộ năng lực yếu, có tâm lý "sợ sai", đùn đẩy trách nhiệm trong việc xử lý hồ sơ dự án. Lãnh đạo Ban Tuyên giáo và dân vận chú trọng và nâng cao hiệu quả việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của tỉnh về đẩy mạnh CNH, HĐH; tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của các dự án kinh tế - xã hội trọng điểm đối với sự phát triển chung của tỉnh và nâng cao đời sống cho người dân. Từ đó, người dân đồng thuận, ủng hộ trong công tác giải phóng mặt bằng khi triển khai các dự án. Lãnh đạo Ủy ban kiểm tra tỉnh tăng cường kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm trong đấu thầu, quản lý đất đai. Xử lý nghiêm tình trạng "những nhiễu", gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Thứ ba, Tỉnh ủy lãnh đạo Đảng ủy các xã, phường nơi có dự án kinh tế - xã hội trọng điểm được triển khai thực hiện cần cụ thể hóa các nhiệm vụ thực hiện trong Nghị quyết và Chương trình công tác hàng năm sát với chức năng, nhiệm vụ và tình hình cụ thể ở địa phương. Sử dụng kết quả thực hiện dự án trọng điểm trên địa bàn vào tiêu chí xếp hạng thi đua hàng năm của bí thư, chủ tịch cấp xã. Đồng thời, Tỉnh ủy cần chỉ đạo cấp ủy địa phương phải sâu sát dân, giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng ngay từ cơ sở, không để phát sinh "điểm nóng" làm đình trệ dự án.

Thứ tư, đối với các dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, khó khăn vướng mắc về giải phóng mặt bằng, Tỉnh ủy lãnh đạo cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh cùng vào cuộc tháo gỡ, trong đó trọng tâm là lãnh đạo UBND tỉnh - cơ quan quản lý, điều hành trực tiếp rà soát số lượng các dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, xác định nội dung khó khăn, vướng mắc, kết quả giải quyết khó khăn vướng mắc đó hiện tại đến đâu, xác định nguyên nhân vướng mắc, đưa ra các nội dung đề xuất kiến nghị với Trung ương, với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, với Doanh nghiệp cần thực hiện để giải quyết dứt điểm những điểm nghẽn trên. Đối với người dân, Tỉnh ủy lãnh đạo Sở, Ban, Ngành, địa phương có liên quan, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy mô hình "Dân vận khéo" và thực hiện tái định cư đi trước một bước để xóa bỏ sự xung đột lợi ích giữa người dân và nhà nước khi giải phóng mặt bằng.

4.2.4. Tăng cường lãnh đạo xây dựng nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản trị phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và kinh tế tri thức, kinh tế xanh cho đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nhân

Nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nhân là những lực lượng quan trọng để đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển nhanh chóng, tác động sâu, rộng đến mọi lĩnh vực của đất nước, đòi hỏi phải tỉnh Bắc Ninh phải xây dựng được nguồn nhân lực vừa đủ cả về số lượng và chất lượng; nâng cao năng lực quản trị phát triển CNH, HĐH dựa trên khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và kinh tế tri thức, kinh tế xanh cho đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nhân. Thực hiện điều này, sẽ tăng sức cạnh tranh của tỉnh so với các địa phương khác. Bởi vì, các nhà đầu tư lớn sẽ ưu tiên những tỉnh có đội ngũ cán bộ am hiểu ngoại ngữ, công nghệ và có tư duy hiện đại, sẵn sàng đồng hành cùng doanh nghiệp. Như vậy, đây là giải pháp hướng tới xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nhân - những nhân tố then chốt quyết định sự thành bại của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH trong thời đại kỷ nguyên số và xanh.

Để tăng cường lãnh đạo xây dựng nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản trị phát triển CNH, HĐH dựa trên khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và kinh tế tri thức, kinh tế xanh cho đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cần thực hiện đồng bộ một số biện pháp sau:

Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo nâng cao năng lực quản trị phát triển CNH, HĐH dựa trên khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và kinh tế tri thức, kinh tế xanh cho cán bộ lãnh đạo, quản lý ở tỉnh

Tỉnh ủy lãnh đạo Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng; bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo theo hướng thiết thực, hiệu quả, gắn đào tạo với thực tiễn và nhu cầu của người học. Biên soạn tài liệu bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý theo hướng

đưa các nội dung về Chính phủ số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, quản trị an ninh phi truyền thống vào chương trình bắt buộc. Phối hợp với các cơ quan ban, ngành tỉnh và trung tâm chính trị các xã, phường tham mưu mở các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp xã về quản trị phát triển hiện đại, thay đổi từ tư duy "quản lý hành chính" sang "quản trị phục vụ" và "kiến tạo phát triển", nhất là mô hình quản trị địa phương khi thực hiện chính quyền hai cấp. Mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ cấp xã nói riêng để trang bị, cập nhật kiến thức, kỹ năng, thái độ cho cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng quản lý công nghệ, quản trị hiện đại, và thích ứng với mô hình chính quyền điện tử, chính quyền số.

Tỉnh ủy lãnh đạo Ban Tổ chức tham mưu đổi mới về công tác đánh giá, quy hoạch, và sử dụng cán bộ. Yêu cầu cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu phải chuẩn hóa năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu và điều hành trên môi trường số. Cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay không chỉ biết dùng máy tính mà phải biết dùng dữ liệu để ra quyết định. Thực hiện áp dụng các phần mềm theo dõi tiến độ công việc để đánh giá cán bộ minh bạch. Ai ứng dụng công nghệ tốt, giải quyết việc nhanh, có sáng kiến xanh hiệu quả sẽ được ưu tiên đề bạt. Ban hành quy chế cụ thể để bảo vệ những cán bộ có tư duy đổi mới, dám đột phá vì lợi ích chung, giải tỏa tâm lý "sợ sai" đang là điểm nghẽn lớn nhất hiện nay.

Tỉnh ủy lãnh đạo Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn khẩn trương tham mưu ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh Bắc Giang về ban hành quy định một số chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2025-2030. Tham mưu ban hành chính sách “trái thăm đồ” để thu hút nhân tài làm việc tại tỉnh. Đó là các chính sách về tiền lương, nhà ở, đất đai, môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến cho các chuyên gia, nhà khoa học, đặc biệt là trong các ngành mũi nhọn (bán dẫn, năng lượng sạch, công nghệ sinh học).

Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng đội ngũ doanh nhân có năng lực quản trị phát triển CNH, HĐH dựa trên khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và kinh tế tri thức, kinh tế xanh

Tỉnh ủy lãnh đạo Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng các gói hỗ trợ tài chính, kỹ thuật để doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, áp dụng công nghệ sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng. Tham mưu tổ chức các diễn đàn định kỳ để lãnh đạo tỉnh trực tiếp gặp gỡ doanh nhân để lắng nghe nhu cầu về nhân lực, từ đó điều chỉnh chính sách giáo dục và đào tạo nghề của tỉnh sát với thực tế. Tham mưu xây dựng cơ chế đặc thù khuyến khích doanh nhân đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, chuyển đổi từ gia công thô sang sản xuất tinh, có hàm lượng chất xám cao. Tham mưu xây dựng các giải thưởng dành cho doanh nghiệp tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường.

Ba là, Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá các ngành khoa học, công nghệ, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mới nổi.

Tỉnh ủy lãnh đạo UBND tỉnh rà soát, sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp nghề theo hướng tinh gọn, chất lượng cao. Lãnh đạo các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn ký kết hợp tác giữa Chính quyền - Trường học - Doanh nghiệp. Doanh nghiệp cung cấp thiết bị và yêu cầu đầu ra, nhà trường đào tạo, tỉnh hỗ trợ kinh phí. Điều này đảm bảo lao động học xong là có việc làm ngay tại các nhà máy CNH. Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đổi mới phương thức đào tạo theo hướng ứng dụng, thực hành, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của các khu công nghiệp và doanh nghiệp công nghệ cao. Điều này bao gồm việc ký kết các chương trình hợp tác đào tạo chuyên sâu về kỹ năng số, công nghệ bán dẫn, robot... với các tập đoàn lớn (như Amkor, Hana Micron) để đáp ứng ngay nhu cầu thực tế của thị trường.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tập trung thu hút nhiều trường đại học có uy tín thành lập cơ sở đào tạo như: Đại học Luật Hà Nội, Đại học Dược Hà Nội, Đại học Ngoại thương, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Y Hà Nội, Đại học Tài nguyên và Môi trường...; từng bước hình thành khu đô thị đại học, hướng tới mục tiêu xây dựng Bắc Ninh trở thành một trong những trung tâm đào tạo đại học, nghiên cứu và phát triển hàng đầu của cả nước, nền tảng của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Do vậy, Tỉnh ủy lãnh đạo Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành tham mưu cơ chế, chính sách tạo mọi điều kiện thúc đẩy sớm hình thành trung tâm đào tạo đại học, nghiên cứu và phát triển hàng đầu của cả nước.

Tỉnh uỷ cũng cần quan tâm chỉ đạo hoàn thiện thể chế, chính sách gắn với đào tạo nhân lực, thu hút nhân tài; phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, tạo chủ động cho cơ sở trong đào tạo, quản lý nhân lực; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng cán bộ được thực thi thực chất; huy động hệ thống chính trị và doanh nghiệp tham gia phát triển nhân lực. Tỉnh uỷ không chỉ đề ra mục tiêu mà còn gắn trách nhiệm người đứng đầu, coi đây là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng và chính quyền các cấp.

Như vậy, thực hiện các biện pháp trên sẽ tạo nền tảng để hình thành đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh với “4 có”: có phẩm chất - có năng lực - có tư duy mới - có trách nhiệm. Phát triển đội ngũ doanh nhân tỉnh Bắc Ninh đủ sức cạnh tranh trong môi trường hội nhập. Và tạo ra lực lượng lao động kỹ thuật cao đáp ứng các lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh là công nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, công nghiệp xanh. Từ đó, góp phần đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ cao, hướng tới mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

4.2.5. Lãnh đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền kiến tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; thu hút mạnh hơn nữa đầu tư phát triển; phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh

Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền kiến tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đẩy mạnh CNH, HĐH; thu hút mạnh hơn nữa đầu tư phát triển; phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh là giải pháp để phá bỏ các rào cản, thủ tục rườm rà, giấy phép con, khơi thông nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; chuyển chính quyền quản lý theo tư duy cũ, mệnh lệnh - hành chính sang quản lý theo tư duy mới, kiến tạo và đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân; từ đó tạo lợi thế trong thu hút đầu tư, tạo động lực thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển và củng cố niềm tin của người dân và doanh nghiệp, đẩy mạnh CNH, HĐH. Chính vì vậy, Tỉnh uỷ Bắc Ninh cần quan tâm, chú trọng lãnh đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền kiến tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; thu hút mạnh hơn nữa đầu tư phát triển; phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh. Coi đây điều kiện tiên quyết để tỉnh Bắc Ninh có thể bứt

phá, thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 và các năm tiếp theo, từ đó sớm đạt các mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

Để lãnh đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền kiến tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đẩy mạnh CNH, HĐH; thu hút mạnh hơn nữa đầu tư phát triển; phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy cần thực hiện các biện pháp sau:

Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền kiến tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đẩy mạnh CNH, HĐH.

Tỉnh ủy cần tập trung lãnh đạo nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực quản trị của chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, năng động, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Lãnh đạo tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy chính quyền địa phương hai cấp theo chỉ đạo của Trung ương. Chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ trình độ, năng lực, nâng cao tính chuyên nghiệp và tinh thần phục vụ, nhất là cấp cơ sở, đáp ứng tốt yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong tình hình mới.

Tỉnh ủy cần quan tâm lãnh đạo nâng cao chất lượng ban hành chính sách, vai trò giám sát của HĐND các cấp. Đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp, các cuộc tiếp xúc cử tri và hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật. Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực hoạt động của đại biểu HĐND các cấp. Phát huy vai trò của Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương. Tăng cường phối hợp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và hoạt động giám sát của HĐND, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Tỉnh ủy lãnh đạo Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xác định nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới là thực hiện hiệu quả xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; tăng công khai, minh bạch; đẩy mạnh số hóa quy trình quản

lý nhà nước. Xây dựng cơ chế đánh giá năng lực cán bộ dựa trên hiệu quả thực thi công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, duy trì thứ hạng chỉ số PCI trong nhóm các tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh thâm nhập, mở rộng, đa dạng hóa thị trường trong và ngoài nước. Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tư nhân; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân cả về số lượng và chất lượng.

Hiện nay, tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện sáng kiến “Luồng xanh 24 giờ và Luồng xanh 60%” giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp. Vì vậy trong thời gian tới, Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo thực hiện và nhân rộng sáng kiến này, không chỉ phục vụ doanh nghiệp khi đến đầu tư ở Bắc Ninh mà còn phục vụ người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo thu hút mạnh hơn nữa đầu tư phát triển; phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp ủy đảng thuộc Tỉnh ủy, trong đó Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy làm nòng cốt tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Kế hoạch số 11-KH/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, coi kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, là trụ cột của nền kinh tế nhằm tạo sự đồng thuận, quyết tâm cao trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế tư nhân. Các cấp ủy đảng thuộc Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Kế hoạch số 11-KH/TU của Tỉnh ủy phù hợp với tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị và địa phương.

Đảng ủy HĐND lãnh đạo HĐND tỉnh rà soát, xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn đúng với quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 68-NQ/TW và Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trọng tâm là xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về các nội dung ưu đãi về miễn, giảm thuế, mặt bằng sạch và tiếp cận các nguồn vốn.

Đảng ủy UBND lãnh đạo UBND xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án thực hiện Kế hoạch số 11-KH/TU của Tỉnh ủy, trong đó, trọng tâm tham mưu thu hút đầu tư, hoàn thiện hệ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tạo quỹ đất, mặt bằng cho doanh nghiệp tư nhân thuê; tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ giao đất, cho thuê đất cho các doanh nghiệp; tham mưu xác định quỹ đất đối với từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đảm bảo bình quân tối thiểu 20h/khu, cụm công nghiệp hoặc 5% tổng quỹ đất đã đầu tư kết cấu hạ tầng dành cho doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê. Đẩy mạnh công tác ứng dụng chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp.

Tỉnh ủy lãnh đạo các trường cao đẳng đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh hợp tác, phát triển các chương trình kiên kết đào tạo với nước ngoài; tiếp nhận và nhân rộng các chương trình đào tạo tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp.

Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp ủy đảng trực thuộc triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 06/CTr/TU, ngày 05/11/2025 của Tỉnh ủy Bắc Ninh về thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục và đào tạo; hiện đại hóa cơ sở giáo dục nghề nghiệp; liên kết chặt chẽ giữa nhà trường - doanh nghiệp - chính quyền địa phương trong đào tạo nhân lực công nghệ cao. Tập trung thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực. Hỗ trợ các trường đại học đã thu hút đẩy nhanh tiến độ đầu tư. Ưu tiên bố trí nguồn lực, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo hiện đại cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Trường Chính trị Nguyễn Cừ phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho các giám đốc điều hành doanh nghiệp tại địa phương; huy động các doanh nhân thành đạt tham gia giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, truyền cảm hứng, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho các doanh nhân trong tỉnh.

4.2.6. Tăng cường lãnh đạo sự phối hợp của các ban, ngành; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội và mọi nguồn lực, động lực để thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

Tăng cường lãnh đạo sự phối hợp và phát huy mọi nguồn lực không chỉ là yêu cầu quản trị hiệu quả mà còn là yêu cầu lãnh đạo chính trị toàn diện. Điều này đảm bảo quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH được thực hiện nhanh chóng, đồng bộ, có sự đồng thuận cao và bền vững trong dài hạn. Đây là giải pháp tăng cường sức mạnh tổng hợp và phương thức lãnh đạo chính trị để thực hiện thành công mục tiêu CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, việc tăng cường lãnh đạo sự phối hợp của các ban, ngành; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội và mọi nguồn lực, động lực để thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là rất cần thiết. Bởi vì, CNH, HĐH không chỉ là phát triển công nghiệp thuần túy, mà là quá trình chuyển đổi tổng thể về cơ cấu kinh tế, không gian phát triển, lao động, xã hội, văn hoá, môi trường và quản trị. Quá trình này liên quan trực tiếp đến nhiều sở, ban, ngành và địa phương. Vì vậy, việc tăng cường lãnh đạo sự phối hợp của các ban, ngành là yếu tố hàng đầu để đảm bảo tính toàn diện và hiệu quả của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH.

Mặt khác, tỉnh Bắc Ninh sau hợp nhất đứng trước nhu cầu rất lớn về vốn đầu tư, nguồn nhân lực chất lượng cao, hạ tầng kỹ thuật và xã hội để đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp theo chiều sâu; đòi hỏi sự phối hợp là bắt buộc để thống nhất quy hoạch, quy trình giải quyết thủ tục hành chính giữa các khu vực địa lý khác nhau, đảm bảo nhà đầu tư nhận được dịch vụ công liền mạch và hiệu quả. Chỉ khi Tỉnh ủy lãnh đạo sự phối hợp chặt chẽ, các dự án CNH, HĐH mới có thể triển khai nhanh chóng, từ khâu cấp phép đầu tư đến giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng.

Ngoài ra, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội chính là lực lượng đại diện tiếng nói, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân; góp phần phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách phát triển; thúc đẩy thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý và điều hành. Vì vậy, việc phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội là biện pháp then chốt để đảm bảo tính chính đáng, minh bạch và bền vững của đẩy mạnh CNH, HĐH.

Để tăng cường lãnh đạo sự phối hợp của các ban, ngành; phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị-xã hội và mọi nguồn lực, động lực để thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, cần thực hiện các biện pháp sau:

Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo tăng cường phối hợp giữa các ban, ngành và nâng cao hiệu lực của hệ thống chính trị nhằm khắc phục tình trạng "đùn đẩy trách nhiệm" và thiếu sự phối hợp chặt chẽ trong thực tiễn ở tỉnh Bắc Ninh hiện nay. Muốn vậy cần phải tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cải cách hành chính và chuyển đổi số trong Đảng, nhằm phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cấp cơ sở theo quy định. Tỉnh ủy sớm ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các sở, ngành, địa phương với mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh. Hiện nay, Tỉnh ủy Bắc Ninh mới ban hành Quy chế số 03-QC/TU, ngày 06/11/2025 của Tỉnh ủy về phối hợp giữa các đảng ủy xã, phường trong công tác bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ công tác đối với cán bộ, đảng viên. Cần ban hành nhiều Quy chế phối hợp trong các lĩnh vực khác giữa các cơ quan Đảng với chính quyền, giữa cơ quan Đảng với Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội.

Hai là, Lãnh đạo Tỉnh ủy cần tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên với các tỉnh, thành phố lân cận về các vấn đề hạ tầng giao thông liên kết, đặc biệt là các tuyến vành đai và các trục chính ra vào các khu công nghiệp, khu đô thị lớn. Sự phối hợp này cũng mở rộng sang các lĩnh vực như xử lý rác thải công nghiệp, sinh hoạt và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm quản lý hiệu quả các vấn đề ngoại ứng và tận dụng triệt để lợi thế liên kết vùng. Việc này giúp Bắc Ninh không chỉ giải quyết được các bài toán quản lý nội bộ mà còn củng cố vị thế là cửa ngõ công nghiệp quan trọng của khu vực.

Ba là, Tỉnh ủy cần tiếp tục chỉ đạo MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội (nhất là Liên đoàn Lao động) tăng cường hiệu quả công tác giám sát thông qua các đợt giám sát chuyên đề. Các chuyên đề này phải tập trung vào các vấn đề nóng, nhạy cảm của CNH, HĐH như thực hiện chính sách an sinh xã hội, nhà ở công nhân, và việc bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp. Thông qua các đợt giám sát này, Tỉnh ủy sẽ có thêm thông tin phản hồi xác thực và kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật hoặc né tránh trách

nhiệm của cán bộ. Điều này trực tiếp bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động, từ đó củng cố sự ổn định xã hội, tạo niềm tin cho nhà đầu tư về môi trường lao động an toàn, bền vững tại Bắc Ninh.

Bốn là, Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo các cấp ủy Đảng, nhất là cấp ủy Đảng ở xã, phường có khu công nghiệp tổ chức các phiên đối thoại định kỳ giữa cấp ủy Đảng, chính quyền với công nhân và người lao động. Mục tiêu là trực tiếp lắng nghe, giải quyết các kiến nghị cụ thể về điều kiện sống, làm việc và các vấn đề xã hội. Đồng thời, Tỉnh ủy cần đầu tư nguồn lực để đào tạo chuyên sâu về kinh tế, pháp luật, và kỹ năng phản biện chính sách cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc nâng cao năng lực này giúp các tổ chức không chỉ đơn thuần là giám sát mà còn có khả năng phản biện mang tính xây dựng và đóng góp ý kiến chất lượng vào quá trình hoạch định và điều chỉnh các nghị quyết về CNH, HĐH.

4.2.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh là giải pháp không mới nhưng có ý nghĩa quan trọng đối với Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát Tỉnh ủy đảm bảo các nghị quyết và chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH được thực thi đúng đắn ở mọi cấp độ; khắc phục tình trạng né tránh, sợ trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đảm bảo các nguồn lực được phân bổ chính xác cho các dự án CNH, HĐH trọng điểm, mang tính đột phá của tỉnh.

Trong khi đó, hoạt động sơ kết, tổng kết là khâu then chốt để kết thúc chu trình lãnh đạo, quản lý. Thông qua hoạt động sơ kết, tổng kết, giúp Tỉnh ủy đánh giá đúng mức độ hoàn thành mục tiêu, nhận diện những nội dung còn bất cập, từ đó kịp thời điều chỉnh phương hướng, mục tiêu, giải pháp cho phù hợp với tình hình mới. Đồng thời, thông qua hoạt động sơ kết, tổng kết, Tỉnh ủy có điều kiện tổng hợp, khái quát những mô hình phát triển hiệu quả, cách làm sáng tạo trong thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực, quản lý đô thị và bảo vệ môi trường.

Việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh, giúp Tỉnh ủy có cơ sở đánh giá khách quan, công khai mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng Tỉnh ủy viên,

Bí thư cấp ủy và người đứng đầu cơ quan. Việc này tạo động lực cho cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, đồng thời là căn cứ để khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có sáng kiến đột phá, cũng như xử lý nghiêm các trường hợp chậm trễ, cản trở.

Để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh có hiệu quả, Tỉnh ủy Bắc Ninh cần thực hiện một số biện pháp sau:

Một là, Tỉnh ủy cần lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, nhất là các Đảng ủy xã, phường tiến hành công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng trực thuộc, đảng viên về thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH. Việc kiểm tra, giám sát cần được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt, coi trọng kiểm tra, giám sát theo chuyên đề về từng nội dung của đẩy mạnh CNH, HĐH.

Hai là, Tỉnh ủy tăng cường kiểm tra, giám sát các Đảng ủy xã, phường có khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cấp ủy ở các cơ quan, tổ chức hoạt động liên quan đến giải phóng mặt bằng, cấp phép đầu tư, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý khu công nghiệp, tài chính, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Các Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, coi trọng kiểm tra dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng trực thuộc và đảng viên, nhất là đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ quản lý trong thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH.

Ba là, Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo các cơ quan chức năng của chính quyền tiến hành thanh tra, kiểm soát, kiểm toán nhà nước đối với chính quyền cấp xã về thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH và phối hợp UBKT cấp ủy các cấp trong thực hiện nhiệm vụ.

Các cấp ủy quan tâm chỉ đạo phối hợp, kết hợp giữa UBKT cấp ủy với các sở, ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, phối hợp giữa kiểm tra Đảng với hoạt động thanh tra, kiểm toán Nhà nước; giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, kéo dài.

Bốn là, Tỉnh ủy lãnh đạo hiện đại hóa công tác kiểm tra của tỉnh ủy. Lãnh đạo việc đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, ứng dụng công nghệ thông tin, hướng tới “giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu” trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu, liên thông thông tin phục vụ công tác

kiểm tra, giám sát. Quan tâm kiện toàn Ủy ban kiểm tra các cấp, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, sử dụng hiệu quả công nghệ số.

Năm là, Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo sơ kết, tổng kết thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn.

Trong sơ kết, tổng kết thực tiễn về lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH cần coi trọng chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân của khuyết điểm, hạn chế, đồng thời phải rút ra được kinh nghiệm, kể cả kinh nghiệm chưa thành công. Từ đó, Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo quán triệt và áp dụng kinh nghiệm trong toàn đảng bộ tỉnh. Việc sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH cần được tiến hành từ cơ sở, nhất là từ các đảng ủy xã, phường.

Để khắc phục hạn chế sơ kết, tổng kết còn mang nặng hình thức, thiếu tính thực chất, chưa kịp thời rút ra bài học kinh nghiệm cụ thể. Tỉnh ủy cần tiếp tục rà soát và ban hành hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, bảo đảm rõ mục tiêu, rõ nhiệm vụ, giải pháp, rõ nguồn lực, rõ trách nhiệm để triển khai thực hiện. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nghị quyết về CNH, HĐH. Chủ động phát hiện, có giải pháp tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt để khơi thông, huy động mạnh mẽ các nguồn lực phát triển, dựa trên kết quả sơ kết, tổng kết. Công tác tổng kết cần đi sâu vào việc rút ra bài học kinh nghiệm cụ thể, tránh hình thức.

Tỉnh ủy Bắc Ninh sớm ban hành văn bản cụ thể hóa Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; cần tăng cường thanh tra công vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ. Kiên quyết xử lý tình trạng những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm của cán bộ. Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 của luận án dự báo các thuận lợi và khó khăn từ bối cảnh quốc tế, trong nước và tỉnh Bắc Ninh sau sáp nhập ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển của tỉnh, bao gồm các xu hướng toàn cầu hóa, đột phá công nghệ, và thách thức về biến đổi khí hậu cũng như quản lý đất đai. Từ đó đề xuất các phương hướng Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh đó là: (1) tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đẩy mạnh CNH, HĐH thực hiện cho được mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn 2025-2030. (2) tăng cường lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh nhằm hoàn thiện thể chế và tạo động lực đẩy mạnh CNH, HĐH, thúc đẩy tăng trưởng đột phá giai đoạn 2025 - 2030. (3) tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với quản trị tài nguyên và thúc đẩy chiến lược chuyển đổi xanh, phát triển bền vững. (4) tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với sự nghiệp phát triển văn hóa, con người và bảo đảm an sinh xã hội bền vững trong tình hình mới. (5) tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy trong công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ. Đồng thời, luận án cũng xác định để hiện thực hóa mục tiêu chiến lược đưa Bắc Ninh sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030, cần thực hiện đồng bộ bảy nhóm giải pháp chủ yếu, trong đó có 2 giải pháp đột phá để Tỉnh ủy lãnh đạo quá trình này, là giải pháp *“Xây dựng quy chế lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, phong cách lãnh đạo tập trung, quyết liệt giải quyết các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”* và giải pháp *“Tập trung lãnh đạo đẩy mạnh thực hiện các dự án kinh tế - xã hội lớn, trọng điểm của tỉnh, xử lý các điểm nghẽn trong quá trình thực hiện CNH, HĐH”*. Các giải pháp đề xuất không chỉ dừng lại ở việc giải quyết những tồn tại cũ mà còn hướng tới việc xây dựng một hệ sinh thái quản trị hiện đại. Trong đó, việc gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo tồn giá trị văn hóa Kinh Bắc và bảo vệ môi trường được xem là chìa khóa để Bắc Ninh phát triển bao trùm và bền vững.

Như vậy, những giải pháp được đề xuất trong Chương 4 vừa có tính cấp bách nhằm giải quyết các hạn chế hiện tại, vừa có tính chiến lược lâu dài, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, văn minh, giàu bản sắc trong những thập kỷ tới.

KẾT LUẬN

1. Công nghiệp hóa, hiện đại hoá là vấn đề có tính quy luật của quá trình chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn. Công nghiệp hóa, hiện đại hoá sẽ từng bước phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống cho nhân dân và góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đó từng bước nâng dần trình độ văn minh của xã hội. Chính vì vậy, đẩy mạnh CNH, HĐH là chủ trương lớn của Đảng ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Toàn Đảng, từ Trung ương đến cấp ủy các địa phương phải quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH là toàn bộ các hoạt động của Tỉnh ủy Bắc Ninh, từ đề ra các quyết định về nhiệm vụ, chủ trương đến tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện các quyết định đó nhằm thực hiện thắng lợi việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh. Luận án xác định 6 nội dung lãnh đạo và 5 phương thức Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Trong thời gian qua, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã có nhiều đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, so với mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH, yêu cầu của tình hình nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước, Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH vẫn còn có hạn chế, bất cập cả về nội dung và phương thức lãnh đạo. Qua lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã rút ra 06 bài học kinh nghiệm: *Một là*, trong lãnh đạo, Tỉnh ủy cần luôn nghiêm túc quán triệt đầy đủ, sâu sắc, nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đẩy mạnh CNH, HĐH. *Hai là*, trong quá trình lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH, Tỉnh ủy bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, đồng bộ nhưng có trọng tâm, trọng điểm; có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt. *Ba là*, cần luôn chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân về đẩy mạnh CNH, HĐH là nội dung ưu tiên trong lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH của Tỉnh ủy Bắc Ninh. *Bốn là*, tập trung trí tuệ lãnh đạo thu hút, lựa chọn các nhà đầu tư phát triển ngành công nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, năng suất lao động cao, tiết kiệm năng lượng, ít tác hại môi

trường. *Năm là*, trong lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH, Tỉnh ủy phải đặc biệt coi trọng công tác cán bộ, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực và trách nhiệm cao, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị. *Sáu là*, sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy đi đôi với nâng cao hiệu quả điều hành của chính quyền là cơ sở bảo đảm thắng lợi cho quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

4. Tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh cần thực hiện đồng bộ 07 giải pháp chủ yếu: Nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho các Tỉnh ủy viên, các cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh đối với đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; Xây dựng quy chế lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, phong cách lãnh đạo tập trung, quyết liệt giải quyết các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; Tập trung lãnh đạo đẩy mạnh thực hiện các dự án kinh tế - xã hội lớn, trọng điểm của tỉnh và xử lý kịp thời các điểm nghẽn trong quá trình thực hiện CNH, HĐH; Tăng cường lãnh đạo xây dựng nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản trị phát triển CNH, HĐH dựa trên khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và kinh tế tri thức, kinh tế xanh cho đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nhân; Lãnh đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền kiến tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; thu hút mạnh hơn nữa đầu tư phát triển; phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh; Tăng cường lãnh đạo sự phối hợp của các ban, ngành; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội và mọi nguồn lực, động lực để thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN
ĐỀ TÀI LUẬN ÁN CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Hồ Thị Hồng Nhung (2024), Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lãnh đạo phát triển các khu công nghiệp hiện nay, Tạp chí *Lý luận chính trị và Truyền thông* (Số 1/2024).
2. Hồ Thị Hồng Nhung (2024), *Thu hút dự án đầu tư nước ngoài - động lực quan trọng để phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bắc Ninh*, Tạp chí *Lý luận chính trị* (Số đặc biệt quý IV), tr.273.
3. Hồ Thị Hồng Nhung (2026), *Tăng cường vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy Bắc Ninh trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Tạp chí *Quản lý nhà nước* điện tử, đăng ngày 06/01/2026.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Akira Hayami (2015), *Cuộc Cách mạng công nghiệp của Nhật Bản: Những chuyển đổi kinh tế và xã hội trong thời kỳ đầu hiện đại*, Sách tham khảo.
2. Arkebe Oqubay (2015), *Sản xuất tại Phi châu: Chính sách công nghiệp ở Ethiopia*, Sách chuyên khảo, Nxb Đại học Oxford.
3. Atsushi Watabe, Kenji Kushida, Shujiro Urata (2021), *Quản trị số và Xã hội 5.0 của Nhật Bản: Kinh tế chính trị của đổi mới công nghệ*, Sách chuyên khảo, Nxb Springer.
4. Nguyễn Thị Vân Anh (2019), *Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo phát triển kinh tế công nghiệp từ năm 1997 đến năm 2015*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.
5. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Bắc Ninh (2022), *Báo cáo Chuyên đề số 17-BC/BCS, ngày 25/4/2022 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Bắc Ninh phục vụ nghiên cứu Đề án “Chủ trương, chính sách công nghiệp hoá, hiện đại hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*, Bắc Ninh.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2025), *Quy chế làm việc số 01-QC/TU, ngày 01/7/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh, nhiệm kỳ 2020-2025*, Bắc Ninh.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2025), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926 - 2025)*.
9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1994), *Nghị quyết số 07-NQ/HNTW Hội nghị lần thứ 7 BCHTW Đảng (khoá VII) về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới*, ngày 30/7/1994, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.

11. Nguyễn Thanh Bình (2019), *Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Bắc Ninh*, Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị số 8 (57 - 2019)
12. Bộ Chính trị (2025), *Quyết định số 310-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị về việc thành lập Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất 2 đảng bộ tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025*, Hà Nội.
13. Bộ Chính trị (2025), *Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
14. Bộ Khoa học và Công nghệ (2012), *Khoa học và công nghệ phục vụ CNH, HĐH và phát triển bền vững*, Sách tham khảo.
15. Bùi Minh Châu (2021), *Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng then chốt, tạo động lực đưa tỉnh Phú Thọ tăng trưởng nhanh và bền vững*, Tạp chí Cộng sản số 966 (tháng 5 năm 2021).
16. Chính phủ (2022), *Nghị quyết số 111/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
17. Trần Kim Chung (2022), *Phát triển công nghiệp quốc gia của Việt Nam hiện nay*, Bài viết in trong Bộ sách Niên giám khoa học của Hội đồng Lý luận Trung ương năm 2022
18. Chitsavanh Thepyothin (2023), *Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.
19. Chu Shenhong (2020), *Logic của tư nhân hóa dài hạn: Các doanh nghiệp Nhà nước Trung Quốc*, Sách chuyên khảo, Nxb Routledge.
20. Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh, cơ sở hạ tầng.
21. Daron Acemoglu & Simon Johnson (2023), *Quyền lực và Tiến bộ: Cuộc đấu tranh nghìn năm giữa Công nghệ và Thịnh vượng*, Sách chuyên khảo, Nxb PublicAffairs (Hoa Kỳ).

22. David S. Landes (1969), *Prometheus được giải phóng: Thay đổi công nghệ và phát triển công nghiệp tại Tây Âu từ năm 1750 đến nay*.
23. Trần Tiến Dũng (2023), *Tỉnh Lai Châu nâng cao hiệu quả cải cách hành chính gắn với mức độ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp*, Tạp chí Cộng sản số 1.017 (tháng 7 năm 2023).
24. Đại hội Đại biểu lần thứ XIV của Đảng, Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII tại Đại hội
25. Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020*, Bắc Ninh.
26. Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, tr.110.
27. Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2020), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh khóa XIX trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 – 2025*, Bắc Ninh.
28. Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030*, Bắc Ninh.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam*, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2021-2025*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
33. Phạm Đi (2021), *Quá trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Trung Quốc một số kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Tạp Chí Sinh hoạt lý luận số 174.
34. Đỗ Thị Đông (2023), *Kinh nghiệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng đổi mới sáng tạo của Nhật Bản và một số gợi ý đối với Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và quản lý số 53 (01-2023).

35. Nguyễn Xuân Dương (2015), *Thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh*, Luận án Tiến sĩ kinh tế.
36. Trần Thanh Giang (2013), *Vấn đề lợi ích kinh tế của nông dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học.
37. Ha-Joon Chang và Antonio Andreoni (2022), *Nhà nước phát triển trong kỷ nguyên tư bản kỹ thuật số*, Sách chuyên khảo, Nxb Đại học Cambridge.
38. Hashiguchi Katsutoshi (2022), *Công nghiệp hoá và sáp nhập doanh nghiệp ở Nhật Bản hiện đại*, Sách tham khảo, Nxb Đại học Hosei.
39. Moon Hyung-pyo (2023), *Hiện đại hóa kinh tế Hàn Quốc: Vai trò của Nhà nước và Thị trường*, Sách chuyên khảo, Nxb Palgrave Macmillan.
40. Nguyễn Tiến Hải (2023), *Tỉnh Cà Mau huy động, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển nhanh và bền vững*, Tạp chí Cộng sản số 1.010 (tháng 3 năm 2023).
41. Henry Yeung (2022), *Chủ nghĩa tư bản nhà nước, sự thích ứng thể chế và quan hệ chính phủ - doanh nghiệp tại Singapore*, Sách chuyên khảo, Nxb Đại học Oxford
42. Hà Minh Hiệp, Trịnh Lan Hương (2021), *50 năm thúc đẩy năng suất của Singapore*, Sách tham khảo, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
43. Trần Xuân Hiệp, Nguyễn Tuấn Bình (2020), *Quá trình công nghiệp hóa ở Nhật Bản dưới thời Minh Trị (1868 - 1912) và một số gợi mở cho công cuộc đổi mới của Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân ngày 06/01/2020.
44. Trần Thị Vân Hoa (2023), *Một số vấn đề về xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ CNH, HĐH đất nước trong thời gian tới*, Tạp chí Cộng sản số 1.008 (tháng 2 năm 2023)
45. Trần Thị Vân Hoa, Đỗ Thị Đông (Đồng chủ biên) (2025), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
46. Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2025), *Nghị quyết số 78/NQ-HĐND, ngày 10/12/2025 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2026-2030*, Bắc Ninh.

47. Nguyễn Mạnh Hùng (2021), *Kinh nghiệm phát triển kinh tế số ở một số quốc gia và giá trị tham khảo đối với Việt Nam*, Bài viết in trong tập II - Những vấn đề về kinh tế, Bộ sách Niên giám khoa học của Hội đồng Lý luận Trung ương năm 2020.
48. Đinh Thế Huynh, Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viết Thông (2015), *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Sách tham khảo, Nxb Chính trị quốc gia.
49. Đỗ Trọng Hưng (2021), *Tỉnh Thanh Hoá phát huy những tiềm năng, giá trị khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh để sớm trở thành một cực tăng trưởng mới ở phía Bắc Tổ quốc*, Tạp chí Cộng sản số 966 (tháng 5 năm 2021).
50. Lưu Thị Hương (2018), *Một số giải pháp xây dựng nông thôn mới ở Bắc Ninh hiện nay*, Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị số 12 (49 - 2018).
51. Mariana Mazzucato (2021), *Kinh tế Sứ mệnh: Bản hướng dẫn thay đổi Chủ nghĩa Tư bản*, Sách chuyên khảo, Nxb Allen Lane (Anh).
52. Nguyễn Văn Huyền (2011), *Đảng cộng sản Việt Nam - nội dung và phương thức cầm quyền*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Jeremy Green và Jesse Salah Ovadia (2020), *Phát triển do Nhà nước lãnh đạo và chuyển đổi xanh*, Sách chuyên khảo
54. Phạm Thị Kiên (2022), *Một số thành tựu, hạn chế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, Chuyên đề số 1 (4/2022)
55. Nguyễn Tùng Lâm (2016), *Quá trình nhận thức của đảng cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn*, Tạp chí Khoa học Xã hội nhân văn Tập 122 số 08/2016.
56. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
57. Nguyễn Văn Linh (2018), *Đảng bộ tỉnh Bình Dương lãnh đạo phát triển công nghiệp từ năm 1997 đến năm 2015*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.
58. Nguyễn Hồng Lĩnh (2023), *Tỉnh Đồng Nai tiếp tục chuyển đổi mô hình tăng trưởng để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững*, Tạp chí Cộng sản số 1.017 (tháng 7 năm 2023).
59. Vũ Thị Phương Mai (2013), *Nguồn nhân lực chất lượng cao trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học.

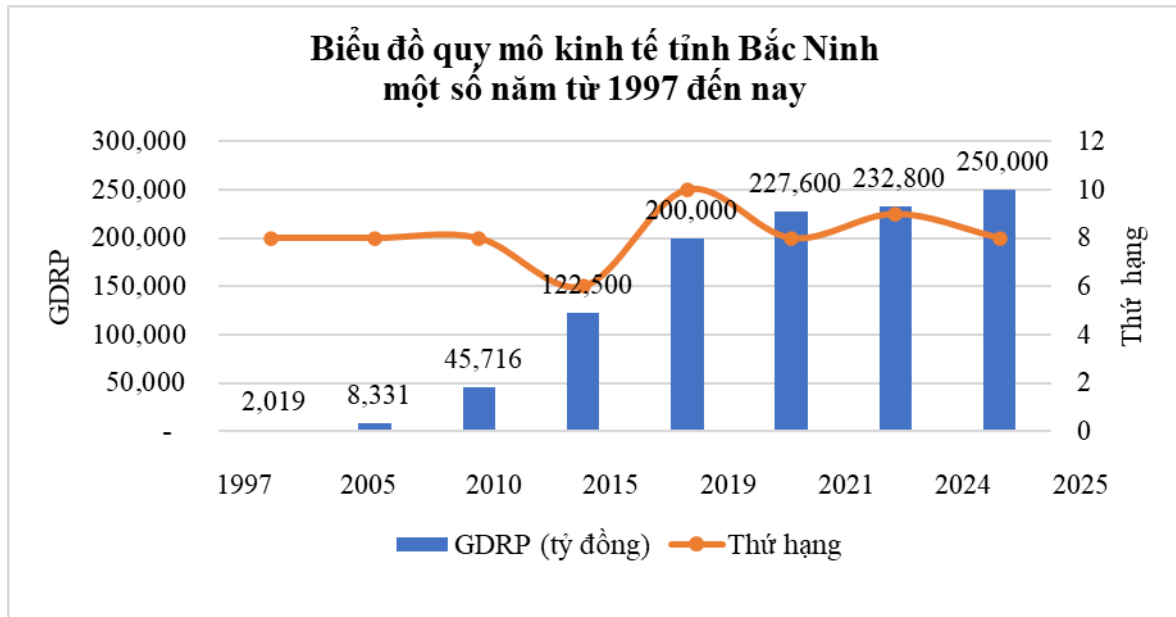
60. Nguyễn Thị Miên, Đới Gia Thiên Linh (2023), *Nâng cao năng lực nội sinh về khoa học, công nghệ nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH*, Tạp chí Lý luận chính trị số 541 (3/2023)
61. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Bùi Văn Nghiêm (2018), *Các tỉnh uỷ đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước.
63. Ngô Tuấn Nghĩa (2022), *Thế chế phát triển công nghiệp quốc gia độc lập, tự chủ theo hướng rút ngắn - Kinh nghiệm của Nhật Bản, Hàn Quốc và gợi ý cho Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và quản lý số 49 (9/2022).
64. Patit Larousse Illustre, 1992, tr.520
65. Patit Larousse Illustre, 1992, tr.3
66. Hoàng Phê (Chủ biên) (1996), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
67. Quốc hội (2025), *Nghị quyết 202/2025/QH15, ngày 12/6/2025 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*, Hà Nội.
68. Bùi Ngọc Quỳnh, Phạm Quốc Quân (2023), *Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Tạp chí Cộng sản số 1.006 (tháng 1 năm 2023).
69. Phạm Văn Rạnh (2019), *Tỉnh Long An quyết tâm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị để phát triển bền vững*, Tạp chí Cộng sản số 919 (tháng 5 năm 2019).
70. Đinh Trung Sơn (2022), *Chiến lược công nghiệp quốc gia 2030 của Đức và những gợi ý cho phát triển công nghiệp ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Quản lý số 47 (7/2022).
71. Hà Thái Sơn (2022), *Tư tưởng của V.I.Lênin về công nghiệp hóa trong Chính sách kinh tế mới*
72. Nguyễn Hồng Sơn, Trần Quang Tuyền (2014), *Nâng cao mức sống dân cư trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam: Thành tựu và những thách thức đặt ra*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế và Kinh doanh, Tập 30, Số 1 (2014).
73. Saim Karabulut (2024), *Chính sách công nghiệp và tăng trưởng xanh trong một nền kinh tế đảo nhỏ: Trường hợp của Singapore*, Bài viết đăng trên Tạp chí Chính sách công nghiệp, tập 4, số 2, tr. 75-89.

74. Sajad Bahrami Moghadam (2020), *Quá trình công nghiệp hóa của Singapore: Thích ứng từ Trung tâm, Vươn lên từ Vùng ngoại vi*, Bài viết được đăng trong Tạp chí Chính trị thế giới, tập 9, số 1, năm 2020, tr. 23–50
75. Nguyễn Xuân Thanh, Đỗ Nguyên Hải (2018), *Đánh giá thực trạng và định hướng sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện phát triển công nghiệp hoá và đô thị hoá ở tỉnh Bắc Ninh*, Bài viết đăng trên Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2018.
76. Khổng Văn Thắng (2020), *Quá trình đô thị hóa và xu hướng chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997 - 2019*, Bài viết đăng trên Thông tin khoa học Thống kê, Số 1/2020.
77. Nguyễn Thắng (2025), *Sau hợp nhất, tỉnh Bắc Ninh giảm 355 đầu mối* -Báo Tiền Phong điện tử đăng ngày 10/7/2025.
78. Nguyễn Thắng (2025), *Bí thư Tỉnh ủy Bắc Ninh: Tập trung thanh tra lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng*, Báo Tiền Phong điện tử ngày 30/10/2025.
79. Hoàng Thị Thuý, Nguyễn Thị Thu Hằng (2021), *Phát triển công nghiệp trong tiến trình đổi mới và hội nhập của đất nước*, Tạp chí Tài chính số 749, Kỳ 2 tháng 3.
80. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2005), *Các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh (2001-2005)*, Bắc Ninh.
81. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2006), *Các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh (2006-2010)*, Bắc Ninh.
82. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2010), *Các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh (2010-2015)*, Bắc Ninh.
83. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2015), *Các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh (2015-2020)*, Bắc Ninh.
84. Tỉnh ủy Bắc Ninh, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020*, tr.18
85. Tỉnh ủy Bắc Ninh và Hội đồng lý luận Trung ương (2017), *Bắc Ninh đẩy mạnh phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng công nghiệp công nghệ cao, hiệu quả, thân thiện*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học - thực tiễn năm 2017, Hà Nội.

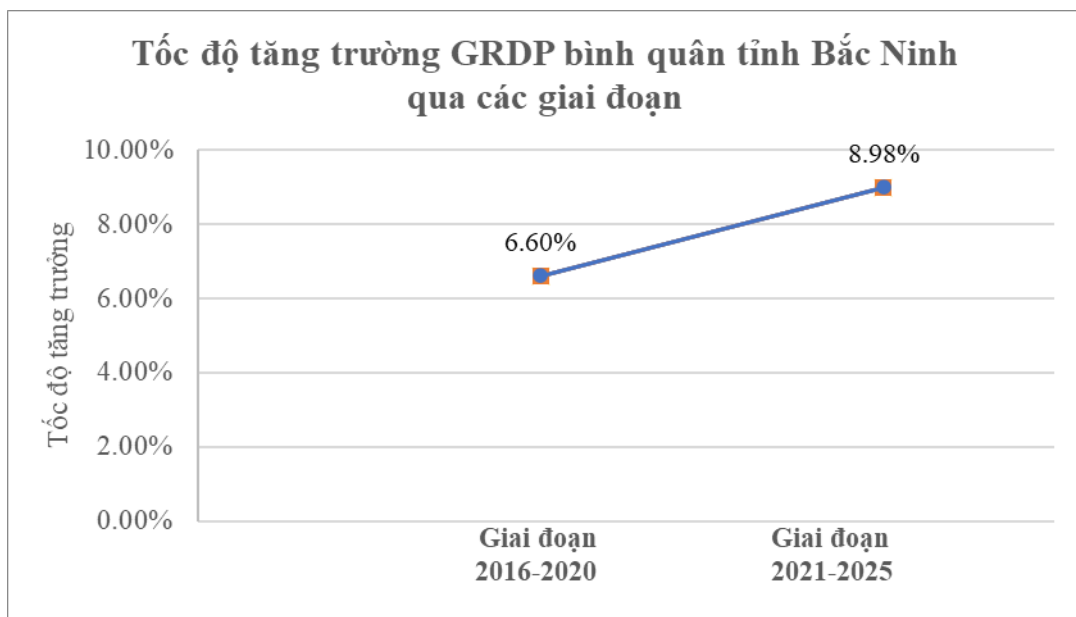
86. Trường đại học Kinh tế hoạch (1973) (Dịch), *Những vấn đề cơ bản về công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển*, Nxb Tư tưởng, Mátxcova.
87. Nguyễn Anh Tuấn (2025), *Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lãnh đạo thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: thành tựu và kinh nghiệm*, Bài viết đăng Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử đăng ngày 27/5/2025.
88. Nguyễn Minh Tuấn (2012), *Tiếp tục đổi mới đồng bộ công tác cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Sách tham khảo.
89. Vương Quốc Tuấn (2025), *Hành trình kiến tạo, định vị “Thương hiệu Bắc Ninh”*, Báo Bắc Ninh đăng ngày 28/9/2025
90. Phạm Thuyên (2019), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Sách tham khảo
91. Trần Thị Minh Tuyết (2018), *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công nghiệp hóa và vận dụng ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam.
92. Nguyễn Thị Tố Uyên (2012), *Các tỉnh uỷ vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ khoa học chính trị.
93. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (2025), *Đề án số: 152 /ĐA-UBND*, ngày 26/4/2025, sắp xếp, hợp nhất tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang.
94. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2022), *Báo cáo Chuyên đề Số: 17-BC/BCS*, ngày 25/4/2022 phục vụ nghiên cứu Đề án “*Chủ trương, chính sách công nghiệp hoá, hiện đại hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”, Bắc Ninh.
95. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2025), *Dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2026-2030*, Bắc Ninh.
96. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2025), *Báo cáo số 50/BC-UBND*, ngày 08/12/2025 về tình hình kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Bắc Ninh.
97. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, tr 94.
98. Viện Ngôn ngữ (1995), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
99. Wu Chao (2022), *Đường lối hiện đại hóa theo kiểu Trung Quốc: Cuộc khám phá trăm năm*, Bài viết đăng Tạp chí Học viện Cán bộ Cách mạng Trung Quốc tại Jinggangshan, số 15(3).

100. World Bank (1993), *Phép màu Đông Á: Tăng trưởng kinh tế và chính sách công*, Báo cáo chính thức.
101. Website: <https://baobacgiang.vn>.
102. Trần Thị Thanh Xuân (2020), *Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp xanh ở tỉnh Bắc Ninh*, Luận án Tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị
103. Vũ Thị Yến (2019), *Phát triển kinh tế tư nhân ở tỉnh Bắc Ninh (2006-2017)- Chủ trương và một số kết quả*, Tạp chí Lịch sử Đảng số 11-2019.
104. Zāng Fēngyǔ (2023), *Nền tảng văn minh của hiện đại hóa theo kiểu Trung Quốc và ý nghĩa lịch sử thế giới của nó*, Bài viết đăng ngày 04/3 trên Tạp chí Nghiên cứu Triết học số 1, Đại học Nhân dân Trung Quốc.

Phụ lục 1



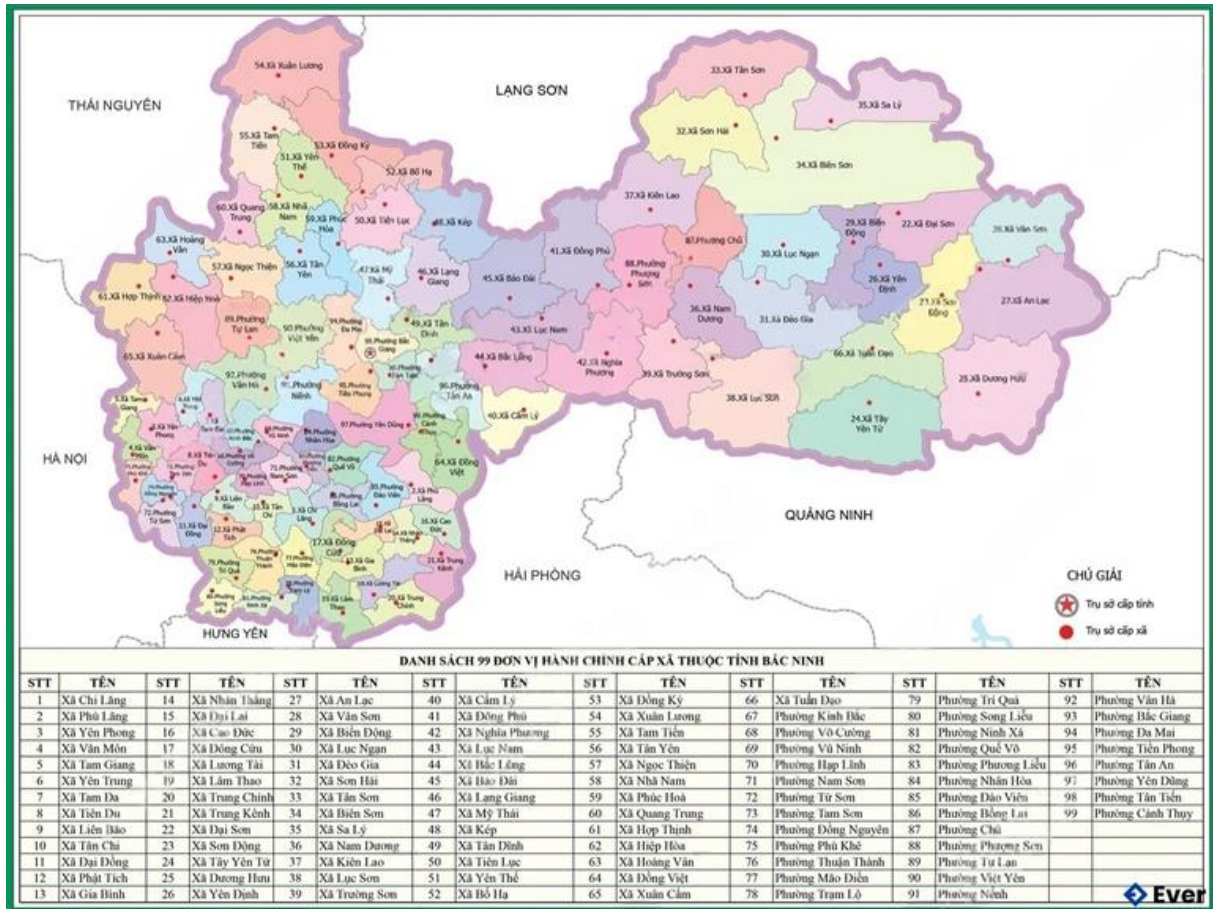
Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp



Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp

Phụ lục 2

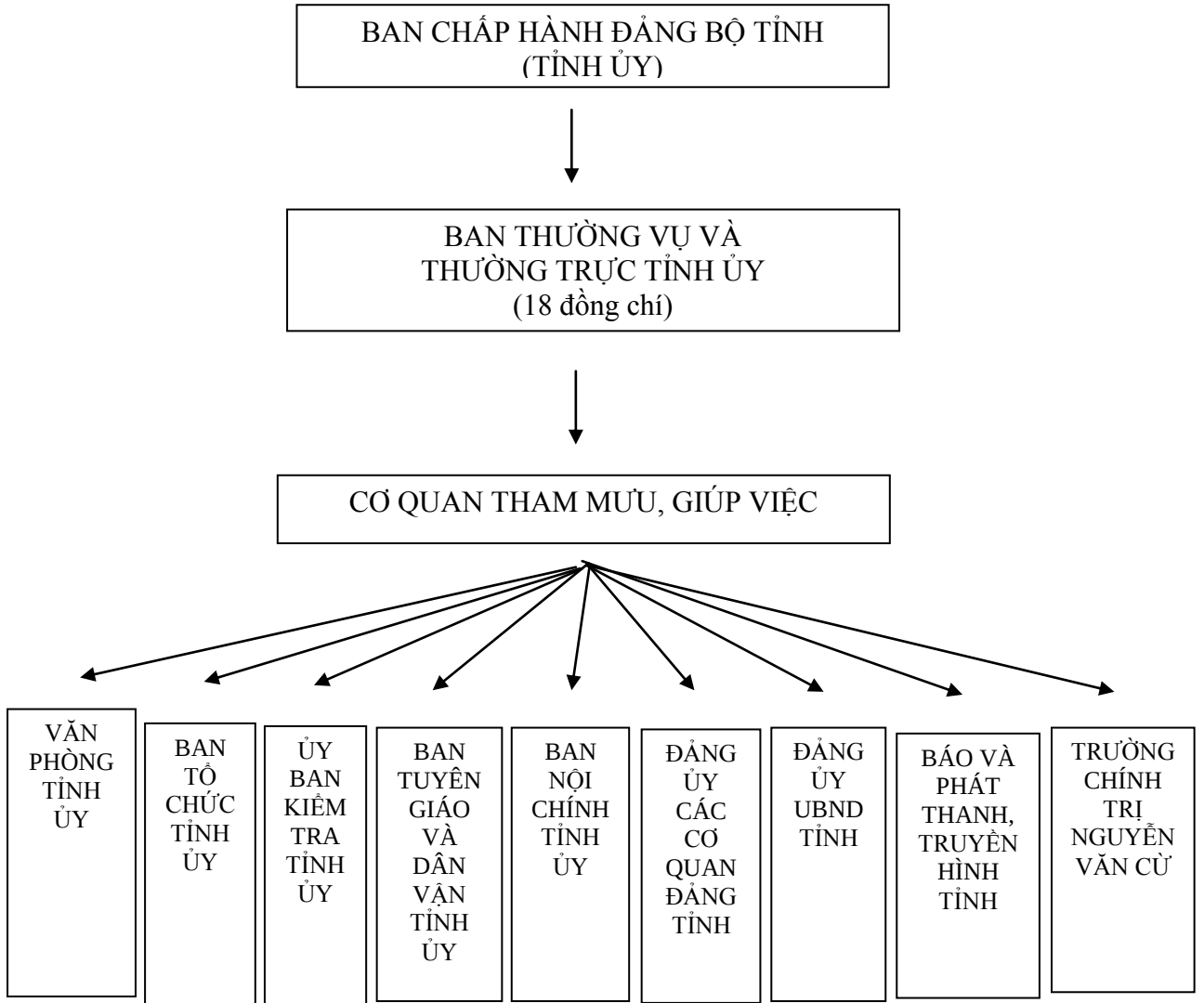
BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC NINH



Nguồn: <https://bacninh.gov.vn>

Phụ lục 3

CƠ CẤU TỔ CHỨC TỈNH ỦY BẮC NINH NHIỆM KỲ 2025-2030
(Theo Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị)



Phụ lục 4
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU NGHỊ QUYẾT ĐẠI
HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC NINH LẦN THỨ XX,
NHIỆM KỲ 2020-2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu Đại hội	Kết quả đạt được	Ghi chú
1	Tỉ lệ Tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm	%	80,0	90,18	Vượt
2	Tỉ lệ Tổ chức cơ sở Đảng không hoàn thành nhiệm vụ	%	0	0	Đạt
3	Tỉ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm	%	80,0	90,61	Vượt
4	Kết nạp đảng viên mới hàng năm	Người	1.500	7.531	Vượt
5	Tỉ lệ cơ quan, chính quyền cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh hàng năm	%	85,0	-	Đạt
6	Tỉ lệ tổ chức cơ sở của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm	%	85,0	-	Đạt
7	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%	7,0-8,0	4,8	Không đạt
	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	1,0-1,2	1,6	
	<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	%	7,0-8,0	4,3	
	<i>Dịch vụ</i>	%	8,3-9,1	7,4	
	<i>Thuế sản phẩm</i>	%	7,0-7,5	5,3	
8	Cơ cấu kinh tế năm 2025	%	100,0	100	
	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	2,3	2,7	
	<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	%	74,0	72,3	
	<i>Dịch vụ</i>	%	19,5	20,9	Đạt

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu Đại hội	Kết quả đạt được	Ghi chú
	<i>Thuế sản phẩm</i>	%	4,2	4,1	
9	GRDP bình quân đầu người năm 2025 (Giá HH)	USD	7.800-8.200	7.196	Không đạt
10	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đến năm 2025	%	45-47	x	Đạt
11	Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 (Giá HH)	Tr.đồng	130-136	76,7	Không đạt
12	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội/năm	%	8,5-9,0	3,31	Không đạt
13	Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025				Vượt
	<i>Xuất khẩu</i>	<i>Tỷ USD</i>	37,7	41,7	
	<i>Nhập khẩu</i>	<i>Tỷ USD</i>	33,2	35,6	
14	Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025	Tỷ đồng	38.000	38.691	Vượt
15	Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025	Tỷ đồng	26.915	24.251	Không đạt
16	Vốn đầu tư phát triển				Không đạt
	<i>Tỉ lệ vốn đầu tư so với GRDP giai đoạn 2021-2025</i>	%	36-38	28,3	
	<i>Hệ số sử dụng vốn (ICOR)</i>		5,8-6,0	5,89	
17	Tỉ lệ đô thị hóa	%	55	60,3	Vượt
18	Xây dựng nông thôn mới				

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu Đại hội	Kết quả đạt được	Ghi chú
	<i>Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	<i>Huyện</i>	2	-	<i>Không đánh giá do không còn cấp huyện</i>
	<i>Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu</i>	%	30,0	3	
	<i>Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	%	50,0	36,4	
19	Tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2025	%	1,3	2	Không đạt
20	Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%	80,0	80	Đạt
	<i>Trong đó: Tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề</i>	%	68,0	37	
21	Tỉ trọng lao động nông nghiệp	%	<10	3,5	Đạt
22	Giáo dục				Đạt
	<i>Tỉ lệ trường mầm non và phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 2</i>	%	85,0	86,8	
	<i>Tỉ lệ học sinh mầm non được học bán trú</i>	%	99,0	100	
	<i>Tỉ lệ học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày</i>	%	100,0	100	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu Đại hội	Kết quả đạt được	Ghi chú
	<i>Tỉ lệ học sinh phổ thông được học ngoại ngữ</i>	%	100,0	Lớp 1,2: >95; Từ lớp 3: 100	
	<i>Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT hằng năm</i>	%	98,0	>99	
23	Y tế				Đạt
	<i>Tỉ lệ dân số tham gia BHYT</i>	%	96,0	96	
	<i>Tỉ lệ người dân được lập hồ sơ quản lý sức khỏe</i>	%	95,0	95	
	<i>Tỉ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã</i>	%	100,0	100	
	<i>Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>	%	13,6	10,82	
24	Tỉ lệ hộ nghèo đến năm 2025	%	<1	0	Vượt
25	Xử lý nước thải				Không đạt
	<i>Tỉ lệ các cụm công nghiệp và các làng nghề truyền thống có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn</i>	%	40-50	19,11	
	<i>Tỉ lệ hệ thống xử lý nước thải tập trung ở đô thị loại IV trở lên</i>	%	80	40	
	<i>Tỉ lệ hệ thống xử lý nước thải tập trung ở các chung cư, tòa nhà cao tầng</i>	%	100,0	100	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu Đại hội	Kết quả đạt được	Ghi chú
26	Tỉ lệ người dân có nước sạch sử dụng	%	100,0	98,5	Không đạt
27	Thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt				Đạt
	<i>Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị được thu gom và xử lý</i>	%	100,0	100	
	<i>Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu dân cư nông thôn được thu gom, tự xử lý, vận chuyển, xử lý tập trung</i>	%	90,0	100	
28	Tỉ lệ chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý tại khu công nghiệp đã đi vào hoạt động	%	100,0	100	Đạt

Nguồn: Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030

Phụ lục 5

MỘT SỐ KẾT QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH (TRƯỚC VÀ SAU HỢP NHẤT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đánh giá thực trạng					
			Bắc Ninh		Bắc Giang		Tỉnh Bắc Ninh (sau hợp nhất)	
			ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)	ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)	ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)
I	Chỉ tiêu về kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng							
1	Tốc độ Tăng trưởng GRDP	%	9,11	4,8	14,01	14,4	11,5	8,98
	Cơ cấu kinh tế							
	+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,7	2,7	10,6	10,6	6,3	6,3
	+ Công nghiệp-xây dựng	%	72,3	72,3	70,3	70,3	71,3	71,3
	+ Dịch vụ	%	20,9	20,9	17,3	17,3	19,5	19,5
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	4,1	4,1	1,8	1,8	2,9	2,9
2	GRDP bình quân đầu người	USD	7.196	7.196	4.724	4.724	5.810	5.810
3	Tốc độ tăng năng suất lao động xã	%	7,5	6,8	10,95	12,96	9,08	9,15

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đánh giá thực trạng					
			Bắc Ninh		Bắc Giang		Tỉnh Bắc Ninh (sau hợp nhất)	
			ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)	ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)	ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)
	<i>hội</i>							
4	<i>Tỉ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP</i>	%	25	28,3	33,9	39,8	29,1	33,2
5	<i>Hệ số hiệu quả sử dụng vốn ICOR</i>		2,74	5,89	2,42	2,76	2,58	3,71
6	<i>Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP</i>	%	46,0	46,5	35,0	33,0	40,5	39
7	<i>Kim ngạch xuất nhập khẩu</i>							
-	Xuất khẩu	tỷ USD	41,7	218,5	39,8	131,4	81,5	349,9
-	Nhập khẩu	tỷ USD	35,6	188,2	37,1	120,7	72,7	308,9
8	<i>Thu, chi ngân sách</i>							
-	Thu ngân sách	tỷ đồng	38.691	165.229	20.393	98.958	59.084	264.187
-	Chi ngân sách	tỷ đồng	24.922	100.070	26.000	126.649	50.922	226.719
9	<i>Tỉ lệ đô thị hóa</i>	%	60,3	60,3	57,6	57,6	41,6	41,6

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đánh giá thực trạng					
			Bắc Ninh		Bắc Giang		Tỉnh Bắc Ninh (sau hợp nhất)	
			ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)	ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)	ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)
10	<i>Tỉ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị</i>	%	23,5	23,5	15,3	15,3	25	25
11	<i>Xây dựng nông thôn mới</i>							
-	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	100	83,2	83,2	77,3	77,3
-	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	36,4	36,4	44,5	44,5	0	0
II	Chỉ tiêu về xã hội							
12	<i>Chỉ số phát triển con người HDI</i>		0,78	0,778	0,746	0,729	0,763	0,752
13	<i>Tuổi thọ bình quân</i>	<i>số tuổi</i>	75,6	75,6	74,3	74,3		
14	<i>Tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025)</i>	%	0	0	0,99	1,07	0,56	0,73
15	<i>Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2</i>	%	80,4	80,4	30,2	30,2	50	50

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đánh giá thực trạng					
			Bắc Ninh		Bắc Giang		Tỉnh Bắc Ninh (sau hợp nhất)	
			ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)	ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)	ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)
16	<i>Số giường bệnh bình quân 10.000 dân</i>	<i>Giường</i>	36,03	36,03	35,79	35,79	35,89	35,89
	<i>Số bác sĩ bình quân 10.000 dân</i>	<i>Người</i>	14,15	14,15	13,36	13,36	13,7	13,7
17	<i>Chỉ tiêu về lao động</i>							
-	Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo	%	80	80	80	80	80	80
	Trong đó lao động qua đã đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	45	45	35-40	40.0	40	41
III	<i>Chỉ tiêu về môi trường</i>							
18	<i>Tỉ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn</i>		98,42	98,42	71,81	71,81	83,6	83,6
-	Đô thị	%	100	100	97	97	98.98	98.98
-	Nông thôn	%	98,5	98,5	58	58	73,28	73,28

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đánh giá thực trạng					
			Bắc Ninh		Bắc Giang		Tỉnh Bắc Ninh (sau hợp nhất)	
			ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)	ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)	ƯTH năm 2025	ƯTH 5 năm (2021- 2025)
19	<i>Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý</i>	%	100	94,4	96,5	96,5	98,2	95,4
20	<i>Tỷ lệ các khu, cụm công nghiệp trước khi đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung</i>	%	100	100	100	100	100	100
21	<i>Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường</i>	%	-	-	-	-	-	-
22	<i>Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả)</i>	%	0,68	0,68	37,5	37,6	31,1	31,1

Nguồn: Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030

Phụ lục 6

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, MTTQ VÀ
CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
I	Công tác chính trị, tư tưởng, dân vận						
1	Kết quả đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị						
-	Cao cấp (số học viên)	147	169	204	43	33	
-	Trung cấp (số học viên)	2.445	1.874	1.532	1.805	1.157	
-	Sơ cấp (số học viên)	705	1.173	781	1.494	530	
-	Các lớp đào tạo, bồi dưỡng khác (số học viên)	74.799	116.063	123.440	119.514	14.947	
2	Đội ngũ báo cáo viên						
-	Số báo cáo viên	1.208	1.142	1.396	1.438	1.390	
-	Tỉ lệ % BCV trực tiếp truyền đạt	92,3%	94,5%	97,9%	80,8%	89,9%	
3	Việc triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW						
-	Tỉ lệ cán bộ, đảng viên đăng ký làm theo	95,2%	98,25%	97,25%	97,4%	98%	
-	Số vấn đề bức xúc đã lựa chọn	2.232	2.071	1.604	1.631	3.645	
4	Số cuộc đối thoại với Nhân dân	1.040	1.183	1.390	1.233		
5	Số mô hình dân vận khéo	2.071	5.623	5.315	5.274	4.145	
6	Số tổ dân vận ở khu dân cư	2.858	2.858	2.858	2.858	2.858	
7	Số cuộc sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, văn bản của Trung ương	17	29	39	24	14	
II	Công tác xây dựng Đảng về tổ chức						
1	Số lượng tổ chức cơ sở đảng	1.203	1.191	1.135	1.147		

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
2	Đánh giá xếp loại chất lượng TCCS Đảng						
-	Số TCCS Đảng được đánh giá, phân loại chất lượng	973	1.176	1.109	1.133		
	HTXSNV	251	236	229	227		
	HTTNV	516	848	800	1.056		
	HTNV	205	90	80	76		
	Không hoàn thành	1	2		1		
3	Đánh giá xếp loại chất lượng đảng viên						
-	Số đảng viên có mặt đến thời điểm ĐG, XL	147.030	149.782	150.666	153.234		
-	Số được miễn KĐ, ĐG, XL	20.869	21.697	22.259	22.404		
-	Số đã KĐ, ĐG, XL	126.161	128.085	128.407	130.830		
	HTXSNV	17.254	17.885	17.289	18.750		
	HTTNV	96.650	98.821	100.174	120.996		
	HTNV	11.202	10.475	9.689	8.527		
	Không hoàn thành	1.055	904	1.255	1.307		
4	Kết nạp đảng viên mới hằng năm	3.817	3.397	4.047	4.997	2.972	
-	Số lượng học sinh được kết nạp	80	128	258	450		
-	Số lượng quân nhân nhập ngũ được kết nạp	1	0	73	167		
III	Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng của cấp ủy						
1	Kiểm tra theo Điều 30 ĐLĐ						
-	Đối với TCD	1.277	1.261	1.266	1.209	163	
-	Đối với đảng viên	11.609	12.005	12.517	12.444	1.634	
2	Công tác giám sát						

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
-	Đối với TCD	1.128	962	1.289	1.209	166	
-	Đối với đảng viên	6.632	5.657	6.145	5.479	693	
3	Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm						
-	Đối với TCD	0	0	16	12	1	
-	Đối với đảng viên	0	0	64	52	16	
4	Thi hành kỷ luật trong Đảng						
-	Đối với TCD	9	14	18	19	0	
-	Đối với đảng viên	580	600	457	854	86	
5	Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng						
-	Đối với TCD	0	0	0	0	0	
-	Đối với đảng viên	1	0	3	1	0	
6	Giải quyết đơn thư tố cáo	0	0	0	0	0	
7	Xác minh tài sản, thu nhập của đảng viên	0	0	224	303	24	
IV	Công tác PCTNLPTC						
1	Kiểm tra, giám sát công tác PCTNLPTC						
-	Cấp sở, ngành	01	01	06	02	0	
-	Cấp huyện	01	0	02	0	0	
2	Số vụ việc, vụ án Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo PCTNLPTC theo dõi, chỉ đạo	01	15	06	05	01	
3	Số vụ việc, vụ án Ban Nội chính Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc	03	17	12	10	05	
4	Số đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi đến Thường trực Tỉnh ủy và Ban Nội chính Tỉnh ủy được xử lý	301	470	349	343	29	

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
5	Số vụ việc/đối tượng tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát	0	02/02	01/01	01/01	0	
V	MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội						
1	Số lượng đoàn viên, hội viên	1.982.468	2.027.961	2.074.792	2.131.334	1.907.867	
2	Số lượng đoàn viên, hội viên kết nạp mới hằng năm	66.847	95.162	113.757	96.765	38.474	
3	Số mô hình, giải pháp tiêu biểu mới trong thực hiện phong trào thi đua yêu nước	3.633	3.398	3.407	3.492	3.484	
4	Số cuộc giám sát, phản biện xã hội	1.702	3.046	3.017	2.320	1.146	

Nguồn: Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030

Phụ lục 7

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2025 - 2030

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu Đại hội
	<i>Về kinh tế:</i>		
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026-2030	%	11-12
2	GRDP bình quân đầu người	USD	8.700-9.200
3	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	10
4	Tỉ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP giai đoạn 2025 - 2030	%	35-40
5	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) giai đoạn 2026-2030	-	3,0-3,5
6	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	45
7	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2026-2030	Tỷ USD	1.090
8	Thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030	Tỷ đồng	375.700
-	Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030	Tỷ đồng	279.000
9	Tỉ lệ đô thị hóa	%	65
10	Tỉ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	25
	<i>Về xã hội:</i>		
11	Chỉ số phát triển con người (HDI)	-	0,8
12	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	75,5
13	Thu nhập bình quân đầu người/tháng	Triệu đồng	7,84

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu Đại hội
14	Đến hết năm 2027, toàn tỉnh không còn hộ nghèo (<i>theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025</i>)	%	0
15	Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	%	55
16	Số giường bệnh bình quân 10.000 dân	Giường	40
-	Số bác sĩ bình quân 10.000 dân	Người	19
17	Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo	%	90
-	Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	42
-	Lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	90
	<i>Về môi trường:</i>		
18	Tỉ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn	%	96,4
-	Thành thị	%	100
-	Nông thôn	%	93,8
19	Tỉ lệ chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý theo quy định	%	100
-	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	98,5
20	Tỉ lệ các khu, cụm công nghiệp trước khi đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung	%	100
-	Điểm, khu vực ô nhiễm môi trường gây bức xúc trong khu dân cư và cộng đồng, đặc biệt ở các làng nghề		0

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu Đại hội
21	Tỉ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	98
22	Tỉ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả)	%	30,65
	<i>Về an ninh:</i>		
23	Tỉ lệ xã, phường không có ma túy	%	50
	<i>Về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị:</i>		
24	Tỉ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm	%	90
-	Tỉ lệ đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm	%	90
25	Tỉ lệ cơ quan, chính quyền cơ sở hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hằng năm	%	85
-	Tỉ lệ tổ chức cơ sở của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm	%	85
-	Tỉ lệ tổ chức công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm	%	70
26	Tỉ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm trong giai đoạn 2025 - 2030 trên tổng số đảng viên	%	3

Nguồn: Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030

Phụ lục 8
MỘT SỐ NGHỊ QUYẾT, CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA TỈNH
ỦY BẮC NINH VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH TỪ 2015 ĐẾN NAY

Stt	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
1	01-NQ/TU	24/9/2015	Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020
2	09-NQ/TU	11/4/2017	Về đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ tỉnh Bắc Ninh theo hướng văn minh, hiện đại đến năm 2025
3	14-NQ/TU	25/01/2018	Về phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
4	15-NQ/TU	27/4/2018	Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
5	16-NQ/TU	04/01/2019	Về bảo đảm một số chính sách an sinh xã hội cơ bản và nhu cầu dịch vụ xã hội thiết đối với người lao động trong các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh
6	55-NQ/TU	29/3/2022	Về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2030
7	52-NQ/TU	18/3/2022	Về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
8	57-Ctr/TU	06/7/2023	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp

Phụ lục 9

**MỘT SỐ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
BẮC NINH VỀ CÁC LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP,
CỤM CÔNG NGHIỆP, ĐẦU TƯ CÔNG CHO CÁC CÔNG TRÌNH
TRỌNG ĐIỂM VÀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
TỪ 2008 ĐẾN NAY**

Stt	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
1	107/2008/NQ-HĐND16	11/4/2008	Về ưu đãi đầu tư đối với Dự án Samsung Electronics Vietnam của Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam tại Khu Công nghiệp Yên phong
2	75/2013/NQ-HĐND17	23/4/2013	Về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
3	76/2013/NQ-HĐND17	23/4/2013	Về mục tiêu và giải pháp phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đến năm 2015
4	Số:140/NQ-HĐND	10/7/2014	Về hỗ trợ ngân sách xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Yên Phong I nhằm hỗ trợ đầu tư đối với dự án của Công ty Samsung Display
5	142/2014/NQ-HĐND17	10/7/2014	Quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
6	223/2016/NQ-HĐND	14/4/2016	Về hỗ trợ Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam thực hiện Dự án Module 3

			tại Khu Công nghiệp Yên phong, Bắc Ninh
7	220/2016/NQ-HĐND 17	14/4/2016	Về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
8	75/2017/NQ-HĐND	07/12/2017	Về Ban hành Quy định hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
9	86/2017/NQ-HĐND	08/12/2017	Về Phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2018 tỉnh Bắc Ninh
10	131/NQ-HĐND	03/10/2018	Về Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm B và nhóm C trọng điểm
11	206/NQ-HĐND	29/10/2019	Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2016-2020
12	14/2020/NQ-HĐND	11/12/2020	Ban hành chính sách hỗ trợ mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2020 - 2025
13	01/2021/NQ-HĐND	12/4/2021	Quy định về xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực
14	12/2021/NQ-HĐND	08/12/2021	Quy định nội dung và mức chi thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Ninh.
15	02/2022/NQ-	30/3/2022	Quy định một số chính sách đầu tư, hỗ

	HĐND		trợ xử lý ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
16	14/2023/NQ-HĐND	05/10/2023	Quy định hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030.
17	01/2025/NQ-HĐND	17/01/2025	Quy định chính sách hỗ trợ chấm dứt sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp tại các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại phường Phong Khê - thành phố Bắc Ninh, xã Văn Môn - huyện Yên Phong, xã Phú Lâm - huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh cũ

Phụ lục 10

**MỘT SỐ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC
NINH MỚI LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP, ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ
KINH DOANH**

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Tên gọi/Trích yếu nội dung văn bản
1	37/2025/NQ- HĐND	10/10/2025	Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
2	39/2025/NQ- HĐND	10/10/2025	Quy định tiêu chí để quyết định thực hiện đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
3	58/2025/NQ- HĐND	12/11/2025	Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
4	92/2025/NQ- HĐND	10/12/2025	Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
5	109/2025/NQ- HĐND	10/12/2025	Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026 - 2030.

6	113/2025/NQ-HĐND	10/12/2025	Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo nhân lực phục vụ công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2025 - 2030.
7	127/2025/NQ-HĐND	26/12/2025	Quy định hỗ trợ về phát triển nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030.
8	128/2025/NQ-HĐND	26/12/2025	Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất và quyết định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

(Kèm theo Công văn số:27/HĐND-CTHĐND ngày 14/01/2026 của Thường trực HĐND tỉnh)

Phụ lục 11

**MỘT SỐ QUYẾT ĐỊNH, CHỈ THỊ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
BẮC NINH VỀ CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP DOANH
NGHIỆP, ĐẦU TƯ CÔNG, ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH,
THU HÚT ĐẦU TƯ TỪ 2021 ĐẾN NAY**

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Tên gọi/Trích yếu nội dung văn bản
1	67/QĐ-UBND	26/02/2021	Phê duyệt bổ sung Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
2	110/QĐ-UBND	30/3/2021	Về việc thành lập cụm công nghiệp Cao Đức - Vạn Ninh
3	115/QĐ-UBND	02/4/2021	Về việc thành lập cụm công nghiệp Lâm Bình
4	550/QĐ-UBND	21/12/2021	Về việc ban hành Định mức xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh
5	295/QĐ-UBND	31/8/2021	Về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025
6	10/CT-UBND	20/9/2021	Về tăng cường công tác quản lý nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
7	191/QĐ-UBND	14/4/2022	Về việc phê duyệt danh mục dự án thu hút đầu tư tỉnh Bắc Ninh năm 2022, định hướng năm 2025 (đợt 1)

8	963/QĐ- UBND	04/6/2025	Về việc thực hiện Dự án bồi dưỡng, hỗ trợ, tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng (đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh)
9	502/QĐ- UBND	19/6/2025	Về việc thành lập cụm công nghiệp Tam Đa – Dũng Liệt 2
10	503/QĐ- UBND	19/6/2025	Về việc thành lập cụm công nghiệp Lạc Vệ
11	504/QĐ- UBND	19/6/2025	Về việc thành lập cụm công nghiệp Phù Lãng

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp

Phụ lục 12

DANH SÁCH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

STT	TÊN KCN	Diện tích được phê duyệt (ha)	Tên dự án HTKCN	Stt các dự án HTKT KCN	DIỆN TÍCH QUY HOẠCH XÂY DỰNG KCN THỰC TẾ ĐÃ THỰC HIỆN (HA)			
					Diện tích đất QH KCN (ha)	DT tăng so với QH của TTg (ha)	DT giảm so với QH của TTg (ha)	DT đất CN cho thuê theo QH (ha)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	KCN Tiên Sơn	402.00	KCN Tiên Sơn (134,76ha)	1	332.05	0.81	0.00	250.26
			KCN Tiên Sơn mở rộng (197,29ha)	2				
			Phân khu Tân Hồng - Hoàn Sơn	3	70.34	0.00	0.00	57.24
2	KCN Đại Đồng - Hoàn sơn	368.00	KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn (giai đoạn 1)	4	286.82	0.00	0.00	202.67
			KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn (giai đoạn 2)	5	95.81	14.63	0.00	68.35
3	KCN Yên	665.00	KCN Yên Phong	6	344.56	0.00	0.00	255.70

	Phong		KCN Yên Phong Mở rộng	7	313.90	0.00	6.54	222.53
4	KCN VSIP	500.00	KCN VSIP	8	485.00	0.00	5.00	344.31
5	KCN Quế Võ	610.00	KCN Quế Võ	9	313.34	0.85	0.00	249.41
			KCN Quế Võ mở rộng	10	297.51			229.10
6	KCN Quế Võ II	547.00	KCN Quế Võ II (giai đoạn 1)	11	269.48	0.00	0.00	188.17
			KCN Quế Võ II (giai đoạn 2)	12	277.64	0.12	0.00	194.05
7	KCN Quế Võ III	524.00	KCN Quế Võ III (giai đoạn 1)	13	281.51	0.00	0.00	203.93
			KCN Quế Võ III (giai đoạn 2)	14	208.54	0.00	33.95	136.28
8	KCN Thuận Thành III	636.00	KCN Thuận Thành III, Khai Sơn	15	140.00	0.00	0.00	105.38
			KCN Thuận Thành III, Phân khu B	16	300.04	0.00	0.00	195.70
			KCN Thuận Thành III - Phân khu C	17	196.00	0.00	0.00	135.00
9	KCN Hanaka	54.00	KCN Hanaka	18	55.29	1.29	0.00	34.09
10	KCN Thuận Thành II	252.00	KCN Thuận Thành II	19	252.00	0.00	0.00	170.03
11	KCN Yên Phong II	655.00	KCN Yên Phong II – A	20	151.27	0.00	0.00	83.20
			KCN Yên Phong II - B (VSIP 2)	21	282.67	0.00	0.00	188.78
			KCN Yên Phong II – C	22	219.22	0.00	1.84	140.79
12	KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh	300.00	KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh	23	300.00	0.00	0.00	204.13

13	KCN Gia Bình	306.00	KCN Gia Bình	24	306.69	0.69	0.00	183.79
14	KCN Gia Bình II	250.00	KCN Gia Bình II	25	250.00	0.00	0.00	167.23
15	KCN Thuận Thành I	250.00	KCN Thuận Thành I	26	249.75	0.00	0.25	181.17
16	KCN An Việt - Quế Võ 6	78.68	KCN An Việt - Quế Võ 6	27	78.68	0.00	0.00	54.00

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp

Phụ lục 13**KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH BẮC NINH ĐẾN NĂM 2025**

Stt	Nội dung	Số dự án	Số vốn (triệu USD)
1	Cấp mới	383	1.961,0
2	Điều chỉnh	285	3.700,8
3	Tổng	468	5.661,8

Nguồn: Báo cáo số 05/BC-UBND, ngày 21/01/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh về Tình hình kinh tế - xã hội năm 2025, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

Phục lục 14
SỐ LIỆU CHẠY TẦN SUẤT

- Số phiếu phát ra: 216
- Số phiếu thu về: 216
- Số phiếu hợp lệ: 216
- Số phiếu không hợp lệ: 0

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Nhóm tuổi:

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Dưới 35 tuổi	12	5,6
Từ 35 đến dưới 60 tuổi	204	94,4
Trên 60 tuổi	0	0
Tổng	216	100

Giới tính:

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nam	126	58,3
Nữ	90	41,7
Tổng	216	

Trình độ học vấn:

Trình độ học vấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đại học	54	25,0
Sau đại học	162	75,0
Tổng	216	100,0

Trình độ lý luận:

Trình độ lý luận	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Sơ cấp	3	1,4
Trung cấp	57	26,4
Cao cấp	156	72,2
Tổng	216	100%

Đơn vị công tác:

Đơn vị công tác	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan Đảng	90	41,7
Lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan Chính quyền	99	45,8
Lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan MTTQ và các tổ chức CT-XH	27	12,5
Tổng	216	100,0

II. NỘI DUNG

A. ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH BẮC NINH

Câu 1. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về thực trạng đẩy mạnh CNH, HĐH ở Bắc Ninh hiện nay?

Nội dung	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Chưa tốt		Chưa thực hiện được	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Chuyển đổi mọi hoạt động kinh tế và kinh tế - xã hội của tỉnh đồng bộ từ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ đến quản lý nhà nước, giáo dục, y tế, văn hóa, và các lĩnh vực khác.	111	51,4	102	47,2	3	1,4	0	0	0	0
2. Phát triển lực lượng sản xuất, chuyển từ nền sản xuất nhỏ thành nền sản xuất lớn, hiện đại; đầu tư, trang bị, xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	93	43,1	117	54,2	6	2,8	0	0	0	0
3. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả: chuyển dịch, phát triển từ cơ cấu kinh tế nông nghiệp lên cơ cấu kinh tế công, nông nghiệp và dịch vụ hiện đại.	96	44,4	117	54,2	3	1,4	0	0	0	0

Nội dung	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Chưa tốt		Chưa thực hiện được	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
4. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển tri thức.	99	45,8	108	50,0	9	4,2	0	0	0	0
5. Thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, hướng tới sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.	90	41,7	108	50,0	18	8,3	0	0	0	0
6. Giải quyết các vấn đề xã hội, ô nhiễm môi trường, nâng cao mức sống của người dân.	57	26,4	135	62,5	24	11,1	0	0	0	0
7. Phát triển đời sống văn hóa, tinh thần; xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hiến đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.	111	51,4	102	47,2	3	1,4	0	0	0	0
Ý kiến khác: Chuyển đổi mọi hoạt động kinh tế và kinh tế - xã hội của tỉnh đồng bộ từ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ đến quản lý nhà nước, giáo dục, y tế, văn hóa, và các lĩnh vực khác" chưa rõ chuyển đổi sang cái gì?										

Câu 2. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ đạt được của các công việc sau trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Bắc Ninh hiện nay?

Nội dung	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Chưa tốt		Chưa thực hiện được	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung sản xuất lớn thay thế các khu công nghiệp làng nghề truyền thống manh mún. Hình thành hệ thống khu công nghiệp tập trung hiện đại, phân bố không gian phát triển công nghiệp hợp lý, hiệu quả.	105	48,6	99	45,8	12	5,6	0	0	0	0
2. Thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư với nguồn vốn FDI cao.	156	72,2	57	26,4	3	1,4	0	0	0	0
3. Có nhiều ngành công nghiệp công nghệ cao được đầu tư phát triển gắn với các ngành công nghiệp phụ trợ như công nghệ bán dẫn,...	93	43,1	111	51,4	12	5,6	0	0	0	0
4. Giải quyết được số lượng lớn lao động	84	38,9	129	59,7	3	1,4	0	0	0	

và việc làm; nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao; thúc đẩy các dịch vụ phát triển.										0
Nội dung	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Chưa tốt		Chưa thực hiện được	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
5. Hoàn thiện và tạo đột phá về thể chế, cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, khuyến khích đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	93	43,1	111	51,4	12	5,6	0	0	0	0
6. CNH, HĐH ở Bắc Ninh gắn với đẩy mạnh phát triển CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nhằm xây dựng Bắc Ninh văn minh, giàu bản sắc văn hiến, anh hùng	93	43,1	117	54,2	6	2,8	0	0	0	0

Câu 3. Theo đồng chí, những biện pháp nào cần được coi là trọng tâm để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Bắc Ninh hiện nay?

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Rà soát và lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, trong đó có quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	180	83,3
2	Đẩy mạnh đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng	153	70,8
3	Thực hiện cải cách hành chính và các chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Bắc Ninh	159	73,6
4	Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao	150	69,4
5	Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất	150	69,4
6	Ý kiến khác: Phát triển các khu CN, cụm CN cần đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường bao gồm (nước, không khí, tiếng ồn)	3	1,4

B. TỈNH ỦY BẮC NINH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HIỆN NAY

Câu 4. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ đạt được trong thực hiện nội dung Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh hiện nay?

Nội dung	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Chưa tốt		Chưa thực hiện được	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Lãnh đạo phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.	105	48,6	35	48,6	6	2,8	0	0	0	0
2. Lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc; chính quyền tỉnh, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.	75	34,7	135	62,5	6	2,8	0	0	0	0
3. Lãnh đạo xây dựng kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên	60	27,8	141	65,3	15	6,9	0	0	0	0

[illegible]

Câu 5: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ phù hợp về phương hướng, nhiệm vụ của Tỉnh uỷ xác định về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn?

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Không phù hợp	0	0
2	Phù hợp một phần nhỏ	0	0
3	Phù hợp phần lớn	23	31,9
4	Hoàn toàn phù hợp	49	68,1
	Tổng	216	100,0

Câu 6: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung *Tỉnh uỷ Bắc Ninh* lãnh đạo việc phối hợp, huy động các lực lượng, các nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh?

Nội dung	Rất đồng ý		Đồng ý		Bình thường		Không đồng ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Các cơ quan, tổ chức phối hợp rất tốt trong thực hiện các nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH	78	36,1	129	59,7	9	4,2	0	0
2. Các cơ quan, tổ chức còn thiếu cơ chế phối hợp trong thực hiện các nội dung đẩy mạnh CNH, HĐH	57	26,4	78	36,1	48	22,2	33	15,3

3. Các cơ quan, tổ chức còn gặp nhiều khó khăn trong thực hiện các nhiệm vụ có nhiều cơ quan, tổ chức cùng phối hợp thực hiện	57	26,4	96	44,4	42	19,4	21	9,7
4. Chưa có cơ chế chịu trách nhiệm rõ ràng đối với từng tập thể, cá nhân trong thực hiện các nhiệm vụ đẩy mạnh CNH, HĐH cần sự phối hợp.	54	25,0	96	44,4	27	12,5	39	18,1

Câu 7. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ đạt được trong thực hiện phương thức Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh hiện nay?

Nội dung	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Chưa tốt		Chưa thực hiện được	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Lãnh đạo bằng các nghị quyết, chương trình, chủ trương về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.	93	43,1	123	56,9	0	0	0	0	0	0
2. Lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động.	84	38,9	126	58,3	6	2,8	0	0	0	0

3. Lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác tổ chức, cán bộ.	60	27,8	132	61,1	24	11,1	0	0	0	0
4. Lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên.	72	33,3	126	58,3	15	6,9	3	1,4	0	0
5. Lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh bằng công tác kiểm tra, giám sát.	54	25,0	135	62,5	27	12,5	0	0	0	0

Câu 8: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ hiểu biết đối với các chủ trương, nghị quyết, chính sách của Tỉnh uỷ về đẩy mạnh CNH, HĐH?

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hoàn toàn không biết	0	0
2	Biết phần nhỏ	18	8,3
3	Biết phần lớn	120	55,6
4	Hiểu biết rõ	78	36,1

Câu 9: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình với những nhận định nào dưới đây về Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh bằng công tác tổ chức cán bộ?

Nội dung	Rất đồng ý		Đồng ý		Bình thường		Không đồng ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Tỉnh ủy lãnh đạo công tác tổ chức nhằm xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, chuyên nghiệp, thực sự của dân, do dân, vì dân đáp ứng yêu cầu thực tiễn đẩy mạnh CNH, HĐH	108	50,0	108	50,0	0	0	0	0
2. Tỉnh ủy lãnh đạo coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo thực hiện thắng lợi chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH	93	43,1	120	55,6	3	1,4	0	0
3. Tỉnh ủy thường xuyên lãnh đạo chọn và bố trí đúng các chức danh cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của HĐND, UBND các cấp	90	41,7	114	52,8	12	5,6	0	0
4. Một số tổ chức đảng, đảng viên chưa tích cực tham gia đóng góp ý kiến để Tỉnh ủy hoàn thiện các chủ trương, giải pháp của nghị quyết về đẩy mạnh CNH, HĐH	57	27,1	111	52,9	42	20,0	6	2,8

Câu 10: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình với những nhận định nào dưới đây về Tỉnh ủy Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HDH trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức đảng và đảng viên?

Nội dung	Rất đồng ý		Đồng ý		Bình thường		Không đồng ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Các tổ chức đảng trong các cơ quan trực tiếp giáo dục, rèn luyện, quản lý, kiểm tra giám sát đảng viên của mình về phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, làm nòng cốt trong triển khai thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy.	72	33,3	135	62,5	9	4,2	0	0
2. Cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc, gương mẫu chấp hành nghị quyết, văn bản của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HDH	78	36,1	129	59,7	9	4,2	0	0
3. Cán bộ, đảng viên chủ động tuyên truyền, thuyết phục, vận động cán bộ, đảng viên, đồng chí, đồng nghiệp, người thân và nhân dân thực hiện nghị quyết, văn bản của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HDH	69	31,1	138	63,9	9	4,2	0	0
4. Một số cán bộ, đảng viên chưa chấp hành chấp hành nghị quyết, văn bản Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HDH	60	27,8	84	38,9	42	19,4	30	13,9
5. Một số cán bộ, đảng viên lợi dụng vị trí công tác để trục lợi cho bản thân và gia đình khi thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến đẩy mạnh CNH, HDH	45	20,8	96	44,4	39	18,1	36	16,7
6. Một số cán bộ, đảng viên mắc sai phạm khi thực hiện nghị quyết, văn bản của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HDH	48	22,2	93	43,1	42	19,4	33	15,3

Câu 11: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình đối với các nhận định dưới đây về công tác kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy Bắc Ninh trong việc tổ chức thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh?

Nội dung	Rất đồng ý		Đồng ý		Bình thường		Không đồng ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Quá trình kiểm tra, giám sát, theo đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục.	72	33,3	138	63,9	6	2,8	0	0
2. Kế hoạch, nội dung kiểm tra, giám sát chi tiết, cụ thể, khả thi.	69	31,9	135	62,5	12	5,6	0	0
3. Có kỷ luật nghiêm minh, chính xác, kịp thời.	60	27,8	141	65,3	15	6,9	0	0
4. Hoạt động kiểm tra, giám sát của một số cấp uỷ, UBKT mang tính hình thức, đối phó.	51	23,6	90	41,7	42	19,4	33	15,3
5. Nhận thức của một số tổ chức đảng, đảng viên về mục đích, ý nghĩa, nội dung công tác kiểm tra, giám sát của Đảng chưa đầy đủ, đúng đắn.	48	22,2	111	51,4	33	15,3	24	11,1
6. Một số tổ chức đảng và đảng viên chưa tích cực, chủ động khi được kiểm tra.	48	22,2	108	50,0	48	22,2	12	5,6
7. Việc theo dõi, đôn đốc, giúp đỡ thực hiện kết luận, thông báo kết quả kiểm tra, giám sát của một số tổ chức còn hình thức.	51	23,6	96	44,4	51	23,6	18	8,3

Câu 12. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên nhân ưu điểm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh?

Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Quan điểm, chủ trương, đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh CNH, HĐH là cơ sở, căn cứ đặc biệt quan trọng để Tỉnh ủy Bắc Ninh xây dựng, ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận đúng đắn, khả thi, tạo thuận lợi căn bản để tổ chức thực hiện thắng lợi.	207	95,8	9	4,2	0	0
2. Tỉnh Bắc Ninh có nhiều điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, trình độ dân trí và truyền thống cách mạng, tạo nền tảng vững chắc cho công tác lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH của Tỉnh ủy Bắc Ninh đạt hiệu quả.	210	97,2	6	2,8	0	0
3. Những tỉnh ủy viên và phần lớn cán bộ trực tiếp làm công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý ở tỉnh nhận thức sâu sắc vai trò, trách nhiệm của mình đối với thắng lợi của việc tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH, tích cực học tập, nâng cao trình độ mọi, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.	198	91,7	12	5,6	6	2,8

Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
4. Cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh nhận thức sâu sắc, trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp CNH, HĐH của địa phương; tích cực vươn lên thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, tạo thuận lợi để tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH đạt hiệu quả.	198	91,7	15	6,9	3	1,4
5. Sự phối hợp giữa các tổ chức trong HTCT tỉnh trong tham gia, xây dựng, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về đẩy mạnh CNH, HĐH được tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nhìn chung chặt chẽ, đạt hiệu quả, góp phần quan trọng vào kết quả lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh.	198	91,7	18	8,3	0	0

Câu 13. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên nhân hạn chế sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Bắc Ninh lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn?

Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ có lúc việc hoạch định chiến lược còn chung chung, chưa đủ đột phá để giải quyết các điểm nghẽn phát triển.	153	70.8	42	19.4	21	9.7
2. Sự lãnh đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa được đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả; chất lượng thực hiện chức trách, nhiệm vụ của một số đảng viên còn hạn chế ảnh hưởng đáng kể đến kết quả lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.	177	81.9	33	15.3	6	2.8
3. Chưa phát huy hết vai trò tham mưu, đề xuất của các ban, ngành.	171	79.2	27	12.5	18	8.3
4. Một số cán bộ quản lý còn hạn chế về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, chưa nắm chắc các văn bản, quy định, nhất là trong lĩnh vực công nghệ, chuyển đổi số, quản lý dự án, dẫn đến việc tham mưu và thực thi nhiệm vụ CNH, HĐH còn yếu.	171	79.2	36	16.7	9	4.2

5. Vai trò của các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội và nhân dân địa phương trong tham gia vào sự lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh ủy có lúc chưa được phát huy mạnh mẽ; sự hướng dẫn của cấp trên, việc tạo thuận lợi của các cơ quan Trung ương đối với tỉnh ủy về lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH chưa thường xuyên.	177	81.9	27	12.5	12	5.6
6. Những biến động phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và mặt trái của kinh tế thị trường đã tác động tiêu cực đến công tác lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH.	186	84.9	21	9.6	12	5.5
7. Sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận công nghệ, thông tin và nguồn lực để đẩy mạnh CNH, HĐH.	195	90.3	21	9.7	0	0.0
8. Ý kiến khác: Do thời gian dành để sắp xếp, sáp nhập, tinh gọn bộ máy, ổn định tổ chức của các cơ quan, đơn vị trùng với thời điểm diễn ra đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn. Sau khi sáp nhập các xã, phường trên địa bàn của tỉnh có sự chênh lệch về trình độ tiếp cận CNTT, trình độ của cb, cc và cơ sở vật chất giữa các phường đồng bằng với các xã miền núi, nên phần nào cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ phát triển của địa phương						

Câu 14. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới?

Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Xây dựng các nghị quyết, chỉ thị chuyên đề về CNH, HĐH, bám sát thực tiễn của tỉnh và phù hợp với định hướng phát triển của quốc gia.	213	98.6	3	1.4	0	0.0
2. Tập trung vào việc ổn định tỉnh ủy, BTVTU, tổ chức bộ máy, cán bộ các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, UBND tỉnh sau sáp nhập tỉnh đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh ủy.	201	93.1	6	2.8	9	4.2
3. Tỉnh ủy coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn, ổn định tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH.	210	97.2	6	2.8	0	0.0
Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
4. Tỉnh ủy tăng cường sự lãnh đạo đối với các lĩnh vực then chốt: phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, hệ thống chính trị.	213	98.6	3	1.4	0	0.0
5. Tỉnh ủy tăng cường kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ đảng viên về thực hiện nghị quyết, quyết định, kết luận của tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH.	210	97.2	6	2.8	0	0.0
6. Ý kiến khác: Không	0	0	0	0	0	0.0

Câu 15. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về một số giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh uỷ Bắc Ninh đối với đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đến năm 2030?

Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho các tỉnh uỷ viên, các cấp uỷ đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên về sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Bắc Ninh đối với đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá	213	98.6	3	1.4	0	0.0
2. Đổi mới nội dung lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá phù hợp đặc điểm của tỉnh Bắc Ninh hiện nay	213	98.6	3	1.4	0	0.0
3. Xây dựng chế độ, quy chế lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát đối với việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá	210	97.2	6	2.8	0	0.0
4. Tăng cường lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nhân và phát triển nguồn nhân lực cho đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá	207	95.8	9	4.2	0	0.0
5. Lãnh đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; thu hút mạnh hơn nữa đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh	213	98.6	3	1.4	0	0.0

6. Tăng cường lãnh đạo sự phối hợp của các ban, ngành; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội và mọi nguồn lực, động lực để thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh	210	97.2	6	2.8	0	0.0
7. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh	213	98.6	3	1.4	0	0.0

Phục lục 15
SỐ LIỆU CHẠY TÀN SUẤT

- Số phiếu phát ra: 462 - Số phiếu thu về: 462
- Số phiếu hợp lệ: 462 - Số phiếu không hợp lệ: 0

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Nhóm tuổi:

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Dưới 35 tuổi	24	2,9
Từ 35 đến dưới 60 tuổi	438	97,1
Trên 60 tuổi	0	0,0
Tổng	462	100

Giới tính:

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nam	220	47,6
Nữ	242	52,4
Tổng	462	100

Trình độ học vấn:

Trình độ học vấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
THPT	2	0,4
Trung cấp	0	0,0
Đại học	270	58,4
Sau đại học	190	41,1
Tổng	462	100

Thâm niên sinh sống/làm việc tại tỉnh:

Thâm niên sinh sống/làm việc tại tỉnh:	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Dưới 5 năm	14	3,0
5 - 10 năm	62	13,4
10 - 20 năm	166	35,9
Trên 20 năm	220	47,6
Tổng	462	100

II. NỘI DUNG

A. ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH BẮC NINH

Câu 1. Xin Đồng chí/ông, bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về thực trạng đẩy mạnh CNH, HĐH ở Bắc Ninh hiện nay?

Nội dung	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Chưa tốt		Chưa thực hiện được	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Chuyển đổi mọi hoạt động kinh tế và kinh tế - xã hội của tỉnh đồng bộ từ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ đến quản lý nhà nước, giáo dục, y tế, văn hóa, và các lĩnh vực khác.	126	27,3	298	64,5	32	6,9	6	1,3	0	0,0
2. Phát triển lực lượng sản xuất, chuyển từ nền sản xuất nhỏ thành nền sản xuất lớn, hiện đại; đầu tư, trang bị, xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	132	28,2	292	62,4	38	8,1	6	1,3	0	0,0
3. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả: chuyển dịch, phát triển từ cơ cấu kinh tế nông nghiệp lên cơ cấu kinh tế công, nông nghiệp và dịch vụ hiện đại.	134	28,9	288	62,1	40	8,6	2	0,4	0	0,0
4. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn	130	28	284	61,2	46	9,9	4	0,9	0	0,0

[illegible]

Câu 2. Xin Đồng chí/ông, bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ đạt được của các công việc sau trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Bắc Ninh hiện nay?

Nội dung	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Chưa tốt		Chưa thực hiện được	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung sản xuất lớn thay thế các khu công nghiệp làng nghề truyền thống manh mún. Hình thành hệ thống khu công nghiệp tập trung hiện đại, phân bố không gian phát triển công nghiệp hợp lý, hiệu quả.	136	29,3	284	61,2	38	8,2	6	1,3	0	0,0
2. Thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư với nguồn vốn FDI cao.	192	41,4	250	53,9	20	4,3	2	0,4	0	0,0
3. Có nhiều ngành công nghiệp công nghệ cao được đầu tư phát triển gắn với các ngành công nghiệp phụ trợ như công nghệ bán dẫn,...	142	30,7	268	58	42	9,1	10	2,2	0	0,0
4. Giải quyết được số lượng lớn lao động và	140	30,2	268	57,8	50	10,8	6	1,3	0	0,0

việc làm; nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao; thúc đẩy các dịch vụ phát triển.										
5. Hoàn thiện và tạo đột phá về thể chế, cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, khuyến khích đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	122	26,4	278	60,2	56	12,1	6	1,3	0	0,0
6. CNH, HĐH ở Bắc Ninh gắn với đẩy mạnh phát triển CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nhằm xây dựng Bắc Ninh văn minh, giàu bản sắc văn hiến, anh hùng	142	30,7	266	57,6	46	10	8	1,7	0	0,0
Ý kiến khác: Không										

Câu 3. Theo Đồng chí/ông, bà những biện pháp nào cần được coi là trọng tâm để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Bắc Ninh hiện nay? (Có thể lựa chọn nhiều đáp án).

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Rà soát và lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, trong đó có quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	380	82,3
2. Đẩy mạnh đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng.	354	76,6
3. Thực hiện cải cách hành chính và các chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Bắc Ninh.	358	77,5
4. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	324	70,1
5. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất.	320	69,3
6. Ý kiến khác: Quy hoạch vùng SX NN chất lượng cao một cách khoa học, phát triển lợi thế thổ nhưỡng của vùng đó.	6	1,3

B. TỈNH ỦY BẮC NINH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HIỆN NAY

Câu 4: Xin Đồng chí/ông, bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về tầm quan trọng của Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện nay?

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Đặc biệt quan trọng	330	71,4
2. Quan trọng	128	27,7
3. Bình thường	4	0,9
4. Không quan trọng	0	0
Tổng	462	100

Câu 5: Xin Đồng chí/ông, bà vui lòng cho biết mức độ hiểu biết về chủ trương, nghị quyết, chính sách của tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH?

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Hoàn toàn không biết	6	1,3
2. Biết một phần nhỏ	226	48,9
3. Biết phần lớn	150	32,5
4. Hiểu biết rõ	80	17,3
Tổng	462	100

Câu 6. Xin Đồng chí/ông, bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy về quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Bắc Ninh hiện nay?

Nội dung	Rất đồng ý		Đồng ý		Bình thường		Không đồng ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Tỉnh ủy đã ban hành các chủ trương, nghị quyết về CNH, HĐH phù hợp với thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh.	156	33,8	292	63,2	14	3	0	0,0
2. Tỉnh ủy đã có những định hướng chiến lược rõ ràng, có tầm nhìn xa để thúc đẩy CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh.	154	33,3	278	60,2	30	6,5	0	0,0
3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy đã quyết liệt, kịp thời trong việc triển khai các chủ trương, chính sách về CNH, HĐH.	150	32,5	282	61	30	6,5	0	0,0
4. Tỉnh ủy đã quan tâm chỉ đạo việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.	154	33,2	286	61,6	24	5,2	0	0,0
5. Tỉnh ủy đã lãnh đạo tốt công tác quy hoạch, phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số phục vụ CNH, HĐH.	140	30,3	300	64,9	22	4,8	0	0,0

Nội dung	Rất đồng ý		Đồng ý		Bình thường		Không đồng ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
6. Tỉnh ủy đã có những chủ trương, chính sách hiệu quả để thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao.	164	35,5	270	58,4	28	6,1	0	0,0
7. Tỉnh ủy đã chú trọng lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH.	138	29,9	296	64,1	28	6,1	0	0,0
8. Tỉnh ủy đã lãnh đạo việc phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên trong việc tham gia, đóng góp vào quá trình CNH, HĐH.	128	27,7	300	64,9	34	7,4	0	0,0
9. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy đối với việc triển khai CNH, HĐH được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả.	126	27,3	312	67,5	34	5,2	0	0,0
10. Tỉnh ủy đã tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến, giám sát quá trình thực hiện CNH, HĐH.	134	29,0	282	61,0	46	10,0	0	0,0

Câu 7. Xin Đồng chí/ông, bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thành công trong thực hiện nội dung lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh về đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh?

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Không thành công	6	1,3
2. Ít thành công	6	1,3
3. Bình thường	64	13,9
4. Thành công	386	83,5
Tổng	462	100

Câu 8. Đồng chí/ông, bà đánh giá thế nào về vai trò của đảng viên trong việc nêu gương, tiên phong thực hiện các nhiệm vụ, sáng kiến về CNH, HĐH; tích cực tham gia vào việc học tập, ứng dụng công nghệ mới, đổi mới phương thức làm việc để thúc đẩy CNH, HĐH.

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Rất tích cực	120	26,0
2. Tích cực	272	58,9
3. Bình thường	60	13,0
4. Hạn chế	10	2,1
5. Không rõ	0	0
Tổng	462	100

Câu 9: Xin Đồng chí/ông, bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về nhân dân (người dân, doanh nghiệp) đã được tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận và hưởng lợi từ quá trình CNH, HĐH của tỉnh chưa?

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Rất thuận lợi	80	17,3
2. Thuận lợi	302	65,4
3. Bình thường	72	15,6
4. Khó khăn	8	1,7
5. Rất khó khăn	0	0
Tổng	462	100

Câu 10: Theo Đồng chí/ông, bà những thay đổi tích cực nhất mà đồng chí/ông, bà thấy từ CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh là gì?

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Việc làm tăng	58	12,6
2. Hạ tầng phát triển	138	29,9
3. Đời sống nâng cao	178	38,5
4. Chuyển dịch cơ cấu lao động	88	19,0
5. Khác: Không	0	0,0
Tổng	462	100

Câu 11: Theo Đồng chí/ông, bà những hạn chế nổi bật mà đồng chí/ ông bà thấy từ CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh là gì?

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Ô nhiễm môi trường	284	61,5
2. Bất bình đẳng thu nhập	48	10,4
3. Chưa chú trọng phát triển bền vững	118	25,5
4. Khác: - Ô nhiễm môi trường cùng với những vấn đề xã hội nảy sinh phức tạp hơn (do số lượng ng LĐ về tỉnh BN làm việc nhiều dẫn tới các tệ nạn xh như: ma túy, mại dâm, giết ng cướp của, trộm cắp...nhiều gây mất ổn định trật tự, an toàn XH) - Cần phát huy mọi tiềm lực tối ưu - Vấn đề ô nhiễm không khí, xả thải hiện nay cần phải xử lý - Tệ nạn xã hội phát sinh	12	2,6

Câu 12: Theo Đồng chí/ông, bà đâu là những hạn chế chính trong sự lãnh đạo của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CNH, HĐH mà cần khắc phục trong thời gian tới? (Đồng chí/ông, bà có thể chọn nhiều đáp án hoặc bổ sung ý kiến)

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Thiếu quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành	78	16,9
2	Thiếu tầm nhìn chiến lược dài hạn, cụ thể	106	22,9
3	Công tác kiểm tra, giám sát chưa hiệu quả	208	45,0

4	Cán bộ, đảng viên còn hạn chế về năng lực, trình độ	182	39,4
5	Thiếu cơ chế, chính sách thu hút đầu tư công nghệ cao	166	35,9
6	Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số còn yếu kém	188	40,7
7	Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn hạn chế	236	51,1
8	Vai trò của đảng viên, nhân dân chưa được phát huy đầy đủ	180	39,0
9	Các nguyên nhân khác (ghi rõ):	4	0,9

Câu 13. Đồng chí/ông, bà có ý kiến gì khác để tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy Bắc Ninh trong đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh thời gian tới?

– Đẩy mạnh CNH, HĐH trên địa bàn Tỉnh vẫn cần phải quan tâm đến An sinh xã hội cho nhân dân.

– Để tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Ninh trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) thời gian tới, theo tôi cần tập trung vào một số nội dung trọng tâm sau: Thứ nhất, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ tỉnh. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo CNH, HĐH trong điều kiện hội nhập và chuyển đổi số. Gắn công tác xây dựng Đảng với phòng chống tham nhũng, tiêu cực, củng cố niềm tin của nhân dân. Thứ hai, định hướng phát triển kinh tế bền vững, chuyển từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu. Bên cạnh thu hút FDI, cần chú trọng phát triển doanh nghiệp trong nước, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao và nông thôn mới kiểu mẫu. Thứ ba, phát triển hạ tầng, đô thị và môi trường sống. Bắc Ninh đang phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, vì vậy phải lãnh đạo chặt chẽ công tác quy hoạch, xây dựng hạ tầng đồng bộ, xử lý tốt ô nhiễm môi trường, đặc biệt là tại các khu công nghiệp, làng nghề. Thứ tư, quan tâm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn doanh nghiệp, đồng thời có chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài. Thứ năm, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, kết hợp phát triển kinh tế với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Kinh Bắc, gắn CNH, HĐH với giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Cuối cùng, Tỉnh ủy cần đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ và chuyển đổi số, để Bắc Ninh sớm trở thành địa phương đi đầu về chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

– Cần đầu tư hạ tầng và phân bổ quy hoạch các điểm các khu công nghiệp và thu hút đầu tư hoặc các công trình dự án về các địa phương miền núi kinh tế phát triển kém

– Chú trọng nâng cao vai trò của Đảng viên trong công tác tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng và của Tỉnh

- Cần phải mở rộng thêm các cụm công nghiệp lên các xã thuộc khu vực Sơn Động cũ để tạo việc làm cho bà con vùng cao.
- Hoàn toàn đồng ý với mọi chủ trương, lãnh chỉ đạo của tỉnh uỷ Bắc Ninh.
- Cần thu hút chính sách đầu tư công nghệ cao, trú trọng phát triển bền vững
- Phối kết hợp giữa các cơ quan, đơn vị kịp thời để phục vụ nhân dân, doanh nghiệp tốt hơn.
- Quan tâm cán bộ công chức, viên chức, người lao động.
- Chú trọng phát triển bền vững: Đảm bảo hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.
- Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao thay vì xây dựng thêm các khu công nghiệp.
- Cần đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát thực hiện CNH, HĐH. Đánh giá kết quả thực hiện để đưa ra giải pháp khắc phục hạn chế còn tồn tại. Cần đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường và An ninh trật tự!
- Phát triển CNH, HĐH ở vùng kinh tế trọng điểm, thuận lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, giao thương thuận lợi sẽ làm tăng sức hút với các nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó đem lại GDP cao cho toàn tỉnh.
- Cần tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh uỷ trong việc đẩy mạnh CNH, HĐH trên toàn tỉnh, ban hành các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp phát triển tại địa phương, có chính sách rõ ràng cụ thể về bảo vệ môi trường.
- Tại môi trường cạnh tranh lành mạnh, đầu tư công nghệ cao, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong đó trú trọng hơn nữa đến y tế và giáo dục để có được chất lượng về thể chất và trí tuệ của chính người dân Bắc Ninh để xây dựng quê hương.
- Có giải pháp Mở rộng giao thông trong các khu dân cư tại khu công nghiệp...
- Cần tập trung vào chuyển đổi số làm nền tảng, phát triển đô thị, dịch vụ để sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030, củng cố hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, và huy động nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu chiến lược.

- Tích cực lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu mới về công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số, xã hội số.
- Cải cách thủ tục hành chính.
- Có hướng xử lý rác thải cùng với công tác đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa.
- Quyết liệt hơn nữa trong chỉ đạo điều hành, tăng cường công tác kiểm tra giám sát và đồng thời đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số.
- Khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong thành niên, doanh nghiệp địa phương.
- Phát huy tính đảng trong quá trình lãnh đạo của Tỉnh ủy với đẩy mạnh CNH, HĐH; tăng cường nhận thức về CNH, HĐH với toàn hệ thống chính trị; tầm nhìn xa trong xây dựng chính sách phát triển, loại bỏ tư duy nhiệm kỳ.
- Đề nghị tỉnh ủy cần xây dựng, ban hành chính sách để huy động toàn bộ nhân dân trong đẩy mạnh CNH, HĐH.
- Hiện nay tỉnh vẫn còn dư địa để phát triển khu công nghiệp. Tuy nhiên cần có tầm nhìn chiến lược dài hạn khi tỉnh hết dư địa phát triển thì phải đánh giá đến đời sống kinh tế xã hội của người dân.
- Chú trọng trong công tác giám sát. Hoạch định ra chiến lược phát triển bền vững. Tìm đầu ra cho hàng nông sản ổn định.
- Quyết liệt điều hành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện CNH, HĐH
- Tỉnh ủy cần nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo. Cải cách hành chính. Phát triển nguồn nhân lực . Thu hút đầu tư.
- Quan tâm hơn trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, Đồng bộ các giải pháp trong phát triển bền vững.
- Cần thu hút người tài !
- 1. Tăng cường định hướng chiến lược. 2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. 3. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. 4. Kết hợp chặt chẽ CNH, HĐH với phát triển đô thị và nông thôn mới. 5. Tăng cường quốc phòng – an ninh, bảo đảm an sinh xã hội.